

**SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.**

## BẢN CÁO BẠCH



# AGRIBANK

**NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM**

*(Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại số 24/GP-NHNN ngày 26/5/2021 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp và Quyết định số 83/QĐ-QLGS2 ngày 30/06/2026 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam)*

## NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU

## TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

*(Quyết định đăng ký niêm yết số ...../SGD - QĐ do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày .....tháng ..... năm 2026)*

**Bản cáo bạch này và các phụ lục sẽ được cung cấp từ ngày ...../...../2026 tại:**

**Tổ Chức Đăng Ký niêm yết**

---

**NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM**

---

**Địa chỉ :** Số 2 Láng Hạ, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Điện thoại :** 024. 3772 2773

**Website :** [www.agribank.com.vn](http://www.agribank.com.vn)

**Tổ Chức Tư vấn niêm yết**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AGRIBANK**

**Địa chỉ :** Tầng 5, Tòa nhà Green Diamond, số 93 Láng Hạ, Phường Đồng Đa, Thành phố Hà Nội

**Điện thoại :** 024. 6276 2666

**Website :** [agriseco.com.vn](http://agriseco.com.vn)

**PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN**

**Họ tên :** Phùng Thị Bình

**Chức vụ :** Phó Tổng Giám đốc

**Điện thoại :** 024. 37722773

**- Fax:** 024.38314069

*(Handwritten signatures and stamps)*



**NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM**

(Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại số 24/GP-NHNN ngày 26/5/2021 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp và Quyết định số 83/QĐ-QLGS2 ngày 30/06/2026 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam)

**NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU TRÊN SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

|                                                          |                                                                                                                                                                                                     |
|----------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| - Tên Trái Phiếu                                         | : Trái Phiếu Agribank phát hành ra công chúng năm 2026                                                                                                                                              |
| - Loại Trái Phiếu                                        | : Là Trái Phiếu không chuyển đổi, không được đảm bảo bằng tài sản của Agribank, không kèm chứng quyền, thỏa mãn các điều kiện để được tính vào vốn cấp 2 theo các quy định hiện hành của pháp luật. |
| - Mã Trái phiếu                                          | : VBAC12601                                                                                                                                                                                         |
| - Mệnh giá                                               | : 100.000 đồng/Trái Phiếu (Một trăm nghìn đồng/Trái Phiếu)                                                                                                                                          |
| - Tổng số lượng Trái Phiếu đăng ký niêm yết              | : 146.728.904 Trái Phiếu (Một trăm bốn mươi sáu triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn chín trăm linh tư trái phiếu)                                                                                     |
| - Tổng giá trị Trái Phiếu đăng ký niêm yết theo mệnh giá | : 14.672.890.400.000 đồng (Mười bốn nghìn sáu trăm bảy mươi hai tỷ tám trăm chín mươi triệu bốn trăm nghìn đồng)                                                                                    |
| - Lãi suất                                               | : Lãi suất là lãi suất thả nổi, được xác định theo công thức sau:<br><b>Lãi suất Trái phiếu = LSTC + biên độ</b><br>Quy định chi tiết về lãi suất được trình bày tại Khoản 9 Mục VI                 |
| - Kỳ hạn trái phiếu                                      | : 10 năm (Mười năm).                                                                                                                                                                                |
| - Ngày phát hành                                         | : 31/07/2026                                                                                                                                                                                        |
| - Ngày đáo hạn                                           | : 31/07/2036                                                                                                                                                                                        |

➤ **TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:**

**Công Ty TNHH KPMG**

- Trụ sở chính: Tầng 46, Tòa nhà Keangnam 72, E6 Phạm Hùng, phường Yên Hòa, Hà Nội
- Điện thoại: 024. 3946 1600 - Fax: 024. 3946 1601

*(Handwritten signatures and stamps)*

00681  
NGÂN  
HÀNG  
NÔNG  
THÔN  
VIỆT  
NAM  
TP. H

3.P.  
CÔ  
CÔ  
CHỦN  
AGF  
G.D.





**Công Ty TNHH Ernst & Young Việt Nam**

- Trụ sở chính: Số 2, Đường Hải Triều, Phường Sài Gòn, TP Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 028 3824 5252

➤ **TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT:**

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Agribank**

- Trụ sở chính: Tầng 5, Tòa nhà Green Diamond, số 93 Láng Hạ, Phường Đống Đa, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: 024. 6276 2666 - Fax: 024. 6276 5666

➤ **ĐẠI DIỆN NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU:**

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội**

- Địa chỉ: Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội, Số 41 Ngô Quyền, P.Cửa Nam, Hà Nội
- Điện thoại: (84) 24 38181888 - Fax: (84) 24 38181688

*[Handwritten signatures and initials]*

5124  
HÀ  
NGH  
T TH  
THC  
NAM  
A N

108  
NG  
PH  
G K  
IB/  
A -



## MỤC LỤC

### I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO

BẠCH ..... 1

1. Tổ Chức Đăng ký Niêm yết ..... 1

2. Tổ chức tư vấn ..... 1

### II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ..... 2

1. Rủi ro về kinh tế ..... 2

2. Rủi ro về luật pháp ..... 3

3. Rủi ro đặc thù ..... 4

4. Rủi ro quản trị công ty ..... 11

5. Rủi ro khác ..... 11

### III. CÁC KHÁI NIỆM ..... 14

### IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT ..... 15

1. Thông tin chung về Tổ Chức Đăng ký Niêm yết ..... 15

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ Chức Đăng ký Niêm yết ..... 21

3. Cơ cấu tổ chức của Tổ Chức Đăng ký Niêm yết ..... 23

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ Chức Đăng ký Niêm yết ..... 30

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ Chức Đăng ký Niêm yết, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối đối với Tổ Chức Đăng ký Niêm yết, những công ty mà Tổ Chức Đăng ký Niêm yết nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối ..... 33

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ Chức Đăng ký Niêm yết ..... 35

7. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành ..... 37

8. Hoạt động kinh doanh ..... 39

9. Thông tin về cổ đông lớn, chủ sở hữu công ty, thành viên sở hữu từ 10% vốn điều lệ trở lên ..... 87

10. Thông tin về thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng ..... 87

11. Tình hình thanh toán gốc và lãi Trái Phiếu đã phát hành trong 03 năm liên tục liền trước

*[Handwritten signatures and stamps]*





|                                                                                                                                                                                                                             |            |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại .....                                                                                                                                                                        | 119        |
| 12. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của Tổ Chức Đăng ký Niêm yết .....                                                                                                                                            | 120        |
| 13. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng, liên quan tới Tổ Chức Đăng ký Niêm yết có thể ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ Chức Đăng ký Niêm yết.....                       | 121        |
| 14. Thông tin về cam kết của Tổ Chức Đăng ký Niêm yết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự về quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích ..... | 121        |
| <b>V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH.....</b>                                                                                                                                        | <b>122</b> |
| 1. Kết quả hoạt động kinh doanh .....                                                                                                                                                                                       | 122        |
| 2. Tình hình tài chính.....                                                                                                                                                                                                 | 130        |
| 3. Ý kiến của Tổ Chức Kiểm Toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ Chức Đăng ký Niêm yết                                                                                                                                      | 140        |
| 4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận .....                                                                                                                                                                                      | 142        |
| <b>VI. TRÁI PHIẾU ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT .....</b>                                                                                                                                                                                | <b>146</b> |
| 1. Tên Trái Phiếu .....                                                                                                                                                                                                     | 146        |
| 2. Mã trái phiếu.....                                                                                                                                                                                                       | 146        |
| 3. Loại Trái Phiếu .....                                                                                                                                                                                                    | 146        |
| 4. Mệnh giá.....                                                                                                                                                                                                            | 146        |
| 5. Tổng số lượng Trái Phiếu đăng ký niêm yết .....                                                                                                                                                                          | 146        |
| 6. Tổng giá trị Trái Phiếu đăng ký niêm yết theo mệnh giá .....                                                                                                                                                             | 146        |
| 7. Kỳ hạn Trái Phiếu.....                                                                                                                                                                                                   | 146        |
| 8. Ngày phát hành.....                                                                                                                                                                                                      | 146        |
| 9. Ngày đáo hạn trái phiếu.....                                                                                                                                                                                             | 146        |
| 10. Lãi suất .....                                                                                                                                                                                                          | 146        |
| 11. Kỳ hạn trả lãi, trả gốc .....                                                                                                                                                                                           | 148        |
| 12. Xếp hạng tín nhiệm .....                                                                                                                                                                                                | 151        |
| 13. Quyền và nghĩa vụ của người sở hữu Trái Phiếu .....                                                                                                                                                                     | 151        |

*[Handwritten signatures and initials]*



|                                                                                                      |     |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| 14. Đại diện người sở hữu Trái Phiếu .....                                                           | 155 |
| 15. Việc mua lại Trái Phiếu trước hạn.....                                                           | 157 |
| 16. Phương pháp tính giá.....                                                                        | 158 |
| 17. Phương pháp tính lợi suất khi đáo hạn .....                                                      | 158 |
| 18. Đánh giá tác động của tình hình lạm phát đối với trái phiếu niêm yết.....                        | 159 |
| 19. Cam kết về bảo đảm .....                                                                         | 160 |
| 20. Thông tin về các cam kết.....                                                                    | 161 |
| 21. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....                                          | 162 |
| 22. Các loại thuế liên quan .....                                                                    | 162 |
| 23. Thông báo, địa chỉ đăng ký .....                                                                 | 164 |
| VII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT .....                                           | 165 |
| 1. Tổ Chức Kiểm Toán báo cáo tài chính.....                                                          | 165 |
| 2. Tổ Chức Tư Vấn Niêm Yết .....                                                                     | 165 |
| 3. Đại diện người sở hữu trái phiếu .....                                                            | 165 |
| VIII. PHỤ LỤC .....                                                                                  | 165 |
| IX. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT, TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT..... | 167 |

06861  
NGÂN  
ÔNG N  
PHÁT  
NÔNG  
VIỆT  
TP. H

*[Handwritten signatures and marks]*



## NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

### I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

#### 1. Tổ Chức Đăng ký Niêm yết

#### NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM

- |                                    |                           |
|------------------------------------|---------------------------|
| - Ông: <b>Tô Huy Vũ</b>            | - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT  |
| - Ông: <b>Phạm Toàn Vượng</b>      | - Chức vụ: Tổng Giám đốc  |
| - Ông: <b>Phùng Văn Hưng Quang</b> | - Chức vụ: Kế toán trưởng |

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

#### 2. Tổ chức tư vấn

#### CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AGRIBANK

Đại diện được ủy quyền: Ông **Bùi Đức Thắng** – Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

*(Theo Quyết định số 325/QĐ-CT.HĐQT ngày 24/04/2026 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị về ủy quyền thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của người đại diện theo pháp luật; Giấy ủy quyền số 27/2026/UQ-CKNN ngày 29/04/2026 của Phó Tổng Giám đốc phụ trách Ban điều hành Công ty cổ phần Chứng khoán Agribank về ký kết và thực hiện các Hợp đồng Tư vấn Tài chính doanh nghiệp).*

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết Trái Phiếu ra công chúng do Công ty cổ phần Chứng khoán Agribank tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng Tư vấn phát hành, Tư vấn niêm yết, Đại lý phát hành, Đại lý đăng ký, lưu ký Trái Phiếu Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam phát hành ra công chúng năm 2026 số 43/2026/TPRCC/AGRISECO – AGRIBANK ngày 27 tháng 05 năm 2026 với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam cung cấp.



74 -  
 IANG  
 GHIE  
 TRI  
 THON  
 NAM  
 1 N

3 P  
 C  
 C  
 CHU  
 AG  
 VG





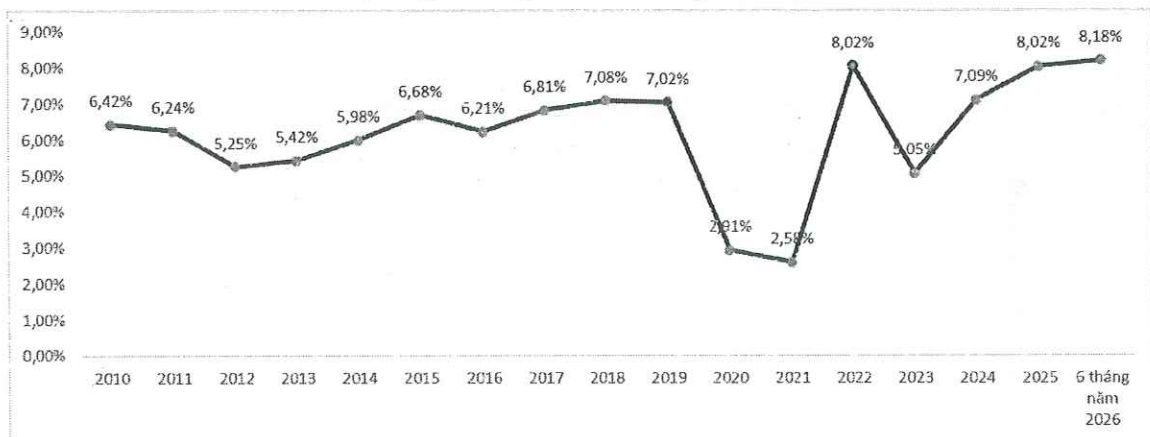
## II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

### 1. Rủi ro về kinh tế

Thay đổi về điều kiện kinh tế, chính trị, pháp lý và chính sách tại Việt Nam có thể ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và triển vọng của đăng ký niêm yết Tổ Chức Đăng ký Niêm yết. Môi trường kinh doanh và sự tăng trưởng của nền kinh tế được coi là yếu tố vĩ mô quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành nghề, lĩnh vực của nền kinh tế. Khi môi trường kinh doanh thuận lợi, ít có biến động và nền kinh tế tăng trưởng thì cơ hội kinh doanh của các doanh nghiệp cũng gia tăng và ngược lại. Nền kinh tế Việt Nam tăng trưởng rất nhanh trong những năm gần đây, môi trường pháp lý và kinh doanh đã phát triển nhưng vẫn chứa đựng những rủi ro vốn có gắn với nền kinh tế mới nổi. Nhằm hỗ trợ tăng trưởng, Chính phủ tiếp tục thông qua chính sách tiền tệ và tài khóa linh hoạt nhưng vẫn giữ được những mục tiêu cơ bản của nền kinh tế như kiềm chế lạm phát, mặt bằng lãi suất và tỷ giá ổn định...

Kinh tế Việt Nam năm 2024 dưới sự chỉ đạo quyết liệt, sát sao của Chính phủ, tiếp tục xu hướng phục hồi rõ nét, tăng trưởng khởi sắc dần qua từng quý, kết quả trên nhiều lĩnh vực quan trọng đạt và vượt mục tiêu đề ra. GDP cả nước năm 2024 tăng 7,09% so với năm 2023, vượt chỉ tiêu được Chính phủ đưa ra ở mức 7%. Tăng trưởng kinh tế vượt trội của Việt Nam là điểm sáng trong bối cảnh kinh tế toàn cầu vẫn còn nhiều khó khăn với nhiều yếu tố rủi ro, bất ổn định.

**Hình: Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam qua các năm**



(Nguồn: Tổng Cục thống kê)

Theo Cục Thống kê, tăng trưởng GDP năm 2025 đạt 8,02% so với năm 2024, đánh dấu một năm bứt phá mạnh mẽ, cao nhất trong giai đoạn 2011-2025 (ngoại trừ năm 2022). Quy mô kinh tế 2025 đạt 514 tỷ USD, tăng 38 tỷ USD so với 2024, vững vàng nhóm các nền kinh tế tăng trưởng hàng đầu Đông Nam Á.

Tính đến Quý II/2026, GDP 6 tháng đầu năm ước tăng 8,18% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,87%, đóng góp 5,66% vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 9,81%, đóng góp

*Handwritten signatures and initials in blue ink.*



47,2%; khu vực dịch vụ tăng 8,09%, đóng góp 57,14%. Theo Cục Thống kê, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 6 giảm 0,39% so với tháng trước, chủ yếu do giá xăng dầu giảm theo giá nhiên liệu thế giới. CPI tháng 6 tăng 3,21% so với tháng 12/2025 và tăng 4,69% so với cùng kỳ năm trước. CPI bình quân Quý II/2026 tăng 5,25% so với Quý II/2025. Bình quân 6 tháng đầu năm 2026, CPI tăng 4,38% so với cùng kỳ năm trước. Theo báo cáo tình hình kinh tế - xã hội Quý II và sáu tháng đầu năm 2026 được Cục Thống kê (Bộ Tài chính) công bố, lạm phát cơ bản tháng 6/2026 giảm 0,14% so với tháng trước và tăng 4,50% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 6 tháng năm 2026, lạm phát cơ bản tăng 4,12% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn mức tăng 4,38% của CPI bình quân chung, chủ yếu do giá lương thực là yếu tố tác động giảm CPI chung nhưng được loại trừ trong danh mục tính lạm phát cơ bản.

Mức độ lạm phát cao ở Việt Nam có thể ảnh hưởng bất lợi đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Đăng ký Niêm yết. Mặc dù tỷ lệ lạm phát được duy trì ở mức ổn định trong một vài năm trở lại đây, tuy nhiên không thể đảm bảo rằng nền kinh tế sẽ không lặp lại các giai đoạn lạm phát cao trong tương lai khi mà nền kinh tế được dự báo tiếp tục tăng trưởng nhanh. Lạm phát tăng kéo theo chi phí của Tổ Chức Đăng ký Niêm yết tăng, bao gồm chi phí trả lương người lao động, chi phí tài chính, chi phí quản lý khác,... Nếu Tổ Chức Đăng ký Niêm yết không thể chuyển các chi phí này vào giá dịch vụ cho khách hàng, điều đó sẽ ảnh hưởng bất lợi đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Đăng ký Niêm yết.

Mặc dù vậy, Tổ Chức Đăng ký Niêm yết không thể đưa ra bất kỳ bảo đảm nào liên quan đến sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam trong tương lai. Sự suy giảm của nền kinh tế Việt Nam có thể ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và triển vọng của Tổ Chức Đăng ký Niêm yết.

## 2. Rủi ro về luật pháp

Rủi ro về luật pháp là các rủi ro xảy ra khi mà các quy định của pháp luật hiện hành và/hoặc các quy định pháp luật mới được ban hành không còn phù hợp, chông chéo hoặc chưa đáp ứng tình hình thực tiễn, xu thế của thị trường và gây ra các khó khăn, trở ngại, vướng mắc cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và làm doanh nghiệp phải đối mặt với các chi phí và thiệt hại phát sinh do các tranh chấp pháp lý. Hiện nay, Việt Nam vẫn đang trong quá trình tiếp tục xây dựng và hoàn thiện khung pháp lý liên quan đến tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng tại Việt Nam, trong đó có Agribank. Trong thời gian qua, nhiều văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành nhằm thay thế các văn bản quy phạm pháp luật cũ không còn phù hợp. Tuy nhiên, trong bối cảnh nền kinh tế còn đang phát triển và trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế mạnh mẽ, hệ thống pháp luật tại Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện để đáp ứng các chuẩn mực, thông lệ quốc tế. Vậy đây vẫn có thể coi là một trong các rủi ro tiềm tàng đối với các nhà đầu tư Trái Phiếu liên quan đến các vấn đề thay đổi quy định pháp luật từ phía các cơ quan có thẩm quyền.

Rủi ro pháp lý liên quan đến những sự cố hoặc sai sót trong quá trình hoạt động kinh doanh làm

R

mu

BT





thiệt hại cho khách hàng và đối tác dẫn đến việc Agribank bị khởi kiện. Rủi ro này có thể phát sinh trong các mảng hoạt động của Agribank như hoạt động tín dụng, thanh toán quốc tế,.... Bên cạnh đó, là một đơn vị hoạt động trong lĩnh vực tài chính ngân hàng nên mọi hoạt động của Agribank chịu sự điều chỉnh của các quy định luật pháp theo từng thời kỳ như Luật các Tổ chức tín dụng, Luật chứng khoán, các văn bản chính sách của NHNN và các bộ ngành liên quan khác. Mọi sự thay đổi của quy định pháp luật cũng như chính sách của NHNN đều ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động của Agribank.

Để phòng chống các rủi ro này, Agribank đã thực hiện cơ chế giám sát online hàng ngày qua hệ thống Core Banking và trách nhiệm này được giao cho bộ phận kiểm soát, giám sát. Với hệ thống Core Banking nói trên, nếu xuất hiện rủi ro, hệ thống có thể cập nhật kịp thời các cảnh báo, đồng thời chuẩn hóa các quy trình nghiệp vụ chính, đảm bảo sự chính xác trong khâu tác nghiệp của Ngân hàng. Bên cạnh đó, Agribank chủ động tiến hành phân tích thị trường, nghiên cứu kỹ lưỡng và cập nhật các văn bản pháp luật hiện hành nhằm ứng phó được với những thay đổi về khung pháp lý. Đồng thời, Agribank có các đơn vị nghiệp vụ tại trụ sở chính với chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc ban hành các cơ chế, quy chế, quy trình nghiệp vụ; thực hiện rà soát, đánh giá định kỳ về tính thích hợp, tuân thủ quy định của pháp luật, thay đổi quy định liên quan của pháp luật và các vấn đề pháp lý liên quan đến tổ chức, quản lý và hoạt động của Agribank.

Agribank cũng đã xây dựng hệ thống văn bản chính sách nội bộ quy định về các nguyên tắc, tiêu chuẩn, thủ tục; hệ thống văn bản chính sách được rà soát đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật trước khi ban hành và hệ thống hóa để đảm bảo tính đồng bộ, đầy đủ và phù hợp trong quá trình triển khai văn bản. Bộ phận pháp chế của ngân hàng chịu trách nhiệm tư vấn hoàn thiện các vấn đề pháp lý theo quy định pháp luật Việt Nam đối với hoạt động tổ chức, quản lý, phù hợp với quy định pháp luật. Agribank luôn chủ động nghiên cứu, tham gia góp ý dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến hoạt động ngân hàng để nắm bắt các thay đổi của chính sách pháp luật.

### 3. Rủi ro đặc thù

#### 3.1. Rủi ro về tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng hoặc thỏa thuận với Agribank.

Nguyên nhân gây ra rủi ro tín dụng có thể xuất phát từ việc thông tin được cung cấp không đầy đủ, trung thực; khách hàng cố tình không trả nợ, chủ ý lừa đảo ngân hàng; sự suy giảm chung của nền kinh tế khu vực hoặc toàn cầu; việc sụt giảm hiệu quả kinh doanh của khách hàng; thiên tai dịch họa hoặc dịch bệnh như dịch Covid 19 gây tác động tới toàn bộ nền kinh tế toàn cầu, hoặc các yếu tố bất khả kháng khác. Tất cả những rủi ro đó có thể ảnh hưởng đến khả năng thu hồi nợ vay của Agribank và đòi hỏi Agribank phải tăng chi phí trích lập dự phòng rủi ro tín dụng.





Rủi ro tín dụng được coi là rủi ro lớn nhất đối với các NHTM Việt Nam nói chung và Agribank nói riêng do các khoản cho vay khách hàng thường chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng tài sản của các NHTM, nguồn thu từ hoạt động tín dụng cũng chiếm một tỷ trọng lớn trong tổng nguồn thu và đóng góp phần lớn vào lợi nhuận của các NHTM. Rủi ro tín dụng có thể dẫn tới tổn thất về tài sản, sụt giảm thu nhập, lợi nhuận và giảm khả năng thanh toán của ngân hàng. Do đó, Agribank thường xuyên và luôn quan tâm chú trọng đến rủi ro tín dụng, xác định giới hạn mức rủi ro hợp lý, đồng thời chủ động và kịp thời áp dụng các biện pháp quản trị nhằm duy trì rủi ro tín dụng trong mức giới hạn, đảm bảo an toàn hiệu quả.

Để kiểm soát nợ xấu, Agribank đã quyết liệt triển khai nhiều giải pháp như sau:

- Một là, theo định hướng của Ban điều hành, đảm bảo kế hoạch do NHNN giao năm 2026, Agribank đã rà soát từng chi nhánh trên cơ sở nợ xấu thực hiện năm 2025, kế hoạch chi nhánh xây dựng để giao chỉ tiêu tỷ lệ nợ nhóm 2, nợ xấu và nợ có khả năng mất vốn cho từng Chi nhánh phù hợp đảm bảo mục tiêu, định hướng nợ xấu của Agribank. Thường xuyên cập nhật, đánh giá tính khả thi của phương án xử lý nợ xấu để đảm bảo hoàn thành kế hoạch tỷ lệ nợ xấu do NHNN giao năm 2026. Đến thời điểm 31/07/2026 tỷ lệ nợ xấu của Agribank là 1,14% theo Thông tư 31. Agribank quyết liệt áp dụng các biện pháp xử lý nợ đảm bảo tỷ lệ nợ xấu thời điểm 31/12/2026 dưới 1,5% (đảm bảo hoàn thành kế hoạch NHNN giao năm 2026).
- Hai là, xây dựng phương án xử lý, thu hồi nợ xấu, nợ tiềm ẩn nợ xấu toàn hệ thống năm 2026, giao chỉ tiêu thu hồi nợ xấu, nợ tiềm ẩn nợ xấu cụ thể đến từng chi nhánh, thường xuyên đôn đốc, giám sát và chỉ đạo các chi nhánh rà soát, xây dựng phương án xử lý thu hồi nợ xấu, nợ tiềm ẩn nợ xấu phù hợp đối với từng khách hàng, nhóm khách hàng, yêu cầu chi nhánh báo cáo định kỳ tiến độ thu hồi các khoản nợ xấu để phục vụ công tác quản trị điều hành và giảm thiểu rủi ro.
- Ba là, trong năm 2026 tiếp tục triển khai có hiệu quả hoạt động của Ban chỉ đạo xử lý nợ có vấn đề từ Trụ sở chính đến chi nhánh, nâng cao trách nhiệm của tập thể, cá nhân đối với công tác xử lý, thu hồi nợ xấu; đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của Tổ chuyên trách xử lý, khắc phục tồn tại, xử lý nợ có vấn đề và nâng cao chất lượng hoạt động của Chi nhánh (Tổ chuyên trách), tiếp tục rà soát, thành lập Tổ chuyên trách tại các chi nhánh nhằm đẩy nhanh tiến độ khắc phục tồn tại, nâng cao hiệu quả xử lý, thu hồi nợ.
- Bốn là, bám sát việc thực hiện theo kế hoạch được giao của các chi nhánh: Cập nhật tình hình các nhóm nợ của chi nhánh để theo dõi sự biến động, cũng như hỗ trợ các Chi nhánh xử lý các tình huống phát sinh hằng ngày. Với chi nhánh có phát sinh nợ xấu cao, thành lập đoàn công tác làm việc với Chi nhánh để nắm bắt tình hình thực tế cũng như đôn đốc, hỗ trợ và chỉ đạo triển khai các biện pháp nhằm kiểm soát tốt nợ tiềm ẩn phát sinh nợ xấu, xử lý thu hồi nợ xấu.
- Năm là, áp dụng linh hoạt, đồng bộ, có hiệu quả các cơ chế về xử lý nợ để tăng cường quản lý, giám sát và chỉ đạo các chi nhánh trong công tác xử lý, thu hồi nợ.

*[Handwritten signature]*

*[Handwritten signature]*

*[Handwritten signature]*

0174  
HÀN  
NGHI  
AT TR  
G TH  
T NAI  
HÀ

0174  
HÀN  
NGHI  
AT TR  
G TH  
T NAI  
HÀ





- Sáu là, tăng cường rà soát các khoản nợ tiềm ẩn, nợ xấu; thường xuyên cảnh báo tới chi nhánh để kịp thời triển khai các biện pháp xử lý thu hồi nợ.
- Bảy là, kịp thời ban hành các giải pháp, cơ chế chính sách, văn bản chỉ đạo hướng dẫn hỗ trợ chi nhánh thực hiện hiệu quả việc thu hồi nợ xấu.

### 3.2. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất, tỷ giá, giá vàng, giá chứng khoán và giá hàng hóa trên thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm: rủi ro lãi suất trên sổ kinh doanh; rủi ro ngoại hối; rủi ro giá cổ phiếu; rủi ro giá hàng hóa.

- Rủi ro lãi suất trên sổ kinh doanh là rủi ro biến động bất lợi của lãi suất trên thị trường đối với giá trị của giấy tờ có giá, công cụ tài chính có lãi suất, sản phẩm phái sinh lãi suất trên sổ kinh doanh của Ngân hàng. Sự thay đổi (tăng hoặc giảm) của lãi suất trên thị trường, rủi ro phát sinh từ các yếu tố liên quan đến đơn vị phát hành công cụ tài chính mà Ngân hàng đang nắm giữ ảnh hưởng trực tiếp đến giá trị thị trường của công cụ tài chính, có thể dẫn đến sự suy giảm về lợi nhuận và lợi tức Ngân hàng nhận được từ công cụ tài chính đó.
- Rủi ro ngoại hối là rủi ro biến động bất lợi của tỷ giá, giá vàng trên thị trường khi Ngân hàng có trạng thái ngoại tệ, trạng thái vàng. Biến động về tỷ giá ảnh hưởng trực tiếp đến giá trị các tài sản và khoản nợ bằng ngoại tệ, ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh ngoại tệ của Ngân hàng, có thể dẫn tới suy giảm tài sản và lợi nhuận của ngân hàng.
- Rủi ro giá cổ phiếu là rủi ro biến động bất lợi của giá cổ phiếu trên thị trường đối với giá trị của cổ phiếu, giá trị chứng khoán phái sinh trên sổ kinh doanh của Ngân hàng. Biến động giá cổ phiếu ảnh hưởng đến giá trị các khoản đầu tư và kết quả hoạt động đầu tư của Ngân hàng, có thể dẫn tới suy giảm tài sản và lợi nhuận của Ngân hàng.
- Rủi ro giá hàng hóa là rủi ro biến động bất lợi của giá hàng hóa trên thị trường đối với giá trị sản phẩm phái sinh hàng hóa, giá trị sản phẩm trong giao dịch giao ngay chịu rủi ro giá hàng hóa của Ngân hàng. Biến động giá hàng hóa ảnh hưởng đến giá trị các sản phẩm phái sinh và kết quả hoạt động đầu tư của ngân hàng, có thể dẫn tới suy giảm lợi nhuận của Ngân hàng.

Để đo lường và kiểm soát rủi ro thị trường, Agribank áp dụng các công cụ, phương pháp, mô hình đo lường rủi ro như trạng thái mở thuần (NOP), phương pháp, mô hình định giá giá trị thị trường đối với danh mục ngoại hối, giấy tờ có giá và phương pháp Var lịch sử đối với danh mục ngoại hối; đồng thời thiết lập khẩu vị rủi ro, hạn mức rủi ro thị trường như: hạn mức trạng thái ngoại tệ, hạn mức lỗ trong kinh doanh ngoại tệ, hạn mức trạng thái vàng... Công tác quản lý rủi ro thị trường cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu của NHNN và phù hợp với tình hình kinh doanh thực tế tại Agribank. Cơ chế giám sát và xử lý kịp thời giúp Agribank hạn chế tối đa và khắc phục nhanh chóng các vi phạm phát sinh, đảm bảo Agribank luôn duy trì trạng thái rủi ro thị trường tuân thủ khẩu vị rủi ro, hạn mức rủi ro của Agribank và các quy định khác có liên quan của pháp luật Việt Nam.

*[Handwritten signatures and stamps]*



### 3.3. Rủi ro lãi suất trên Sổ ngân hàng

Rủi ro lãi suất trên Sổ ngân hàng là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất đối với thu nhập, giá trị tài sản, giá trị nợ phải trả và giá trị cam kết ngoại bảng của Agribank phát sinh do: Chênh lệch thời điểm ấn định mức lãi suất mới hoặc kỳ xác định lại lãi suất; Thay đổi mối quan hệ giữa các mức lãi suất của các công cụ tài chính khác nhau nhưng có cùng thời điểm đáo hạn; Thay đổi mối quan hệ giữa các mức lãi suất ở các kỳ hạn khác nhau; Tác động từ các sản phẩm quyền chọn lãi suất, các sản phẩm có yếu tố quyền chọn lãi suất.

Khi lãi suất thị trường biến động, tùy thuộc vào trạng thái chênh lệch kỳ xác định lại lãi suất (GAP) sẽ có tác động đến thay đổi thu nhập lãi thuần ( $\Delta NII$ ) và thay đổi giá trị kinh tế của vốn chủ sở hữu ( $\Delta EVE$ ) của Agribank.

Để phòng tránh rủi ro lãi suất, Agribank trong thời gian qua đã chủ động áp dụng một số chính sách để giảm thiểu rủi ro lãi suất như:

- Agribank đã ban hành quy định và quy trình quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng trong hệ thống Agribank. Hiện việc quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng của Agribank đã đáp ứng yêu cầu của Thông tư 83/2025/TT-NHNN;
- Agribank đang sử dụng các công cụ đo lường rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng gồm: (i) Trạng thái chênh lệch kỳ xác định lại lãi suất (GAP); (ii) Chỉ số thay đổi thu nhập lãi thuần ( $\Delta NII$ ); (iii) Chỉ số thay đổi giá trị kinh tế của vốn chủ sở hữu ( $\Delta EVE$ ). Đồng thời, Agribank đã xây dựng hạn mức và vùng cảnh báo sớm rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, đáp ứng được yêu cầu của NHNN và phù hợp với tình hình kinh doanh thực tế tại Agribank;
- Agribank kiểm soát rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng trên cơ sở dự báo thị trường, tình hình thực tế của Agribank đảm bảo tuân thủ các hạn mức rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng trong kỳ. Quy định trần lãi suất huy động, sàn lãi suất cho vay và kiểm soát cơ cấu giữa huy động vốn và sử dụng vốn.

### 3.4. Rủi ro hoạt động

Rủi ro hoạt động là rủi ro do các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ không đầy đủ hoặc có sai sót, do yếu tố con người, do các lỗi, sự cố của hệ thống, do các yếu tố bên ngoài. Rủi ro hoạt động bao gồm cả rủi ro pháp lý và không bao gồm rủi ro danh tiếng (ngoại trừ các tác động về danh tiếng có nguyên nhân từ RRHD), rủi ro chiến lược.”

Ngoài ra, xu hướng phát triển mạnh mẽ sản phẩm dịch vụ có hàm lượng công nghệ cao cũng như tăng cường hợp tác hoặc thuê ngoài các bên thứ ba hiện nay có thể làm gia tăng các rủi ro hoạt động liên quan đến ứng dụng công nghệ, hợp tác bên thứ ba.

Agribank đang áp dụng 03 phương pháp đo lường rủi ro hoạt động (Quản lý sự kiện; thu thập, phân tích dữ liệu tổn thất nội bộ và bên ngoài; sử dụng các phát hiện của Thanh tra, Kiểm tra, Kiểm toán), đảm bảo yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 83/2025/TT-NHNN.

Căn cứ kết quả nhận dạng, đo lường và theo dõi rủi ro hoạt động, Agribank thực hiện kiểm soát rủi ro hoạt động thông qua hoạt động kiểm soát nội bộ; thiết lập hạn mức rủi ro hoạt động, giám





sát mức độ rủi ro hoạt động theo hạn mức; triển khai các biện pháp phòng ngừa rủi ro hoạt động phù hợp (gồm giảm thiểu rủi ro; chuyển giao, chia sẻ rủi ro; phòng tránh rủi ro; chấp nhận rủi ro), báo cáo và trao đổi thông tin rủi ro hoạt động, xử lý kịp thời các sự kiện rủi ro hoạt động.

Xây dựng phương án, kế hoạch duy trì hoạt động liên tục trong những trường hợp gián đoạn hoạt động do: mất tài liệu, cơ sở dữ liệu quan trọng; hệ thống công nghệ thông tin bị sự cố; các sự kiện bất khả kháng (thiên tai, dịch bệnh, cháy nổ, chiến tranh,...) nhằm chủ động ứng phó, khôi phục các hoạt động kinh doanh trong thời gian sớm nhất, giảm thiểu các ảnh hưởng có thể xảy ra.

### 3.5. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro do Agribank không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn; hoặc Agribank có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn nhưng phải trả chi phí cao hơn mức chi phí bình quân của thị trường theo quy định nội bộ của Agribank. Rủi ro thanh khoản có thể làm giảm thu nhập, uy tín của ngân hàng, nghiêm trọng hơn có thể khiến ngân hàng mất khả năng thanh toán. Agribank đã ban hành quy định, quy trình quản lý rủi ro thanh khoản trong hệ thống Agribank, qua đó Agribank luôn đảm bảo an toàn thanh khoản theo quy định của Ngân hàng Nhà nước tại Thông tư số 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung.

Để hạn chế rủi ro thanh khoản, Agribank đã triển khai thực hiện đo lường rủi ro theo quy định của NHNN thông qua các phương pháp sau: phương pháp dòng tiền thông qua báo cáo khe hở thanh khoản và phương pháp chỉ số cấu trúc bảng cân đối kế toán thông qua các tỷ lệ an toàn thanh khoản (bao gồm tỷ lệ khả năng chi trả; tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi; tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung và dài hạn). Ban Quản lý tài sản Nợ-tài sản Có, Trung tâm Quản lý rủi ro Phi tín dụng phối hợp với các đơn vị liên quan thường xuyên theo dõi, đo lường các tỷ lệ an toàn thanh khoản và có biện pháp đảm bảo khả năng thanh khoản trong giai đoạn tiếp theo. Định kỳ, Agribank thực hiện kiểm tra sức chịu đựng về thanh khoản (Stress test) nhằm đánh giá khả năng chống chịu về thanh khoản trong kịch bản bình thường và kịch bản có diễn biến bất lợi. Kết quả Stress test là cơ sở quan trọng để Agribank hoàn thiện Kế hoạch dự phòng thanh khoản (CFP), đảm bảo tính sẵn sàng của các kịch bản ứng phó và duy trì sự ổn định hoạt động trong mọi tình huống. Với sự phát triển ổn định, khả năng nắm bắt và theo dõi kịp thời biến động thị trường, Agribank luôn đảm bảo an toàn thanh khoản và đáp ứng tối đa nhu cầu thanh toán của khách hàng.

Để đảm bảo khả năng đáp ứng các nghĩa vụ thanh toán, Agribank duy trì quy mô tài sản có tính thanh khoản cao phù hợp; quản lý cơ cấu nguồn vốn theo hướng đa dạng hóa theo đối tượng khách hàng, kỳ hạn, loại tiền và thị trường huy động, qua đó hạn chế mức độ tập trung và nâng cao tính ổn định của nguồn vốn.

Thông qua quản lý đồng bộ cơ cấu tài sản – nguồn vốn, dòng tiền và tài sản có tính thanh khoản cao, Agribank bảo đảm khả năng thanh toán, tuân thủ các tỷ lệ an toàn theo quy định của NHNN.

*[Handwritten signature]*

0100  
NG  
NÔN  
VÀ P  
NÔ  
VI  
TP.

10  
XÔN  
Ô  
ỨNG  
GRI  
ĐA





### 3.6. Rủi ro tập trung

Rủi ro tập trung là rủi ro phát sinh khi hoạt động kinh doanh của ngân hàng tập trung vào một khách hàng (bao gồm người có liên quan), đối tác, sản phẩm, giao dịch, ngành, lĩnh vực kinh tế hoặc loại tiền tệ ở mức độ có thể tác động đáng kể đến thu nhập và mức độ rủi ro của ngân hàng theo quy định nội bộ.

Là ngân hàng thương mại Nhà nước giữ vai trò chủ lực đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn theo chủ trương của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước, Agribank duy trì tỷ trọng dư nợ lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn ở mức cao, chiếm khoảng 64% tổng dư nợ. Danh mục tín dụng lĩnh vực này chủ yếu bao gồm khách hàng cá nhân, hộ gia đình, hộ sản xuất và khách hàng khu vực nông thôn, có mức độ phân tán lớn. Tuy nhiên, những biến động bất lợi của môi trường kinh tế, thiên tai, dịch bệnh, biến động thị trường nông sản hoặc thay đổi chính sách liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn có thể ảnh hưởng đến chất lượng tài sản, thu nhập, lợi nhuận và triển vọng phát triển của Agribank.

Để kiểm soát rủi ro tập trung, Agribank đã ban hành các quy định về quản lý rủi ro tập trung tín dụng; xây dựng hạn mức rủi ro theo khách hàng, nhóm khách hàng có liên quan, sản phẩm, ngành và lĩnh vực kinh tế; đồng thời triển khai các biện pháp quản lý danh mục tín dụng, nhận diện sớm rủi ro và phân tán rủi ro phù hợp với đặc thù hoạt động của Agribank.

### 3.7. Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Agribank thực hiện các công cụ tài chính liên quan đến các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán. Các công cụ tài chính này chủ yếu bao gồm các cam kết bảo lãnh và thư tín dụng. Các công cụ này đã tạo ra những rủi ro tín dụng cho Ngân hàng ngoài các rủi ro tín dụng đã được ghi nhận trong nội bảng. Các hoạt động ngoại bảng (như cam kết bảo lãnh thanh toán, cam kết trong nghiệp vụ L/C, ...) là các nghĩa vụ nợ tiềm ẩn do khi khách hàng vi phạm thỏa thuận với bên thứ ba, Ngân hàng sẽ phải thực hiện nghĩa vụ với bên thứ ba và các khoản nợ tiềm ẩn này sẽ thành nghĩa vụ nợ thực sự, dẫn tới gia tăng chi phí trích lập, giảm lợi nhuận và suy giảm tài sản của Ngân hàng.

Để giảm thiểu rủi ro từ hoạt động ngoại bảng, Agribank đã xây dựng, sửa đổi các quy trình, quy chế, quy định về công tác tín dụng; thường xuyên tổ chức kiểm tra, kiểm soát các nghiệp vụ, đảm bảo ngăn ngừa các yếu tố tiềm ẩn rủi ro; xử lý nghiêm tập thể và cá nhân liên quan các tồn tại vi phạm; tăng cường công tác tập huấn, hướng dẫn các quy định pháp luật, các quy định, quy trình của Agribank cho cán bộ toàn hệ thống.

### 3.8. Rủi ro về Phòng, chống rửa tiền

Nhằm tuân thủ quy định pháp luật và nâng cao hiệu quả quản lý rủi ro rửa tiền, Agribank đã ban hành hệ thống văn bản nội bộ về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt và tuân thủ trừng phạt (phòng chống rửa tiền và tài trợ khủng bố); triển khai đầy đủ các biện pháp nhận biết khách hàng, phân loại khách hàng theo mức độ rủi ro về rửa tiền; sàng lọc khách hàng, giao dịch; giám sát giao dịch; thực hiện báo cáo, lưu trữ, bảo





mật thông tin theo quy định; định kỳ đào tạo, kiểm tra, kiểm toán nội bộ nhằm nâng cao năng lực cán bộ và tăng cường hiệu quả công tác phòng, chống rửa tiền và tài trợ khủng bố.

### 3.9. Rủi ro hệ thống công nghệ thông tin

Hiện nay, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đã tác động thay đổi xu hướng thị trường, khách hàng có nhu cầu sử dụng các dịch vụ ngân hàng trực tuyến tăng nhanh, mức độ tự động hóa xử lý giao dịch và quản lý tập trung ngày càng cao. Do vậy, hệ thống thông tin là một phần rất quan trọng trong hoạt động của một ngân hàng hiện đại và đồng nghĩa với việc đối mặt với các rủi ro tiềm ẩn liên quan đến công nghệ, quy trình và con người. Việc đảm bảo hệ thống thông tin hoạt động liên tục, ổn định và an toàn, hỗ trợ hiệu quả các công tác kế toán, tài chính, quản lý rủi ro, phân tích tín dụng, báo cáo, dịch vụ khách hàng và các hoạt động khác, có tính quyết định đối với công việc kinh doanh và khả năng cạnh tranh hiệu quả của ngân hàng.

Vì vậy, nhằm đáp ứng các quy định của Nhà nước (Thông tư số 83/2025/TT-NHNN quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; Thông tư 09/2020/TT-NHNN quy định về an toàn hệ thống thông tin trong hoạt động ngân hàng;...) và bảo vệ hệ thống thông tin khỏi các rủi ro tiềm ẩn nêu trên, Agribank đã chủ động ban hành các chính sách, quy định nội bộ về an toàn hệ thống thông tin và thường xuyên rà soát, tổ chức triển khai bảo đảm an ninh bảo mật kỹ thuật an ninh mạng tiên tiến nhằm đảm bảo an toàn bảo mật cho các hệ thống thông tin của Agribank. Trong đó rà soát đầy đủ và lập hồ sơ cấp độ cho toàn bộ các hệ thống thông tin và tổ chức triển khai hạ tầng đảm bảo an toàn an ninh mạng cho các hệ thống đúng theo cấp độ được phê duyệt (giải pháp đảm bảo an ninh mạng, an ninh ứng dụng, bảo vệ dữ liệu, v.v...). Tăng cường phối hợp với các đơn vị chuyên trách, đơn vị đánh giá độc lập nhằm cung cấp dịch vụ rà soát, đánh giá, kiểm toán và ứng cứu sự cố công nghệ thông tin. Tổ chức áp dụng và được đánh giá đạt các tiêu chuẩn an toàn thông tin tiên tiến như ISO 27001:2022, PCI DSS, v.v... để tăng cường đảm bảo an toàn hệ thống thông tin, đảm bảo thông tin dữ liệu khách hàng, bảo vệ khách hàng và tài sản của Agribank. Triển khai tổ chức thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân, trí tuệ nhân tạo, v.v..

### 3.10. Rủi ro đối thủ cạnh tranh

Agribank hiện đang chịu áp lực cạnh tranh ngày càng tăng từ các Ngân hàng khác (bao gồm cả NHTM có vốn Nhà nước chi phối khác, NHTM cổ phần, các ngân hàng 100% vốn nước ngoài và các chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam). Nếu Chính phủ Việt Nam mở cửa rộng hơn với các nhà đầu tư nước ngoài theo các hiệp định thương mại đã ký kết hoặc vì bất kỳ lý do nào khác, sự cạnh tranh trong ngành ngân hàng sẽ gia tăng đáng kể.

Bên cạnh đó, tại Việt Nam thời gian qua các công ty Fintech phát triển khá mạnh mẽ, tận dụng những lợi thế mạnh để cung ứng các dịch vụ, giải pháp tài chính an toàn và thuận tiện cho người sử dụng. Trong thời gian qua, thị trường Fintech Việt Nam đã có những bước phát triển khá ấn tượng. Theo báo cáo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, số lượng công ty Fintech trong nước

*[Handwritten signatures and initials]*





đã tăng đáng kể trong giai đoạn 2010 - 2023, từ 10 công ty vào cuối năm 2010 lên hơn 187 công ty vào năm 2023 và vẫn còn nhiều dư địa để tăng trưởng trong vài năm tới, thậm chí là thập kỷ tới. Thị trường Fintech Việt Nam còn được hưởng lợi từ hệ sinh thái khởi nghiệp mạnh mẽ và sự gia tăng các khoản đầu tư mạo hiểm. Số liệu của Mordor Intelligence cho thấy quy mô thị trường Fintech Việt Nam ước đạt gần 200 tỷ USD năm 2025 và dự kiến sẽ vượt 520 tỷ USD vào năm 2030, sở hữu tốc độ tăng trưởng kép hàng năm ấn tượng là 20,23% năm 2025 đến năm 2030.

#### 4. Rủi ro quản trị công ty

Rủi ro xuất phát từ quản trị công ty yếu kém là rủi ro tiềm ẩn, nhưng có thể ảnh hưởng lớn đến sự phát triển lâu dài và bền vững của một doanh nghiệp. Trong những năm gần đây, quản trị rủi ro ngày càng gắn liền với các hoạt động của doanh nghiệp. Xu hướng này bao gồm cả việc các doanh nghiệp sẵn sàng đầu tư một phần nguồn lực nhằm nâng cao mối liên hệ giữa việc chấp nhận rủi ro và thu nhập của doanh nghiệp, đồng thời việc thiết lập quản trị rủi ro đủ mạnh là một trong những vấn đề quan trọng và cấp bách ở cấp độ quản lý của doanh nghiệp.

Trong bất kỳ ngành nghề kinh doanh nào, lựa chọn cơ cấu quản trị, cơ cấu tổ chức quản trị rủi ro phù hợp là nền tảng cần thiết đối với chiến lược quản trị rủi ro của doanh nghiệp. Để có thể đạt hiệu quả cao nhất, khung quản trị rủi ro của doanh nghiệp cần được thiết kế phù hợp với văn hóa và chiến lược của công ty. Đánh giá đúng vai trò của quản trị công ty và quan tâm đến quản trị công ty từ những vấn đề cơ bản nhất là giải pháp hữu hiệu để phòng ngừa rủi ro.

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam được thành lập và hoạt động dưới hình thức Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu. Cơ cấu điều hành và quản trị của Agribank được thiết lập và tuân thủ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật các Tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán và các quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan.

Bên cạnh việc thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ công bố thông tin trong lĩnh vực chứng khoán, hệ thống quản trị của Agribank còn được kiểm soát chặt chẽ. Do đó các hoạt động điều hành của HĐQT, Ban Điều hành luôn minh bạch và được giám sát một cách cẩn trọng. Ngoài ra, với kinh nghiệm lâu năm trong ngành giúp đội ngũ quản trị của Agribank có đủ khả năng nhận biết, đánh giá và khắc phục các yếu tố rủi ro để đảm bảo việc quản trị doanh nghiệp được thực hiện một cách ổn định và có hiệu quả.

#### 5. Rủi ro khác

Bên cạnh đó, một số rủi ro bất khả kháng như thiên tai, bão lụt, động đất, hạn hán, hỏa hoạn, dịch bệnh... ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất nông nghiệp và các ngành chế biến, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp, tác động ít nhiều đến hoạt động của Agribank, đặc biệt đây là lĩnh vực đầu tư chính của Agribank.

*[Handwritten signatures and stamps]*

### III. CÁC KHÁI NIỆM

|                                   |   |                                                                                                                                                                                                                                           |
|-----------------------------------|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Bản Cáo Bạch</b>               | : | Bản Cáo Bạch này là bản cung cấp thông tin của Tổ Chức Đăng ký Niêm yết về Trái Phiếu niêm yết, tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư Trái Phiếu. |
| Tổ Chức Đăng ký Niêm yết/Agribank | : | Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam                                                                                                                                                                                    |
| Tổ chức tư vấn niêm yết/AgriSeco  | : | Công ty cổ phần Chứng khoán Agribank                                                                                                                                                                                                      |
| NHTM                              | : | Ngân hàng thương mại                                                                                                                                                                                                                      |
| TCTD                              | : | Tổ chức tín dụng                                                                                                                                                                                                                          |
| CTCP                              | : | Công ty cổ phần                                                                                                                                                                                                                           |
| TNHH                              | : | Trách nhiệm hữu hạn                                                                                                                                                                                                                       |
| NHNN                              | : | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam                                                                                                                                                                                                               |
| TMCP                              | : | Thương mại cổ phần                                                                                                                                                                                                                        |
| HĐTV                              | : | Hội đồng thành viên                                                                                                                                                                                                                       |
| BKS                               | : | Ban kiểm soát                                                                                                                                                                                                                             |
| SXKD                              | : | Sản xuất kinh doanh                                                                                                                                                                                                                       |
| BCTC                              | : | Báo cáo tài chính                                                                                                                                                                                                                         |
| ATM                               | : | Automated Teller Machine – Máy rút tiền tự động                                                                                                                                                                                           |
| KBNN                              | : | Kho bạc Nhà nước                                                                                                                                                                                                                          |
| NSNN                              | : | Ngân sách Nhà nước                                                                                                                                                                                                                        |
| VSDC                              | : | Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam                                                                                                                                                                                        |
| SGDCK                             | : | Sở Giao dịch Chứng khoán                                                                                                                                                                                                                  |
| UBCKNN                            | : | Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước                                                                                                                                                                                                               |
| CK                                | : | Chứng khoán                                                                                                                                                                                                                               |
| TCKT                              | : | Tổ chức kinh tế                                                                                                                                                                                                                           |
| NHDL                              | : | Ngân hàng đại lý                                                                                                                                                                                                                          |

Các từ ngữ, khái niệm khác được sử dụng trong Bản Cáo Bạch này nhưng không được giải thích/định nghĩa trong mục này sẽ có nghĩa như được giải thích/định nghĩa trong các mục khác của Bản Cáo Bạch này.



#### IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

##### 1. Thông tin chung về Tổ Chức Đăng ký Niêm yết

|                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|-----------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| ❖ Tên đầy đủ tiếng Việt                             | : NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| ❖ Tên giao dịch quốc tế                             | : VIETNAM BANK FOR AGRICULTURE AND RURAL DEVELOPMENT                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| ❖ Tên viết tắt                                      | : AGRIBANK                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| ❖ Trụ sở chính                                      | : Số 02 Láng Hạ, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| ❖ Điện thoại                                        | : 024. 3772 2773 Fax: 024. 3831 4069                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| ❖ Website                                           | : <a href="http://www.agribank.com.vn">www.agribank.com.vn</a>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| ❖ Logo                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| ❖ Vốn thực góp của chủ sở hữu đến 30/06/2026        | : 51.638.603 triệu đồng (tại thời điểm 30/06/2026 theo BCTC hợp nhất soát xét giữa niên độ năm 2026).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| ❖ Vốn điều lệ theo Giấy phép thành lập và hoạt động | : 51.638.603.001.584 đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| ❖ Vốn chủ sở hữu                                    | : 138.189.642 triệu đồng (tại thời điểm 30/06/2026 theo BCTC hợp nhất soát xét giữa niên độ năm 2026).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| ❖ Giấy phép thành lập và hoạt động                  | <p>Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng số 24/GP-NHNN do NHNN cấp ngày 26/5/2021, Quyết định số 651/QĐ-TTGSNH1 ngày 04/10/2024 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (*); Quyết định số 1756/QĐ-QLGS2 ngày 25/7/2025 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam; và Quyết định số 83/QĐ-QLGS2 ngày 30/06/2026 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.</p> <p>(*) Tại Quyết định số 651/QĐ-TTGSNH1 ngày 04/10/2024 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quyết định sửa đổi nội dung về vốn điều lệ ghi tại Điều 2 Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại số 24/GP-NHNN ngày 26/5/2021 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam là 51.638.603.001.584 đồng</p> |



|                                      |                                                                                                                               |
|--------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| ❖ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh | Số 0100686174 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hà Nội cấp : đăng ký lần đầu ngày 26/02/2004, thay đổi lần thứ 15 ngày 11/01/2024. |
| ❖ Người đại diện theo pháp luật      | : Ông Phạm Toàn Vượng – Chức vụ: Tổng Giám đốc                                                                                |
| ❖ Mã số thuế                         | : 0100686174                                                                                                                  |
| ❖ Mã cổ phiếu                        | : Không có                                                                                                                    |

➤ **Ngành nghề kinh doanh chính:**

Agribank tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy phép thành lập và hoạt động do NHNN cấp, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Điều lệ Agribank, và phù hợp với quy định của pháp luật. Hoạt động kinh doanh chính của Agribank bao gồm:

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                       |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.                                                                                                                                   |
| 2   | Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:<br>a) Cho vay;<br>b) Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;<br>c) Bảo lãnh ngân hàng;<br>d) Phát hành thẻ tín dụng;<br>e) Bao thanh toán trong nước. |
| 3   | Mở tài khoản cho khách hàng.                                                                                                                                                                                                    |
| 4   | Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước:<br>a) Cung ứng phương tiện thanh toán;<br>b) Thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ.    |
| 5   | Mở tài khoản:<br>a) Mở tài khoản tại NHNN;<br>b) Mở tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác.                                                                                                        |
| 6   | Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.                                                                                                                                                |
| 7   | Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.                                                                                                         |
| 8   | Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư.                                                                                                                               |
| 9   | Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu NHNN và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ.                                                                  |
| 10  | Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp.                                                                                                                                                                         |

*Handwritten signatures and initials in blue ink.*

8617  
IN H  
G NG  
IAT T  
NG TI  
ET N  
HÀ  
108  
NG  
PH  
3 K  
IBA





lớn nhất khu vực Đông Nam Á (năm 2024 đứng thứ nhất và từ 2025 duy trì vị trí đứng thứ 2 trong số các ngân hàng Việt Nam được xếp hạng) của Tạp chí Fortune.

▪ **Các giải thưởng trong nước**

- 14 năm đạt TOP10 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam theo bảng xếp hạng VNR500.
- 04 năm đạt giải thưởng Sao Vàng đất Việt.
- 04 năm 2018, 2020, 2022 và 2024, đạt giải thưởng “Thương hiệu Quốc gia Việt Nam”.
- 04 năm đạt “Ngân hàng tiêu biểu vì Cộng đồng”; “Ngân hàng tiêu biểu về hỗ trợ đầu tư cho nông nghiệp công nghệ cao”; “Ngân hàng tiêu biểu về Tín dụng xanh”; “Ngân hàng bán lẻ tiêu biểu”.
- 14 ứng dụng và hệ thống công nghệ thông tin của Agribank được vinh danh tại giải thưởng Sao Khuê cho hệ thống công nghệ thông tin xuất sắc lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng và Ngân hàng số.
- Từ năm 2016 đến nay, Agribank thuộc Top đầu trong danh sách Doanh nghiệp nộp thuế lớn nhất Việt Nam.
- Asian Banking & Finance trao tặng “Ngân hàng thực hiện trách nhiệm xã hội và chương trình xanh của năm” và “Ngân hàng có giải pháp thanh toán trên điện thoại tốt nhất của năm”; “Ngân hàng bán lẻ nội địa tốt nhất năm tại Việt Nam 2020”.
- 05 năm đạt TOP 10 Thương hiệu mạnh Việt Nam lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.
- Top 10 Ngân hàng thương mại Việt Nam uy tín qua nhiều năm.
- 05 năm liên tiếp là ngân hàng xếp hạng cao nhất trong các ngân hàng Việt Nam tại bảng xếp hạng Thương hiệu ngân hàng giá trị nhất toàn cầu theo đánh giá của Công ty tư vấn định giá thương hiệu hàng đầu thế giới Brand Finance.
- Ngân hàng có thứ hạng cao nhất trong số những ngân hàng Việt Nam tại bảng xếp hạng 500 ngân hàng hàng đầu khu vực Châu Á Thái Bình Dương về quy mô tài sản trong năm 2021 được tạp chí The Asian Banker công bố.
- Giải thưởng Ngân hàng có mạng lưới ATM tốt nhất, dẫn đầu về chuyển đổi thẻ chip nội địa theo chuẩn VCCS do Công ty CP Thanh toán quốc gia Việt Nam (NAPAS) trao tặng. Giải thưởng Ngân hàng có tỷ lệ toàn vẹn dữ liệu cao nhất do Tổ chức thẻ quốc tế Mastercard vinh danh.
- Agribank – Ngân hàng dẫn đầu về tốc độ tăng trưởng tỉ lệ giao dịch thanh toán chạm.
- Giải thưởng top 5 thành viên giao dịch đặc biệt có thị phần giao dịch lớn nhất năm 2022 do Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam trao tặng.
- Đạt 14 giải thưởng Sao Khuê từ năm 2016 đến năm 2025



- Đạt giải thưởng “Ngân hàng cung cấp dịch vụ ngoại tệ tốt nhất Việt Nam năm 2025” do Tạp chí Asian Banking & Finance trao tặng.
- Giải thưởng Phát triển bền vững 2025 - Hạng mục Ngân hàng toàn diện và tác động xã hội của Hiệp hội Ngân hàng Tiết kiệm và Bán lẻ Thế giới (WSBI) và ESG;
- Top 10 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2025.
- Top 10 Ngân hàng ESG Việt Nam 2026.
- Giải thưởng “Special Recognition Award” cho giai đoạn 2024-2025 từ Ngân hàng Wells Fargo.
- Ngân hàng thương mại Việt Nam uy tín năm 2026.
- Ngân hàng cung cấp dịch vụ ngoại tệ tốt nhất Việt Nam năm 2026.

#### ▪ **Xếp hạng tín nhiệm quốc tế**

Được Tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế Moody’s (Moody’s) nâng hạng tiền gửi nội tệ và nhà phát hành nội tệ/ngoại tệ từ mức “Ba3” lên mức “Ba2” từ năm 2022 đến nay; và nâng triển vọng xếp hạng “Ổn định” từ năm 2022 lên “Tích cực” vào năm 2026; Được tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế Fitch Ratings xếp hạng là nhà phát hành dài hạn ở mức BB+ với triển vọng “Ổn định” từ năm 2023 đến nay. Mức xếp hạng tín nhiệm quốc tế của Agribank ngang bằng với trần xếp hạng quốc gia và là mức xếp hạng cao nhất trong số các ngân hàng tại Việt Nam.

#### ➤ **Tầm nhìn, giá trị cốt lõi, sứ mệnh, triết lý kinh doanh**

- **Tầm nhìn:** Phát triển theo hướng ngân hàng hiện đại, “tăng trưởng- an toàn- hiệu quả- bền vững”, khẳng định vai trò chủ lực trong đầu tư tín dụng phát triển nông nghiệp, nông dân và nông thôn; đủ sức cạnh tranh và hội nhập kinh tế quốc tế.
- **Giá trị cốt lõi:** Trung thực, Kỷ cương, Sáng tạo, Chất lượng, Hiệu quả.
- **Sứ mệnh:** Ngân hàng thương mại Nhà nước hàng đầu Việt Nam; giữ vai trò chủ lực trong đầu tư phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn và góp phần phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam.
- **Triết lý kinh doanh:** Mang phồn thịnh đến khách hàng.

#### ➤ **Trách nhiệm xã hội**

Là một trong các ngân hàng thương mại Nhà nước đóng vai trò chủ lực trong hệ thống ngân hàng, bên cạnh hoạt động kinh doanh, Agribank tích cực triển khai công tác hỗ trợ an ninh xã hội trên khắp cả nước, thể hiện tinh thần trách nhiệm với cộng đồng, góp phần tích cực thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững và Xây dựng nông thôn mới theo chủ trương của Đảng, Nhà nước.

Hàng năm, Agribank đều dành hàng trăm tỉ đồng để thực hiện nhiều chương trình an sinh xã



hội, tập trung vào các lĩnh vực xóa đói giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa, tài trợ giáo dục, y tế, giao thông nông thôn, quan tâm chia sẻ và hỗ trợ người nghèo, đồng bào vùng sâu vùng xa, dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn và giảm thiểu thiệt hại thiên tai, dịch bệnh.

Tiếp tục phát huy trách nhiệm với xã hội đối với cộng đồng trong nhiều năm qua, Agribank dành nhiều nguồn lực triển khai các chương trình tài trợ cho các dự án an sinh xã hội, hỗ trợ người dân nghèo và các địa phương có hoàn cảnh khó khăn. Agribank đặc biệt chú trọng đến việc phát triển hạ tầng nông thôn, cung cấp nguồn tín dụng ưu đãi cho nông dân, doanh nghiệp vừa và nhỏ trong các lĩnh vực phục vụ lợi ích cộng đồng như giáo dục, y tế và môi trường. Trong năm 2024, Agribank đã giành 686 tỷ đồng kinh phí cho các chương trình an sinh. Trong đó, tài trợ người nghèo là 317,6 tỷ đồng, tài trợ cho giáo dục là 167 tỷ đồng, an sinh xã hội là 123 tỷ đồng, tài trợ cho y tế là 41,5 tỷ đồng, tài trợ phòng chống thiên tai là 37,2 tỷ đồng.

Trong năm 2025, Agribank tiếp tục khẳng định trách nhiệm xã hội với ngân sách an sinh xã hội hơn 500 tỷ đồng, tập trung vào giáo dục, y tế, nhà ở cho người nghèo và hỗ trợ thiên tai.

Xác định giáo dục là nền tảng quan trọng của phát triển bền vững, Agribank dành nguồn lực lớn để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất giáo dục, trao học bổng và hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Trong giai đoạn 2020 - 2025, Agribank đã dành hơn 930 tỷ đồng cho các chương trình giáo dục như xây dựng trường học, thư viện, phòng máy tính, trao học bổng và hỗ trợ thiết bị học tập cho học sinh tại nhiều địa phương còn khó khăn. Một số dự án tiêu biểu trong năm 2025 như: Tài trợ xây dựng Trường Mầm non xã Thành Tâm (Thanh Hóa) với kinh phí 7 tỷ đồng; Hỗ trợ xây dựng Trường Tiểu học Tân Bình 1 (Cần Thơ/Hậu Giang) với kinh phí 5 tỷ đồng; Hỗ trợ xây dựng Trường Mầm non Thạch Lạc (Hà Tĩnh) với kinh phí 5 tỷ đồng. Những công trình này góp phần cải thiện điều kiện học tập cho học sinh tại các địa bàn khó khăn, tạo nền tảng cho sự phát triển nguồn nhân lực địa phương.

Với định hướng phát triển gắn với trách nhiệm xã hội, Agribank tích cực đồng hành cùng ngành y tế trong việc nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe cộng đồng, đặc biệt tại các địa bàn còn nhiều khó khăn. Năm 2025, Agribank đã tài trợ hơn 60 tỷ đồng cho các hoạt động hỗ trợ y tế và chăm sóc sức khỏe cộng đồng, trong đó tập trung hỗ trợ mua sắm trang thiết bị y tế, phương tiện cấp cứu và cơ sở vật chất cho nhiều bệnh viện tuyến tỉnh, tuyến huyện, góp phần nâng cao năng lực khám chữa bệnh, giảm tải cho tuyến trên và giúp người dân tiếp cận dịch vụ y tế kịp thời, hiệu quả hơn. Bên cạnh đó, Agribank triển khai nhiều hoạt động thiết thực như trao tặng thẻ bảo hiểm y tế cho người có hoàn cảnh khó khăn, tổ chức khám chữa bệnh và cấp phát thuốc miễn phí, phát động hiến máu tình nguyện trong toàn hệ thống. Các chương trình được triển khai đồng bộ, bền bỉ đã góp phần cải thiện điều kiện chăm sóc sức khỏe cho cộng đồng, lan tỏa giá trị nhân văn và khẳng định vai trò của Agribank trong việc đồng hành cùng phát triển an sinh xã hội bền vững.

Giai đoạn 2020 - 2025, Agribank đã dành hơn 798 tỷ đồng cho các chương trình xây dựng nhà tình nghĩa, nhà đại đoàn kết và hỗ trợ cải thiện điều kiện sống cho các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn. Các hoạt động này được triển khai tại nhiều địa phương, góp phần cải thiện điều kiện

*[Handwritten signature]*

*[Handwritten signature]*

*[Handwritten signature]*

68013  
ÂN H  
IG NG  
HÁT T  
NG TH  
IẾT N  
HA

68013  
ÂN H  
IG NG  
HÁT T  
NG TH  
IẾT N  
HA





sinh hoạt và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

Trước những diễn biến thiên tai phức tạp, Agribank luôn kịp thời triển khai các chương trình hỗ trợ người dân khắc phục hậu quả thiên tai và ổn định cuộc sống. Trong năm 2025, Agribank đã dành 100 tỷ đồng hỗ trợ các địa phương khắc phục hậu quả thiên tai, đồng thời triển khai nhiều chương trình hỗ trợ người dân phục hồi sản xuất và ổn định đời sống sau thiên tai. Bên cạnh đó, nhiều hoạt động cộng đồng khác như trao quà cho hộ nghèo, hỗ trợ sinh kế, tặng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế cho người có hoàn cảnh khó khăn cũng được Agribank triển khai thường xuyên trên toàn quốc.

Với những đóng góp tích cực cho công tác an sinh xã hội trong nhiều năm qua, Agribank được các tổ chức trong nước và quốc tế ghi nhận là Ngân hàng vì cộng đồng; Doanh nghiệp có thành tích xuất sắc phục vụ phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn và nông dân trong thời kỳ đổi mới; Doanh nghiệp thực hiện tốt trách nhiệm xã hội và phát triển cộng đồng; Ngân hàng thực hiện tốt trách nhiệm xã hội khu vực Đông Nam Á... Hình ảnh thương hiệu gắn liền với dấu ấn “Agribank – Ngân hàng vì cộng đồng” đã lan tỏa mọi miền Tổ quốc, đến tận vùng sâu vùng xa, biên giới, hải đảo.

## 2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ Chức Đăng ký Niêm yết

| NĂM  | MỐC LỊCH SỬ                                                                                                                                                                                   |
|------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1988 | Thành lập ngày 26/03/1988 với tên gọi Ngân hàng Phát triển Nông nghiệp Việt Nam.                                                                                                              |
| 1990 | Đổi tên thành Ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam.                                                                                                                                                 |
| 1995 | Thành lập Ngân hàng phục vụ người nghèo, nay là Ngân hàng Chính sách Xã hội, tách ra từ Ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam.                                                                       |
| 1996 | Đổi tên thành Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank).                                                                                                              |
| 2003 | Được phong tặng Danh hiệu Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới.                                                                                                                                  |
| 2005 | Mở Văn phòng đại diện đầu tiên tại nước ngoài tại Campuchia.<br>Được Nhà nước trao tặng Huân chương Độc lập hạng Ba.                                                                          |
| 2007 | Được Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) xếp hạng là Doanh nghiệp số 1 Việt Nam.                                                                                                     |
| 2008 | Được Nhà nước trao tặng Huân chương Độc lập hạng Nhì.<br>Đảm nhận chức Chủ tịch Hiệp hội Tín dụng Nông nghiệp và Nông thôn Châu Á – Thái Bình Dương (APRACA).                                 |
| 2009 | Vinh dự được đón Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam tới thăm và làm việc.<br>Khai trương hệ thống IPCAS II, kết nối trực tuyến toàn bộ 2.300 chi nhánh và phòng giao dịch trên toàn hệ thống. |
| 2010 | Chính thức khai trương Chi nhánh nước ngoài đầu tiên tại Campuchia                                                                                                                            |
| 2011 | Chuyển đổi hoạt động sang mô hình Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên do                                                                                                               |

*[Handwritten signatures and initials]*

4. C  
NG  
HIỆP  
RIỂN  
IÔN  
IM  
NỘI

3.P  
C  
C  
CHỦ  
AG  
G



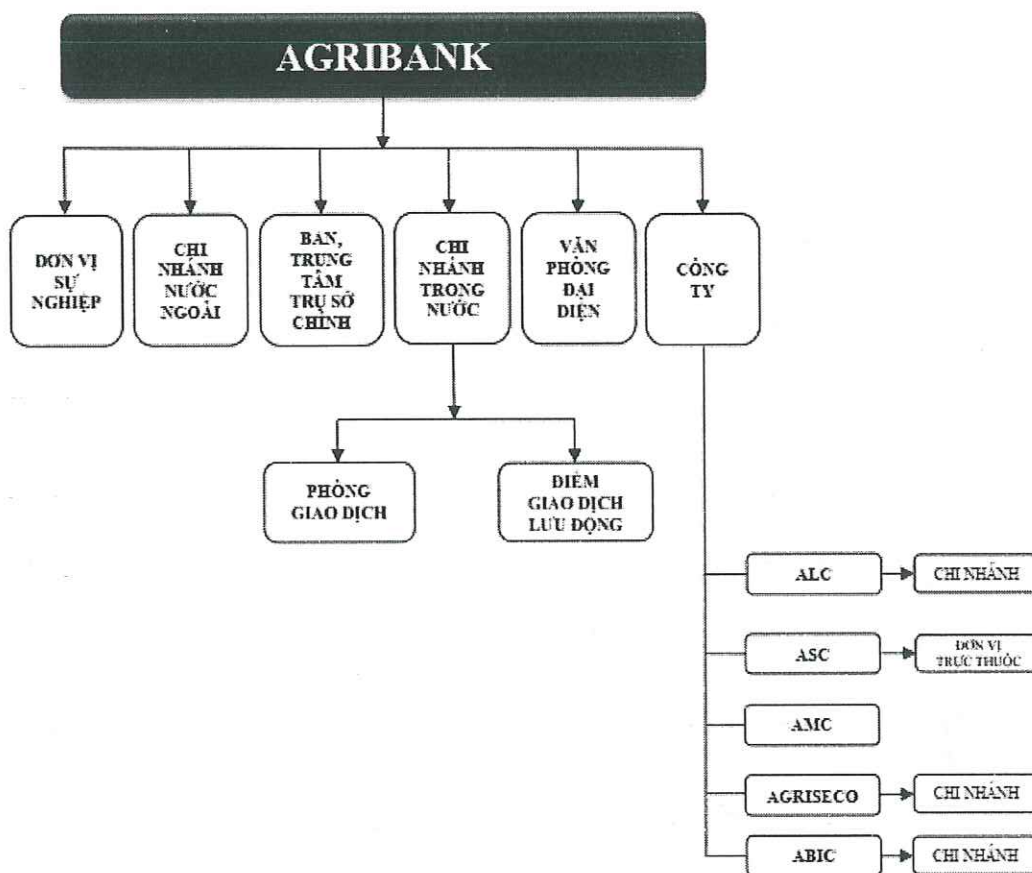
| NĂM         | MỐC LỊCH SỬ                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|             | Nhà nước làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ.                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| <b>2013</b> | Được Nhà nước trao tặng Huân chương Lao động hạng Ba.                                                                                                                                                                                                                                                       |
| <b>2014</b> | Thay đổi hệ thống nhận diện thương hiệu.                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| <b>2015</b> | Triển khai thành công Đề án tái cơ cấu giai đoạn 2013-2015.                                                                                                                                                                                                                                                 |
| <b>2016</b> | Tổng tài sản cán mốc trên 01 triệu tỷ đồng.                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| <b>2018</b> | Được Nhà nước trao tặng Huân chương lao động hạng Nhất.                                                                                                                                                                                                                                                     |
| <b>2019</b> | Lợi nhuận đạt mức cao kỷ lục trong 31 năm hoạt động.                                                                                                                                                                                                                                                        |
| <b>2020</b> | Thực hiện thành công Phương án cơ cấu lại Agribank gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016-2020.                                                                                                                                                                                                                |
| <b>2021</b> | Hoàn thành và phát huy tốt “sứ mệnh kép” của ngân hàng thương mại Nhà nước hàng đầu Việt Nam, vừa phòng chống dịch Covid-19 hiệu quả, vừa phát triển kinh tế- xã hội.<br>Ban hành Đề án Chiến lược phát triển Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. |
| <b>2022</b> | Lợi nhuận đạt mốc gần 1 tỷ Đô la Mỹ; đi đầu trong thực hiện chính sách an sinh xã hội, hỗ trợ người dân và doanh nghiệp vượt qua khó khăn                                                                                                                                                                   |
| <b>2023</b> | Được Nhà nước trao tặng Huân chương lao động hạng Nhất.<br>Tổng Tài sản vượt mốc 2 triệu tỷ đồng                                                                                                                                                                                                            |
| <b>2024</b> | Vốn điều lệ tăng lên 51.638.603.001.584 đồng.<br>Lợi nhuận vượt mốc 1 tỷ Đô la Mỹ.                                                                                                                                                                                                                          |
| <b>2025</b> | Hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh được Ngân hàng Nhà nước giao với kết quả đột phá, đạt mức cao nhất sau 05 năm triển khai Phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025.<br>Tổng tài sản vượt mốc 100 tỷ Đô la Mỹ.                                                     |







### 3. Cơ cấu tổ chức của Tổ Chức Đăng ký Niêm yết



(Nguồn: Agribank)

#### ❖ Đơn vị sự nghiệp

- **Trường Đào tạo cán bộ:** Trường Đào tạo cán bộ có chức năng tham mưu cho HĐQT, Tổng Giám đốc về hoạt động đào tạo; trực tiếp tổ chức triển khai các hoạt động đào tạo trong hệ thống Agribank.
- **Trung tâm Công nghệ Thông tin:** Trung tâm Công nghệ Thông tin có chức năng tham mưu cho HĐQT, Tổng Giám đốc về tổ chức, quản lý, vận hành hệ thống Công nghệ thông tin theo quy định của pháp luật, NHNN và Agribank. Thực hiện việc nghiên cứu, phát triển, ứng dụng công nghệ thông tin và quản trị, vận hành, giám sát các hệ thống công nghệ thông tin của Agribank.
- **Trung tâm Thẻ:** Trung tâm Thẻ Agribank có chức năng tham mưu, giúp việc cho HĐQT, Tổng Giám đốc về tổ chức, quản lý, vận hành hệ thống thẻ; tham gia kết nối thanh toán với các Tổ chức thẻ trong nước, quốc tế và các Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán; Nghiên cứu, phát triển, ứng dụng công nghệ và quản lý triển khai nghiệp vụ thẻ trong toàn hệ thống theo quy định của pháp luật, NHNN, Agribank và các Tổ chức thẻ trong nước, quốc tế mà Agribank là thành viên. Trực tiếp quản trị, giám sát, vận hành hệ thống thẻ, các chương trình phần mềm và thiết bị phần cứng liên quan đến hệ thống thẻ theo các quy định, quy trình



ng nghiệp vụ.

❖ **Hệ thống các Ban, Trung tâm tại Trụ sở chính**

- **Ban Chính sách tín dụng:** Ban Chính sách tín dụng có chức năng tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc ban hành các cơ chế chính sách, quy chế, quy trình nghiệp vụ tín dụng và triển khai các chương trình tín dụng chính sách của Chính phủ, NHNN. Thực hiện xây dựng và quản lý hạn mức cấp tín dụng đối với ngành, lĩnh vực, khách hàng, nhóm khách hàng có liên quan.
- **Ban Đầu tư và Cổ phần hóa:** Ban Đầu tư và Cổ phần hóa có chức năng tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng giám đốc trong việc ban hành và tổ chức triển khai thực hiện các quy định nội bộ về hoạt động đầu tư (bao gồm đầu tư và quản lý vốn của Agribank đầu tư vào công ty con, doanh nghiệp khác và dự án đầu tư ra nước ngoài thuộc đối tượng cơ sở ở nước ngoài); xây dựng kế hoạch, lộ trình cổ phần hóa Agribank; xây dựng phương án sử dụng các tài sản hình thành từ quỹ phúc lợi dự kiến chuyển giao cho Công đoàn Agribank khi cổ phần hóa; giám sát, kiểm tra việc thực hiện các chế độ, quy định của NHNN, Agribank trong quản lý hoạt động đầu tư; đầu mối, phối hợp với các đơn vị có liên quan nghiên cứu, đề xuất và triển khai thực hiện công việc theo kế hoạch, lộ trình cổ phần hóa đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; triển khai các nhiệm vụ cụ thể được giao sau cổ phần hóa Agribank.
- **Ban Công nghệ:** Ban Công nghệ có chức năng tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc hoạch định, xây dựng chiến lược, kế hoạch và chương trình phát triển công nghệ thông tin trong toàn hệ thống Agribank; tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc xây dựng, ban hành quy chế, quy định về công nghệ thông tin; đầu mối chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện và kiểm tra, giám sát các đơn vị tại Agribank thực hiện chính sách, quy định của pháp luật, NHNN, Agribank trong lĩnh vực công nghệ thông tin.
- **Ban Định chế Tài chính:** Ban Định chế Tài chính có chức năng tham mưu, giúp HĐQT, Tổng Giám đốc xây dựng và tổ chức triển khai chiến lược, chính sách, quy chế, quy định, quy trình quản lý hoạt động đối ngoại, hợp tác quốc tế của Agribank. Tham mưu, đề xuất quản lý, dự báo, xây dựng và tổ chức triển khai chính sách khách hàng, phát triển sản phẩm dịch vụ đối với khách hàng là định chế tài chính và kênh phân phối cung cấp sản phẩm dịch vụ cho định chế tài chính; thiết lập, duy trì, phát triển khách hàng định chế tài chính. Tham mưu, đề xuất xây dựng quy chế, quy định, quy trình; đầu mối tiếp cận, tiếp nhận, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức quản lý nguồn vốn dự án tín dụng nước ngoài, nguồn vốn tài trợ, dự án ngân hàng phục vụ, nguồn vốn Agribank nhận ủy thác từ nước ngoài.
- **Ban Kế hoạch Chiến lược:** Ban Kế hoạch Chiến lược có chức năng tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc ban hành và tổ chức triển khai thực hiện các cơ chế, quy chế, quy trình nghiệp vụ, đề án liên quan đến chiến lược kinh doanh, công tác kế hoạch, cân đối các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh; xếp loại, xếp hạng Agribank theo quy định của cơ quan quản lý Nhà nước; xếp loại, xếp hạng các chi nhánh theo quy định của Agribank; công

*[Handwritten signatures and stamps]*

10068  
NGÂN  
NÔNG  
/À PH  
NÔNG  
VIỆ  
TP. H

C.2  
TY  
ÂN  
OÁN  
VK  
P. H





tác thống kê, dự báo kinh tế, tài chính tiền tệ. Tham mưu trong công tác xây dựng và triển khai chiến lược kinh doanh trung, dài hạn; kế hoạch kinh doanh hàng quý, năm của toàn hệ thống Agribank.

- **Ban Khách hàng cá nhân:** Ban Khách hàng cá nhân có chức năng tham mưu giúp HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc quản lý, dự báo, xây dựng chiến lược, chính sách khách hàng đối với khách hàng cá nhân, tổ hợp tác, hộ gia đình (sau đây gọi chung là Khách hàng cá nhân). Tham mưu, đề xuất xây dựng, tổ chức triển khai, phát triển, quản lý các sản phẩm: huy động vốn, tín dụng, dịch vụ cung cấp đối với Khách hàng cá nhân; đề xuất việc phát triển các kênh phân phối để cung cấp các sản phẩm đối với Khách hàng cá nhân. Tham mưu, đề xuất trong việc thiết lập, quản lý, duy trì và phát triển Khách hàng cá nhân trong hệ thống Agribank.
- **Ban Khách hàng doanh nghiệp:** Ban Khách hàng doanh nghiệp có chức năng tham mưu giúp HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc quản lý, dự báo, xây dựng chiến lược, chính sách khách hàng đối với khách hàng là Doanh nghiệp và Pháp nhân khác không phải là doanh nghiệp (sau đây gọi chung là Khách hàng doanh nghiệp). Tham mưu, đề xuất xây dựng, tổ chức triển khai, phát triển, quản lý các sản phẩm: huy động vốn, tín dụng, dịch vụ cung cấp đối với Khách hàng doanh nghiệp; đề xuất việc phát triển các kênh phân phối để cung cấp các sản phẩm đối với Khách hàng doanh nghiệp. Tham mưu, đề xuất trong việc thiết lập, quản lý, duy trì và phát triển Khách hàng doanh nghiệp trong hệ thống Agribank.
- **Ban Kiểm tra, giám sát nội bộ:** Ban Kiểm tra, giám sát nội bộ có chức năng tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng giám đốc trong công tác kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Agribank đối với các hoạt động tại đơn vị; tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng giám đốc trong công tác xử lý đơn thư; phòng, chống tham nhũng tiêu cực và tội phạm.
- **Ban Ngân hàng số:** Ban Ngân hàng số có chức năng tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc chỉ đạo, điều hành và triển khai chiến lược chuyển đổi số trong toàn hệ thống Agribank; đề xuất và xây dựng giải pháp kỹ thuật để triển khai các sản phẩm liên quan đến ngân hàng số; hỗ trợ các đơn vị trong quá trình chuyển đổi số.
- **Ban Pháp chế:** Ban Pháp chế có chức năng tham mưu, giúp việc cho HĐQT, Tổng Giám đốc về các vấn đề pháp lý liên quan đến tổ chức, quản lý và hoạt động của Agribank. Giám sát tuân thủ việc xây dựng và ban hành văn bản trong hệ thống Agribank. Quản lý, hướng dẫn, tổ chức kiểm tra chuyên đề việc thực hiện cơ chế, quy chế, quy trình nghiệp vụ thuộc chức năng, nhiệm vụ của Ban.
- **Ban Quản lý đầu tư nội ngành:** Ban Quản lý đầu tư nội ngành có chức năng tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc xây dựng, ban hành và tổ chức triển khai thực hiện các quy định nội bộ về lĩnh vực quản lý đầu tư xây dựng; đầu tư, mua sắm, thuê, cho thuê và quản lý tài sản trong hệ thống Agribank. Giám sát việc thực hiện các quy định nội

*[Handwritten signatures and initials]*





bộ về lĩnh vực quản lý đầu tư xây dựng; đầu tư, mua sắm, thuê, cho thuê và quản lý tài sản trong hệ thống Agribank.

- **Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực:** Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực có chức năng trực tiếp tổ chức quản lý dự án theo phân công của Người có thẩm quyền quyết định đầu tư và Chủ đầu tư; chịu trách nhiệm trước pháp luật, Người có thẩm quyền quyết định đầu tư và Chủ đầu tư về các hoạt động của mình. Tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc trong lĩnh vực quản lý dự án đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật và của Agribank. Thực hiện một số chức năng khác theo phân công của Người có thẩm quyền quyết định đầu tư và của Chủ đầu tư đúng theo quy định của pháp luật và của Agribank.
- **Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Trụ sở chính Agribank:** Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Trụ sở chính Agribank có chức năng tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc triển khai dự án đầu tư xây dựng Trụ sở chính Agribank tại Lô 23-E3 Cầu Giấy, Hà Nội; thực hiện nhiệm vụ quản lý dự án theo thẩm quyền được giao và quy định của pháp luật.
- **Ban Quản lý tài sản Nợ - tài sản Có:** Ban Quản lý tài sản Nợ - tài sản Có có chức năng tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc, Hội đồng ALCO, Hội đồng quản lý vốn trong công tác ban hành và tổ chức triển khai thực hiện các cơ chế, quy trình nghiệp vụ liên quan đến công tác quản lý tài sản Nợ - tài sản Có và đánh giá nội bộ về mức đủ vốn của Agribank; xây dựng và vận hành cơ chế điều hành vốn nội bộ. Tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc trong công tác phát triển hệ thống thông tin quản lý về mặt nghiệp vụ.
- **Ban Tài chính Kế toán:** Ban Tài chính kế toán có chức năng tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng trong việc thực hiện các quy định của Nhà nước về lĩnh vực tài chính kế toán, tiền tệ kho quỹ trong hệ thống Agribank. Quản lý, giám sát, kiểm tra, tổ chức thực hiện công tác tài chính kế toán, tiền tệ kho quỹ trong hệ thống Agribank theo quy định của Nhà nước và quy định nội bộ của Agribank. Lập, quản lý báo cáo tài chính, báo cáo kế toán, tiền tệ kho quỹ theo quy định của Nhà nước và Agribank. Quản lý, khai thác và cung cấp thông tin số liệu kế toán tài chính, tiền tệ kho quỹ của Agribank phục vụ công tác quản trị điều hành.
- **Ban Thẩm định và phê duyệt tín dụng:** Ban Thẩm định và phê duyệt tín dụng có chức năng tham mưu, giúp HĐQT, Tổng Giám đốc trong công tác phê duyệt các khoản cấp tín dụng vượt thẩm quyền của Chi nhánh; phê duyệt Hạn mức tín dụng đối với các Định chế tài chính. Phê duyệt các khoản cấp tín dụng theo phân cấp, ủy quyền trong từng thời kỳ.
- **Ban Thư ký tổng hợp:** Ban Thư ký tổng hợp có chức năng tham mưu, giúp Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng trong công tác chỉ đạo, điều hành hoạt động của Agribank. Tham mưu, đề xuất Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc phân công tổ chức triển khai thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, NHNN, các cơ quan, Bộ ngành, cấp ủy Đảng và HĐQT Agribank. Tổng hợp, theo dõi, đôn đốc các cá nhân, đơn vị thành viên Trụ sở chính thực hiện chương trình công tác và các nhiệm vụ do Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng chỉ đạo; đề xuất giám sát, kiểm tra việc tuân thủ quy định điều hành, lề lối

*[Handwritten signature]*

*[Handwritten signature]*

*[Handwritten signature]*





làm việc của các cá nhân, đơn vị thành viên Trụ sở chính theo quy định.

- **Ban Tổ chức nhân sự:** Ban Tổ chức nhân sự có chức năng tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng giám đốc trong việc ban hành và tổ chức triển khai thực hiện các quy định nội bộ về mô hình tổ chức, mạng lưới hoạt động, công tác nhân sự, quản lý lao động, tiền lương theo phân cấp, công tác thi đua, khen thưởng và các công việc có liên quan trong hệ thống Agribank theo quy định; tham mưu HĐQT, Tổng giám đốc trong quản lý, hướng dẫn, giám sát việc thực hiện các quy định nội bộ thuộc chức năng, nhiệm vụ của Ban. Từ năm 2025, thực hiện chủ trương tinh gọn bộ máy, chức năng nhiệm vụ về công tác thi đua, khen thưởng được hợp nhất vào Ban Tổ chức nhân sự.
- **Ban Truyền thông:** Ban Truyền thông có chức năng tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng giám đốc trong việc ban hành và tổ chức triển khai thực hiện các quy định nội bộ về công tác truyền thông và quan hệ công chúng; phát triển thương hiệu và marketing; quản lý và phát triển văn hóa doanh nghiệp, thực hiện công tác truyền thông nội bộ trong toàn hệ thống Agribank; phối hợp tổ chức tập huấn và đào tạo theo chuyên đề, giải đáp các vướng mắc, các nội dung liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Ban.
- **Trung tâm Phòng, chống rửa tiền Agribank:** Trung tâm Phòng, chống rửa tiền Agribank thực hiện chức năng tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng giám đốc trong việc xây dựng, ban hành và tổ chức triển khai thực hiện các quy định nội bộ liên quan đến hoạt động phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt trong hệ thống Agribank; tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng giám đốc thực hiện các biện pháp phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; công tác phòng, chống khủng bố tại Agribank.
- **Trung tâm Chăm sóc khách hàng:** Trung tâm Chăm sóc khách hàng có chức năng tham mưu, giúp HĐQT, Tổng Giám đốc trong lĩnh vực chăm sóc, hỗ trợ khách hàng theo quy định của pháp luật và của Agribank. Tham mưu, đề xuất xây dựng, tổ chức triển khai, thực hiện công tác chăm sóc, hỗ trợ khách hàng của Agribank; tham gia nghiên cứu, khảo sát thị trường, giới thiệu, tư vấn, quảng bá các sản phẩm dịch vụ, chương trình khuyến mại, marketing của Agribank thông qua các kênh của Trung tâm.
- **Trung tâm Dịch vụ thanh toán và Kiếu hối:** Trung tâm Dịch vụ thanh toán và Kiếu hối có chức năng tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc ban hành quy định nội bộ về lĩnh vực thanh toán trong nước, kiếu hối, chuyển tiền ngoại tệ cá nhân ra nước ngoài theo quy định của Agribank, NHNN và pháp luật; tổ chức quản lý, phát triển, triển khai sản phẩm dịch vụ thanh toán trong nước, kiếu hối, chuyển tiền ngoại tệ cá nhân ra nước ngoài của Agribank.
- **Trung tâm Kinh doanh Vốn và Tiền tệ:** Trung tâm Kinh doanh Vốn và Tiền tệ có chức năng tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc về chiến lược, chính sách, quy định, quy trình trong hoạt động kinh doanh vốn, ngoại tệ và phái sinh của Agribank. Trực tiếp kinh doanh vốn, ngoại tệ và phái sinh trên thị trường liên ngân hàng trong nước và quốc tế thuộc Sở kinh doanh theo quy định của pháp luật và Agribank. Thực hiện giao dịch các sản phẩm kinh doanh vốn, ngoại tệ và phái sinh cho Sở ngân hàng theo quy định.
- **Trung tâm Phê duyệt tín dụng tại Thành phố Hồ Chí Minh:** Trung tâm Phê duyệt tín dụng tại Thành phố Hồ Chí Minh có chức năng tham mưu, giúp HĐQT, Tổng Giám đốc

*[Handwritten signatures and stamps]*





- trong công tác phê duyệt cấp tín dụng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Thực hiện thẩm quyền phê duyệt các khoản cấp tín dụng áp dụng cho Trung tâm phê duyệt tín dụng khu vực theo quy định của HĐTV từng thời kỳ; chấp thuận chủ trương trước khi triển khai quy trình cấp tín dụng đối với các trường hợp phải trình chủ trương thuộc thẩm quyền của Trung tâm.
- **Trung tâm Quản lý nợ có vấn đề:** Trung tâm Quản lý nợ có vấn đề có chức năng tham mưu, đề xuất HĐTV, Tổng Giám đốc trong quản lý, xử lý các khoản cấp tín dụng có vấn đề (nợ nhóm 2 đến nợ nhóm 5, nợ xử lý rủi ro và các khoản nợ khác theo quy định của Agribank trong từng thời kỳ). Tham mưu, đề xuất Hội đồng xử lý rủi ro Trụ sở chính trong việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động cấp tín dụng của Agribank.
  - **Trung tâm Quản lý rủi ro phi tín dụng:** Trung tâm Quản lý rủi ro phi tín dụng có chức năng tham mưu, đề xuất HĐTV, Tổng Giám đốc trong việc quản lý rủi ro phi tín dụng, bao gồm: Rủi ro thị trường, rủi ro tập trung đối với hoạt động giao dịch tự doanh, rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, rủi ro thanh khoản và rủi ro hoạt động; thực hiện đo lường, theo dõi và báo cáo về quản lý rủi ro (QLRR) phi tín dụng. Tham mưu, đề xuất Hội đồng rủi ro trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ về QLRR phi tín dụng theo quy định.
  - **Trung tâm Quản lý rủi ro tín dụng:** Trung tâm Quản lý rủi ro tín dụng có chức năng tham mưu, đề xuất HĐTV, Tổng Giám đốc trong việc quản lý rủi ro (QLRR) tín dụng; quản lý rủi ro tập trung trong hoạt động cấp tín dụng (QLRR tập trung tín dụng); thực hiện đo lường, theo dõi và báo cáo về QLRR tín dụng, QLRR tập trung tín dụng. Tham mưu, đề xuất Hội đồng xử lý rủi ro Trụ sở chính và các Hội đồng khác có liên quan trong việc theo dõi, giám sát phân loại, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro trong hoạt động cấp tín dụng và đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp của Agribank. Tham mưu, đề xuất Hội đồng rủi ro trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ về QLRR tín dụng, QLRR tập trung tín dụng theo quy định.
  - **Trung tâm Tài trợ thương mại:** Trung tâm Tài trợ thương mại có chức năng tham mưu, đề xuất HĐTV, Tổng Giám đốc trong việc xây dựng, ban hành và tổ chức triển khai các cơ chế, quy chế, quy định, quy trình nghiệp vụ, chiến lược, chính sách phát triển hoạt động thanh toán, chuyển tiền quốc tế (bao gồm hoạt động thanh toán biên giới) và tài trợ thương mại đối với khách hàng là Doanh nghiệp và Pháp nhân khác không phải là doanh nghiệp (sau đây gọi chung là Khách hàng doanh nghiệp). Thực hiện tác nghiệp tập trung nghiệp vụ thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại tại Agribank đối với Khách hàng doanh nghiệp.
  - **Trung tâm Thanh toán:** Trung tâm Thanh toán Agribank có chức năng tham mưu, đề xuất HĐTV, Tổng Giám đốc về tổ chức, quản lý, vận hành hệ thống thanh toán nội bộ, tham gia thanh toán với các tổ chức thanh toán trong nước và quốc tế; trực tiếp quản lý, giám sát về nghiệp vụ, vận hành các hệ thống/chương trình thanh toán tại Trụ sở chính theo các quy định, quy trình nghiệp vụ; thực hiện nghiệp vụ hạch toán kế toán thuộc cân đối Trụ sở chính.
  - **Văn phòng Trụ sở chính:** Văn phòng Trụ sở chính có chức năng tham mưu, giúp HĐTV, Tổng giám đốc trong việc ban hành và tổ chức triển khai thực hiện các quy định nội bộ về quản lý, vận hành công tác văn phòng tại Trụ sở chính và lĩnh vực lưu trữ trong hệ thống Agribank; tham mưu, giúp HĐTV, Tổng giám đốc trong quản lý công tác kế hoạch tài chính, tài sản và tổ chức thực hiện công tác hành chính, quản trị, lễ tân tại Trụ sở chính; tổ chức tiếp nhận, lưu trữ, quản lý, khai thác và sử dụng các tài liệu lưu trữ của Trụ sở chính

*[Handwritten signatures and initials]*





Agribank; hỗ trợ, hướng dẫn và quản lý công tác lưu trữ trong toàn hệ thống Agribank.

- **Trung tâm Quản lý dữ liệu:** Trung tâm Quản lý dữ liệu có chức năng tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc về chiến lược quản trị dữ liệu, chính sách, quy định, quy trình trong hoạt động quản trị, quản lý, vận hành và phân tích dữ liệu của Agribank; Quản lý, vận hành dữ liệu đảm bảo an toàn, phục vụ hiệu quả công tác quản trị, điều hành, quản lý rủi ro, phòng chống gian lận và hỗ trợ ra quyết định của Agribank; Xây dựng, triển khai ứng dụng công nghệ hiện đại vào quản lý, vận hành và phân tích dữ liệu phù hợp theo quy định của pháp luật và quy định của Agribank

❖ **Văn phòng đại diện**

- **Văn phòng Đại diện Khu vực Miền Nam:** Thực hiện chức năng tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc trong công tác chỉ đạo, quản lý điều hành hoạt động của các Chi nhánh trong khu vực theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị và công tác ban hành, tổ chức triển khai thực hiện các quy định nội bộ liên quan đến chiến lược kinh doanh, công tác phát triển sản phẩm dịch vụ cho các chi nhánh trong khu vực, công tác thống kê, dự báo kinh tế, tài chính tiền tệ tại khu vực; Đại diện theo ủy quyền và bảo vệ lợi ích của Agribank tại các tỉnh, thành phố trong khu vực.
- **Văn phòng Đại diện Khu vực Miền Trung:** Thực hiện chức năng tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc trong công tác chỉ đạo, quản lý điều hành hoạt động của các Chi nhánh trong khu vực theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị và công tác ban hành, tổ chức triển khai thực hiện các quy định nội bộ liên quan đến chiến lược kinh doanh, công tác phát triển sản phẩm dịch vụ cho các chi nhánh trong khu vực, công tác thống kê, dự báo kinh tế, tài chính tiền tệ tại khu vực; Đại diện theo ủy quyền và bảo vệ lợi ích của Agribank tại các tỉnh, thành phố trong khu vực.
- **Văn phòng Đại diện Khu vực Tây Nam Bộ:** Thực hiện chức năng tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc trong công tác chỉ đạo, quản lý điều hành hoạt động của các Chi nhánh trong khu vực theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị và công tác ban hành, tổ chức triển khai thực hiện các quy định nội bộ liên quan đến chiến lược kinh doanh, công tác phát triển sản phẩm dịch vụ cho các chi nhánh trong khu vực, công tác thống kê, dự báo kinh tế, tài chính tiền tệ tại khu vực; đại diện theo ủy quyền và bảo vệ lợi ích của Agribank tại các tỉnh, thành phố trong khu vực.

- ❖ **Chi nhánh loại I:** Chi nhánh loại I là Chi nhánh thuộc sự quản lý, điều hành của Agribank.
- ❖ **Chi nhánh loại II:** Chi nhánh loại II là Chi nhánh thuộc sự quản lý, điều hành của Agribank và chịu sự quản lý, điều hành của Chi nhánh loại I theo phân cấp của Agribank.
- ❖ **Phòng giao dịch:** Phòng giao dịch là loại hình Chi nhánh, được quản lý bởi một Chi nhánh của Agribank, hạch toán báo sổ, có con dấu, có địa điểm đặt trụ sở trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi đặt trụ sở Chi nhánh quản lý; có nhiệm vụ thực hiện một hoặc một số chức năng của Agribank theo quy định của pháp luật, NHNN.
- ❖ **Công ty con và Chi nhánh ở nước ngoài:** Công ty con và Chi nhánh ở nước ngoài hoạt động theo Điều lệ (Công ty con hoạt động theo điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty con, chi nhánh nước ngoài hoạt động theo quy chế tổ chức và hoạt động của chi nhánh nước

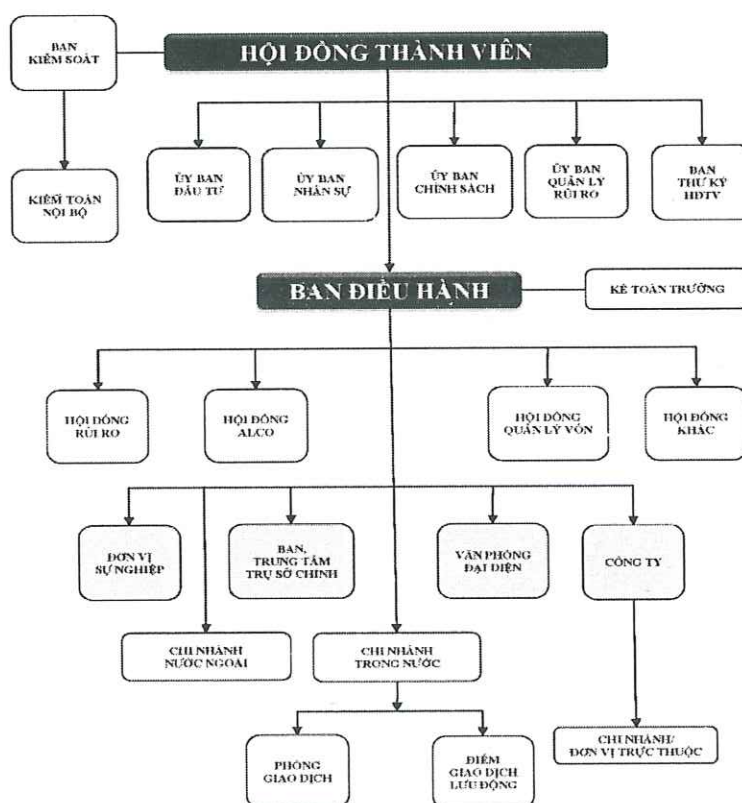
*[Handwritten signatures and initials]*



ngoài).

- ❖ **Điểm giao dịch lưu động:** Là bộ phận thuộc cơ cấu tổ chức hoạt động của một chi nhánh Agribank, được sử dụng con dấu và tư cách pháp lý của chi nhánh trực tiếp quản lý để thực hiện một số lĩnh vực, nghiệp vụ kinh doanh theo quy định của pháp luật, NHNN và Agribank.

#### 4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ Chức Đăng ký Niêm yết



(Nguồn: Agribank)

#### ❖ Hội đồng thành viên

- Hội đồng thành viên gồm tất cả người đại diện theo ủy quyền của Chủ sở hữu, nhân danh Chủ sở hữu tổ chức thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ sở hữu theo quy định; là cơ quan quản trị, có toàn quyền nhân danh Agribank để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Agribank.
- HĐTV bao gồm tất cả các thành viên có quyền biểu quyết, hoạt động thông qua cuộc họp HĐTV định kỳ, họp HĐTV bất thường hoặc thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản.
- HĐTV có nhiệm vụ xác định, quyết định chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh và các chính sách, quy chế hoạt động, cơ cấu tổ chức... của Agribank và các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Agribank.
- Các thành viên HĐTV bao gồm:





| Họ và tên              | Chức vụ                         |
|------------------------|---------------------------------|
| Ông Tô Huy Vũ          | Chủ tịch HĐQT                   |
| Ông Phạm Toàn Vượng    | Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc |
| Bà Nguyễn Thị Thảo     | Thành viên HĐQT                 |
| Ông Nguyễn Minh Phương | Thành viên HĐQT                 |
| Ông Lê Xuân Trung      | Thành viên HĐQT                 |
| Bà Từ Thị Kim Thanh    | Thành viên HĐQT                 |
| Ông Trần Văn Dũng      | Thành viên HĐQT                 |

❖ Các đơn vị tham mưu, giúp việc của Hội đồng thành viên bao gồm:

- Ủy ban Đầu tư: Ủy ban Đầu tư có chức năng tham mưu, giúp HĐQT trong hoạt động đầu tư nội ngành và một số công việc khác có liên quan theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Agribank.
- Ủy ban Nhân sự: Ủy ban Nhân sự có chức năng tham mưu, giúp HĐQT, Chủ tịch HĐQT trong lĩnh vực tổ chức, nhân sự, tiền lương và một số công việc khác có liên quan theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Agribank.
- Ủy ban Chính sách: Ủy ban Chính sách có chức năng tham mưu, giúp HĐQT trong việc ban hành các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của Agribank; xây dựng chiến lược, kế hoạch kinh doanh và một số công việc khác có liên quan theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Agribank.
- Ủy ban Quản lý rủi ro: Ủy ban Quản lý rủi ro có chức năng tham mưu, giúp HĐQT thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn liên quan đến quản lý rủi ro và một số công việc khác có liên quan theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Agribank.
- Ban Thư ký Hội đồng thành viên: Ban Thư ký HĐQT có chức năng tham mưu, giúp HĐQT, Chủ tịch HĐQT giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Agribank; theo dõi, đôn đốc các cá nhân, đơn vị thực hiện nhiệm vụ do HĐQT, Chủ tịch HĐQT chỉ đạo.

❖ Ban kiểm soát

- Ban Kiểm soát thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm soát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Chủ sở hữu, HĐQT.
- Thành viên Ban kiểm soát bao gồm:

| Họ và tên            | Chức vụ                  |
|----------------------|--------------------------|
| Ông Phạm Đức Tuấn    | Trưởng Ban kiểm soát     |
| Ông Lê Văn Đề        | Thành viên Ban kiểm soát |
| Ông Nguyễn Xuân Hùng | Thành viên Ban kiểm soát |

*[Handwritten signatures and initials]*



| Họ và tên            | Chức vụ                  |
|----------------------|--------------------------|
| Ông Phạm Văn Minh    | Thành viên Ban kiểm soát |
| Bà Thái Thị An Hoa   | Thành viên Ban kiểm soát |
| Ông Lê Mạnh Thắng    | Thành viên Ban kiểm soát |
| Ông Nguyễn Quang Hải | Thành viên Ban kiểm soát |
| Ông Nguyễn Văn Thành | Thành viên Ban kiểm soát |
| Ông Đinh Việt Đông   | Thành viên Ban kiểm soát |

❖ **Kiểm toán nội bộ**

- Kiểm toán nội bộ là việc thực hiện rà soát, đánh giá độc lập, khách quan đối với hệ thống kiểm soát nội bộ; Đánh giá độc lập về tính thích hợp và tuân thủ quy định, chính sách nội bộ, thủ tục, quy trình đã được thiết lập trong hệ thống Agribank; đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm Agribank hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.
- Bộ phận Kiểm toán nội bộ là đơn vị trực thuộc Ban kiểm soát, thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ (tuyên bảo vệ thứ ba trong Hệ thống kiểm soát nội bộ của Agribank).

❖ **Ban Điều hành**

- Ban điều hành chịu trách nhiệm quản lý, điều hành công việc hàng ngày của Agribank theo Điều lệ của Agribank. Ban Điều hành chịu sự giám sát của HĐQT, Ban Kiểm soát.
- Thành viên Ban Điều hành, Kế toán trưởng bao gồm:

| Họ và Tên                | Chức vụ           |
|--------------------------|-------------------|
| Ông Phạm Toàn Vượng      | Tổng Giám đốc     |
| Ông Vương Hồng Lĩnh      | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Đỗ Đức Thành         | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Phạm Chí Thành       | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Đoàn Ngọc Lưu        | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Quang Hùng    | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Hoàng Minh Ngọc      | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Lê Hồng Phúc         | Phó Tổng Giám đốc |
| Bà Phùng Thị Bình        | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Lê Văn Xuất          | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Phùng Văn Hưng Quang | Kế toán trưởng    |

❖ **Các hội đồng giúp việc của Ban điều hành**

- **Hội đồng Rủi ro:** Hội đồng Rủi ro có chức năng tham mưu, đề xuất Tổng Giám đốc trong

*[Handwritten signature]*

*[Handwritten signature]*

*[Handwritten signature]*





việc giám sát các cá nhân, đơn vị trong việc triển khai thực hiện quản lý rủi ro của Agribank.

- **Hội đồng ALCO:** Hội đồng ALCO có chức năng tham mưu, đề xuất Tổng Giám đốc giám sát các cá nhân, đơn vị trong việc quản lý Tài sản/Nợ phải trả của Agribank.
- **Hội đồng Quản lý vốn:** Hội đồng Quản lý vốn có chức năng tham mưu, đề xuất Tổng Giám đốc giám sát, chỉ đạo các cá nhân, đơn vị trong việc thực hiện đánh giá nội bộ về mức đủ vốn của Agribank.
- **Các Hội đồng khác:** Các Hội đồng khác được thành lập và tổ chức hoạt động theo quyết định của các cấp có thẩm quyền, có chức năng tham mưu, đề xuất trong việc giám sát, điều hành các hoạt động khác của Agribank.

- ❖ **Đơn vị sự nghiệp:** Như trình bày tại Khoản 3 Mục IV.
- ❖ **Hệ thống Ban, Trung tâm tại Trụ sở chính:** Như trình bày tại Khoản 3 Mục IV.
- ❖ **Văn phòng đại diện:** Như trình bày tại Khoản 3 Mục IV.
- ❖ **Chi nhánh, Phòng giao dịch:** Như trình bày tại Khoản 3 Mục IV.
- ❖ **Công ty con và Chi nhánh nước ngoài:** Như trình bày tại Khoản 5 Mục IV.

**5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ Chức Đăng ký Niêm yết, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối đối với Tổ Chức Đăng ký Niêm yết, những công ty mà Tổ Chức Đăng ký Niêm yết nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối**

**5.1. Công ty mẹ, tổ chức nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Agribank**  
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là cơ quan nhà nước đang nắm quyền kiểm soát Agribank, cụ thể như sau:

- Tên: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN)
- Địa chỉ: 49 Lý Thái Tổ - Hoàn Kiếm - Hà Nội.
- Ngân hàng nhà nước Việt Nam tiền thân là Ngân hàng Quốc gia Việt Nam, được thành lập ngày 06/05/1951 theo sắc lệnh số 15/SL của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ngày 26/10/1961, Ngân hàng Quốc gia Việt Nam được đổi tên thành Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- Chức năng, nhiệm vụ và hoạt động chính:
  - NHNN là cơ quan ngang bộ của Chính phủ và là Ngân hàng trung ương của Việt Nam, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối; thực hiện chức năng Ngân hàng trung ương về phát hành tiền, ngân hàng của các TCTD và cung ứng dịch vụ tiền tệ cho Chính phủ.
  - Hoạt động của NHNN là nhằm ổn định giá trị đồng tiền; bảo đảm sự an toàn hoạt động

*[Handwritten signatures and stamps]*



ngân hàng và hệ thống các TCTD; bảo đảm sự an toàn, hiệu quả của hệ thống thanh toán quốc gia; góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

- Vốn điều lệ: Không có, vì NHNN là cơ quan quản lý Nhà nước.
- Tỷ lệ vốn nắm giữ của NHNN tại Agribank (tại thời điểm 30/06/2026) là 100% vốn điều lệ.

**5.2. Danh sách công ty con, công ty Agribank nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối tại ngày 31/07/2026**

| 1 Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (“ALC”) |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                                                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trụ sở chính: Số 4, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, thành phố Hà Nội.</li> <li>- Ngày thành lập: 14/07/1998.</li> <li>- Giấy phép thành lập và hoạt động: 238/1998/QĐ-NHNN 14 tháng 7 năm 1998 do Thống đốc NHNN Việt Nam cấp.</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế doanh nghiệp nhà nước: 0100780297 (số đăng ký kinh doanh cũ: 0106000597) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07/12/2005, cấp thay đổi lần thứ 10 ngày 06/12/2019.</li> <li>- Hoạt động kinh doanh chính: Cho thuê tài chính.</li> <li>- Tỷ lệ sở hữu của Agribank tại công ty: 100%.</li> </ul> |
| 2 Công ty TNHH MTV Dịch vụ Ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam (“Công ty Dịch vụ”)                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|                                                                                                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trụ sở chính: Số 10, phố Chùa Bộc, phường Kim Liên, thành phố Hà Nội.</li> <li>- Ngày thành lập: 15/04/2011.</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép hoạt động: 0101452242 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/04/2011, cấp thay đổi lần thứ 8 ngày 04/8/2025.</li> <li>- Hoạt động kinh doanh chính: In thương mại, quảng cáo thiết kế thi công các công trình xây dựng cơ bản, đào tạo và cung cấp các dịch vụ ngân quỹ cho Ngân hàng.</li> <li>- Tỷ lệ sở hữu của Agribank tại công ty: 100%.</li> </ul>                                                                |
| 3 Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Agribank (“Agribank AMC”)                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|                                                                                                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trụ sở chính: Tầng 8, tầng 9, số nhà 135 đường Lạc Long Quân, phường Tây Hồ, thành phố Hà Nội.</li> <li>- Ngày thành lập: 25/03/2013.</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép hoạt động: 0106134589 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 25/03/2013, cấp thay đổi lần thứ 13 ngày 04/04/2023</li> <li>- Hoạt động kinh doanh chính: Quản lý và khai thác tài sản.</li> <li>- Tỷ lệ sở hữu của Agribank tại công ty: 100%.</li> </ul>                                                                                                                                           |
| 4 CTCP Chứng khoán Agribank (“Agriseco”)                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|                                                                                                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trụ sở chính: Tầng 5, Tòa nhà Green Diamond, số 93 Láng Hạ, phường Đống Đa, thành phố Hà Nội.</li> <li>- Ngày thành lập: 04/05/2001.</li> <li>- Giấy phép hoạt động: 108/UBCK-GP ngày 10/7/2009 và giấy phép điều chỉnh số 31/GPĐC-UBCK ngày 30/6/2025 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: số 0101150107 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 04/05/2001, cấp thay đổi lần thứ 12 ngày 25/08/2025.</li> <li>- Hoạt động kinh doanh chính: Kinh doanh chứng khoán.</li> <li>- Tỷ lệ sở hữu của Agribank tại công ty: 74,92%.</li> </ul>               |

*[Handwritten signatures and initials]*



**5 CTCP Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp (“ABIC”)**

- Trụ sở chính: Tầng 6 – Tòa nhà 29T1, Hoàng Đạo Thúy, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội.
- Ngày thành lập: 18/10/2006.
- Giấy chứng nhận đăng ký hoặc giấy phép hoạt động: 38/GP/KDBH ngày 18 tháng 10 năm 2006 và Giấy phép điều chỉnh số 38/GPĐC10/KDBH ngày 27 tháng 10 năm 2025 do Bộ Tài chính cấp.
- Hoạt động kinh doanh chính: Dịch vụ bảo hiểm, tái bảo hiểm, đầu tư tài chính.
- Tỷ lệ sở hữu của Agribank tại công ty: 52,08%.

(Nguồn: Agribank)

**5.3. Danh sách công ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Agribank**

Agribank là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là đơn vị đại diện vốn chủ sở hữu tại Agribank.

**6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ Chức Đăng ký Niêm yết**

Đơn vị: Đồng

| Năm  | Số vốn tăng       | Vốn sau khi tăng   | Hình thức tăng                                                                                         | Căn cứ pháp lý                                                                                 |
|------|-------------------|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2011 | 118.470.000.000   | 21.160.111.522.375 | Lãi được nhận từ Trái Phiếu Chính Phủ đặc biệt                                                         | Thông tư 100/2002/TT-BTC ngày 04/11/2002 của Bộ Tài chính                                      |
| 2012 | 4.700.000.000.000 | 25.860.111.522.375 | Cấp bổ sung vốn điều lệ theo Quyết định 3000/QĐ-BTC ngày 12/12/2011                                    | Quyết định 439/QĐ – BTC ngày 2/3/2012 của Bộ Tài Chính                                         |
| 2012 | 118.470.000.000   | 25.978.581.522.375 | Lãi được nhận từ Trái Phiếu Chính Phủ đặc biệt                                                         | Thông tư 100/2002/TT-BTC ngày 04/11/2002 của Bộ Tài chính                                      |
| 2012 | 100.347.057.409   | 26.078.928.579.784 | Nguồn thu hồi nợ tồn đọng nhóm II                                                                      | Quyết định số 2885/QĐ-BTC ngày 12/11/2012 của Bộ Tài Chính                                     |
| 2013 | 118.470.000.000   | 26.197.398.579.784 | Lãi được nhận từ Trái Phiếu Chính Phủ đặc biệt                                                         | Thông tư 100/2002/TT-BTC ngày 04/11/2002 của Bộ Tài chính                                      |
| 2013 | 6.983.151.982     | 26.204.381.731.766 | Tăng vốn điều lệ từ nguồn thu hồi nợ khắc phục hậu quả cơn bão số 5 năm 1997 các năm 2011, 2012, 2013. | VB 791/NHNN-TCKT ngày 23/12/2008 của NHNN                                                      |
| 2014 | 2.517.400.000.000 | 28.721.781.731.766 | Cấp bổ sung vốn điều lệ theo Quyết định 3000/QĐ-BTC ngày 12/12/2011                                    | Quyết định 36/QĐ – BTC ngày 14/1/2014 của Bộ Tài Chính                                         |
| 2014 | 118.470.000.000   | 28.840.251.731.766 | Lãi được nhận từ Trái Phiếu Chính Phủ đặc biệt                                                         | Thông tư 100/2002/TT-BTC ngày 04/11/2002 của Bộ Tài chính                                      |
| 2015 | 44.989.628.075    | 28.885.241.359.841 | Nguồn thu hồi nợ tồn đọng nhóm II                                                                      | Quyết định 3070/QĐ-BTC ngày 01/12/2014 (BS nợ tồn đọng nhóm 2 năm 2012, 2013) của Bộ Tài chính |



| Năm  | Số vốn tăng       | Vốn sau khi tăng   | Hình thức tăng                                                                  | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|------|-------------------|--------------------|---------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2015 | 118.400.000.000   | 29.003.641.359.841 | Lãi được nhận từ Trái Phiếu Chính Phủ đặc biệt                                  | Thông tư 100/2002/TT-BTC ngày 04/11/2002 của Bộ Tài chính                                                                                                                                                                                                                                    |
| 2016 | 4.261.641.742     | 29.007.903.001.583 | Tăng vốn điều lệ từ nguồn thu nợ khác phục hậu quả cơn bão số 5 năm 2014, 2015. | Hạch toán theo VB 791/NHNN-TCKT ngày 23/12/2008 của NHNN                                                                                                                                                                                                                                     |
| 2016 | 118.540.000.000   | 29.126.443.001.583 | Lãi được nhận từ Trái Phiếu Chính Phủ đặc biệt                                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>Thông tư 100/2002/TT-BTC ngày 04/11/2002 của Bộ Tài chính</li> <li>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở KH&amp;ĐT Tp. Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 11 ngày 27/12/2019 (bao gồm các đợt tăng vốn năm 2011 – 2016)</li> </ul>                        |
| 2017 | 1.109.600.000.000 | 30.236.043.001.583 | Cấp bổ sung vốn điều lệ theo Quyết định 3000/QĐ-BTC ngày 12/12/2011             | Quyết định số 1264/QĐ-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ Tài chính                                                                                                                                                                                                                                   |
| 2017 | 118.470.000.000   | 30.354.513.001.583 | Lãi được nhận từ Trái Phiếu Chính Phủ đặc biệt                                  | Thông tư 100/2002/TT-BTC ngày 04/11/2002 của Bộ Tài chính                                                                                                                                                                                                                                    |
| 2018 | 118.470.000.000   | 30.472.983.001.584 | Lãi được nhận từ Trái Phiếu Chính Phủ đặc biệt                                  | Thông tư 100/2002/TT-BTC ngày 04/11/2002 của Bộ Tài chính                                                                                                                                                                                                                                    |
| 2019 | 118.470.000.000   | 30.591.453.001.584 | Lãi được nhận từ Trái Phiếu Chính Phủ đặc biệt                                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>Thông tư 100/2002/TT-BTC ngày 04/11/2002 của Bộ Tài chính</li> <li>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở KH&amp;ĐT Tp. Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 12 ngày 22/01/2021(bao gồm các đợt tăng vốn năm 2017 – 2019)</li> </ul>                         |
| 2020 | 118.470.000.000   | 30.709.923.001.584 | Lãi được nhận từ Trái Phiếu Chính Phủ đặc biệt                                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>Thông tư 100/2002/TT-BTC ngày 04/11/2002 của Bộ Tài chính</li> <li>Quyết định số 107/QĐ-TTg ngày 22/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ</li> </ul>                                                                                                        |
| 2021 | 3.500.000.000.000 | 34.209.923.001.584 | Cấp vốn bổ sung vốn điều lệ                                                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>Quyết định số 107/QĐ-TTg ngày 22/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ</li> <li>Quyết định số 2277/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ</li> <li>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở KH&amp;ĐT Tp. Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 13 ngày 17/02/2021</li> </ul> |
| 2021 | 118.470.000.000   | 34.328.393.001.584 | Lãi được nhận từ Trái Phiếu Chính phủ đặc biệt                                  | Thông tư 100/2002/TT-BTC ngày 04/11/2002 của Bộ Tài chính                                                                                                                                                                                                                                    |





| Năm  | Số vốn tăng        | Vốn sau khi tăng   | Hình thức tăng                                 | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                  |
|------|--------------------|--------------------|------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2022 | 118.470.000.000    | 34.446.863.001.584 | Lãi được nhận từ Trái Phiếu Chính phủ đặc biệt | Thông tư 100/2002/TT-BTC ngày 04/11/2002 của Bộ Tài chính                                                                                                                                                                                                       |
| 2023 | 68.970.000.000     | 34.515.833.001.584 | Lãi được nhận từ Trái Phiếu Chính phủ đặc biệt | Thông tư 100/2002/TT-BTC ngày 04/11/2002 của Bộ Tài chính                                                                                                                                                                                                       |
| 2023 | 6.753.000.000.000  | 41.268.833.001.584 | Cấp bổ sung vốn điều lệ                        | Quyết định số 1584/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 7/12/2023                                                                                                                                                                                                |
| 2024 | 10.347.000.000.000 | 51.615.833.001.584 | Cấp bổ sung vốn điều lệ                        | Quyết định số 1118/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 25/09/2023 và Quyết định số 1601/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 10/12/2023                                                                                                                          |
| 2024 | 22.770.000.000     | 51.638.603.001.584 | Lãi được nhận từ Trái Phiếu Chính phủ đặc biệt | <ul style="list-style-type: none"> <li>Thông tư 100/2002/TT-BTC ngày 04/11/2002 của Bộ Tài chính</li> <li>Quyết định số 651/QĐ-TTGSNH1 ngày 04/10/2025 của Ngân hàng nhà nước về việc sửa đổi nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động của Agribank</li> </ul> |

Kể từ khi thành lập đến nay, Agribank không có lần giảm vốn điều lệ nào.

#### 7. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

Phần lớn chứng khoán đang lưu hành của Agribank là Trái Phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 theo quy định của NHNN (được gọi là Trái Phiếu tăng vốn).

Tính đến hiện tại, tổng giá trị Trái Phiếu chưa đáo hạn tính theo mệnh giá của Agribank là 82.584.094,4 triệu đồng.

Thông tin chi tiết về các Trái Phiếu chưa đáo hạn của Agribank như sau:

| STT      | Mã Trái Phiếu                             | Ngày phát hành | Kỳ hạn | Mệnh giá (đồng) | Số lượng Trái Phiếu (TP) | Giá trị theo mệnh giá (triệu đồng) | Đặc điểm, loại Trái Phiếu |
|----------|-------------------------------------------|----------------|--------|-----------------|--------------------------|------------------------------------|---------------------------|
| <b>I</b> | <b>Trái Phiếu phát hành ra công chúng</b> |                |        |                 |                          |                                    |                           |
| 1.       | Agribank182801                            | 25/12/2018     | 10 năm | 1.000.000       | 3.961.937                | 3.961.937                          | Trái Phiếu tăng vốn       |
| 2.       | Agribank202703                            | 24/12/2020     | 07 năm | 1.000.000       | 4.617.921                | 4.617.921                          | Trái Phiếu tăng vốn       |
| 3.       | VBA121033                                 | 31/12/2021     | 07 năm | 1.000.000       | 1.769.146                | 1.769.146                          | Trái Phiếu tăng vốn       |
| 4.       | VBA123036                                 | 05/12/2023     | 08 năm | 100.000         | 100.000.000              | 10.000.000                         | Trái Phiếu tăng vốn       |
| 5.       | VBA124019                                 | 14/08/2024     | 10 năm | 100.000         | 100.000.000              | 10.000.000                         | Trái Phiếu                |



| STT              | Mã Trái Phiếu                        | Ngày phát hành | Kỳ hạn | Mệnh giá (đồng) | Số lượng Trái Phiếu (TP) | Giá trị theo mệnh giá (triệu đồng) | Đặc điểm, loại Trái Phiếu                                     |
|------------------|--------------------------------------|----------------|--------|-----------------|--------------------------|------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
|                  |                                      |                |        |                 |                          |                                    | tăng vốn                                                      |
| 6.               | VBA125019                            | 29/07/2025     | 10 năm | 100.000         | 100.000.000              | 10.000.000                         | Trái Phiếu tăng vốn                                           |
| 7.               | VBAC12601                            | 31/07/2026     | 10 năm | 100.000         | 146.728.904              | 14.672.890,4                       | Trái Phiếu tăng vốn                                           |
| <b>Tổng cộng</b> |                                      |                |        |                 |                          | <b>55.021.894,4</b>                |                                                               |
| <b>II</b>        | <b>Trái Phiếu phát hành riêng lẻ</b> |                |        |                 |                          |                                    |                                                               |
| 1.               | Agribank2027012                      | 24/09/2020     | 07 năm | 1.000.000.000   | 2.000                    | 2.000.000                          | Trái Phiếu tăng vốn                                           |
| 2.               | Agribank2027021                      | 30/10/2020     | 07 năm | 500.000.000     | 153                      | 76.500                             | Trái Phiếu tăng vốn                                           |
| 3.               | Agribank2027022                      | 30/10/2020     | 07 năm | 1.000.000.000   | 387                      | 387.000                            | Trái Phiếu tăng vốn                                           |
| 4.               | Agribank2027041                      | 15/12/2020     | 07 năm | 500.000.000     | 234                      | 117.000                            | Trái Phiếu tăng vốn                                           |
| 5.               | Agribank2027042                      | 15/12/2020     | 07 năm | 1.000.000.000   | 630                      | 630.000                            | Trái Phiếu tăng vốn                                           |
| 6.               | VBA12101                             | 08/04/2021     | 07 năm | 500.000.000     | 600                      | 300.000                            | Trái Phiếu tăng vốn                                           |
| 7.               | VBA12102                             | 08/04/2021     | 07 năm | 1.000.000.000   | 1.489                    | 1.489.000                          | Trái Phiếu tăng vốn                                           |
| 8.               | VBA12127                             | 30/08/2021     | 10 năm | 100.000.000     | 12.000                   | 1.200.000                          | Trái Phiếu tăng vốn                                           |
| 9.               | VBA12103                             | 28/10/2021     | 07 năm | 100.000.000     | 10.000                   | 1.000.000                          | Trái Phiếu tăng vốn                                           |
| 10.              | VBA12104                             | 30/11/2021     | 07 năm | 100.000.000     | 10.577                   | 1.057.700                          | Trái Phiếu tăng vốn                                           |
| 11.              | VBA12105                             | 22/12/2021     | 07 năm | 100.000.000     | 6.000                    | 600.000                            | Trái Phiếu tăng vốn                                           |
| 12.              | VBA12207                             | 30/06/2022     | 10 năm | 1.000.000.000   | 200                      | 200.000                            | Trái Phiếu tăng vốn                                           |
| 13.              | VBA12208                             | 10/08/2022     | 10 năm | 1.000.000.000   | 600                      | 600.000                            | Trái Phiếu tăng vốn                                           |
| 14.              | VBA12209                             | 16/09/2022     | 10 năm | 1.000.000.000   | 435                      | 435.000                            | Trái Phiếu tăng vốn                                           |
| 15.              | VBA12501                             | 30/06/2025     | 10 năm | 100.000.000     | 47.000                   | 4.700.000                          | Trái Phiếu tăng vốn                                           |
| 16.              | VBA12502                             | 30/06/2025     | 15 năm | 100.000.000     | 2.500                    | 250.000                            | Trái Phiếu tăng vốn                                           |
| 17.              | VBA12503                             | 14/07/2025     | 02 năm | 100.000.000     | 75.200                   | 7.520.000                          | Trái phiếu không chuyển đổi, không được đảm bảo bằng tài sản, |




060612  
NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM  
HÀ NỘI

T.C. Q. 1  
HÀ NỘI



| STT       | Mã Trái Phiếu | Ngày phát hành | Kỳ hạn | Mệnh giá (đồng) | Số lượng Trái Phiếu (TP) | Giá trị theo mệnh giá (triệu đồng) | Đặc điểm, loại Trái Phiếu                                                                                                 |
|-----------|---------------|----------------|--------|-----------------|--------------------------|------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|           |               |                |        |                 |                          |                                    | không kèm chứng quyền và không phải nợ thứ cấp của Agribank                                                               |
| 18.       | VBA12505      | 25/12/2025     | 02 năm | 100.000.000     | 50.000                   | 5.000.000                          | Trái phiếu không chuyển đổi, không được đảm bảo bằng tài sản, không kèm chứng quyền và không phải nợ thứ cấp của Agribank |
| Tổng cộng |               |                |        |                 |                          | 27.562.200                         |                                                                                                                           |

(Nguồn: Agribank)

## 8. Hoạt động kinh doanh

### 8.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

#### 8.1.1. Loại sản phẩm, dịch vụ

#### Sản phẩm dịch vụ cho Khách hàng cá nhân

##### a) Tiền gửi

##### *Tiền gửi không kỳ hạn*

- *Tiền gửi thanh toán* là sản phẩm tiền gửi mà theo đó khách hàng có thể sử dụng số dư tài khoản để thực hiện các dịch vụ chuyển khoản, thanh toán và sử dụng các dịch vụ tiện ích gia tăng khác của Agribank, bao gồm: dịch vụ thu ngân sách Nhà nước, dịch vụ thanh toán hóa đơn tiền điện, nước, học phí, viễn thông...; dịch vụ nhờ thu tự động, kết nối quản lý tài khoản và thanh toán chứng khoán, chuyển và nhận tiền kiều hối; chuyển nhận tiền nhiều nơi, gửi rút tiền nhiều nơi; chuyển, nhận tiền trong nước và quốc tế cho khách hàng cá nhân không cần tài khoản; chuyển nhận tiền, thanh toán không dùng tiền mặt; thấu chi tài khoản; phát hành thẻ; đăng ký sử dụng dịch vụ khác: Mobile banking, eBanking,... Trong năm 2021, Agribank chính thức triển khai dịch vụ đăng ký mở tài khoản thanh toán trực tuyến bằng phương thức điện tử (eKYC) trên ứng dụng Agribank Plus. Agribank triển khai dịch vụ mở tài khoản thanh toán trực tuyến bằng phương thức điện tử (eKYC) trên Kiosk ngân hàng số (Kiosk Agribank Digital) từ năm 2022. Từ tháng 10/2024, Agribank triển khai Dịch vụ đăng ký mã định danh tài khoản (Alias) trên ứng dụng Agribank Plus. Ngày 01/11/2024, phân hệ OSB, dịch vụ mở và sử dụng tài khoản Plus trên ứng dụng Agribank Plus chính thức được triển khai tới toàn bộ khách hàng. Đây là một trong những giải pháp quan trọng giúp giảm tải cho hệ thống Corebanking, tăng năng lực xử lý của hệ thống, đáp ứng nhu cầu giao dịch trực tuyến ngày càng tăng của khách hàng, nâng cao chất lượng dịch vụ, góp phần



- phát triển số lượng khách hàng sử dụng dịch vụ, giữ vững và mở rộng thị phần của Agribank.
- *Tiết kiệm không kỳ hạn* là hình thức gửi tiền tiết kiệm mà khách hàng có thể rút tiền theo yêu cầu mà không cần báo trước vào bất kỳ ngày làm việc nào của Agribank và gửi thêm tiền không giới hạn số lần gửi tại bất kỳ thời điểm nào dưới nhiều hình thức: trực tiếp tại quầy, chuyển khoản tại quầy, chuyển khoản qua E-banking, ủy quyền cho Agribank trích tiền từ tài khoản tiền gửi thanh toán. Khách hàng được rút tiền không giới hạn tại các địa điểm giao dịch của Agribank; dịch vụ thông tin tài khoản qua Mobile Banking.
  - *Tiền gửi linh hoạt* là tiền gửi không kỳ hạn, trong đó khách hàng gửi tiền vào tài khoản và rút tiền một cách linh hoạt dưới nhiều hình thức; áp dụng lãi suất thả nổi bậc thang lũy tiến theo số dư bình quân tháng trên tài khoản tiền gửi linh hoạt, không vượt trần lãi suất huy động của NHNN từng thời kỳ và được niêm yết công khai tại các Điểm giao dịch.

#### **Tiền gửi có kỳ hạn**

- *Tiết kiệm có kỳ hạn*: Là sản phẩm tiết kiệm có kỳ hạn cho khách hàng cá nhân với đa dạng kỳ hạn gửi, kỳ hạn lĩnh lãi (như tiết kiệm có kỳ hạn trả lãi sau toàn bộ, trả lãi sau định kỳ, trả lãi trước toàn bộ, trả lãi trước định kỳ) và các tiện ích kèm theo như: giao dịch tại bất kỳ chi nhánh/phòng giao dịch của Agribank; được chuyển quyền sở hữu khi sổ tiết kiệm chưa đến hạn thanh toán; được bảo hiểm theo quy định của bảo hiểm tiền gửi, bảo mật số dư tiền gửi; được sử dụng số dư để cầm cố vay vốn, chứng minh tài chính, được lựa chọn phương thức thanh toán lãi, được tham gia các chương trình dự thưởng của Agribank, dịch vụ tài khoản qua Mobile Banking, eBanking...
- *Tiết kiệm có kỳ hạn lãi suất thả nổi*: Là sản phẩm tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn lãi suất được tự động điều chỉnh phù hợp với lãi suất thị trường và theo quy định của Agribank theo từng thời kỳ. Theo đó khách hàng có thể yên tâm gửi tiền khi có biến động về lãi suất trên thị trường. Các tiện ích khác tương tự với sản phẩm *tiết kiệm có kỳ hạn*.
- *Tiết kiệm linh hoạt*: Là sản phẩm huy động tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn, theo đó trong kỳ hạn gửi, khách hàng có thể rút trước hạn một phần hoặc toàn bộ tiền gốc. Phần tiền gửi rút trước hạn khách hàng được hưởng lãi suất không kỳ hạn. Số tiền gốc còn lại khách hàng được hưởng nguyên lãi suất khi gửi tiền.
- *Tiết kiệm gửi góp theo định kỳ*: là hình thức gửi tiền tiết kiệm tích lũy có kỳ hạn với tổng số tiền tích lũy cố định, theo đó khách hàng gửi tiền nhiều định kỳ (theo tháng) một số tiền cố định vào tài khoản tiết kiệm gửi góp dưới nhiều hình thức: gửi tiền bằng tiền mặt/chuyển khoản (Ủy nhiệm chi/quia E-Banking/ủy quyền cho Agribank tự động hàng tháng trích tiền tự động từ tài khoản thanh toán). Khách hàng có thể sử dụng số dư tài khoản để xác nhận khả năng tài chính và được bảo hiểm theo quy định của Bảo hiểm tiền gửi; bảo mật số dư và thông tin tài khoản.
- *Tiết kiệm gửi góp không theo định kỳ*: Là hình thức gửi tiền tích lũy, theo đó trong kỳ hạn đăng ký gửi khách hàng có thể chủ động gửi tiền thành nhiều lần không theo định kỳ, với số tiền gửi mỗi lần không cố định, khách hàng rút gốc và lãi một lần khi đến hạn. Các tiện

*[Handwritten signatures and stamps]*





ích khác tương tự với sản phẩm *tiết kiệm gửi góp theo định kỳ*.

- *Các sản phẩm tiền gửi được thiết kế cho từng nhóm đối tượng khách hàng đặc thù:* Ngoài các sản phẩm nêu trên, Agribank còn có các sản phẩm được thiết kế để phù hợp với từng nhóm đối tượng khách hàng như *Tiết kiệm An sinh, Tiết kiệm Học đường, Tiết kiệm Hưu trí* để giúp khách hàng đạt được các kế hoạch tài chính cụ thể như tích lũy tài chính, đáp ứng nhu cầu học tập, cuộc sống khi về hưu; sản phẩm *Tiết kiệm Tích lũy Kiềm hời* hướng đến khách hàng là các đối tượng đi lao động, học tập và làm việc tại nước ngoài có nhu cầu tích lũy tiền lương chuyển về Việt Nam để gửi tiết kiệm cho chính khách hàng hoặc người thân.
- *Tiền gửi có kỳ hạn:* Agribank cung cấp đa dạng kỳ hạn gửi và định kỳ trả lãi (Tiền gửi có kỳ hạn trả lãi sau định kỳ; Tiền gửi có kỳ hạn trả lãi trước toàn bộ; Tiền gửi có kỳ hạn trả lãi sau toàn bộ).

**Tiền gửi trực tuyến:** Ngoài kênh giao dịch truyền thống, Agribank đã phát triển các sản phẩm Tiền gửi Trực tuyến, Tiền gửi Tích lũy trực tuyến, Tiền gửi rút gốc linh hoạt, Tiền gửi trực tuyến trả lãi sau định kỳ, Tiền gửi Trực tuyến trả lãi trước toàn bộ và Tiền gửi sinh lời thông minh trên các kênh số như Agribank Plus, Agribank eBanking, Agribank Digital nhằm đáp ứng nhu cầu gửi tiền online ngày càng được khách hàng ưa chuộng, phù hợp với xu thế số hóa trong hoạt động ngân hàng.

**Giấy tờ có giá gồm:** Trái Phiếu, Chứng chỉ tiền gửi được Agribank phát hành trong từng thời kỳ với kỳ hạn đa dạng và lãi suất hấp dẫn.

## b) Tín dụng

Các sản phẩm cho vay do Agribank cung cấp rất đa dạng, phong phú đặc biệt đối với các khách hàng cá nhân vay vốn tiêu dùng, đời sống và sản xuất kinh doanh cụ thể:

- *Cho vay tiêu dùng:* Là giải pháp tài chính đối với các khách hàng cá nhân có nhu cầu vay vốn để đáp ứng nhu cầu chi tiêu cá nhân, phục vụ nhu cầu đời sống như: Cho vay mua sắm hàng tiêu dùng vật dụng gia đình; cho vay xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mua nhà ở đối với dân cư; cho vay người lao động đi làm việc ở nước ngoài; cho vay cầm cố giấy tờ có giá; cho vay mua phương tiện đi lại; cho vay tiêu dùng đối với khách hàng cá nhân, hộ gia đình nhằm hạn chế tín dụng đen. Agribank không ngừng phát triển thêm nhiều sản phẩm, chương trình ưu đãi dành riêng cho đối tượng khách hàng cá nhân, đáp ứng nhu cầu vay tiêu dùng cho khách hàng.
- *Cho vay sản xuất kinh doanh:* Là giải pháp tài chính đáp ứng nhu cầu đối với khách hàng cá nhân và hộ gia đình phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với các nhu cầu đa dạng như: Bán buôn, bán lẻ, xuất nhập khẩu; hàng không, vận tải kho bãi, du lịch, giáo dục và đào tạo, nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản, công nghệ chế biến chế tạo; hoạt động sản xuất kinh doanh nhỏ lẻ, chuỗi cung ứng hàng hóa, sản xuất, mua bán nguyên vật liệu, đầu tư máy móc thiết bị phục vụ nông nghiệp... Là Ngân hàng phục vụ đối tượng khách hàng đa dạng từ thành thị đến nông thôn do đó các sản phẩm Agribank đưa ra đều phù hợp cả về phương

016061  
NGÂN  
HÀNG  
NÔNG  
NHIỆP  
VÀ  
PHÁT  
TRIỂN  
NÔNG  
THÔN  
VIỆT  
NAM  
TP.

10  
: 0N  
: 0P  
JNG  
GRI  
ĐA





thức vay và Chương trình cho vay.

- *Chiết khấu công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá khác:* Agribank mua công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá khác từ người thụ hưởng trước khi đến hạn thanh toán. Công cụ chuyển nhượng bao gồm Hối phiếu đòi nợ; Hối phiếu nhận nợ; Séc; Các loại công cụ chuyển nhượng khác theo quy định của pháp luật. Các giấy tờ có giá khác bao gồm Tín phiếu NHNN; Trái Phiếu Chính phủ; Trái Phiếu được Chính phủ bảo lãnh; Trái Phiếu Chính quyền địa phương được NHNN cho phép tham gia thị trường mở; Kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, Trái phiếu do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phát hành theo quy định của NHNN; Kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu do tổ chức khác phát hành và được chiết khấu theo quy định của pháp luật hiện hành.
- *Bảo lãnh:* Agribank cung cấp các loại hình bảo lãnh đa dạng như: Bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước, bảo lãnh đối ứng, xác nhận bảo lãnh, bảo lãnh bảo đảm chất lượng sản phẩm, đồng bảo lãnh và các bảo lãnh khác theo yêu cầu của khách hàng.
- c) **Dịch vụ thanh toán:** Agribank cung cấp các dịch vụ thanh toán đa dạng, đáp ứng tối ưu mọi nhu cầu thanh toán và quản lý dòng tiền của khách hàng cá nhân. Theo đó khách hàng cá nhân có thể thực hiện các dịch vụ: Thanh toán, chuyển tiền, nộp ngân sách Nhà nước, thanh toán hóa đơn tiền điện, nước, học phí, viễn thông...; dịch vụ nhờ thu tự động, Séc, nhờ thu, kết nối quản lý tài khoản và thanh toán chứng khoán, chuyển và nhận tiền kiều hối; chuyển nhận tiền nhiều nơi, gửi rút tiền nhiều nơi; chuyển, nhận tiền trong nước và quốc tế... Khách hàng có thể thực hiện các giao dịch thanh toán qua các kênh giao dịch khác nhau của Agribank (tại quầy, Điểm giao dịch lưu động, Agribank Plus, Agribank eBanking, ATM, CDM, POS).

Agribank liên tục mở rộng, gia tăng tiện ích dịch vụ và số hóa các giao dịch cho khách hàng cá nhân thông qua liên kết trực tuyến với các fintech, sàn thương mại điện tử, ví điện tử, trung gian thanh toán...; triển khai các giải pháp thanh toán hỗ trợ lĩnh vực nông nghiệp nông thôn như ứng dụng QR code cho Chợ dân sinh không dùng tiền mặt, kết nối các ứng dụng quản lý bán hàng cho hộ kinh doanh, triển khai dịch vụ loa báo có, biến động số dư; triển khai các gói sản phẩm dịch vụ ngân hàng mở như sao kê điện tử, QR tĩnh, QR động...

Tính từ đầu năm đến 31/07/2026, Agribank đã triển khai thanh toán hóa đơn đạt hơn 49 ngàn tỷ đồng với gần 64,85 triệu giao dịch cho tất cả các dịch vụ, riêng lĩnh vực y tế và giáo dục đạt hơn 9,2 triệu giao dịch và 7,63 ngàn tỷ đồng. Thực hiện kết nối mới với 216 đơn vị cung cấp dịch vụ, trong đó có 146 trường học các cấp, 20 bệnh viện, trung tâm y tế và 50 đơn vị ngoài lĩnh vực y tế, giáo dục.

#### d) Dịch vụ ngân hàng điện tử

Dịch vụ ngân hàng điện tử là dịch vụ ngân hàng Agribank cung cấp cho khách hàng cá nhân, theo đó khách hàng cá nhân có thể thực hiện thông qua các phương tiện điện tử, bao gồm:

*[Handwritten signatures and stamps]*





- *Dịch vụ Agribank Plus*: Là dịch vụ do Agribank cung cấp, cho phép khách hàng thực hiện giao dịch với Agribank thông qua chương trình phần mềm phiên bản ứng dụng được cài đặt trên các thiết bị di động có kết nối mạng internet hoặc phiên bản web truy cập trên trình duyệt web của các thiết bị di động hoặc máy tính.
- *Dịch vụ SMS Banking*: Là dịch vụ do Agribank cung cấp, cho phép khách hàng thực hiện giao dịch với Agribank thông qua tin nhắn điện thoại di động hoặc thiết bị có chức năng nhắn tin khác, nhận tin nhắn biến động số dư, tra cứu và thanh toán một số dịch vụ nhất định.
- *Dịch vụ thương mại điện tử (e-Commerce)*: Là dịch vụ cho phép khách hàng có tài khoản thanh toán mở tại Agribank thực hiện:
  - + Đăng ký các dịch vụ trực tuyến trên kênh điện tử (liên kết ví điện tử...);
  - + Sử dụng số dư khả dụng trong tài khoản thanh toán mở tại Agribank để thanh toán trực tuyến cho các giao dịch mua hàng hóa/dịch vụ hợp pháp, hợp lệ, được pháp luật cho phép trên website/ứng dụng của các nhà cung cấp dịch vụ/đơn vị hành chính công có kết nối hệ thống với Agribank;
  - + Các dịch vụ khác do Agribank cung cấp trong từng thời kỳ .
- *Dịch vụ liên kết ví điện tử*: Là dịch vụ cho phép khách hàng thực hiện liên kết ví điện tử của chính khách hàng với tài khoản thanh toán/thẻ mở tại Agribank để thực hiện nạp tiền vào ví điện tử/rút tiền từ ví điện tử đó thông qua các kênh giao dịch của Agribank và/hoặc đối tác.

#### e) Thẻ

Agribank cung cấp đa dạng các loại thẻ và dịch vụ thẻ cho khách hàng cá nhân, các sản phẩm thẻ hiện nay của Agribank cung cấp cho khách hàng cá nhân bao gồm:

- *Thẻ ghi nợ nội địa*: Là thẻ ghi nợ do Agribank phát hành cho chủ thẻ để thực hiện giao dịch trong phạm vi số tiền và/hoặc hạn mức thấu chi (nếu có) trên tài khoản thanh toán của chủ thẻ mở tại Agribank. Thẻ ghi nợ nội địa có thể thực hiện giao dịch thẻ trong lãnh thổ Việt Nam và ngoài lãnh thổ Việt Nam trong trường hợp giao dịch tại Tổ chức thanh toán thẻ nước ngoài kết nối qua NAPAS. Thẻ ghi nợ nội địa kết nối với trung gian thanh toán Ví điện tử để thực hiện các dịch vụ liên kết, nạp rút Ví và thanh toán hàng hóa dịch vụ bằng thẻ đã liên kết. Hiện nay, thẻ ghi nợ nội địa của Agribank bao gồm: Thẻ ghi nợ nội địa hạng chuẩn – Success; Thẻ ghi nợ nội địa hạng chuẩn Lộc Việt; Thẻ ghi nợ nội địa hạng vàng – Plus success, First Class; Thẻ liên kết sinh viên; Thẻ liên kết thương hiệu Co-brand Card.
- *Thẻ ghi nợ quốc tế*: Là thẻ ghi nợ do Agribank phát hành cho chủ thẻ để thực hiện giao dịch thẻ trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam. Thẻ ghi nợ quốc tế của Agribank bao gồm các sản phẩm thẻ: Thẻ ghi nợ quốc tế mang thương hiệu Visa (hạng chuẩn, hạng vàng), thẻ ghi nợ quốc tế mang thương hiệu MasterCard (hạng chuẩn, hạng vàng (chỉ phát hành thẻ phi vật lý)), thẻ ghi nợ quốc tế mang thương hiệu JCB (hạng vàng).

*P*

*cu*

NG  
IẾP  
HIỆN  
ÔN  
M  
V

Y  
N  
Á  
IK  
P



- *Thẻ tín dụng quốc tế*: Là thẻ cho phép chủ thẻ sử dụng trong phạm vi hạn mức tín dụng do Agribank cấp. Thẻ tín dụng được sử dụng để thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam; ứng tiền mặt; không được sử dụng thẻ tín dụng để chuyển khoản (hoặc ghi Có) vào tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, thẻ trả trước. Thẻ tín dụng quốc tế của Agribank bao gồm các sản phẩm: Thẻ tín dụng quốc tế mang thương hiệu Visa (hạng chuẩn, hạng vàng), thẻ tín dụng quốc tế mang thương hiệu MasterCard (hạng vàng, hạng bạch kim, hạng kim cương), thẻ tín dụng quốc tế mang thương hiệu JCB (hạng vàng, hạng bạch kim).
- *Thẻ phi vật lý*: Là thẻ không hiện hữu bằng hình thức vật chất, tồn tại dưới dạng điện tử và hiển thị các thông tin trên thẻ theo quy định của Agribank. Thẻ phi vật lý có thể được tổ chức phát hành thẻ in ra thẻ vật lý theo thỏa thuận giữa tổ chức phát hành thẻ và chủ thẻ; không bao gồm các trường hợp thẻ vật lý có đăng ký chức năng để giao dịch trên môi trường Internet, các chương trình ứng dụng trên thiết bị di động. Hiện nay, Agribank đang triển khai 03 sản phẩm thẻ phi vật lý gồm: Thẻ phi vật lý ghi nợ nội địa (Dcard), Thẻ phi vật lý ghi nợ quốc tế thương hiệu MasterCard (Vcard), Thẻ phi vật lý ghi nợ quốc tế thương hiệu JCB (Jcard)".
- *Thẻ Lọc Việt*: Là sản phẩm thẻ chip nội địa theo chuẩn VCCS được phát triển trên nền tảng công nghệ hiện đại tích hợp 02 ứng dụng thẻ ghi nợ nội địa và thẻ tín dụng nội địa trên cùng một chip.
- *Thẻ trả trước*: Là thẻ cho phép chủ thẻ thực hiện giao dịch thẻ trong phạm vi giá trị tiền được nạp vào thẻ tương ứng với số tiền đã trả trước cho Tổ chức phát hành thẻ. Thẻ trả trước bao gồm: Thẻ trả trước định danh (có các thông tin định danh chủ thẻ) và thẻ trả trước vô danh (không có các thông tin định danh chủ thẻ).
- *Thẻ đồng thương hiệu*: Là thẻ tích hợp 02 sản phẩm thẻ trên cùng 1 chip. Hiện nay Agribank đang triển khai sản phẩm thẻ đồng thương hiệu Agribank Napas- Mastercard sử dụng chất liệu nhựa PVC tái chế, tích hợp thẻ ghi nợ nội địa hạng chuẩn và thẻ ghi nợ quốc tế Mastercard hạng chuẩn.
- f) **Dịch vụ chuyển tiền ngoại tệ cá nhân và kiều hối**: đáp ứng nhu cầu của khách hàng như chuyển học phí, sinh hoạt phí cho học sinh du học, chuyển tiền phục vụ khám, chữa bệnh ở nước ngoài, trợ cấp cho thân nhân ở nước ngoài, ... và mục đích khác theo quy định của pháp luật: dịch vụ nhận và chi trả kiều hối qua các công ty chuyển tiền toàn cầu Western Union, Ria Money Transfer, Money Gram, qua hệ thống SWIFT, chi trả kiều hối với các đối tác song phương tại các thị trường: Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản...

**g) Dịch vụ liên kết ngân hàng – bảo hiểm- chứng khoán, liên kết khác**

**Bảo hiểm phi nhân thọ**: Agribank phối hợp với Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp (ABIC) phân phối đa dạng các sản phẩm bảo hiểm nhằm bảo vệ khách hàng trước các rủi ro về sức khỏe, thiệt hại về tài sản, những tổn thất khác hoặc trách nhiệm dân sự đối với

*Handwritten signatures and initials in blue ink.*



người thứ ba, đáp ứng nhu cầu của khách hàng cá nhân như: Bảo an tín dụng, Bảo an chủ thẻ, Bảo an tài khoản, Bảo an tiết kiệm, Bảo hiểm xe cơ giới, Bảo hiểm toàn diện nhà tư nhân, bảo hiểm cháy nổ, bảo hiểm tài sản, hàng hóa, tàu thuyền... Năm 2026, Agribank đã phối hợp với ABIC triển khai sản phẩm bảo hiểm tai nạn mức trách nhiệm cao dành cho khách hàng có nhu cầu bảo vệ sức khỏe và tài chính.

Để khách hàng có thể dễ dàng lựa chọn và tham gia sản phẩm bảo hiểm, Agribank đã phối hợp với ABIC triển khai cung cấp dịch vụ đại lý bảo hiểm trên kênh phân phối trực tiếp tại các chi nhánh, phòng giao dịch Agribank trên toàn quốc và kênh phân phối qua ứng dụng Agribank Plus (đối với sản phẩm bảo hiểm bắt buộc TNDS xe ô tô, xe máy, bảo hiểm Bảo an tài khoản, bảo hiểm du lịch nội địa, bảo hiểm du lịch quốc tế, bảo hiểm tai nạn con người).

**Bảo hiểm nhân thọ:** Agribank triển khai hợp tác với Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ FWD Việt Nam (FWD) phân phối các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ của FWD giúp bảo vệ sức khỏe, tài chính cho khách hàng trước những rủi ro, gia tăng tài sản. Sản phẩm được phân phối qua hệ thống chi nhánh, phòng giao dịch Agribank trên toàn quốc.

**Chứng khoán:** Agribank hợp tác với Agriseco triển khai dịch vụ chứng khoán Agriseco trên ứng dụng Agribank Plus như dịch vụ mở tài khoản, nạp tiền chứng khoán, giao dịch, đầu tư trái phiếu, tư vấn đầu tư,...

**Dịch vụ liên kết khác:** Agribank triển khai dịch vụ thu hộ tiền bán vé máy bay...

### **Sản phẩm dịch vụ cho Khách hàng tổ chức**

#### **a) Nhóm sản phẩm huy động vốn**

- **Tiền gửi không kỳ hạn (tiền gửi thanh toán):** là sản phẩm tiền gửi dành cho khách hàng tổ chức mở tài khoản thanh toán tại Agribank. Khách hàng được sử dụng số dư trên tài khoản để thực hiện các giao dịch chuyển tiền, thanh toán và đăng ký sử dụng sản phẩm, dịch vụ ngân hàng điện tử, dịch vụ gia tăng khác của Agribank theo quy định từng thời kỳ.
- **Tiền gửi rút gốc linh hoạt:** là sản phẩm tiền gửi có kỳ hạn, theo đó trong thời hạn gửi tiền, bên gửi tiền có thể rút một phần hoặc toàn bộ số tiền gửi trước hạn.
- **Tiền gửi có kỳ hạn:** Doanh nghiệp có thể chủ động lựa chọn kỳ hạn gửi tiền với đa dạng hình thức lĩnh lãi: trả lãi trước/sau toàn bộ hoặc theo định kỳ khách hàng đăng ký. Khách hàng có thể sử dụng số dư tài khoản để vay vốn tại Agribank theo quy định từng thời kỳ.
- **Tiền gửi Tích lũy:** Là hình thức gửi tiền có kỳ hạn của khách hàng tổ chức, theo đó khách hàng được gửi thêm tiền vào tài khoản không theo định kỳ (gửi tiền tại bất kỳ thời điểm nào trong thời gian giao dịch của ngân hàng mà không cần theo định kỳ), phù hợp với các doanh nghiệp muốn tích lũy một khoản vốn để thực hiện kế hoạch mua sắm tài sản hoặc đầu tư dự án trong tương lai.
- **Tiền gửi trực tuyến:** Là sản phẩm tiền gửi có kỳ hạn được thực hiện trên kênh Agribank eBanking của Agribank.



- *Tiền gửi đầu tư tự động*: Là sản phẩm tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng, trả lãi sau toàn bộ. Theo đó khách hàng ủy quyền cho Agribank tự động đầu tư số tiền tạm thời nhàn rỗi từ tài khoản thanh toán sang tài khoản tiền gửi đầu tư tự động. Hết thời hạn gửi tiền, tổng số tiền gốc và lãi của tài khoản tiền gửi đầu tư tự động được tự động chuyển về tài khoản thanh toán của khách hàng khi gửi tiền.
- *Giấy tờ có giá*: bao gồm Trái Phiếu, chứng chỉ tiền gửi được Agribank phát hành trong từng thời kỳ với kỳ hạn đa dạng và lãi suất hấp dẫn.
- Tiền gửi rút gốc linh hoạt trực tuyến đối với khách hàng tổ chức trên kênh ngân hàng điện tử (E-Banking): Là sản phẩm tiền gửi có kỳ hạn áp dụng đối với khách hàng tổ chức thực hiện trên E-Banking, theo đó trong thời hạn gửi tiền, Bên gửi tiền (khách hàng) có thể rút một phần hoặc toàn bộ số tiền gửi trước ngày đến hạn và được hưởng mức lãi suất tối đa bằng mức lãi suất tiền gửi không kỳ hạn thấp nhất tương ứng với thời gian thực gửi và số tiền rút trước hạn. Số tiền còn lại rút đúng hạn được duy trì mức lãi suất đã thỏa thuận khi khách hàng gửi tiền.
- Tiền gửi trả lãi sau định kỳ trực tuyến đối với khách hàng tổ chức trên kênh ngân hàng điện tử (E-Banking): Là sản phẩm tiền gửi có kỳ hạn trả lãi sau định kỳ áp dụng đối với khách hàng tổ chức được thực hiện trên E-Banking, theo đó khách hàng gửi tiền được Agribank trả lãi sau theo định kỳ đã đăng ký và được rút gốc một lần khi đến hạn; khách hàng mở và đóng tài khoản qua E-Banking mà không cần trực tiếp đến quầy giao dịch

#### b) Tín dụng khách hàng pháp nhân

- Cho vay, bao gồm:
  - + Lĩnh vực Nông nghiệp – Công nghiệp:
    - o Cấp tín dụng phục vụ chính sách phát triển nông nghiệp nông thôn theo Nghị định 55/2015/NĐ-CP ngày 09/06/2015 của Chính phủ;
    - o Cho vay khuyến khích phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch theo Quyết định 813/QĐ-NHNN;
    - o Cho vay đầu tư trang trại cho thuê nuôi lợn trong hệ thống Agribank;
    - o Cho vay phát triển công nghiệp hỗ trợ;
    - o Cho vay dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp/Cụm công nghiệp.
  - + Theo định hướng, chính sách, chương trình của Chính phủ:
    - o Cho vay đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;
    - o Cho vay về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp theo Quyết định số 68/2013;
    - o Cho vay nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ theo

*[Handwritten signatures and initials]*

GẤM H  
 NG N  
 PHÁT T  
 NG T  
 VIỆT N  
 HÀ

G.P  
 C  
 C  
 CH  
 AG  
 VG



Nghị quyết 33/NQ-CP;

- Cho vay vốn ưu đãi thực hiện chính sách nhà ở xã hội;
- Cho vay đối với khách hàng đầu tư, sản xuất kinh doanh gắn với Chương trình OCOP;
- Các hoạt động sản xuất kinh doanh khác:
- Cấp tín dụng đầu tư kinh doanh bất động sản;
- Cho vay vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Cho vay đầu tư tài sản cố định;
- Cho vay kinh doanh cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp;
- Cấp tín dụng để đầu tư dự án theo phương thức đối tác công tư;
- Cấp tín dụng hợp vốn;
- Cho vay bằng ngoại tệ;
- Cho vay doanh nghiệp vừa và nhỏ (Thông tư 39/2016/TT/NHNN);
- Cho vay có bảo đảm bằng chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu, sổ dư tiền gửi trong hệ thống Agribank;
- Cho vay bù đắp tài chính;
- Cho vay theo ủy thác;
- Cho vay tháo gỡ khó khăn;
- Cho vay theo hạn mức tín dụng dự phòng;
- Cho vay theo hạn mức thấu chi;
- Cho vay trả nợ trước hạn TCTD khác;
- Cho vay quay vòng;
- Cho vay tuần hoàn;
- Cho vay để thanh toán tiền góp vốn theo Hợp đồng góp vốn, Hợp đồng hợp tác đầu tư hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh để thực hiện dự án;
- Cho vay để thanh toán tiền nhằm bảo đảm thực hiện nghĩa vụ;
- Cho vay để thanh toán tiền nhằm bảo đảm thực hiện nghĩa vụ thanh toán hợp đồng mua, nhận chuyển nhượng tài sản;
- Cho vay bù đắp tài chính dự án đầu tư đối với Khách hàng doanh nghiệp;
- Cho vay tham gia liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm lúa gạo chất lượng cao và phát thải thấp vùng Đồng bằng Sông Cửu Long;
- Cho vay liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm lúa gạo chất lượng cao và phát thải thấp vùng Đồng bằng Sông Cửu Long theo Quyết định số 1490/QĐ-TTg ngày 27/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ;

74. C  
IANG  
HIỆP  
TRIỂN  
HỖN  
AM  
NỘI

: 10  
ÔN  
O' P  
/NG  
RI  
ĐA

*[Handwritten signatures and initials]*



- Cấp tín dụng đối với chuỗi giá trị trong lĩnh vực kinh doanh ô tô;
  - Cấp tín dụng đối với dự án trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp/khu công nghệ cao.
- **Bảo lãnh:** Agribank cung cấp các hình thức bảo lãnh: bảo lãnh đối ứng; bảo lãnh trên cơ sở bảo lãnh đối ứng; xác nhận bảo lãnh; đồng bảo lãnh; bảo lãnh có yếu tố nước ngoài; bảo lãnh trong bán, cho thuê mua nhà ở hình thành trong tương lai; bảo lãnh vay vốn; bảo lãnh thanh toán; bảo lãnh dự thầu; bảo lãnh thực hiện hợp đồng; bảo lãnh bảo đảm chất lượng sản phẩm, bảo lãnh bảo hành; bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước; bảo lãnh đấu giá tài sản; bảo lãnh về nghĩa vụ ký quỹ để đảm bảo thực hiện dự án đầu tư và các hình thức bảo lãnh khác.
- **Chiết khấu công cụ chuyển nhượng giấy tờ có giá khác:** Agribank nhận chiết khấu tối đa bằng nhu cầu của khách hàng doanh nghiệp là chủ sở hữu công cụ chuyển nhượng (bao gồm: hối phiếu đòi nợ, hối phiếu nhận nợ, séc, và các loại công cụ chuyển nhượng khác theo quy định của pháp luật) và/hoặc giấy tờ có giá khác (bao gồm: Tín phiếu NHNN; Trái phiếu Chính phủ; Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh; Trái phiếu Chính quyền địa phương được NHNN cho phép tham gia thị trường mở; Kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu; Kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu do tổ chức khác phát hành và được chiết khấu theo quy định của pháp luật hiện hành).
- c) **Dịch vụ thanh toán trong nước:** bao gồm dịch vụ gửi rút nhiều nơi; dịch vụ chuyển nhận nhiều nơi (Agri-Pay); cung ứng séc trong nước, thanh toán thu hộ séc; thanh toán hóa đơn; thu hộ, chi hộ với đối tác (đơn vị quản lý tài chính công, đơn vị sự nghiệp, tổ chức, doanh nghiệp, định chế tài chính); thu ngân sách nhà nước; kết nối thanh toán với khách hàng; quản lý vốn tập trung; sổ phụ điện tử; thu, chuyển trả kinh phí công đoàn; chuyển nhận tiền trong nước, thu bảo hiểm
- d) **Thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại**
- Agribank hiện đang cung cấp 35 sản phẩm dịch vụ liên quan đến thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại cho khách hàng pháp nhân, với các sản phẩm vượt trội trong lĩnh vực thanh toán xuất nhập khẩu, như: L/C, nhờ thu, bảo lãnh, thương lượng thanh toán Bộ chứng từ theo L/C xuất khẩu, ứng trước tiền theo bộ chứng từ nhờ thu, L/C Discounting on Applicant's cost, UPAS L/C (hình thức L/C trả chậm có điều khoản thanh toán trả ngay) với sự tham gia tài trợ của 28 ngân hàng đại lý lớn (Wells Fargo, JP Morgan Chase, Standard Chartered, Shinhan Bank, Citi Bank, ...), tài trợ thanh toán nhập khẩu đối với hàng hóa là nông sản Mỹ theo chương trình GSM – 102 của Bộ Nông nghiệp Mỹ,... Agribank là một trong những ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam vận hành SWIFT GPI (Global Payments Innovation) – Sáng kiến đổi mới toàn cầu của Tổ chức SWIFT, sử dụng phương thức API với phần mềm SWIFT Microgateway hiện đại nhất.
  - Trên cơ sở hợp tác với các định chế tài chính lớn tại Trung Quốc và Lào, Agribank đã và đang cung cấp dịch vụ thanh toán biên giới cho các khách hàng có hoạt động xuất nhập khẩu

*Handwritten signatures and initials in blue ink.*



qua biên giới Việt Nam – Trung Quốc bằng VND và CNY, qua biên giới Việt Nam – Lào bằng VND và LAK.

- Cung cấp các dịch vụ thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại đến các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước như: dịch vụ tài khoản, thu hộ chi hộ; thông báo, xác nhận L/C cho khách hàng của Agribank; phát hành bảo lãnh trên cơ sở bảo lãnh đối ứng.

#### e) Mua bán ngoại tệ

Bao gồm mua bán ngoại tệ giao ngay, mua bán ngoại tệ kỳ hạn, hoán đổi ngoại tệ.

#### f) Các sản phẩm thẻ

- Đơn vị chấp nhận thanh toán là tổ chức, cá nhân chấp nhận thanh toán hàng hóa, dịch vụ bằng phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt theo hợp đồng ký kết với Agribank. Trở thành Đơn vị chấp nhận thanh toán của Agribank mang đến các lợi ích như: Sử dụng phương thức thanh toán hiện đại qua đó thu hút thêm khách hàng, giảm thiểu rủi ro về tiền giả, tiền rách, kiểm đếm, bảo quản, vận chuyển tiền mặt, tham gia các chương trình marketing, khuyến mại, quảng bá thương hiệu do Agribank triển khai,...
- Dịch vụ chi lương qua tài khoản phát hành thẻ: Dịch vụ chi lương của Agribank là dịch vụ tự động chi trả lương cán bộ, nhân viên phát hành thẻ Agribank từ tài khoản của doanh nghiệp mở tại Agribank.
- Thẻ công ty: Là thẻ tín dụng do tổ chức là pháp nhân đứng tên đề nghị phát hành và ủy quyền cho người thuộc tổ chức mình sử dụng. Pháp nhân đứng tên đề nghị phát hành thẻ chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ các khoản chi tiêu, lãi và phí phát sinh liên quan đến sử dụng thẻ. Mỗi pháp nhân có thể phát hành một hoặc nhiều thẻ công ty theo chỉ định cụ thể của pháp nhân đó.

#### g) Dịch vụ ngân hàng điện tử

Dịch vụ ngân hàng điện tử là dịch vụ ngân hàng được thực hiện thông qua các phương tiện điện tử, bao gồm:

- *Dịch vụ SMS Banking*: Với dịch vụ SMS Banking, khách hàng có thể vấn tin số dư tài khoản của mình, được tự động thông báo biến động số dư.
- *Dịch vụ Agribank eBanking*: Là dịch vụ ngân hàng điện tử do Agribank cung cấp cho khách hàng thông qua hệ thống Agribank eBanking, bao gồm các kênh sau:
  - + Qua website tại địa chỉ <https://ebanking.agribank.com.vn/corporate/>; và/hoặc
  - + Qua ứng dụng *Agribank Corporate eBanking* dành cho khách hàng tổ chức được cài đặt trên điện thoại thông minh/máy tính bảng.
- Dịch vụ Ngân hàng số trong lĩnh vực thẻ (Agribank Digital): Là môi hình ngân hàng tự động giao dịch 24/7, bao gồm thiết bị phần cứng và giải pháp phần mềm, có chức năng định danh,



nhận diện khách hàng bằng công nghệ sinh trắc học để thực hiện các dịch vụ theo quy định của Agribank bao gồm các cấu phần: Kiosk, ATM/CMD, và hệ thống Web Admin và Web Counter.

#### h) Dịch vụ ngân quỹ và quản lý tiền tệ

Agribank cung cấp các loại hình dịch vụ ngân quỹ và quản lý tiền tệ đa dạng như: Thu đổi tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông; Kiểm đếm, giao nhận tiền mặt với khách hàng; Thu chi tiền mặt lưu động tại địa chỉ của khách hàng; Thu tiền theo túi niêm phong; Dịch vụ bảo quản tài sản; Dịch vụ cho thuê tủ/két an toàn...

#### i) Dịch vụ liên kết khác

Dịch vụ thu hộ tiền bán vé máy bay, Dịch vụ liên kết Ngân hàng – Bảo hiểm (Bảo hiểm ô tô; Bảo hiểm tài sản; Bảo hiểm cháy nổ,...).

**Cơ cấu thu nhập hoạt động kinh doanh trong doanh thu, lợi nhuận của Agribank trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại:**

Do đặc thù hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng, cơ cấu doanh thu, lợi nhuận của Agribank không thể phân loại theo từng loại sản phẩm, dịch vụ nêu trên mà được phân loại theo các hoạt động như sau:

#### Cơ cấu doanh thu của Agribank (Hợp nhất)

Đơn vị: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu                                           | Năm 2024 |              | Năm 2025 |              | 6 tháng đầu năm 2026 |              |
|----------------------------------------------------|----------|--------------|----------|--------------|----------------------|--------------|
|                                                    | Giá trị  | Tỷ trọng (%) | Giá trị  | Tỷ trọng (%) | Giá trị              | Tỷ trọng (%) |
| Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự        | 140.271  | 83,403%      | 151.199  | 81,715%      | 90.136               | 84,422%      |
| Thu nhập từ hoạt động dịch vụ                      | 9.807    | 5,831%       | 10.736   | 5,802%       | 6.073                | 5,688%       |
| Thu nhập từ hoạt động kinh doanh vàng và ngoại hối | 6.023    | 3,581%       | 5.354    | 2,894%       | 3.146                | 2,947%       |
| Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh         | 44       | 0,026%       | 54       | 0,029%       | 24                   | 0,022%       |
| Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư             | 26       | 0,015%       | 4        | 0,002%       | 2                    | 0,002%       |
| Thu nhập từ hoạt động khác                         | 12.012   | 7,142%       | 17.600   | 9,512%       | 7.346                | 6,880%       |





| Chỉ tiêu                         | Năm 2024       |              | Năm 2025       |              | 6 tháng đầu năm 2026 |              |
|----------------------------------|----------------|--------------|----------------|--------------|----------------------|--------------|
|                                  | Giá trị        | Tỷ trọng (%) | Giá trị        | Tỷ trọng (%) | Giá trị              | Tỷ trọng (%) |
| Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần | 2              | 0,001%       | 85             | 0,046%       | 42                   | 0,039%       |
| <b>Tổng cộng</b>                 | <b>168.185</b> | <b>100%</b>  | <b>185.032</b> | <b>100%</b>  | <b>106.769</b>       | <b>100%</b>  |

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2025 & BCTC hợp nhất soát xét giữa niên độ năm 2026)

**Cơ cấu doanh thu của Agribank (Công ty mẹ)**

Đơn vị: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu                                           | Năm 2024       |              | Năm 2025       |              | 6 tháng đầu năm 2026 |              |
|----------------------------------------------------|----------------|--------------|----------------|--------------|----------------------|--------------|
|                                                    | Giá trị        | Tỷ trọng (%) | Giá trị        | Tỷ trọng (%) | Giá trị              | Tỷ trọng (%) |
| Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự        | 140.064        | 84,467%      | 150.945        | 82,901%      | 89.954               | 85,807%      |
| Thu nhập từ hoạt động dịch vụ                      | 7.530          | 4,541%       | 8.131          | 4,466%       | 4.422                | 4,218%       |
| Thu nhập từ hoạt động kinh doanh vàng và ngoại hối | 6.023          | 3,632%       | 5.354          | 2,940%       | 3.146                | 3,001%       |
| Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh         | -              | -            | -              | -            | -                    | -            |
| Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư             | -              | -            | -              | -            | -                    | -            |
| Thu nhập từ hoạt động khác                         | 12.002         | 7,238%       | 17.564         | 9,646%       | 7.267                | 6,932%       |
| Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần                   | 202            | -            | 84             | 0,046%       | 44                   | 0,042%       |
| <b>Tổng cộng</b>                                   | <b>165.821</b> | <b>100%</b>  | <b>182.078</b> | <b>100%</b>  | <b>104.833</b>       | <b>100%</b>  |

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2025 & BCTC riêng soát xét giữa niên độ năm 2026)

**Cơ cấu thu nhập thuần của Agribank (Hợp nhất)**

Đơn vị: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu                       | Năm 2024 |              | Năm 2025 |              | 6 tháng đầu năm 2026 |              |
|--------------------------------|----------|--------------|----------|--------------|----------------------|--------------|
|                                | Giá trị  | Tỷ trọng (%) | Giá trị  | Tỷ trọng (%) | Giá trị              | Tỷ trọng (%) |
| Thu nhập lãi thuần             | 66.554   | 76,945%      | 70.617   | 72,411%      | 38.422               | 75,050%      |
| Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ | 5.026    | 5,811%       | 5.746    | 5,892%       | 3.379                | 6,600%       |

*[Handwritten signature]*

*[Handwritten signature]*

*[Handwritten signature]*

| Chỉ tiêu                                            | Năm 2024      |              | Năm 2025      |              | 6 tháng đầu năm 2026 |              |
|-----------------------------------------------------|---------------|--------------|---------------|--------------|----------------------|--------------|
|                                                     | Giá trị       | Tỷ trọng (%) | Giá trị       | Tỷ trọng (%) | Giá trị              | Tỷ trọng (%) |
| Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh vàng và ngoại hối | 4.538         | 5,246%       | 4.728         | 4,848%       | 2.707                | 5,288%       |
| Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh         | 15            | 0,017%       | 6             | 0,006%       | 20                   | 0,039%       |
| Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư             | (93)          | (0,001%)     | 158           | 0,162%       | 2                    | 0,004%       |
| Lãi thuần từ hoạt động khác                         | 10.454        | 12,086%      | 16.183        | 16,594%      | 6.623                | 12,937%      |
| Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần                    | 2             | 0,002%       | 85            | 0,087%       | 42                   | 0,082%       |
| <b>Tổng cộng</b>                                    | <b>86.496</b> | <b>100%</b>  | <b>97.522</b> | <b>100%</b>  | <b>51.195</b>        | <b>100%</b>  |

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2025 & BCTC hợp nhất soát xét giữa niên độ năm 2026).

#### Cơ cấu thu nhập thuần của Agribank (Công ty mẹ)

Đơn vị: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu                                            | Năm 2024      |              | Năm 2025      |              | 6 tháng đầu năm 2026 |              |
|-----------------------------------------------------|---------------|--------------|---------------|--------------|----------------------|--------------|
|                                                     | Giá trị       | Tỷ trọng (%) | Giá trị       | Tỷ trọng (%) | Giá trị              | Tỷ trọng (%) |
| Thu nhập lãi thuần                                  | 66.184        | 77,538%      | 70.243        | 73,046%      | 38.207               | 75,829%      |
| Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ                      | 4.225         | 4,950%       | 4.804         | 4,996%       | 2.847                | 5,650%       |
| Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh vàng và ngoại hối | 4.538         | 5,316%       | 4.728         | 4,917%       | 2.707                | 5,373%       |
| Lãi/Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh      | -             | -            | -             | -            | -                    | -            |
| Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư             | (134)         | -            | 170           | 0,177%       | -                    | -            |
| Lãi thuần từ hoạt động khác                         | 10.342        | 12,116%      | 16.133        | 16,777%      | 6.581                | 13,061%      |
| Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần                    | 202           | -            | 84            | 0,087%       | 44                   | 0,087%       |
| <b>Tổng cộng</b>                                    | <b>85.357</b> | <b>100%</b>  | <b>96.162</b> | <b>100%</b>  | <b>50.386</b>        | <b>100%</b>  |

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2025 & BCTC riêng soát xét giữa niên độ năm 2026)

#### 8.1.2. Hoạt động huy động vốn

Xác định huy động vốn là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong quản trị điều hành hoạt động



kinh doanh, Agribank đã tập trung chỉ đạo, linh hoạt điều hành công tác huy động vốn phù hợp với tình hình thị trường, đảm bảo nguồn vốn cho tăng trưởng tín dụng theo đúng định hướng; triển khai nhiều biện pháp đồng bộ, quyết liệt để huy động nguồn vốn từ dân cư và tổ chức kinh tế; đa dạng hóa sản phẩm huy động vốn, phát huy công tác quản lý vốn huy động tập trung tại Trụ sở chính đối với nguồn tiền gửi lớn của các tổ chức, tập đoàn kinh tế lớn; thường xuyên theo dõi tình hình cân đối vốn và sử dụng vốn của toàn hệ thống, đảm bảo thanh khoản và cân đối đủ vốn để cho vay; kiểm soát và điều hành tăng trưởng vốn huy động phù hợp tốc độ và cơ cấu tăng trưởng tín dụng; thực hiện điều chuyển kịp thời vốn thanh toán và vốn tiền mặt trong hệ thống, đáp ứng nhu cầu hoạt động của các chi nhánh Agribank.

Phát huy thế mạnh về mạng lưới, nguồn vốn huy động của Agribank tiếp tục tăng trưởng ổn định, khẳng định mức độ tín nhiệm lớn của khách hàng đối với uy tín, thương hiệu không ngừng được nâng cao của Agribank. Tính đến thời điểm 30/06/2026, tổng nguồn vốn huy động hợp nhất của Agribank đạt 2.611.671 tỷ đồng (tăng 4,542% so với cuối năm 2025), tổng nguồn vốn huy động riêng của Agribank đạt 2.612.643 tỷ đồng (tăng 4,488% so với cuối năm 2025). Tiền gửi của Khách hàng là kênh huy động vốn chính của Agribank (chiếm khoảng 87% tổng huy động vốn). Bên cạnh đó, từ năm 2018 đến nay, Agribank cũng liên tục tăng cường huy động vốn trung và dài hạn thông qua việc phát hành Trái Phiếu riêng lẻ và phát hành Trái Phiếu ra công chúng giúp gia tăng vốn cấp 2, đảm bảo an toàn trong hoạt động.

### Tình hình huy động vốn của Agribank (Hợp nhất)

Đơn vị: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu                                            | 31/12/2023       | 31/12/2024       | 31/12/2025       | 30/06/2026       |
|-----------------------------------------------------|------------------|------------------|------------------|------------------|
| Vay NHNN                                            | 384              | 228              | 32.123           | 90               |
| Tiền gửi của KBNN                                   | 892              | 795              | 86.538           | 159.119          |
| Tiền gửi và vay các TCTD khác                       | 2.743            | 38.430           | 82.818           | 82.017           |
| Tiền gửi của khách hàng                             | 1.817.271        | 1.914.664        | 2.156.383        | 2.263.748        |
| Vốn tài trợ ủy thác đầu tư cho vay NHNo chịu rủi ro | 3.737            | 2.644            | 1.437            | 989              |
| Phát hành giấy tờ có giá                            | 60.559           | 108.147          | 138.909          | 105.708          |
| <b>Tổng vốn huy động</b>                            | <b>1.885.586</b> | <b>2.064.908</b> | <b>2.498.208</b> | <b>2.611.671</b> |
| <b>Tăng trưởng huy động</b>                         | <b>8,009%</b>    | <b>9,510%</b>    | <b>20,984%</b>   | <b>4,542%</b>    |

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2024, 2025 & BCTC hợp nhất soát xét giữa niên độ năm 2026)



**Tình hình huy động vốn của Agribank (Công ty mẹ)**

Đơn vị: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu                                              | 31/12/2023       | 31/12/2024       | 31/12/2025       | 30/06/2026       |
|-------------------------------------------------------|------------------|------------------|------------------|------------------|
| Vay NHNN                                              | 384              | 228              | 32.123           | 90               |
| Tiền gửi của KBNN                                     | 892              | 795              | 86.538           | 159.119          |
| Tiền gửi và vay các TCTD khác                         | 2.309            | 37.553           | 81.112           | 78.858           |
| Tiền gửi của khách hàng                               | 1.820.846        | 1.918.189        | 2.160.303        | 2.267.874        |
| Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay NHNo chịu rủi ro | 3.737            | 2.644            | 1.437            | 989              |
| Phát hành giấy tờ có giá                              | 60.564           | 108.152          | 138.914          | 105.713          |
| <b>Tổng vốn huy động</b>                              | <b>1.888.732</b> | <b>2.067.561</b> | <b>2.500.427</b> | <b>2.612.643</b> |
| <b>Tăng trưởng huy động</b>                           | <b>7,967%</b>    | <b>9,468%</b>    | <b>20,936%</b>   | <b>4,488%</b>    |

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2024, 2025 & BCTC riêng soát xét giữa niên độ năm 2026)

**Cơ cấu nguồn huy động vốn trong nước và ngoài nước (Hợp nhất)**

Đơn vị: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu         | 31/12/2023       |              | 31/12/2024       |              | 31/12/2025       |              | 30/06/2026       |              |
|------------------|------------------|--------------|------------------|--------------|------------------|--------------|------------------|--------------|
|                  | Giá trị          | Tỷ trọng (%) | Giá trị          | Tỷ trọng (%) | Giá trị          | Tỷ trọng (%) | Giá trị          | Tỷ trọng (%) |
| Trong nước       | 1.885.525        | 99,997%      | 2.064.907        | 99,992%      | 2.498.087        | 99,995%      | 2.611.601        | 99,997%      |
| Ngoài nước       | 61               | 0,003%       | 164              | 0,008%       | 121              | 0,005%       | 70               | 0,003%       |
| <b>Tổng cộng</b> | <b>1.885.586</b> | <b>100%</b>  | <b>2.064.908</b> | <b>100%</b>  | <b>2.498.208</b> | <b>100%</b>  | <b>2.611.671</b> | <b>100%</b>  |

(Nguồn: Agribank)

**Cơ cấu nguồn huy động vốn trong nước và ngoài nước (Công ty mẹ)**

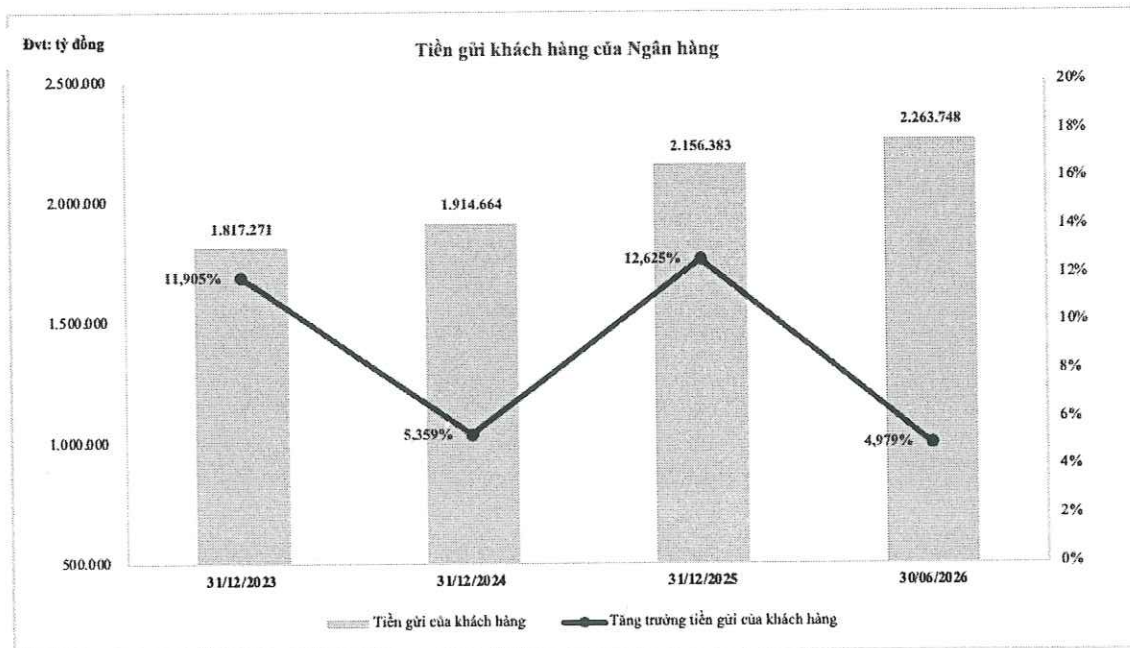
Đơn vị: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu         | 31/12/2023       |              | 31/12/2024       |              | 31/12/2025       |              | 30/06/2026       |              |
|------------------|------------------|--------------|------------------|--------------|------------------|--------------|------------------|--------------|
|                  | Giá trị          | Tỷ trọng (%) | Giá trị          | Tỷ trọng (%) | Giá trị          | Tỷ trọng (%) | Giá trị          | Tỷ trọng (%) |
| Trong nước       | 1.888.671        | 99,997%      | 2.067.397        | 99,992%      | 2.500.306        | 99,995%      | 2.612.573        | 99,997%      |
| Ngoài nước       | 61               | 0,003%       | 164              | 0,008%       | 121              | 0,005%       | 70               | 0,003%       |
| <b>Tổng cộng</b> | <b>1.888.732</b> | <b>100%</b>  | <b>2.067.561</b> | <b>100%</b>  | <b>2.500.427</b> | <b>100%</b>  | <b>2.612.643</b> | <b>100%</b>  |

(Nguồn: Agribank)

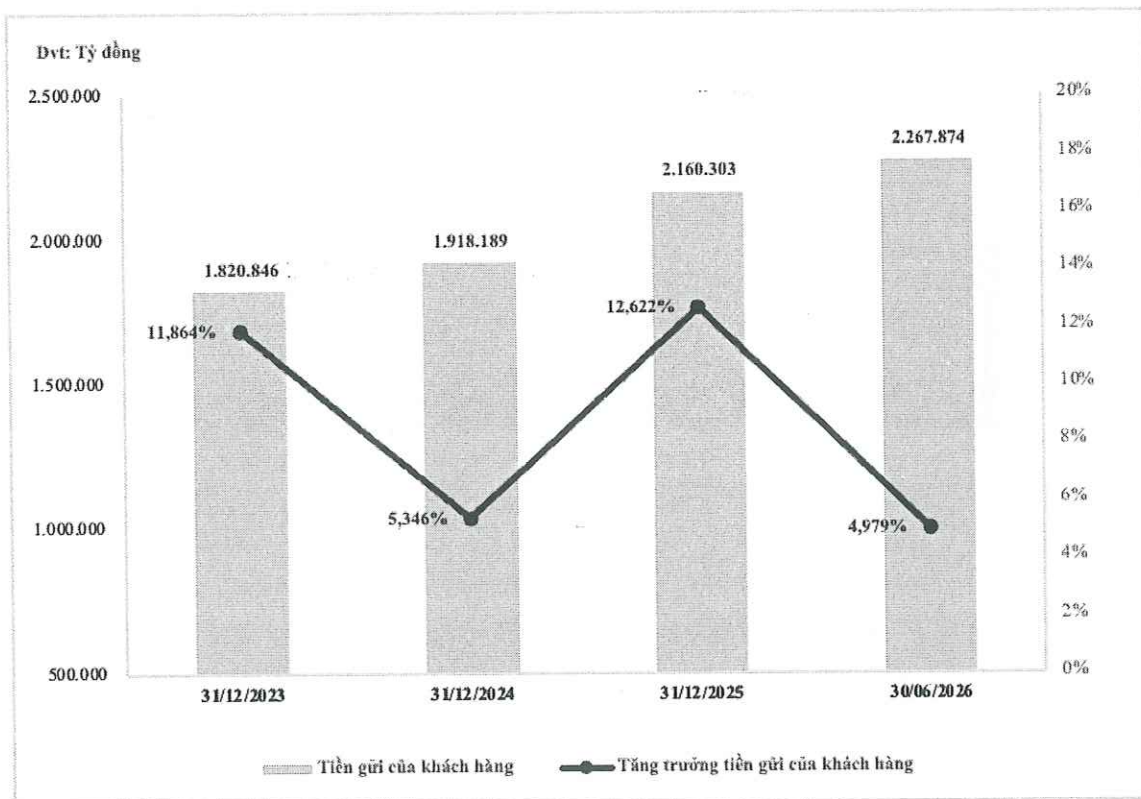


Tình hình tiền gửi khách hàng của Agribank qua các năm (Hợp nhất)



(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2024, 2025 & BCTC hợp nhất soát xét giữa niên độ năm 2026)

Tình hình tiền gửi khách hàng của Agribank qua các năm (Công ty mẹ)



(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2024, 2025 & BCTC riêng soát xét giữa niên độ năm 2026)

*Handwritten signatures and initials in blue ink.*

## CƠ CẤU HUY ĐỘNG VỐN THEO LOẠI TIỀN CỦA AGRIBANK (HỢP NHẤT)

Đơn vị: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu                                                     | 31/12/2023       | 31/12/2024       | 31/12/2025       | 30/06/2026       |
|--------------------------------------------------------------|------------------|------------------|------------------|------------------|
| <b>Vay NHNN</b>                                              | <b>384</b>       | <b>228</b>       | <b>32.123</b>    | <b>90</b>        |
| Bằng VND                                                     | 384              | 228              | 32.123           | 90               |
| Bằng ngoại tệ                                                | -                | -                | -                | -                |
| <b>Tiền gửi của KBNN</b>                                     | <b>892</b>       | <b>795</b>       | <b>86.538</b>    | <b>159.119</b>   |
| Bằng VND                                                     | 888              | 795              | 86.538           | 159.119          |
| Bằng ngoại tệ                                                | 4                | 0,057            | 0,059            | -                |
| <b>Tiền gửi và vay các TCTD khác</b>                         | <b>2.743</b>     | <b>38.430</b>    | <b>82.818</b>    | <b>82.017</b>    |
| Bằng VND                                                     | 2.139            | 37.857           | 81.810           | 64.045           |
| Bằng ngoại tệ                                                | 604              | 573              | 1.008            | 17.972           |
| <b>Tiền gửi của khách hàng</b>                               | <b>1.817.271</b> | <b>1.914.664</b> | <b>2.156.383</b> | <b>2.263.748</b> |
| Bằng VND                                                     | 1.803.969        | 1.901.288        | 2.137.823        | 2.238.590        |
| Bằng ngoại tệ                                                | 13.302           | 13.376           | 18.559           | 25.158           |
| <b>Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay NHNo chịu rủi ro</b> | <b>3.737</b>     | <b>2.644</b>     | <b>1.437</b>     | <b>989</b>       |
| Bằng VND                                                     | 3.540            | 2.499            | 1.323            | 878              |
| Bằng ngoại tệ                                                | 197              | 145              | 114              | 111              |
| <b>Phát hành giấy tờ có giá</b>                              | <b>60.559</b>    | <b>108.147</b>   | <b>138.909</b>   | <b>105.708</b>   |
| Bằng VND                                                     | 60.559           | 108.147          | 138.909          | 105.708          |
| Bằng ngoại tệ                                                | -                | -                | -                | -                |
| <b>Vốn huy động</b>                                          | <b>1.885.586</b> | <b>2.064.908</b> | <b>2.498.208</b> | <b>2.611.671</b> |
| Huy động vốn VND                                             | 1.871.479        | 2.050.814        | 2.478.526        | 2.568.430        |
| Huy động vốn ngoại tệ                                        | 14.107           | 14.094           | 19.682           | 43.241           |
| <b>Tỷ trọng huy động vốn VND</b>                             | <b>99,252%</b>   | <b>99,317%</b>   | <b>99,212%</b>   | <b>98,344%</b>   |
| <b>Tỷ trọng huy động vốn ngoại tệ</b>                        | <b>0,748%</b>    | <b>0,683%</b>    | <b>0,788%</b>    | <b>1,731%</b>    |

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2024, 2025 &amp; BCTC hợp nhất soát xét giữa niên độ năm 2026)



**Cơ cấu huy động vốn theo loại tiền của Agribank (Công ty mẹ)**
*Đơn vị: Tỷ đồng*

| Cơ cấu huy động theo loại tiền                               | 31/12/2023       | 31/12/2024       | 31/12/2025       | 30/06/2026       |
|--------------------------------------------------------------|------------------|------------------|------------------|------------------|
| <b>Vay NHNN</b>                                              | <b>384</b>       | <b>228</b>       | <b>32.123</b>    | <b>90</b>        |
| Bằng VND                                                     | 384              | 228              | 32.123           | 90               |
| Bằng ngoại tệ                                                | -                | -                | -                | -                |
| <b>Tiền gửi của KBNN</b>                                     | <b>892</b>       | <b>795</b>       | <b>86.538</b>    | <b>159.119</b>   |
| Bằng VND                                                     | 888              | 795              | 86.538           | 159.119          |
| Bằng ngoại tệ                                                | 4                | 0,057            | 0,059            | 0,059            |
| <b>Tiền gửi và vay các TCTD khác</b>                         | <b>2.309</b>     | <b>37.553</b>    | <b>81.112</b>    | <b>78.858</b>    |
| Bằng VND                                                     | 1.705            | 36.979           | 80.104           | 60.886           |
| Bằng ngoại tệ                                                | 604              | 573              | 1.008            | 17.972           |
| <b>Tiền gửi của khách hàng</b>                               | <b>1.820.846</b> | <b>1.918.189</b> | <b>2.160.303</b> | <b>2.267.874</b> |
| Bằng VND                                                     | 1.807.543        | 1.904.813        | 2.141.744        | 2.242.716        |
| Bằng ngoại tệ                                                | 13.303           | 13.376           | 18.559           | 25.158           |
| <b>Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay NHNo chịu rủi ro</b> | <b>3.737</b>     | <b>2.644</b>     | <b>1.437</b>     | <b>989</b>       |
| Bằng VND                                                     | 3.540            | 2.499            | 1.323            | 878              |
| Bằng ngoại tệ                                                | 197              | 145              | 144              | 111              |
| <b>Phát hành giấy tờ có giá</b>                              | <b>60.564</b>    | <b>108.152</b>   | <b>138.914</b>   | <b>105.713</b>   |
| Bằng VND                                                     | 60.564           | 108.152          | 138.914          | 105.713          |
| Bằng ngoại tệ                                                | -                | -                | -                | -                |
| <b>Vốn huy động</b>                                          | <b>1.888.732</b> | <b>2.067.561</b> | <b>2.500.457</b> | <b>2.612.643</b> |
| Huy động vốn VND                                             | 1.874.624        | 2.053.466        | 2.480.746        | 2.569.401        |
| Huy động vốn ngoại tệ                                        | 14.108           | 14.095           | 19.711           | 43.242           |
| <b>Tỷ trọng huy động vốn VND</b>                             | <b>99,253%</b>   | <b>99,318%</b>   | <b>99,212%</b>   | <b>98,345%</b>   |
| <b>Tỷ trọng huy động vốn ngoại tệ</b>                        | <b>0,747%</b>    | <b>0,682%</b>    | <b>0,788%</b>    | <b>1,655%</b>    |

*(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2024, 2025 & BCTC riêng soát xét giữa niên độ năm 2026)*

Đồng nội tệ chiếm phần lớn tỷ trọng trong cơ cấu huy động vốn theo loại tiền của Agribank, tại ngày 30/06/2026, giá trị huy động vốn Việt Nam đồng hợp nhất chiếm đến hơn 98% tổng nguồn vốn.



Với đặc điểm là NHTM chủ lực trên lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, nguồn tiền gửi của Agribank đến chủ yếu từ khách hàng cá nhân (chiếm khoảng 80%). Xét về cơ cấu tiền gửi, tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn (CASA) của Agribank giao động quanh mức 10 – 13%.

Vốn huy động tăng trưởng bền vững, phù hợp với tốc độ tăng trưởng tín dụng, đáp ứng kịp thời nhu cầu kinh doanh và gắn với đảm bảo khả năng thanh khoản và các tỷ lệ an toàn theo quy định của NHNN.

Về điều hành lãi suất huy động, Agribank điều hành lãi suất huy động trên cơ sở dự báo lãi suất, tình hình thực hiện tại Agribank, diễn biến thị trường và định hướng điều hành chính sách tiền tệ của NHNN linh hoạt, thận trọng phù hợp với cân đối vốn và đảm bảo ổn định thanh khoản, qua đó góp phần ổn định lãi suất và hỗ trợ tăng trưởng tín dụng theo kế hoạch. Tập trung đẩy mạnh cơ cấu nguồn vốn theo hướng ưu tiên tiền gửi có tính ổn định cao, tiền gửi không kỳ hạn. Đồng thời, Agribank nghiêm túc tuân thủ các quy định của NHNN về trần lãi suất, niêm yết công khai mức lãi suất huy động và áp dụng linh hoạt chính sách lãi suất phù hợp với từng nhóm khách hàng, sản phẩm mục tiêu và diễn biến thị trường trong từng thời kỳ.

### 8.1.3. Hoạt động tín dụng

#### 8.1.3.1. Hoạt động cho vay đối với khách hàng

Với vị trí là NHTM lớn nhất, đóng vai trò chủ lực trên thị trường tài chính nông thôn, Agribank đã vượt qua nhiều khó khăn để có thể hoàn thành tốt hai nhiệm vụ: vừa phục vụ các chính sách tín dụng nông nghiệp, nông thôn theo chỉ đạo của Chính phủ và NHNN vừa đảm bảo hoạt động kinh doanh an toàn và phát triển.

Luôn xem trọng lợi ích của doanh nghiệp, lấy khách hàng làm trọng tâm trong mục tiêu hướng tới phát triển bền vững, Agribank đã triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm mở rộng tín dụng có hiệu quả, tiên phong triển khai mạnh mẽ các chương trình tín dụng ưu đãi đối với các đối tượng khách hàng pháp nhân và cá nhân. Cho vay nông nghiệp, nông thôn là lĩnh vực có chi phí hoạt động cao, rủi ro lớn do thiên tai, biến đổi khí hậu, thị trường tiêu thụ hàng hóa, lãi suất cho vay thấp theo chính sách ưu đãi lãi suất, phần nào ảnh hưởng đến năng lực tài chính, khả năng tự tăng vốn tự có từ lợi nhuận và thu nhập của người lao động.

Với ưu tiên hàng đầu tiếp tục đẩy mạnh đầu tư tín dụng phát triển nông nghiệp an toàn, hiệu quả và bền vững, Agribank đưa ra nhiều giải pháp hiệu quả như: ban hành đồng bộ chính sách ưu đãi về lãi suất tiền gửi, tiền vay, phí thanh toán, phí dịch vụ và các chính sách khác để khách hàng có thể sử dụng nhiều gói sản phẩm, dịch vụ có tính liên kết; tiếp tục thực hiện các chính sách ưu đãi khách hàng truyền thống, thu hút khách hàng mới, khách hàng tiềm năng.

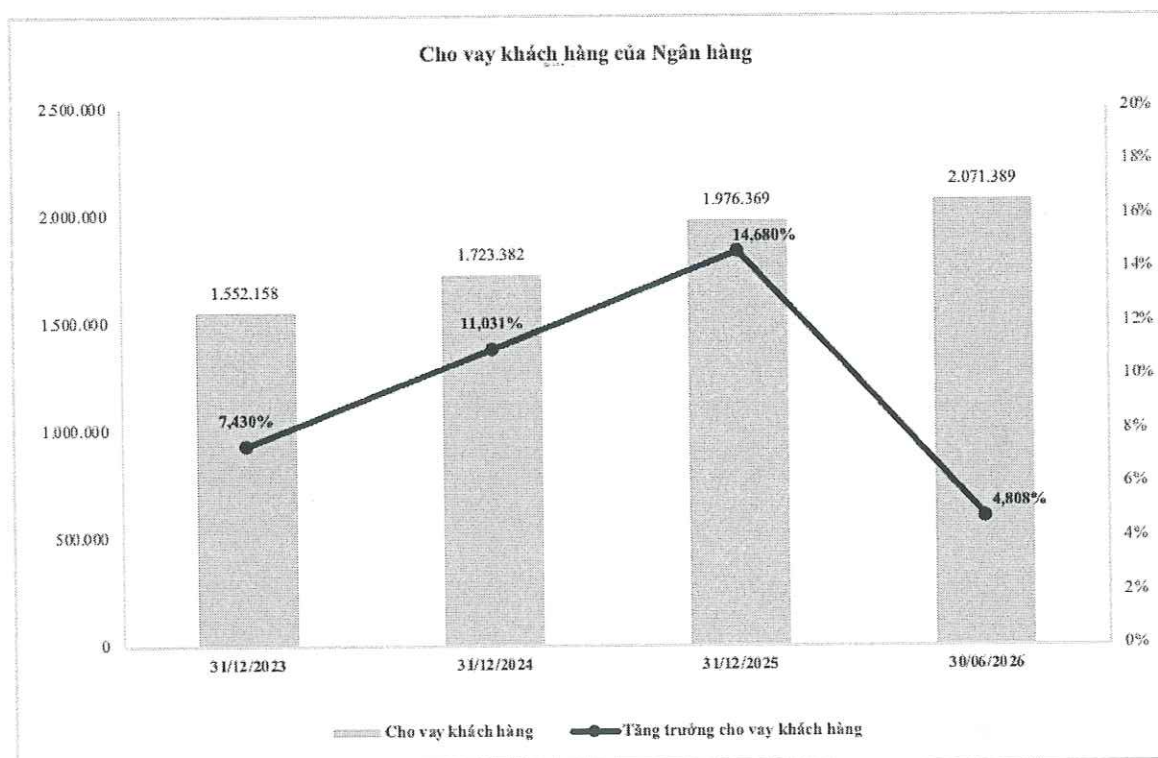
Năm 2024 tổng dư nợ cho vay khách hàng hợp nhất (không bao gồm khoản phải thu, cho vay của các công ty con) tăng 11,028% so với thời điểm 31/12/2023, đạt 1.721.208 tỷ đồng hoàn thành chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng do NHNN và HĐTV giao, tiếp tục là một trong những trụ cột cung cấp tín dụng cho nền kinh tế.





Tính đến 31/12/2025, tổng dư nợ cho vay khách hàng hợp nhất tăng 14,680% so với thời điểm 31/12/2024, đạt 1.976.369 tỷ đồng hoàn thành chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng do NHNN và HĐTV giao, tiếp tục là một trong những trụ cột cung cấp tín dụng cho nền kinh tế. Đến 30/06/2026 tổng dư nợ cho vay khách hàng là 2.071.389 tỷ đồng. Chất lượng tín dụng được kiểm soát chặt chẽ, tuân thủ quy định của pháp luật và các giới hạn an toàn theo quy định của NHNN. Cơ cấu tín dụng được điều chỉnh theo hướng tập trung cho vay ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch; kiểm soát chặt chẽ việc cấp tín dụng đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro cao như đầu tư, kinh doanh bất động sản, chứng khoán, BOT, BT giao thông, tiêu dùng.

#### Tình hình cho vay khách hàng của Agribank qua các năm (Hợp nhất)

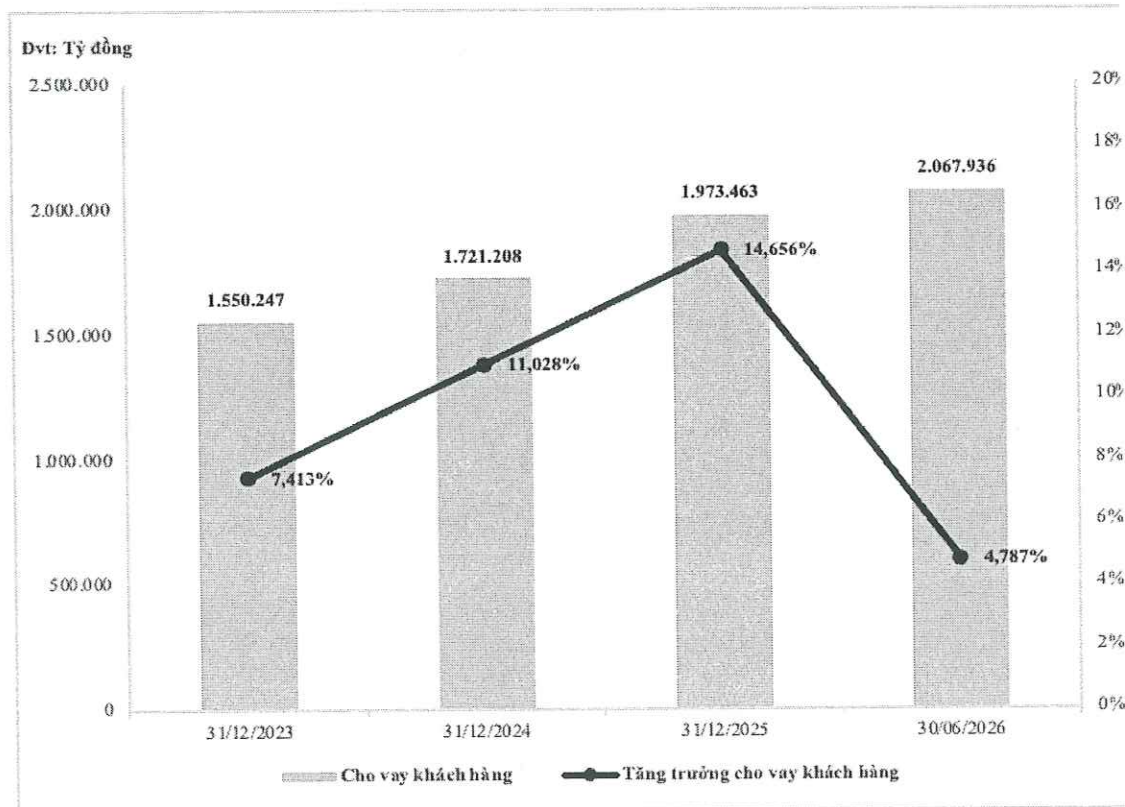


(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2024, 2025 & BCTC hợp nhất soát xét giữa niên độ năm 2026)

*[Handwritten signatures and marks]*



Tình hình cho vay của Agribank qua các năm (Công ty mẹ)



(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2024, 2025 & BCTC riêng soát xét giữa niên độ năm 2026)

Chi tiết phân tích dư nợ cho vay khách hàng theo thời hạn cho vay theo Thông tư số 31/2024/TT-NHNN ngày 30/6/2024 của NHNN quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (“Thông tư 31”) như sau:

Dư nợ cho vay theo kỳ hạn của Agribank (Hợp nhất)

Đơn vị: Tỷ đồng

| Phân tích dư cho vay KH theo kỳ hạn   | 31/12/2023       |              | 31/12/2024       |              | 31/12/2025       |              | 30/06/2026       |              |
|---------------------------------------|------------------|--------------|------------------|--------------|------------------|--------------|------------------|--------------|
|                                       | Giá trị          | Tỷ trọng (%) | Giá trị          | Tỷ trọng (%) | Giá trị          | Tỷ trọng (%) | Giá trị          | Tỷ trọng (%) |
| Nợ ngắn hạn                           | 943.343          | 60,776%      | 1.102.359        | 63,965%      | 1.257.250        | 63,614%      | 1.308.668        | 63,178%      |
| Nợ trung hạn                          | 402.574          | 25,936%      | 386.169          | 22,408%      | 400.847          | 20,282%      | 414.663          | 20,019%      |
| Nợ dài hạn                            | 204.330          | 13,164%      | 232.680          | 13,501%      | 315.366          | 15,957%      | 344.605          | 16,636%      |
| Phải thu, cho vay của các công ty con | 1.911            | 0,123%       | 2.174            | 0,126%       | 2.906            | 0,147%       | 3.453            | 0,167%       |
| <b>Tổng dư nợ cho vay</b>             | <b>1.552.158</b> | <b>100%</b>  | <b>1.723.382</b> | <b>100%</b>  | <b>1.976.369</b> | <b>100%</b>  | <b>2.071.389</b> | <b>100%</b>  |

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2024, 2025 & BCTC hợp nhất soát xét giữa niên độ năm 2026)





**Dư nợ cho vay theo kỳ hạn của Agribank (Công ty mẹ)**

Đơn vị: Tỷ đồng

| Phân tích dư<br>cho vay KH<br>theo kỳ hạn | 31/12/2023       |                 | 31/12/2024       |                 | 31/12/2025       |                 | 30/06/2026       |                 |
|-------------------------------------------|------------------|-----------------|------------------|-----------------|------------------|-----------------|------------------|-----------------|
|                                           | Giá trị          | Tỷ trọng<br>(%) | Giá trị          | Tỷ trọng<br>(%) | Giá trị          | Tỷ trọng<br>(%) | Giá trị          | Tỷ trọng<br>(%) |
| Nợ ngắn hạn                               | 943.343          | 60,851%         | 1.102.359        | 64,046%         | 1.257.250        | 63,708%         | 1.308.668        | 63,284%         |
| Nợ trung hạn                              | 402.574          | 25,968%         | 386.169          | 22,436%         | 400.847          | 20,312%         | 414.663          | 20,052%         |
| Nợ dài hạn                                | 204.330          | 13,180%         | 232.680          | 13,518%         | 315.366          | 15,980%         | 344.605          | 16,664%         |
| <b>Tổng dư nợ cho<br/>vay</b>             | <b>1.550.247</b> | <b>100%</b>     | <b>1.721.208</b> | <b>100%</b>     | <b>1.973.463</b> | <b>100%</b>     | <b>2.067.936</b> | <b>100%</b>     |

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2024, 2025 & BCTC riêng soát xét giữa niên độ năm 2026)

Tính đến thời điểm 30/06/2026, theo báo cáo tài chính hợp nhất, tổng dư nợ cho vay khách hàng đạt 2.071.389 tỷ đồng. Trong đó cho vay ngắn hạn tiếp tục có tỷ trọng cao nhất khi phân tích dư nợ cho vay khách hàng phân theo kỳ hạn. Cụ thể, nợ ngắn hạn đạt 1.308.668 tỷ đồng tương đương 63,178%; nợ trung, dài hạn chiếm tỷ trọng lần lượt là 20,019 % và 16,636%.

**8.1.3.2. Chất lượng tín dụng và tỷ lệ nợ xấu**

Chất lượng tín dụng luôn được Agribank ưu tiên và kiểm soát chặt chẽ, tuân thủ quy định của pháp luật và các giới hạn an toàn theo quy định của NHNN bằng những giải pháp quyết liệt và đồng bộ. Nhờ quy mô tăng trưởng tốt, cơ cấu chuyển dịch tích cực đi cùng với kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng, hiệu quả từ hoạt động tín dụng tiếp tục được nâng cao đóng góp quan trọng cho kết quả kinh doanh chung của Ngân hàng.

Chi tiết phân tích chất lượng dư nợ cho vay khách hàng theo Thông tư 31 như sau:

**Chất lượng tín dụng của Agribank (Hợp nhất)**

Đơn vị: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu                              | 31/12/2023 (*)   |                 | 31/12/2024       |                 | 31/12/2025       |                 | 30/06/2026       |                 |
|---------------------------------------|------------------|-----------------|------------------|-----------------|------------------|-----------------|------------------|-----------------|
|                                       | Giá trị          | Tỷ trọng<br>(%) | Giá trị          | Tỷ trọng<br>(%) | Giá trị          | Tỷ trọng<br>(%) | Giá trị          | Tỷ trọng<br>(%) |
| Nợ đủ tiêu chuẩn                      | 1.488.504        | 95,899%         | 1.662.998        | 96,496%         | 1.926.570        | 97,480%         | 2.017.028        | 97,376%         |
| Nợ cần chú ý                          | 32.308           | 2,081%          | 29.202           | 1,694%          | 21.282           | 1,077%          | 24.381           | 1,177%          |
| Nợ dưới tiêu chuẩn                    | 4.084            | 0,263%          | 2.283            | 0,132%          | 3.326            | 0,168%          | 1.413            | 0,068%          |
| Nợ nghi ngờ                           | 5.876            | 0,379%          | 4.088            | 0,237%          | 2.064            | 0,104%          | 988              | 0,048%          |
| Nợ có khả năng mất vốn                | 19.475           | 1,255%          | 22.638           | 1,314%          | 20.220           | 1,023%          | 24.126           | 1,165%          |
| Phải thu, cho vay của các công ty con | 1.911            | 0,123%          | 2.173            | 0,126%          | 2.906            | 0,147%          | 3.453            | 0,167%          |
| <b>Tổng dư nợ cho vay</b>             | <b>1.552.158</b> | <b>100%</b>     | <b>1.723.382</b> | <b>100%</b>     | <b>1.976.369</b> | <b>100%</b>     | <b>2.071.389</b> | <b>100%</b>     |

*[Handwritten signatures and marks]*



(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2024, 2025 & BCTC hợp nhất soát xét giữa niên độ năm 2026)  
(\*) Số liệu 31/12/2023 được trình bày lại theo kết quả của Kiểm toán Nhà nước năm 2023

**Chất lượng tín dụng của Agribank (Công ty mẹ)**

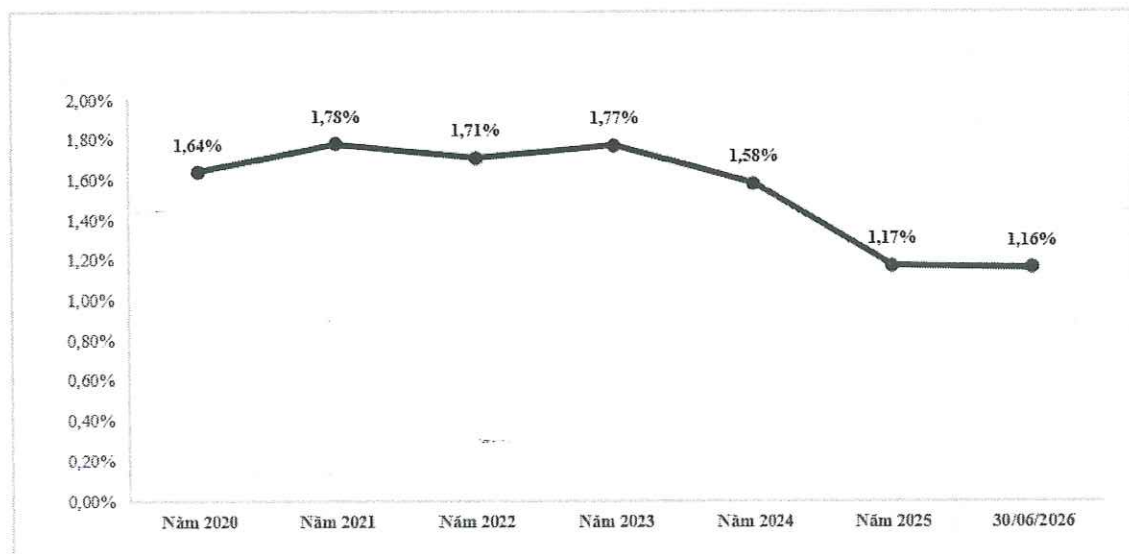
Đơn vị: Tỷ đồng

| Phân loại nợ              | 31/12/2023       |              | 31/12/2024       |              | 31/12/2025       |              | 30/06/2026       |              |
|---------------------------|------------------|--------------|------------------|--------------|------------------|--------------|------------------|--------------|
|                           | Giá trị          | Tỷ trọng (%) | Giá trị          | Tỷ trọng (%) | Giá trị          | Tỷ trọng (%) | Giá trị          | Tỷ trọng (%) |
| Nợ đủ tiêu chuẩn          | 1.488.504        | 96,017%      | 1.662.998        | 96,618%      | 1.926.570        | 97,624%      | 2.017.028        | 97,538%      |
| Nợ cần chú ý              | 32.308           | 2,084%       | 29.202           | 1,697%       | 21.282           | 1,078%       | 24.381           | 1,179%       |
| Nợ dưới tiêu chuẩn        | 4.084            | 0,263%       | 2.283            | 0,133%       | 3.326            | 0,169%       | 1.413            | 0,068%       |
| Nợ nghi ngờ               | 5.876            | 0,379%       | 4.088            | 0,238%       | 2.064            | 0,105%       | 988              | 0,048%       |
| Nợ có khả năng mất vốn    | 19.475           | 1,256%       | 22.638           | 1,315%       | 20.220           | 1,025%       | 24.126           | 1,167%       |
| <b>Tổng dư nợ cho vay</b> | <b>1.550.247</b> | <b>100%</b>  | <b>1.721.209</b> | <b>100%</b>  | <b>1.973.463</b> | <b>100%</b>  | <b>2.067.936</b> | <b>100%</b>  |

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2024, 2025 & BCTC riêng soát xét giữa niên độ năm 2026)

(\*) Số liệu 31/12/2023 được trình bày lại theo kết quả của Kiểm toán Nhà nước năm 2023

**Tình hình nợ xấu theo Thông tư 31/2024/TT-NHNN**



(Nguồn: Agribank)

Tính đến thời điểm 30/06/2026, tỷ lệ nợ xấu theo Thông tư 31 là 1,16% (đảm bảo kế hoạch NHNN giao). Tỷ lệ nợ xấu trong 6 tháng đầu năm 2026 giảm so với cuối năm 2025 là kết quả từ việc ngân hàng đã triển khai quyết liệt và đồng bộ các biện pháp xử lý, thu hồi nợ và có xu hướng giảm rõ rệt trong những tháng đầu năm. Ngân hàng đã chủ động rà soát, phân loại nợ theo mức độ rủi ro, từ đó xây dựng phương án xử lý phù hợp với từng khách hàng. Công tác đôn đốc, nhắc nợ được thực hiện thường xuyên, kịp thời và linh hoạt. Đồng thời, tăng cường phối hợp với các cơ quan chức năng và khách hàng để tháo gỡ vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ

*[Handwritten signatures and initials]*



thu hồi nợ. Qua đó, tỷ lệ nợ xấu được kiểm soát tốt và có xu hướng giảm rõ rệt trong những tháng đầu năm.

### 8.1.3.3. *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất được Agribank thực hiện kiểm soát thông qua việc thiết lập các giới hạn về lãi suất huy động và lãi suất cho vay nhằm đảm bảo chênh lệch lãi suất đầu vào và đầu ra thực dương sau khi loại trừ các chi phí về huy động vốn, chi phí quản lý và trên cơ sở xem xét các yếu tố rủi ro, mặt bằng lãi suất thị trường để đảm bảo khả năng cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh của Agribank. Để giảm thiểu rủi ro lãi suất có thể phát sinh, Agribank áp dụng đồng bộ các biện pháp như: quy định chính sách lãi suất thả nổi đối với các khoản cho vay trung, dài hạn; quy định các điều khoản phòng ngừa rủi ro lãi suất trong hợp đồng tín dụng để đảm bảo luôn chủ động trước những biến động của thị trường.

### 8.1.3.4. *Phân loại trích lập dự phòng rủi ro tín dụng*

Tính đến thời điểm 30/06/2026, số dư dự phòng rủi ro cho vay khách hàng hợp nhất và riêng của Agribank lần lượt là 39.764 tỷ đồng và 39.272 tỷ đồng.

#### Số dư dự phòng rủi ro tín dụng cho vay khách hàng của Agribank (Hợp nhất)

Đơn vị: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu                           | 31/12/2023 (*) | 31/12/2024 | 31/12/2025 | 30/06/2026 |
|------------------------------------|----------------|------------|------------|------------|
| Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng | 38.065         | 38.279     | 37.465     | 39.764     |
| Dự phòng cụ thể                    | 26.654         | 25.650     | 22.863     | 24.454     |
| Dự phòng chung                     | 11.411         | 12.629     | 14.602     | 15.310     |

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2024, 2025 & BCTC hợp nhất soát xét giữa niên độ năm 2026)

(\*) Số liệu 31/12/2023 được trình bày lại theo kết quả của Kiểm toán Nhà nước năm 2023

#### Số dư dự phòng rủi ro tín dụng cho vay khách hàng của Agribank (Công ty mẹ)

Đơn vị: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu                           | 31/12/2023 (*) | 31/12/2024 | 31/12/2025 | 30/06/2026 |
|------------------------------------|----------------|------------|------------|------------|
| Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng | 37.540         | 37.770     | 36.977     | 39.272     |
| Dự phòng cụ thể                    | 26.177         | 25.154     | 22.393     | 23.984     |
| Dự phòng chung                     | 11.363         | 12.616     | 14.584     | 15.288     |

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2024, 2025 & BCTC riêng soát xét giữa niên độ năm 2026)

(\*) Số liệu 31/12/2023 được trình bày lại theo kết quả của Kiểm toán Nhà nước năm 2023

### 8.1.3.5. *Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)*

Agribank luôn bảo đảm tuân thủ quy định của NHNN về tỷ lệ bảo đảm an toàn vốn. Cụ thể:

| Chỉ tiêu                         | 31/12/2023 | 31/12/2024 | 31/12/2025 | 30/06/2026 | Quy định (*) |
|----------------------------------|------------|------------|------------|------------|--------------|
| Tỷ lệ an toàn vốn riêng (CAR)    | 9,06%      | 11,22%     | 10,09%     | 10,09%     | $\geq 8\%$   |
| Tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất (CAR) | 9,2%       | 11,36%     | 10,23%     | 10,22%     | $\geq 8\%$   |

(Nguồn: Agribank)

Agribank tính toán và quản lý tỷ lệ an toàn vốn theo quy định tại Thông tư 41/2016/TT-NHNN (từ 01/01/2023) và Thông tư 22/2023/TT-NHNN (từ 01/07/2024), quy định CAR (riêng lẻ và hợp nhất) tối thiểu là 8%.

#### 8.1.4. Hoạt động kinh doanh ngoại tệ và thanh toán

##### 8.1.4.1. Hoạt động kinh doanh ngoại tệ

Agribank là NHTM hàng đầu trong lĩnh vực kinh doanh ngoại hối và cung cấp các dịch vụ ngoại hối đa dạng cho khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp. Agribank luôn đáp ứng kịp thời và đầy đủ nhu cầu của khách hàng cá nhân bằng việc cung cấp tỷ giá cạnh tranh và phương thức giao dịch linh hoạt, qua đó góp phần hỗ trợ phát triển các hoạt động khác của Ngân hàng. Với lợi thế về mạng lưới, nguồn dự trữ ngoại hối dồi dào và nhân sự giàu kinh nghiệm trong hoạt động kinh doanh ngoại tệ, Agribank không chỉ kịp thời đáp ứng nhu cầu của khách hàng nói chung mà còn hỗ trợ tích cực cho khách hàng doanh nghiệp phòng tránh rủi ro trong hoạt động kinh doanh thông qua việc cung cấp các sản phẩm dịch vụ ngoại hối đặc thù, phù hợp với thực trạng hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Agribank luôn chú trọng đến công tác phát triển khách hàng nhằm khai thác tối đa các kênh khách hàng hiện hữu và tăng trưởng khách hàng mới trên tất cả các phân khúc. Lãi kinh doanh ngoại tệ của Agribank trong năm 2024 và 2025 lần lượt là 4.538 tỷ đồng và 4.728 tỷ đồng. Đến hết Quý II/2026, con số này đạt 2.243,58 tỷ đồng.

##### 8.1.4.2. Hoạt động thanh toán

##### Tình hình dịch vụ thanh toán của Agribank (Hợp nhất)

Đơn vị: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu                               | Năm 2023     | Năm 2024     | Năm 2025     | 6 tháng đầu năm 2026 |
|----------------------------------------|--------------|--------------|--------------|----------------------|
| Thu từ dịch vụ thanh toán              | 5.428        | 5.560        | 5.817        | 2.980                |
| Chi về dịch vụ thanh toán              | 2.223        | 2.108        | 2.145        | 1.136                |
| <b>Lãi thuần từ dịch vụ thanh toán</b> | <b>3.205</b> | <b>3.452</b> | <b>3.672</b> | <b>1.844</b>         |

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2024, 2025 & BCTC hợp nhất soát xét giữa niên độ năm 2026)

*(Chữ ký và dấu)*



## Tình hình dịch vụ thanh toán của Agribank (Công ty mẹ)

Đơn vị: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu                               | Năm 2023     | Năm 2024     | Năm 2025     | 6 tháng đầu năm 2026 |
|----------------------------------------|--------------|--------------|--------------|----------------------|
| Thu từ dịch vụ thanh toán              | 5.428        | 5.560        | 5.817        | 2.980                |
| Chi về dịch vụ thanh toán              | 2.223        | 2.108        | 2.145        | 1.136                |
| <b>Lãi thuần từ dịch vụ thanh toán</b> | <b>3.205</b> | <b>3.452</b> | <b>3.672</b> | <b>1.844</b>         |

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2024, 2025 &amp; BCTC riêng soát xét giữa niên độ năm 2026)

## a) Hoạt động thanh toán trong nước

Agribank đã phát triển các sản phẩm dịch vụ trên nền tảng hệ thống công nghệ thông tin, chủ động áp dụng các giải pháp ứng dụng cách mạng công nghệ 4.0 để phát triển các sản phẩm dịch vụ mới, mở rộng tiện ích, nâng cao chất lượng dịch vụ E-Banking: Mở tài khoản trực tuyến trên ứng dụng Agribank Plus; Triển khai phiên bản mới của dịch vụ Agribank Plus có tính năng hiện đại, độ tùy biến cao, chức năng được sắp xếp khoa học, rõ ràng hơn, màu sắc tươi trẻ, hiện đại và khách hàng có thể chủ động trong việc thiết lập các chức năng ưu tiên ngay trên ứng dụng theo nhu cầu; Triển khai dịch vụ chuyển khoản qua mã VietQR; Bổ sung chức năng chọn tài khoản nguồn; Bán bảo hiểm trách nhiệm dân sự bắt buộc mô tô – xe máy trên ứng dụng Agribank Plus; Triển khai dịch vụ thu nợ tiền vay trên ứng dụng; Nạp tiền vào tài khoản giao thông ePass; Nộp ngân sách Nhà nước; Tra cứu thông tin hóa đơn điện tử trên ứng dụng; Bổ sung thêm nhiều tiện ích trên ứng dụng Agribank Plus (tính năng quét QR, gọi taxi, đặt món ăn, đặt sân Golf; mua sắm trực tuyến, đặt vé tàu xe, giao hàng, thanh toán hóa đơn, dịch vụ mua gói học trực tuyến...); Triển khai thí điểm Agribank E-Banking, hệ thống phần mềm cung cấp dịch vụ ngân hàng điện tử thông qua các thiết bị có kết nối Internet (dịch vụ thanh toán, tài khoản tiền gửi, tín dụng, thanh toán quốc tế, thương mại điện tử, thẻ, dịch vụ phi tài chính và các dịch vụ khác...); Phát triển sản phẩm Tiền gửi trực tuyến trên ứng dụng Agribank Plus đáp ứng nhu cầu gửi tiền trực tuyến, giảm tải giao dịch tại quầy; Cập nhật bổ sung đặc điểm, tiện ích tiền gửi có kỳ hạn theo quy định của NHNN; Liên kết hợp tác, ký kết thỏa thuận hợp tác với các đối tác, công ty fintech để phát triển dịch vụ ví điện tử, thu hộ, chi hộ... đáp ứng nhu cầu thanh toán không dùng tiền mặt của nền kinh tế; Triển khai phát hành thẻ chip nội địa không tiếp xúc theo chuẩn VCCS, ứng dụng kết nối POS với phần mềm hệ thống kế toán của Đơn vị chấp nhận thẻ; Triển khai thí điểm sản phẩm thẻ liên kết bệnh viện; Triển khai Đề án phát triển dịch vụ thẻ tại thị trường nông nghiệp, nông thôn. Xác định hướng phát triển dịch vụ ngân hàng bán lẻ trên nền tảng công nghệ thông tin, Agribank tập trung phát triển mạnh dịch vụ ngân hàng điện tử, dịch vụ ứng dụng giải pháp công nghệ 4.0, triển khai các công việc ban đầu để phát triển ngân hàng số, thực hiện chuyển đổi số. Dịch vụ ngân hàng điện tử có sự tăng trưởng mạnh mẽ cả về số lượng tiện ích và chất lượng dịch vụ. Tỷ trọng thu dịch vụ trong tổng thu ngày càng tăng, tạo nguồn thu đáng kể cho Agribank. Đây là nhóm dịch vụ sẽ là kênh phân phối khách hàng ưa thích sử dụng.







Năm 2023, Agribank triển khai bổ sung một số sản phẩm, chức năng, tiện ích mới, như: Sản phẩm thẻ First Class; bổ sung một số chức năng mới trên ứng dụng Agribank Plus (Đăng ký phát hành/phát hành lại thẻ, chuyển đổi thẻ chip nội địa, mở khóa thẻ, định danh thẻ); Đơn vị chấp nhận thẻ trực tuyến (E-Merchant) chấp nhận thẻ nội địa; Thí điểm chức năng giao dịch bằng CCCD gắn chip tại ATM đến tháng 6/2024; Mở rộng chức năng rút tiền bằng mã QR tại ATM.

Năm 2024, Agribank đã triển khai thêm nhiều chức năng tiện ích mới trên ứng dụng Agribank Plus: Triển khai giải pháp Open Smartbank (OSB); Chức năng bán ngoại tệ của khách hàng cá nhân; Chức năng cập nhật sinh trắc học trên ứng dụng Agribank Plus qua tài khoản VneID; Cho vay có bảo đảm bằng sổ dư tiền gửi trực tuyến đối với KHCN trên ứng dụng Agribank Plus; Dịch vụ thông báo biến động số dư tài khoản thanh toán bằng âm thanh (Voice OTT).

Năm 2025, triển khai dịch vụ Tap to Phone (SoftPOS) với Napas; Triển khai dịch vụ thanh toán bằng mã QR từ nguồn thẻ ghi nợ quốc tế và thẻ tín dụng trên ứng dụng Agribank Plus; Triển khai một số chức năng, tiện ích cho chủ thẻ tín dụng (tự động gửi sao kê và bảo mật sao kê thẻ tín dụng quốc tế đến email của khách hàng, thiết lập mật khẩu bảo mật sao kê thẻ Lộc Việt, tự động gửi thông báo thu nợ và nhắc nợ cho chủ thẻ tín dụng Lộc Việt qua email và/hoặc tin nhắn SMS, v.v...); Triển khai dịch vụ kết nối cổng thanh toán trực tuyến bằng tài khoản thanh toán Agribank đã đăng ký Ecommerce qua Napas; Triển khai sản phẩm thẻ tín dụng quốc tế Agribank Mastercard World; Triển khai sản phẩm thẻ đồng thương hiệu Agribank Napas- Mastercard; Triển khai thu phí phát hành thẻ trực tuyến đối với khách hàng đăng ký phát hành thẻ trên ứng dụng Agribank Plus.

Tính đến ngày 31/07/2026, Agribank triển khai nhiều giải pháp nhằm phát triển sản phẩm, dịch vụ thẻ gắn với chuyển đổi số và nâng cao chất lượng dịch vụ như: triển khai dịch vụ số hóa thẻ nội địa Agribank trên ứng dụng Agribank Plus (tap&Pay), chức năng đặt trước và hoàn tất giao dịch tại thiết bị chấp nhận thẻ, tích hợp phần mềm bán hàng trên POS Agribank, dịch vụ thanh toán qua thẻ trên ứng dụng Agribank.

#### **b) Hoạt động thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại**

Tính đến ngày 31/07/2026, Agribank có 103 Chi nhánh thực hiện thanh toán quốc tế trực tiếp. Trung tâm tài trợ thương mại thực hiện tác nghiệp tập trung nghiệp vụ L/C, nhờ thu cho 100 chi nhánh (55 Chi nhánh loại I, 45 Chi nhánh loại II); Tác nghiệp nghiệp vụ bảo lãnh có yếu tố nước ngoài qua SWIFT, nghiệp vụ UPAS L/C nhập khẩu do Agribank phát hành, nghiệp vụ xác nhận và hoàn trả L/C đến 100% Chi nhánh toàn hệ thống... Trong nhiều năm qua, Agribank liên tục nhận được các giải thưởng về “Tỷ lệ điện đạt chuẩn cao” được Bank of New York Mellon (Mỹ) và Citibank (Mỹ) trao tặng, “Chất lượng thanh toán quốc tế xuất sắc” do Wells Fargo (Mỹ) trao tặng với tỷ lệ điện chuẩn đạt 100%, Giải “Chất lượng thanh toán xuất sắc và tỷ lệ điện thanh toán chuẩn (MT103)” do J.P Morgan Chase (Mỹ) trao tặng; Giải “Chất lượng thanh toán xuất sắc năm 2023” do Standard chartered Bank trao tặng.

*[Handwritten signatures and initials]*





### c) Hoạt động thanh toán biên giới

Thanh toán biên giới là một trong những thế mạnh của Agribank và Agribank cũng là ngân hàng đầu tiên triển khai nghiệp vụ này vào năm 1996 tại thị trường Trung Quốc. Hiện nay, Agribank đang triển khai hoạt động này với thị trường Trung Quốc và Lào. Tính đến hết năm 2025, Agribank có 08 chi nhánh trực tiếp thanh toán biên giới với Việt Nam -Trung Quốc và 01 chi nhánh đầu mối trực tiếp thanh toán biên giới Việt Nam - Lào. Hoạt động thanh toán biên giới của Agribank được thực hiện qua Hệ thống thanh toán biên mậu CBPS là hệ thống thanh toán, chuyển tiền quốc tế hoàn chỉnh do Agribank xây dựng và giữ bản quyền trên nền tảng công nghệ Internet tiên tiến, áp dụng các giải pháp bảo mật cao cấp của Agribank. Hệ thống này đã được Hiệp hội Phần mềm và Dịch vụ công nghệ thông tin Việt Nam (VINASA) trao giải thưởng Sao Khuê 2017.

Việc triển khai thanh toán biên giới qua CBPS đã giúp Agribank nâng cao chất lượng và mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ cho khách hàng, đáp ứng chủ trương thanh toán không dùng tiền mặt, đồng thời góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy quan hệ hợp tác, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu tại biên giới.

Năm 2025, tổng doanh số thanh toán biên giới (TTBG) đạt 39.580 tỷ đồng (tăng 12,06% so với cùng kỳ năm 2024), trong đó thị trường Trung Quốc đạt 38.501 tỷ đồng, tăng 11,65% và thị trường Lào đạt 1.079 tỷ đồng, tăng 29,22%. Tổng phí TTBG đạt tại hai thị trường đều tăng, đạt 26,17 tỷ đồng tương đương tăng 15,13% so với năm 2024, trong đó thị trường Trung Quốc đạt 23,8 tỷ đồng, tăng 13,88% và thị trường Lào đạt 2,37 tỷ đồng, tăng 29,51%.

Đến 31/7/2026, doanh số xuất nhập khẩu thanh toán biên giới là 901,37 triệu USD tăng 34% so với cùng kỳ năm 2025 (trong đó thị trường Trung Quốc tăng 35% và thị trường Lào tăng 25%). Thu phí dịch vụ thanh toán biên giới đạt 14,4 tỷ đồng tăng 23% so với cùng kỳ năm 2025 (trong đó thị trường Trung Quốc tăng 22% và thị trường Lào tăng 28%).

#### 8.1.4.3. Dịch vụ kiều hối

Để tăng doanh thu từ dịch vụ kiều hối, năm 2020 Agribank đã ký sửa đổi bổ sung Hợp đồng với Western Union, trong đó đã bỏ điều khoản độc quyền. Từ đó tạo cơ sở cho Agribank mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác là Công ty chuyển tiền ở những thị trường tiềm năng như Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan. Năm 2024, doanh số chi trả kiều hối Agribank đạt 1,274 triệu USD. Năm 2025, lượng kiều hối Agribank đạt 1,5 tỷ USD. Đến 31/7/2026, lượng kiều hối Agribank đạt 927,8 triệu USD.

### 8.1.5. Hoạt động đầu tư

#### 8.1.5.1. Hoạt động đầu tư chứng khoán

Bên cạnh hoạt động tín dụng và nguồn vốn, Agribank cũng chú trọng đến phát triển và đa dạng hóa các sản phẩm đầu tư hiện đại. Danh mục đầu tư giấy tờ có giá liên tục được điều chỉnh theo hướng tăng khả năng sinh lời nhưng vẫn đảm bảo dự trữ thanh khoản cho toàn hệ thống. Tính đến 30/06/2026, quy mô đầu tư chứng khoán hợp nhất của Agribank đạt 293.563 tỷ đồng, giảm

*[Handwritten signatures and marks]*

3,841% so với cuối năm 2025. Trong đó, Trái Phiếu Chính phủ chiếm tỷ trọng khoảng 18,881% trong tổng danh mục đầu tư giấy tờ có giá của Agribank.

### Danh mục đầu tư của Agribank (Hợp nhất)

Đơn vị: Tỷ đồng

| Danh mục đầu tư                                                                 | 31/12/2023    | 31/12/2024     | 31/12/2025     | 30/06/2026     |
|---------------------------------------------------------------------------------|---------------|----------------|----------------|----------------|
| <b>Chứng khoán kinh doanh</b>                                                   | <b>11</b>     | <b>414</b>     | <b>10</b>      | <b>409</b>     |
| Chứng khoán nợ                                                                  | -             | 347            | -              | 399            |
| Trái Phiếu do các TCTD khác trong nước phát hành                                | -             | 245            | -              | 297            |
| Chứng chỉ tiền gửi do các TCTD khác trong nước phát hành                        | -             | 102            | -              | 102            |
| Chứng khoán vốn                                                                 | 11            | 67             | 10             | 10             |
| Chứng khoán vốn do các TCTD khác phát hành                                      | 11            | 5              | -              | -              |
| Chứng khoán do các TCKT trong nước phát hành                                    | -             | 62             | 10             | 10             |
| <b>Chứng khoán sẵn sàng để bán</b>                                              | <b>97.780</b> | <b>167.248</b> | <b>236.250</b> | <b>223.480</b> |
| Chứng khoán nợ                                                                  | 97.725        | 167.200        | 236.119        | 223.345        |
| Trái Phiếu chính phủ                                                            | 79.394        | 92.669         | 116.547        | 125.875        |
| Trái Phiếu do các TCTD khác trong nước phát hành                                | 7.729         | 7.727          | 8.925          | 8.699          |
| Chứng chỉ tiền gửi do các TCTD khác trong nước phát hành                        | 10.602        | 66.804         | 110.647        | 88.771         |
| Trái Phiếu do các TCKT trong nước phát hành                                     | -             | -              | -              | -              |
| Chứng khoán vốn                                                                 | 55            | 48             | 131            | 135            |
| Chứng khoán vốn do các TCKT trong nước phát hành                                | 55            | 48             | 131            | 135            |
| <b>Chứng khoán đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>                              | <b>77.212</b> | <b>75.170</b>  | <b>69.669</b>  | <b>70.316</b>  |
| Trái Phiếu Chính phủ đặc biệt                                                   | 690           | -              | -              | -              |
| Trái Phiếu Chính phủ                                                            | 56.452        | 55.948         | 55.502         | 55.429         |
| Trái phiếu do các TCTD khác trong nước phát hành                                | 18.198        | 18.167         | 12.336         | 12.318         |
| Chứng chỉ tiền gửi do các TCTD khác trong nước phát hành                        | 1.103         | 286            | 926            | 1.660          |
| Trái Phiếu Công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp ("DATC") (*) | 170           | 170            | -              | -              |
| Trái phiếu do các TCKT trong nước phát hành                                     | 599           | 599            | 905            | 909            |
| <b>Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư</b>                                       | <b>(669)</b>  | <b>(798)</b>   | <b>(641)</b>   | <b>(642)</b>   |

*Handwritten signatures and initials in blue ink.*

0666  
GÂN  
NG I  
PHÁ  
ÔNG  
VIỆT  
H

C.T.C.  
TỶ  
LỖN  
OÁN  
VK  
P. H





| Danh mục đầu tư                                         | 31/12/2023     | 31/12/2024     | 31/12/2025     | 30/06/2026     |
|---------------------------------------------------------|----------------|----------------|----------------|----------------|
| Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh                  | (0,29)         | (9)            | (7)            | (8)            |
| Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán      | (35)           | (20)           | (35)           | (35)           |
| Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn | (634)          | (769)          | (599)          | (599)          |
| <b>Tổng cộng</b>                                        | <b>174.334</b> | <b>242.035</b> | <b>305.288</b> | <b>293.563</b> |

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2024, 2025 & BCTC hợp nhất soát xét giữa niên độ năm 2026)

(\*) Trái phiếu DATC có kỳ hạn 10 năm từ năm 2013 đến năm 2023 và có lãi suất cố định 8,9%/năm, lãi được trả một lần vào ngày đáo hạn trái phiếu. Trái phiếu này đã quá hạn trả gốc và lãi từ ngày 12 tháng 9 năm 2023.

### Danh mục đầu tư chứng khoán của Agribank (Công ty mẹ)

Đơn vị: Tỷ đồng

| Danh mục đầu tư                                                                 | 31/12/2023    | 31/12/2024     | 31/12/2025     | 30/06/2026     |
|---------------------------------------------------------------------------------|---------------|----------------|----------------|----------------|
| <b>Chứng khoán kinh doanh</b>                                                   | <b>0,29</b>   | <b>0,29</b>    | <b>0,29</b>    | <b>0,29</b>    |
| Chứng khoán vốn                                                                 | 0,29          | 0,29           | 0,29           | 0,29           |
| <b>Chứng khoán sẵn sàng để bán</b>                                              | <b>97.295</b> | <b>166.908</b> | <b>235.903</b> | <b>223.355</b> |
| Chứng khoán nợ                                                                  | 97.285        | 166.898        | 235.893        | 223.345        |
| Trái Phiếu chính phủ                                                            | 79.394        | 92.669         | 116.547        | 125.875        |
| Trái Phiếu do các TCTD trong nước khác phát hành                                | 7.729         | 7.729          | 8.699          | 8.699          |
| Chứng chỉ tiền gửi do các TCTD khác trong nước phát hành                        | 10.162        | 66.500         | 110.647        | 88.771         |
| Trái Phiếu do các TCKT trong nước phát hành                                     | -             | -              | -              | -              |
| Chứng khoán vốn                                                                 | 10            | 10             | 10             | 10             |
| Chứng khoán vốn do các TCKT trong nước phát hành                                | 10            | 10             | 10             | 10             |
| <b>Chứng khoán đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>                              | <b>76.613</b> | <b>74.286</b>  | <b>67.838</b>  | <b>67.751</b>  |
| Trái Phiếu chính phủ đặc biệt                                                   | 690           | -              | -              | -              |
| Trái Phiếu chính phủ                                                            | 56.452        | 55.949         | 55.502         | 55.429         |
| Trái phiếu do các TCTD khác trong nước phát hành                                | 18.198        | 18.167         | 12.336         | 12.322         |
| Chứng chỉ tiền gửi do các TCTD khác trong nước phát hành                        | 1.103         | -              | -              | -              |
| Trái Phiếu Công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp ("DATC") (*) | 170           | 170            | -              | -              |
| <b>Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư</b>                                       | <b>(45)</b>   | <b>(180)</b>   | <b>(10)</b>    | <b>(10)</b>    |

*[Handwritten signatures and initials]*

174  
HÀNG  
NGHIỆP  
T TRIỂN  
THÔN  
NAM  
NỘI

174  
HÀNG  
NGHIỆP  
T TRIỂN  
THÔN  
NAM  
NỘI



| Danh mục đầu tư                                    | 31/12/2023     | 31/12/2024     | 31/12/2025     | 30/06/2026     |
|----------------------------------------------------|----------------|----------------|----------------|----------------|
| Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh             | (0,29)         | (0,29)         | (0,29)         | (0,29)         |
| Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán | (10)           | (10)           | (10)           | (10)           |
| Dự phòng rủi ro chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn   | (35)           | (170)          | -              | -              |
| <b>Tổng cộng</b>                                   | <b>173.863</b> | <b>241.014</b> | <b>303.731</b> | <b>291.096</b> |

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2024, 2025 & BCTC riêng soát xét giữa niên độ năm 2026)

(\*\*) Trái phiếu DATC có kỳ hạn 10 năm từ năm 2013 đến năm 2023 và có lãi suất cố định 8,9%/năm, lãi được trả một lần vào ngày đáo hạn trái phiếu. Trái phiếu này đã quá hạn trả gốc và lãi từ ngày 12 tháng 9 năm 2023.

#### 8.1.5.2. Hoạt động góp vốn, đầu tư dài hạn

Trong những năm gần đây, ngành ngân hàng đã đẩy mạnh thoái vốn dần các khoản đầu tư góp vốn, không chỉ thoái vốn khỏi các TCTD khác, các ngân hàng cũng đã thoái vốn khỏi các khoản đầu tư ngoài ngành. Hiện nay, Agribank không còn nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết của một TCTD nào khác.

Đến thời điểm 30/06/2026, giá gốc các khoản đầu tư vào công ty con của Agribank là 2.231.508 triệu đồng; giá gốc các khoản góp vốn, đầu tư dài hạn khác là 26.800 triệu đồng. Tổng giá trị dự phòng giảm giá góp vốn, đầu tư dài hạn tính đến thời điểm 30/06/2026 là 466.503 triệu đồng. Số liệu chi tiết như sau:

| Nội dung                                                                                   | 30/06/2026        |                   |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------|
|                                                                                            | Tỷ lệ nắm giữ (%) | Giá gốc Triệu VNĐ |
| <b>❖ Đầu tư vào công ty con</b>                                                            |                   |                   |
| Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam | 100               | 172.087           |
| Công ty Cho thuê Tài chính II Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (*)   | 100               | 294.416           |
| Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam                         | 100               | 288.249           |
| Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản Agribank                                  | 100               | 30.000            |
| Công ty Cổ phần Chứng khoán Agribank                                                       | 74,92             | 1.250.916         |
| Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam                                    | 52,08             | 195.840           |
| Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con                                                   | -                 | -                 |
| <b>Tổng cộng</b>                                                                           |                   |                   |
| <b>❖ Góp vốn đầu tư dài hạn khác</b>                                                       |                   |                   |

*[Handwritten signatures and marks]*



| Nội dung                                                | 30/06/2026           |                      |
|---------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
|                                                         | Tỷ lệ<br>năm giữ (%) | Giá gốc<br>Triệu VNĐ |
| Quỹ Bảo Lãnh Tín dụng Yên Bái                           | 7,23                 | 1.800                |
| Công ty Cổ phần Chuyển mạch Tài chính Quốc gia Việt Nam | 8                    | 25.000               |
| <b>Tổng cộng</b>                                        |                      | <b>26.800</b>        |
| <b>❖ Dự phòng giảm giá vốn góp, đầu tư dài hạn</b>      |                      |                      |
| Số đầu năm                                              |                      | 466.503              |
| Hoàn nhập dự phòng trong năm                            |                      | 0                    |
| Sử dụng dự phòng trong năm                              |                      | 0                    |
| Số cuối năm                                             |                      | 466.503              |

(Nguồn: Agribank)

(\*) Ngày 31 tháng 7 năm 2018, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 1009/2018/QĐ-TBPS tuyên bố phá sản và chấm dứt hoạt động của Công ty Cho thuê Tài chính II Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (“ALCII”), công ty con của Ngân hàng với tỷ lệ sở hữu là 100%. Ngày 8 tháng 9 năm 2018, Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 2936/QĐ-CTHADS về việc thi hành án chủ động của ALCII và phân công chấp hành viên chịu trách nhiệm tổ chức thi hành án. Kể từ thời điểm này, Ngân hàng không còn quyền kiểm soát đối với ALCII và vì vậy, ALCII không còn thỏa mãn điều kiện ghi nhận là công ty con theo quy định của chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành. Theo Công văn số 9457/NHNN-TCKT ngày 11 tháng 12 năm 2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ngân hàng đã ngừng hợp nhất báo cáo tài chính của ALCII vào báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con.

Agribank đã trích lập dự phòng toàn bộ 100% vốn đầu tư của Agribank tại ALCII (294,4 tỷ đồng) trong Báo cáo tài chính từ năm 2009 và theo Văn bản số 7453/NHNo-HĐTD ngày 29/12/2010 của Tổng Giám đốc Agribank.

Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh vẫn đang trong quá trình thực hiện xử lý tài sản của ALCII để phân chia cho đối tượng liên quan của ALCII nên Agribank chưa xác định được số tiền được phân chia với vai trò là chủ nợ, chủ sở hữu ALCII để xác định số tiền thiệt hại làm cơ sở cho việc xử lý tổn thất.

#### 8.1.6. Hoạt động hợp tác quốc tế, ngân hàng đại lý và các dự án quốc tế

##### 8.1.6.1. Hoạt động hợp tác quốc tế và ngân hàng đại lý

Agribank luôn duy trì và phát triển mạng lưới ngân hàng đại lý đa dạng, an toàn; tích cực làm việc với các đối tác, tăng cường quan hệ, tìm kiếm cơ hội và nâng cao hiệu quả trong các lĩnh vực hợp tác; đánh giá và so sánh trong việc lựa chọn tối ưu các định chế cung cấp sản phẩm dịch vụ. Tính đến 31/7/2026, số lượng NHDL (có thiết lập quan hệ RMA) của Agribank là 642

*Handwritten signature and initials*



ngân hàng tại 78 quốc gia và vùng lãnh thổ. Mạng lưới NHDL hiện tại tập trung nhiều nhất ở Châu Á (bao gồm cả Trung Đông) gồm 373 ngân hàng, chiếm 58,10% tổng số lượng NHDL. Tiếp đến là Châu Âu với 186 ngân hàng, chiếm 28,97% tổng số lượng NHDL. Châu Mỹ (bao gồm cả vùng Caribbean) có 69 ngân hàng, chiếm 10,75% tổng số lượng NHDL. Châu Úc có 11 ngân hàng, chiếm 1,71% tổng số lượng NHDL. Cuối cùng là Châu Phi với 3 ngân hàng, chiếm 0,47% tổng số lượng NHDL.

Đến thời điểm 31/12/2025, Agribank đang triển khai 145 thỏa thuận hợp tác quốc tế về tài trợ thương mại, sản phẩm dịch vụ ngân hàng, đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật với các định chế tài chính nước ngoài. Không dừng lại ở hợp tác song phương, Agribank còn là thành viên tích cực của 05 hiệp hội quốc tế, bao gồm: Hiệp hội Tín dụng Nông nghiệp Nông thôn Châu Á - Thái Bình Dương (APRACA), Hiệp hội Ngân hàng Châu Á (ABA), Hiệp hội Ngân hàng Tiết kiệm và Bán lẻ Thế giới (WSBI), Ủy Ban tài chính bền vững (SFSC thuộc EUROCHAM) và Phòng công nghiệp và thương mại Pháp tại Việt Nam (CCIFV). Agribank luôn triển khai mạnh mẽ và hiệu quả các hoạt động hợp tác, đồng thời thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của một thành viên trong các hiệp hội này.

Hàng năm, Agribank tích cực kết nối, phối hợp với các Hiệp hội quốc tế, tổ chức quốc tế, tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế, các đại sứ quán, các ngân hàng đại lý tổ chức, tham gia hàng trăm hội nghị, hội thảo, diễn đàn trong và ngoài nước nhằm mở rộng và phát triển quan hệ hợp tác với đối tác, trao đổi kinh nghiệm, cập nhật các nghiên cứu, phân tích chuyên sâu về hoạt động nghiệp vụ, các xu hướng mới nổi trong ngành ngân hàng và tài chính quốc tế... Một số hội nghị tiêu biểu mà Agribank đã tham gia gần đây như: Hội nghị thường niên ADB lần thứ 58 (Ý); Diễn đàn Kinh tế quốc tế St.Petersburg tại Nga; tham dự các hoạt động xúc tiến đầu tư tại Anh - Ý của Bộ Tài chính; tham gia hoạt động khảo sát kinh nghiệm quốc tế về phát triển Trung tâm tài chính quốc tế, phát triển thị trường vốn, tài chính xanh, công nghệ tài chính tại Thụy Sĩ và Hà Lan; Hội nghị thường niên lần thứ 10 của AIIB tại Trung Quốc;...

Thêm vào đó, Agribank cũng triển khai hợp tác với các tổ chức có uy tín hàng đầu khu vực và trên Thế giới như Asian Banker, The Fortune, The Brand Finance. Kết quả xếp hạng của các tổ chức này được cộng đồng ngân hàng, định chế tài chính và các nhà hoạch định chính sách trên thế giới đánh giá cao.

#### 8.1.6.2. Dự án quốc tế

Agribank luôn là đối tác được tín nhiệm của các nhà tài trợ quốc tế trong việc triển khai các dự án tín dụng, phục vụ các dự án ODA. Tổng nguồn vốn Dự án đến 31/07/2026 đạt gần 970 tỷ đồng, tổng dư nợ cho vay từ nguồn vốn Dự án đạt 1.218 tỷ đồng. Tỷ lệ nợ xấu nội bảng vẫn được duy trì ở mức thấp là 1,14%. Hiện nay, Agribank đang thực hiện vai trò ngân hàng phục vụ cho 25 Dự án với tổng giá trị tương đương 1,10 tỷ USD. Lũy kế đến nay, Agribank đã tiếp nhận và triển khai 193 Dự án ngân hàng phục vụ với tổng số vốn tương đương 9,9 tỷ USD. Vốn

*Handwritten signatures and stamps in blue ink.*

06861  
NGÂN H  
ÔNG N  
PHÁT  
ÔNG T  
VIỆT  
P. HÀ

P. P.  
C  
C  
H  
AG  
S D



từ các dự án giúp Agribank tăng thu phí dịch vụ, có thêm nguồn vốn trung dài hạn ổn định với lãi suất hợp lý để đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn, công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền nông nghiệp nước nhà và nâng cao đời sống người dân.

## 8.2. Tài sản

### 8.2.1. Tài sản cố định hữu hình

Chi tiết tình hình tài sản cố định hữu hình hợp nhất tại thời điểm 30/06/2026 như sau:

#### Tài sản cố định hữu hình của Agribank (Hợp nhất)

Đơn vị: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu                 | Nguyên giá    | Giá trị hao mòn lũy kế | Giá trị còn lại |
|--------------------------|---------------|------------------------|-----------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc   | 14.118        | 7.326                  | 6.792           |
| Máy móc thiết bị         | 4.377         | 3.714                  | 663             |
| Phương tiện vận tải      | 3.694         | 2.758                  | 936             |
| Thiết bị dụng cụ quản lý | 6.330         | 5.278                  | 1.052           |
| Tài sản cố định khác     | 622           | 354                    | 268             |
| <b>Tổng cộng</b>         | <b>29.141</b> | <b>19.431</b>          | <b>9.710</b>    |

(Nguồn: BCTC hợp nhất soát xét giữa niên độ năm 2026)

Chi tiết tình hình tài sản cố định hữu hình riêng tại thời điểm 30/06/2026 như sau:

#### Tài sản cố định hữu hình của Agribank (Công ty mẹ)

Đơn vị: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu                 | Nguyên giá    | Giá trị hao mòn lũy kế | Giá trị còn lại |
|--------------------------|---------------|------------------------|-----------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc   | 13.868        | 7.256                  | 6.612           |
| Máy móc thiết bị         | 4.137         | 3.534                  | 603             |
| Phương tiện vận tải      | 3.558         | 2.646                  | 912             |
| Thiết bị dụng cụ quản lý | 6.273         | 5.243                  | 1.030           |
| Tài sản cố định khác     | 619           | 352                    | 267             |
| <b>Tổng cộng</b>         | <b>28.455</b> | <b>19.031</b>          | <b>9.424</b>    |

(Nguồn: BCTC riêng soát xét giữa niên độ năm 2026)

### 8.2.2. Tài sản cố định thuê tài chính

Chi tiết tình hình tài sản cố định thuê tài chính hợp nhất tại thời điểm 30/06/2026 như sau:

**Tài sản cố định thuê tài chính của Agribank (Hợp nhất)**

Đơn vị: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu            | Nguyên giá  | Giá trị hao mòn lũy kế | Giá trị còn lại |
|---------------------|-------------|------------------------|-----------------|
| Phương tiện vận tải | 18,1        | 18,0                   | 0,1             |
| <b>Tổng cộng</b>    | <b>18,1</b> | <b>18,0</b>            | <b>0,1</b>      |

(Nguồn: BCTC hợp nhất soát xét giữa niên độ năm 2026)

Chi tiết tình hình tài sản cố định thuê tài chính riêng tại thời điểm 30/06/2026 như sau:

**Tài sản cố định thuê tài chính của Agribank (Công ty mẹ)**

Đơn vị: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu            | Nguyên giá  | Giá trị hao mòn lũy kế | Giá trị còn lại |
|---------------------|-------------|------------------------|-----------------|
| Phương tiện vận tải | 18,1        | 18,0                   | 0,1             |
| <b>Tổng cộng</b>    | <b>18,1</b> | <b>18,0</b>            | <b>0,1</b>      |

(Nguồn: BCTC riêng soát xét giữa niên độ năm 2026)

**8.2.3. Tài sản cố định vô hình**

Chi tiết tình hình tài sản cố định vô hình hợp nhất tại thời điểm 30/06/2026 như sau:

**Tài sản cố định vô hình của Agribank (Hợp nhất)**

Đơn vị: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu                     | Nguyên giá   | Giá trị hao mòn lũy kế | Giá trị còn lại |
|------------------------------|--------------|------------------------|-----------------|
| Quyền sử dụng đất            | 2.273        | 291                    | 1.982           |
| Phần mềm máy vi tính         | 1.684        | 1.540                  | 144             |
| Tài sản cố định vô hình khác | 36           | 10                     | 26              |
| <b>Tổng cộng</b>             | <b>3.993</b> | <b>1.841</b>           | <b>2.152</b>    |

(Nguồn: BCTC hợp nhất soát xét giữa niên độ năm 2026)

Chi tiết tình hình tài sản cố định vô hình riêng tại thời điểm 30/06/2026 như sau:

**Tài sản cố định vô hình của Agribank (Công ty mẹ)**

Đơn vị: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu                     | Nguyên giá   | Giá trị hao mòn lũy kế | Giá trị còn lại |
|------------------------------|--------------|------------------------|-----------------|
| Quyền sử dụng đất            | 2.143        | 290                    | 1.853           |
| Phần mềm máy vi tính         | 1.614        | 1.490                  | 124             |
| Tài sản cố định vô hình khác | 36           | 10                     | 26              |
| <b>Tổng cộng</b>             | <b>3.793</b> | <b>1.790</b>           | <b>2.003</b>    |

(Nguồn: BCTC riêng soát xét giữa niên độ năm 2026)

**8.3. Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn**






### 8.3.1. Các chính sách quản lý rủi ro đang áp dụng

Agribank cơ bản hoàn thiện các quy trình, chính sách và các hạn mức quản lý rủi ro, liên tục rà soát, cập nhật định kỳ nhằm phù hợp với quy định hiện hành của NHNN, đẩy mạnh công tác quản lý an toàn thông tin, phòng chống gian lận bằng các giải pháp công nghệ, tăng cường các công cụ hỗ trợ quản lý rủi ro; tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hoạt động kiểm tra kiểm soát nội bộ trong toàn hệ thống.

**Đối với Rủi ro tín dụng:** Agribank đã ban hành: (i) Quy chế, quy trình về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động đáp ứng theo yêu cầu của Nghị định số 86/2024/NĐ-CP ngày 11/7/2024 và Thông tư 31/2024/TT-NHNN ngày 30/6/2024; (ii) Quy định về cảnh báo sớm rủi ro tín dụng trong hệ thống Agribank và hướng dẫn các chi nhánh sử dụng, vận hành hệ thống cảnh báo sớm; (iii) Quy chế về Quản lý rủi ro; (iv) Quy định về Quản lý rủi ro tín dụng và quản lý rủi ro tập trung đối với hoạt động cấp tín dụng trong hệ thống Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam đáp ứng theo yêu cầu của Thông tư 83/2025/TT-NHNN; (v) Quy định về Hạn mức rủi ro tín dụng và hạn mức rủi ro tập trung đối với hoạt động cấp tín dụng trong hệ thống Agribank; (vi) Ban hành Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ và Quy trình đánh giá Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ của Agribank đáp ứng theo yêu cầu của Thông tư 31/2024/TT-NHNN ngày 30/06/2024; (vii) Quy định về hoạt động thông tin tín dụng của Agribank với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đáp ứng theo yêu cầu của Thông tư 15/2023/TT-NHNN.

**Đối với rủi ro thị trường:** Agribank đã ban hành các quy định, quy trình quản lý rủi ro thị trường, hướng dẫn định giá giá trị thị trường đối với các danh mục chịu rủi ro thị trường, quy định hạn mức rủi ro thị trường và các văn bản có liên quan đảm bảo đáp ứng yêu cầu của NHNN tại Thông tư số 13/2018/TT-NHNN, phù hợp với tình hình thực tiễn tại Agribank. Cơ chế giám sát và xử lý kịp thời giúp Agribank hạn chế tối đa việc vượt hạn mức rủi ro thị trường và khắc phục nhanh chóng các vi phạm phát sinh (nếu có).

**Đối với rủi ro hoạt động,** Agribank đã ban hành chính sách quản lý rủi ro hoạt động bao gồm Quy định và các văn bản hướng dẫn có liên quan nhằm đáp ứng yêu cầu của NHNN tại Thông tư số 13/2018/TT-NHNN, phù hợp với tình hình thực tiễn tại Agribank.

**Đối với rủi ro thanh khoản:** Agribank thực hiện công tác quản lý rủi ro thanh khoản thống nhất toàn hệ thống, tập trung tại Trụ sở chính nhằm đáp ứng các tỷ lệ đảm bảo an toàn theo quy định của NHNN và hiệu quả kinh doanh. Quy trình quản lý rủi ro thanh khoản được xây dựng rõ ràng, cụ thể, phù hợp với bản chất và mức độ phức tạp của các hoạt động của Agribank. Năm 2026, các tỷ lệ an toàn thanh khoản của Agribank luôn đảm bảo tuân thủ quy định của NHNN và duy trì mức an toàn cao. Nguồn vốn của Agribank tăng trưởng ổn định, trong đó vốn huy động từ dân cư chiếm tỷ trọng lớn, tài sản có tính thanh khoản cao luôn duy trì đủ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh khoản trong mọi điều kiện.

**Để hạn chế rủi ro tập trung,** Agribank đã ban hành quy định về quản lý rủi ro tập trung tín dụng, xây dựng hạn mức rủi ro tập trung tín dụng theo khách hàng, theo sản phẩm, ngành/lĩnh

*[Handwritten signatures and stamps]*





vực kinh tế; các tiêu chí nhận diện người có liên quan, quản lý nhóm khách hàng có liên quan.

**Đối với rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng:** Agribank đã ban hành quy định và quy trình quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, xây dựng hạn mức rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng bảo đảm đáp ứng yêu cầu của NHNN tại thông tư số 83/2025/TT-NHNN, phù hợp với tình hình thực tiễn tại Agribank.

### 8.3.2. *Đánh giá thực trạng tình hình thực hiện, giải pháp khắc phục các tồn tại, hạn chế*

Ngay từ đầu năm 2024, Agribank tiếp tục nâng cấp và hoàn thiện, gia tăng tiện ích và tăng cường các giải pháp ngân hàng dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, an toàn, bảo mật. Mặt khác, Agribank thực hiện nghiêm túc kết luận của Thường trực Chính phủ, chỉ đạo của NHNN về việc tiếp tục triển khai các giải pháp hỗ trợ người dân và doanh nghiệp vay vốn vượt qua khó khăn, ổn định sản xuất kinh doanh, Agribank triển khai nhiều Chương trình tín dụng ưu đãi đối với khách hàng doanh nghiệp với tổng quy mô 175.000 tỷ đồng gồm Chương trình cho vay ưu đãi tài trợ Dự án đầu tư dành cho khách hàng doanh nghiệp với quy mô 25.000 tỷ đồng, chương trình cho vay ngắn hạn ưu đãi đối với khách hàng doanh nghiệp lớn với quy mô 60.000 tỷ đồng, chương trình cho vay ưu đãi khách hàng doanh nghiệp nhỏ và vừa với quy mô 50.000 tỷ đồng, chương trình cho vay ngắn hạn ưu đãi đối với khách hàng pháp nhân của Tập đoàn – Tổng Công ty thuộc Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước với quy mô 20.000 tỷ đồng, chương trình đồng hành cùng doanh nghiệp xuất nhập khẩu với quy mô 20.000 tỷ đồng.

Năm 2025, Agribank nâng cấp và hoàn thiện, gia tăng tiện ích và tăng cường các giải pháp ngân hàng dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, an toàn, bảo mật. Mặt khác, Agribank thực hiện nghiêm túc kết luận của Thường trực Chính phủ, chỉ đạo của NHNN về việc tiếp tục triển khai các giải pháp hỗ trợ người dân và doanh nghiệp vay vốn vượt qua khó khăn, ổn định sản xuất kinh doanh, Agribank triển khai nhiều Chương trình tín dụng ưu đãi đối với khách hàng doanh nghiệp với tổng quy mô 498.000 tỷ đồng và 100 triệu USD gồm Chương trình cho vay ưu đãi tài trợ Dự án đầu tư dành cho khách hàng doanh nghiệp với quy mô 30.000 tỷ đồng, chương trình cho vay ngắn hạn ưu đãi đối với khách hàng doanh nghiệp lớn với quy mô 220.000 tỷ đồng, chương trình cho vay ưu đãi khách hàng doanh nghiệp nhỏ và vừa với quy mô 100.000 tỷ đồng, chương trình cho vay ngắn hạn ưu đãi đối với khách hàng pháp nhân của FDI với quy mô 5.000 tỷ đồng và 100 triệu USD, chương trình đồng hành cùng doanh nghiệp xuất nhập khẩu với quy mô 50.000 tỷ đồng, chương trình cho vay cầm cố USD với quy mô 3.000 tỷ đồng, Hướng dẫn triển khai Chương trình cho vay tham gia liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm lúa gạo chất lượng cao và phát thải thấp vùng ĐBSCL với quy mô 30.000 tỷ đồng; Chương trình tín dụng ưu đãi dành cho KHDN đầu tư hạ tầng điện, giao thông, công nghệ chiến lược với quy mô 60.000 tỷ đồng. Các chương trình được xây dựng với nhiều điểm mới về điều kiện tham gia, chính sách ưu đãi lãi suất, được theo dõi và có những điều chỉnh phù hợp với yêu cầu hoạt động trong năm, cụ thể như: điều chỉnh tăng quy mô, bổ sung đối tượng khách hàng tham gia.

Đối với khách hàng cá nhân, Agribank cũng đang triển khai các chương trình tín dụng ưu đãi

*[Handwritten signatures and marks]*

6801  
GÂN H  
NG N  
PHÁT  
ÔNG T  
VIỆT N  
HA

*[Handwritten marks and signatures]*





với tổng quy mô trên 110.000 tỷ đồng, dành cho khách hàng vay tiêu dùng hỗ trợ nhu cầu đời sống, vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh và hướng đến tín dụng xanh.

Năm 2026, Agribank tiếp tục triển khai các chương trình tín dụng ưu đãi về lãi suất, tiền gửi, phí dịch vụ và tỷ giá dành cho khách hàng doanh nghiệp với tổng quy mô hơn 503.000 tỷ đồng và 200 triệu USD, áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026. Cụ thể: chương trình thúc đẩy tăng trưởng doanh nghiệp FDI với quy mô 5.000 tỷ đồng và 100 triệu USD; chương trình đồng hành cùng doanh nghiệp xuất nhập khẩu với quy mô 70.000 tỷ đồng; chương trình đối tác chiến lược cùng doanh nghiệp lớn với quy mô 200.000 tỷ đồng; chương trình phát triển cùng Doanh nghiệp nhỏ và vừa với quy mô khoảng 100.000 tỷ đồng; chương trình kinh doanh bền vững cùng Doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ với quy mô 5.000 tỷ đồng; chương trình ưu đãi đối với khách hàng có nguồn thu USD/tài sản bảo đảm bằng tiền USD với quy mô chương trình 3.000 tỷ đồng; chương trình ưu đãi vay vốn USD – Cùng doanh nghiệp vươn xa với quy mô 100 triệu USD; chương trình ưu đãi tài trợ dự án đầu tư trung dài hạn với quy mô 30.000 tỷ đồng; chương trình cho vay tham gia liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm lúa gạo chất lượng cao và phát thải thấp vùng ĐBSCL với quy mô 30.000 tỷ đồng; chương trình tín dụng ưu đãi dành cho KHDN đầu tư hạ tầng điện, giao thông, công nghệ chiến lược với quy mô 60.000 tỷ đồng.

#### 8.4. Thị trường hoạt động

##### 8.4.1. Mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện

Ngân hàng có Trụ sở chính đặt tại Số 02 Láng Hạ, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Tổng số điểm mạng lưới của Ngân hàng là ba (03) văn phòng đại diện, ba (03) đơn vị sự nghiệp, một trăm sáu mươi hai (162) chi nhánh loại I, bảy trăm bảy mươi bảy (777) chi nhánh loại II, một (01) chi nhánh tại Campuchia và một nghìn hai trăm tám mươi tư (1.284) phòng giao dịch.

##### 8.4.2. Mạng lưới khách hàng và các loại dịch vụ cho khách hàng

###### 8.4.2.1. Mạng lưới khách hàng

- Khách hàng tổ chức kinh tế: Tính đến 31/7/2026, số lượng khách hàng tổ chức kinh tế có số dư tiền gửi đạt 282.003 khách hàng, tăng 35.517 khách hàng (+14,4%) so với đầu năm. Số lượng khách hàng tổ chức vay vốn đạt 28.281 khách hàng, tăng 1.647 khách hàng (6,2%) so với đầu năm 2026. Số lượng khách hàng tổ chức kinh tế tại Agribank phân bổ tương đối đều tại các khu vực trên toàn hệ thống. Một số khu vực có tỷ trọng số lượng khách hàng tổ chức kinh tế lớn: Khu vực Bắc Trung Bộ (18%), Khu vực Tây Nam Bộ (13%), Khu vực đồng bằng Sông Hồng (12%).
- Khách hàng cá nhân: Tính đến 31/07/2026, số lượng khách hàng cá nhân gửi tiền đạt gần 23,9 triệu khách hàng, tăng 1,7% so với đầu năm, tập trung chủ yếu tại khu vực nông nghiệp, nông thôn. Khu vực nước ngoài (Campuchia) có số lượng khách hàng cá nhân gửi tiền chiếm tỷ trọng nhỏ với khoảng 700 khách hàng.
- Tính đến 31/7/2026, số lượng NHDL (có thiết lập quan hệ RMA) của Agribank là 642 ngân hàng tại 78 quốc gia và vùng lãnh thổ. Mạng lưới NHDL hiện tại tập trung nhiều nhất ở

*[Handwritten signatures and stamps]*



Châu Á (bao gồm cả Trung Đông) gồm 373 ngân hàng, chiếm 58,10% tổng số lượng NHDL. Tiếp đến là Châu Âu với 186 ngân hàng, chiếm 28,97% tổng số lượng NHDL. Châu Mỹ (bao gồm cả vùng Caribbean) có 69 ngân hàng, chiếm 10,75% tổng số lượng NHDL. Châu Úc có 11 ngân hàng, chiếm 1,71% tổng số lượng NHDL. Cuối cùng là Châu Phi với 3 ngân hàng, chiếm 0,47% tổng số lượng NHDL.

#### 8.4.2.2. Sản phẩm và dịch vụ cho Khách hàng

##### ✓ Sản phẩm dịch vụ cho Khách hàng cá nhân:

- Tiền gửi: gồm tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi trên kênh trực tuyến và giấy tờ có giá.
- Tín dụng: gồm cho vay tiêu dùng, cho vay sản xuất kinh doanh, chiết khấu công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá khác và bảo lãnh.
- Dịch vụ thanh toán.
- Dịch vụ ngân hàng điện tử: gồm dịch vụ Agribank Plus, dịch vụ SMS Banking, dịch vụ thương mại điện tử (e – Commerce), dịch vụ Agribank eBanking, dịch vụ Ngân hàng số trong lĩnh vực thẻ (Agribank Digital).
- Thẻ: gồm thẻ ghi nợ nội địa, thẻ ghi nợ quốc tế, thẻ tín dụng quốc tế, thẻ phi vật lý, thẻ Lộc Việt và thẻ trả trước.
- Dịch vụ chuyển tiền ngoại tệ cá nhân và kiều hối.
- Dịch vụ liên kết ngân hàng – bảo hiểm- chứng khoán, liên kết khác: gồm bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm nhân thọ, chứng khoán và dịch vụ liên kết khác.

##### ✓ Sản phẩm dịch vụ dành cho Khách hàng tổ chức:

- Nhóm sản phẩm huy động vốn: gồm tiền gửi không kỳ hạn (tiền gửi thanh toán), tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi rút gốc linh hoạt, tiền gửi tích lũy, tiền gửi trực tuyến, tiền gửi đầu tư tự động, giấy tờ có giá, tiền gửi rút gốc linh hoạt trực tuyến đối với khách hàng tổ chức trên kênh ngân hàng điện tử (E-Banking) và tiền gửi trả lãi sau định kỳ trực tuyến đối với khách hàng tổ chức trên kênh ngân hàng điện tử (E-Banking)..
- Tín dụng khách hàng pháp nhân gồm: Cho vay theo lĩnh vực Nông nghiệp – Công nghiệp và cho vay theo định hướng, chính sách, chương trình của Chính phủ; Bảo lãnh; Chiết khấu công cụ chuyển nhượng giấy tờ có giá khác.
- Dịch vụ thanh toán trong nước.
- Thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại.
- Mua bán ngoại tệ.
- Các sản phẩm thẻ.
- Dịch vụ ngân hàng điện tử: gồm dịch vụ SMS Banking, dịch vụ Agribank eBanking và Dịch vụ Ngân hàng số trong lĩnh vực thẻ (Agribank Digital).
- Dịch vụ ngân quỹ và quản lý tiền tệ.

*[Handwritten signatures and stamps]*



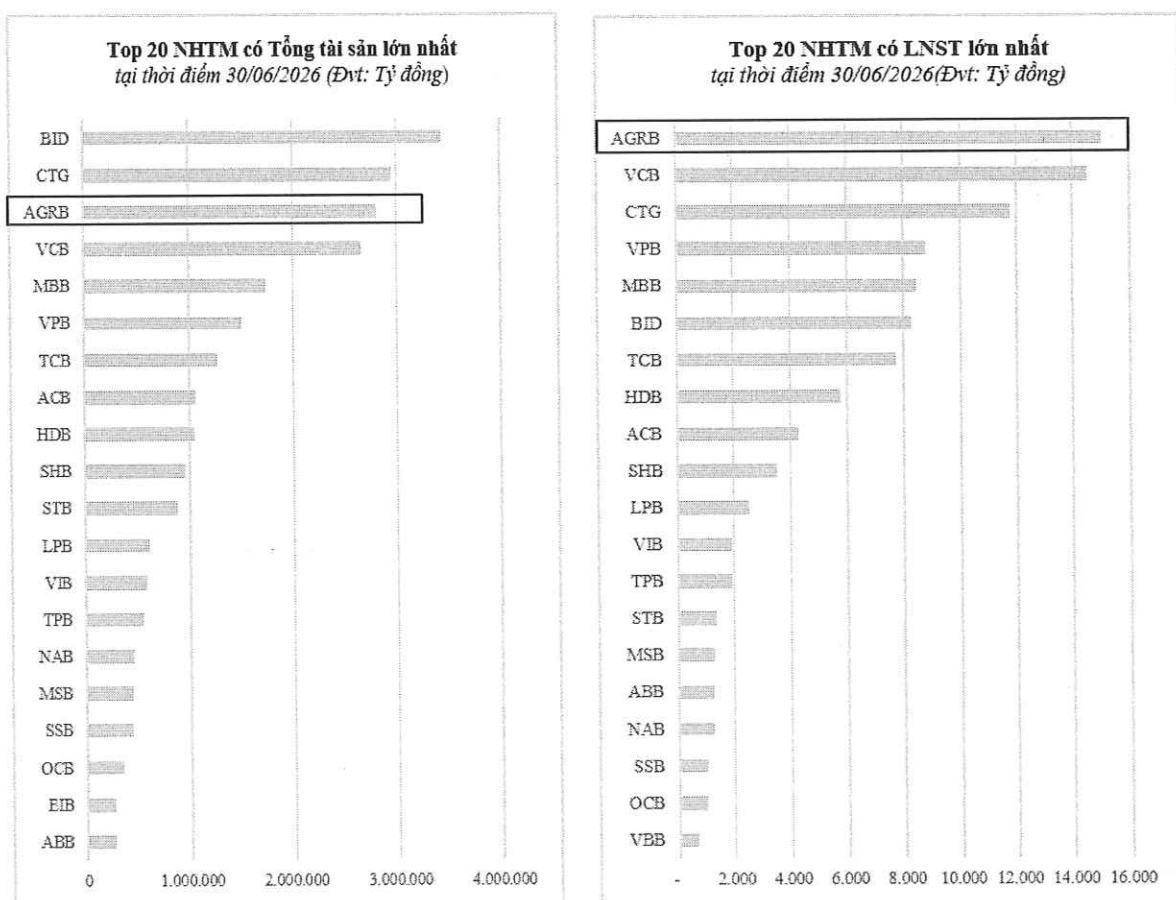
- Dịch vụ liên kết khác.

#### 8.4.3. Vị thế của Tổ Chức Đăng ký Niêm yết trong ngành

##### ❖ Vị thế Tổ Chức Đăng ký Niêm yết trong ngành

Xét về quy mô, Agribank là ngân hàng có tổng tài sản lớn thứ ba trong số các NHTM tại Việt Nam. Tính đến 30/06/2026, tổng tài sản hợp nhất của Agribank đạt 2.808.965 tỷ đồng.

Xét về kết quả kinh doanh, với lợi nhuận sau thuế hợp nhất 06 tháng đầu năm 2026 đạt 15.064 tỷ đồng, Agribank đứng vị trí thứ nhất trong ngành ngân hàng.



(Nguồn: Tổng hợp từ BCTC hợp nhất soát xét giữa niên độ năm 2026 của các NHTM)

##### ❖ So sánh một số chỉ tiêu tài chính của Agribank với các ngân hàng trong cùng ngành (thời điểm 30/06/2026)

Đơn vị: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu       | AGRB    | VCB     | BID     | CTG     | TCB     | MBB     |
|----------------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|
| Vốn điều lệ    | 51.639  | 83.557  | 72.801  | 77.669  | 70.862  | 80.550  |
| Vốn chủ sở hữu | 138.190 | 248.491 | 198.778 | 200.214 | 188.997 | 156.763 |

*Handwritten signatures and stamps.*



| Chỉ tiêu                | AGRB      | VCB       | BID       | CTG       | TCB       | MBB       |
|-------------------------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| Tổng tài sản            | 2.808.965 | 2.657.441 | 3.440.844 | 2.962.004 | 1.273.077 | 1.733.013 |
| Tiền gửi của khách hàng | 2.263.748 | 1.728.821 | 2.261.720 | 1.890.810 | 662.448   | 963.815   |
| Cho vay khách hàng      | 2.031.625 | 1.728.183 | 2.467.112 | 2.059.113 | 835.813   | 1.210.892 |
| Thu nhập lãi thuần      | 38.422    | 19.142    | 17.804    | 20.730    | 10.763    | 16.894    |
| Tổng thu nhập hoạt động | 51.195    | 26.372    | 23.638    | 26.385    | 14.942    | 20.434    |
| Lợi nhuận sau thuế      | 15.064    | 14.551    | 8.295     | 11.783    | 7.727     | 8.445     |

(Nguồn: Tổng hợp từ BCTC hợp nhất soát xét giữa niên độ năm 2026 của các NHTM)

#### ❖ Thị phần và khả năng cạnh tranh

Đơn vị: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu<br>(tại ngày 30/06/2026) | Dư nợ cho vay | Tiền gửi của khách hàng |
|-----------------------------------|---------------|-------------------------|
| Agribank                          | 2.071.389     | 2.263.748               |
| Toàn hệ thống NHTM                | 20.030.000    | 16.995.128              |
| Thị phần của Agribank             | 10,341%       | 13,320%                 |

(Nguồn: NHNN & BCTC hợp nhất soát xét giữa niên độ năm 2026 của Agribank)

Agribank hiện nay là NHTM có thị phần đứng thứ ba nếu xét trên chỉ tiêu tổng tài sản. Tính đến 30/06/2026, tiền gửi của khách hàng của Agribank đạt 2.263.748 tỷ đồng chiếm 13,320% toàn hệ thống NHTM và dư nợ cho vay đạt 2.071.389 tỷ đồng chiếm 10,341% toàn hệ thống NHTM.

#### 8.5. Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh

Để thực hiện các mục tiêu chiến lược đề ra, Agribank đã và đang triển khai nhiều dự án nhằm phát triển hoạt động kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả hoạt động phù hợp với các quy định hiện hành của NHNN và xu thế của các NHTM trong nước và trên thế giới, cụ thể Agribank đang thực hiện các dự án liên quan đến quản trị kinh doanh, công nghệ thông tin, quản trị rủi ro,...

Bên cạnh đó, Agribank đang triển khai các giải pháp theo Quyết định số 620/QĐ-HĐTV-NHS ngày 05/10/2022 của Hội đồng thành viên về kế hoạch chuyển đổi số tại Agribank đến năm 2025, dự kiến đến năm 2030. Ngoài ra, Agribank đang tập trung mọi nguồn lực, triển khai đồng bộ nhiều giải pháp... theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và các quy định pháp luật mới về chuyển đổi số, đặc biệt là Luật chuyển đổi số 148/2025/QH15.

Liên quan đến dự án công nghệ thông tin (CNTT), quản trị rủi ro công nghệ thông tin, tại Đề án chiến lược phát triển hệ thống CNTT giai đoạn 2022-2026, định hướng đến năm 2030 đã được

*[Handwritten signatures and stamps]*

100666  
NGÂN  
NÔNG N  
/A PHÁ  
NÔNG  
VIỆT  
NG  
HIỆP  
RIỂN  
ÔN  
M  
NỘI



HĐTV phê duyệt, Agribank đã xây dựng kiến trúc tổng thể CNTT phục vụ phát triển hoạt động kinh doanh của Agribank trong tương lai bao gồm 11 nhóm giải pháp, trong đó có các giải pháp trọng điểm sau:

| Lĩnh vực            | Dự án/Chương trình                                                                                                                                                                     | Đánh giá ảnh hưởng của các dự án tới hoạt động kinh doanh của Agribank                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Thời gian phê duyệt dự án                                                                                                                                                                         | Thời gian triển khai dự án                                                                                                                                                                    |
|---------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Công nghệ thông tin | Kho dữ liệu doanh nghiệp và công cụ phân tích thông minh (Enterprise Data Warehouse and Business Intelligent).                                                                         | Hệ thống Kho dữ liệu doanh nghiệp và công cụ phân tích thông minh (EDW&BI) phục vụ phân tích khách hàng, sản phẩm và lợi nhuận. Đáp ứng các yêu cầu luật định, quản trị rủi ro, quản trị kinh doanh và các yêu cầu phát triển kinh doanh. Cung cấp các báo cáo phân tích nâng cao cho lãnh đạo.                                                                                                                                                                                                                                                                                         | - Ngày 15/4/2024, Hội đồng thành viên phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 315/QĐ-HĐTV-CN.<br>- Ngày 26/5/2026, Hội đồng thành viên phê duyệt dự án tại Quyết định số 329/QĐ-HĐTV-QLDL.  | - Kế hoạch triển khai: Thời gian thực hiện dự án từ tháng 5/2026 – 5/2031.<br>- Tiến độ triển khai: Hiện tại, Ban Triển khai dự án đang xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu triển khai dự án. |
|                     | Nghiên cứu, xây dựng phương án, giải pháp và lộ trình thay thế hệ thống IPCAS, các giải pháp liên quan đến hệ thống Corebanking theo yêu cầu về mô hình, nghiệp vụ ngân hàng hiện đại. | Corebanking là một hệ thống nền tảng xử lý các giao dịch ngân hàng hàng ngày, hạch toán giao dịch đến các tài khoản và hồ sơ tài chính liên quan. Agribank xác định Corebanking là giải pháp hạt nhân, đầu não chính trong toàn bộ hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin của Agribank. Corebanking lấy trải nghiệm người dùng làm trọng tâm để tự động hóa xử lý các quy trình nghiệp vụ lõi của Agribank, tạo nền tảng hình thành hệ sinh thái dịch vụ tài chính ngân hàng mở, qua đó gia tăng trải nghiệm người dùng, chủ động quản lý rủi ro và hỗ trợ Agribank phát triển bền vững. | - Ngày 04/10/2023, Hội đồng thành viên phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 750/QĐ-HĐTV-CN.<br>- Ngày 20/7/2026, Hội đồng thành viên phê duyệt dự án tại Quyết định số 536/QĐ-HĐTV-CNTT. | - Kế hoạch triển khai: Thời gian thực hiện dự án từ tháng 7/2026 - 01/2031.<br>- Tiến độ triển khai: Hiện tại, Ban Dự án đang xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu triển khai dự án.           |
|                     | Giải pháp biểu mẫu thông minh                                                                                                                                                          | Giải pháp biểu mẫu thông minh (Smart Form) là ứng dụng hỗ trợ số hóa nghiệp vụ kênh giao dịch tại quầy để đáp ứng nhu cầu đa dạng của người dùng trong cùng một thời điểm, qua đó giúp Ngân hàng phục vụ khách hàng nhanh hơn, nhiều hơn, giảm thiểu các bước làm thủ công. Smart Form giúp giao dịch viên giảm thời gian giao dịch, đẩy mạnh việc bán sản phẩm dịch vụ theo gói và trang bị các thiết bị hỗ trợ giúp tăng trải nghiệm khách hàng.                                                                                                                                      | - Ngày 19/12/2023, Hội đồng thành viên phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 1009/QĐ-HĐTV-CN.<br>- Ngày 04/7/2024, Tổng giám đốc phê duyệt dự án tại Quyết định số 1658/QĐ-NHNo-CN.       | - Kế hoạch triển khai: Từ tháng 4/2024 đến tháng 12/2025<br>- Tiến độ triển khai: Dự án đã hoàn thành triển khai và đưa vào sử dụng.                                                          |

174 - C  
HÀNG  
NGHIỆP  
TRIỂN  
THÔN  
NAM  
NỘI

T.C.P  
Y  
V  
ÁN  
HÀNG





| Lĩnh vực       | Dự án/Chương trình                  | Đánh giá ảnh hưởng của các dự án tới hoạt động kinh doanh của Agribank                                                                           | Thời gian phê duyệt dự án                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Thời gian triển khai dự án                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|----------------|-------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Quản lý rủi ro | Triển khai giải pháp quản lý rủi ro | Hiện đại hóa công nghệ thông tin để đáp ứng yêu cầu cho việc triển khai quản lý rủi ro theo quy định của NHNN, của Agribank và thông lệ quốc tế. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngày 21/02/2025, Hội đồng thành viên phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 1341/QĐ-HĐTV-CN.</li> <li>- Ngày 25/12/2025, Tổng giám đốc phê duyệt dự án tại Quyết định số 4430/QĐ-NHNo-CN.</li> </ul>                                                                                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dự án Quản lý rủi ro tín dụng:</li> <li>+ Kế hoạch triển khai: Thời gian thực hiện dự án từ tháng 12/2025 - 08/2029.</li> <li>+ Tiến độ triển khai: Dự án đang trong giai đoạn tổ chức lựa chọn nhà thầu triển khai dự án.</li> </ul>                                                                                                |
|                |                                     |                                                                                                                                                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngày 08/10/2024, Hội đồng thành viên phê duyệt chủ trương đầu tư dự án tại Quyết định số 1196/QĐ-HĐTV-CN.</li> <li>- Ngày 29/4/2025, Tổng giám đốc phê duyệt dự án tại Quyết định số 1327/QĐ-NHNo-CN.</li> <li>- Ngày 01/12/2025, Tổng Giám đốc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dự án Quản lý rủi ro hoạt động:</li> <li>+ Kế hoạch triển khai: Thời gian thực hiện dự án từ tháng 4/2025 - 01/2027.</li> <li>+ Tiến độ triển khai: Đang thực hiện Hợp đồng gói thầu “cung cấp và triển khai giải pháp Quản lý rủi ro hoạt động cho Agribank”.</li> </ul>                                                            |
|                |                                     |                                                                                                                                                  | Dự án đang trong giai đoạn hoàn thiện Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi.                                                                                                                                                                                                                                                                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dự án quản lý các khoản tín dụng có vấn đề:</li> <li>+ Kế hoạch triển khai theo Đề án chiến lược CNTT: Từ tháng 10/2022 - 03/2027.</li> <li>+ Tiến độ triển khai: Ban Triển khai giải pháp đang hoàn thiện Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi.</li> </ul>                                                                               |
|                |                                     |                                                                                                                                                  | Ngày 30/8/2023, Hội đồng thành viên có Nghị quyết số 151/NQ-HĐTV về việc triển khai giải pháp quy trình đánh giá tính đủ vốn nội bộ (ICAAP).                                                                                                                                                                                             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáp pháp quy trình đánh giá tính đầy đủ vốn nội bộ (ICAAP):</li> <li>+ Kế hoạch triển khai theo Đề án chiến lược CNTT: Từ tháng 10/2022 - 03/2027.</li> <li>+ Tiến độ triển khai: Đã hoàn thành triển khai Phần 1 - Giải pháp về nghiệp vụ, phương pháp luận. Đối với Phần 2 – Giải pháp về CNTT: Trung tâm CNTT đã hoàn</li> </ul> |





| Lĩnh vực              | Dự án/Chương trình                 | Đánh giá ảnh hưởng của các dự án tới hoạt động kinh doanh của Agribank                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Thời gian phê duyệt dự án                                                                                                                                     | Thời gian triển khai dự án                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|-----------------------|------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                       |                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                               | thành xây dựng một số cấu phần chính và đưa vào sử dụng, cụ thể: (i) Xây dựng màn hình quản lý tham số cho phép người dùng xem, nhập và chỉnh sửa một số giá trị đầu vào phục vụ tính toán ICAAP; (ii) Hoàn thành xây dựng chương trình đo lường rủi ro tập trung đối với hoạt động cấp tín dụng và đo lường rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng; (iii) Hoàn thành chương trình thiết lập kịch bản kiểm tra sức chịu đựng về vốn. Trung tâm CNTT tiếp tục phối hợp với Ban ALCO và Ban Triển khai giải pháp tiếp tục xây dựng và hoàn thiện phần mềm ICAAP phù hợp với tình hình thực tế triển khai tại Agribank. |
|                       |                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | - Ngày 22/01/2025, Tổng giám đốc phê duyệt dự án tại Quyết định số 167/QĐ-NHNo-CN ngày 22/01/2025 về phê duyệt dự án triển khai hệ thống phòng chống rửa tiền | - Giải pháp phòng chống rửa tiền (AML) và quản lý rủi ro gian lận:<br>+ Kế hoạch triển khai: từ tháng 4/2024 – 9/2026.<br>+ Tiến độ triển khai: Đang triển khai thực hiện hợp đồng cung cấp giải pháp.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| Thẩm định và tín dụng | Giải pháp khởi tạo khoản vay (LOS) | Giải pháp Khởi tạo khoản vay (LOS) cung cấp chức năng quản lý công tác thẩm định và giải ngân khoản vay hiệu quả, minh bạch và nhanh chóng gồm các hạng mục: xử lý nghiệp vụ từ quy trình thẩm định tín dụng cho đến giải ngân và phạt chậm trả một cách tự động. Giải pháp cũng cung cấp một cơ sở dữ liệu lịch sử về thông tin tín dụng của từng khách hàng (gồm khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp), nhằm tái sử dụng với các hồ sơ mới từ khách hàng. Giải pháp còn mở rộng chức năng ứng dụng ECM hiện có để số hóa các tài liệu liên quan đến LOS và tích hợp xuyên suốt với hệ thống BPM để kiểm | Ngày 16/01/2025, Hội đồng thành viên phê duyệt chủ trương đầu tư dự án tại Quyết định số 40/QĐ-HĐTV-CN.                                                       | - Kế hoạch triển khai: Từ tháng 4/2024 đến tháng 4/2027.<br>- Tiến độ triển khai: Dự án đang trong giai đoạn hoàn thiện Báo cáo nghiên cứu khả thi.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |

*[Handwritten signature]*

*[Handwritten signature]*

*[Handwritten signature]*





| Lĩnh vực          | Dự án/Chương trình                     | Đánh giá ảnh hưởng của các dự án tới hoạt động kinh doanh của Agribank                                                                                                                                                                                                                                                     | Thời gian phê duyệt dự án                                                                                                                                                                                                        | Thời gian triển khai dự án                                                                                                                                                                                                                             |
|-------------------|----------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                   |                                        | soát lường nghiệp vụ và đồng bộ dữ liệu.                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                        |
| Tài chính kế toán | Giải pháp Báo cáo tài chính chuẩn IFRS | Việc triển khai IFRS là một bước đi chiến lược của Agribank nhằm nâng cao tính minh bạch. Dự án được kỳ vọng sẽ giúp Agribank tăng cường năng lực quản trị tài chính, quản lý rủi ro hiệu quả hơn theo các thông lệ quốc tế tốt nhất, góp phần nâng cao uy tín và vị thế của Agribank trên thị trường trong và ngoài nước. | Ngày 19/4/2023, Hội đồng thành viên phê duyệt chủ trương xây dựng và triển khai phương án áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế tại Agribank – Phần giải pháp về nghiệp vụ, phương pháp luận tại Nghị quyết số 59/NQ-HĐTV. | - Kế hoạch triển khai: Thời hạn hoàn thành hợp đồng thuê tư vấn phương pháp luận đến tháng 12/2026.<br>- Tiến độ triển khai: Ban Triển khai giải pháp phối hợp cùng nhà thầu trúng thầu triển khai để thực hiện hợp đồng thuê tư vấn phương pháp luận. |

(Nguồn: Agribank)

## 8.6. Chiến lược kinh doanh

**Tầm nhìn:** Là định chế tài chính hàng đầu Việt Nam; hoàn thành mục tiêu phát triển ngân hàng hiện đại; tiên phong về công nghệ, năng lực quản trị, chủ lực, chủ đạo về quy mô, thị phần, dẫn dắt thị trường cung cấp sản phẩm dịch vụ tài chính - ngân hàng trong lĩnh vực “tam nông”; thúc đẩy tài chính toàn diện, phát triển xanh, bền vững, góp phần đưa khu vực NNNT phát triển phồn thịnh.

### Mục tiêu tổng quát

Xây dựng Agribank là định chế tài chính hàng đầu, giữ vai trò trụ cột, chủ lực trong lĩnh vực tam nông, góp phần đưa khu vực nông nghiệp, nông thôn phát triển phồn thịnh; tập trung vào những nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu sau:

- Đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số, thúc đẩy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, khai thác sức mạnh dữ liệu phục vụ hoạt động kinh doanh;
- Đổi mới mô hình quản trị hiện đại, củng cố, sắp xếp và nâng cao chất lượng, hiệu quả mạng lưới hoạt động;
- Gia tăng năng lực tài chính, hiệu quả hoạt động; nâng cao trải nghiệm khách hàng, củng cố và gia tăng thị phần; hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu năm 2026;
- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển, bồi dưỡng nhân tài; đổi mới cơ chế, chính sách khen thưởng tạo động lực khuyến khích người lao động nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc;
- Tăng cường hiệu quả sử dụng tài sản, bảo toàn nguồn vốn đầu tư ngoại ngành, thực hiện đầu tư hiệu quả và tránh lãng phí;
- Tăng năng lực quản trị rủi ro và hệ thống kiểm tra, kiểm soát, kiểm toán nội bộ;





- Tái định vị thương hiệu, nâng cao vị thế phù hợp với xu hướng chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, tăng tỷ lệ khách hàng trẻ;
- Xây dựng và lan tỏa văn hóa phụng sự khách hàng, phụng sự tổ chức.

### Định hướng năm 2026

- Huy động vốn là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu trong năm 2026; toàn hệ thống tập trung huy động vốn ngay từ đầu năm, thực hiện linh hoạt các giải pháp để phát triển khách hàng mới, duy trì khách hàng hiện hữu, chủ động cân đối vốn ngay từ cơ sở để đáp ứng nhu cầu tăng trưởng tín dụng
- Tăng trưởng tín dụng gắn liền với nâng cao, kiểm soát chất lượng tín dụng đảm bảo an toàn, hiệu quả; Tập trung vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên và các động lực tăng trưởng kinh tế theo chỉ đạo của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước, phù hợp với định hướng phát triển của từng địa phương, vùng miền; kiểm soát chặt chẽ tín dụng đối với lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro, đặc biệt kiểm soát tăng trưởng tín dụng bất động sản theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước; Phát triển khách hàng mới, nâng tỷ trọng cho vay khách hàng pháp nhân, cho vay trung, dài hạn an toàn, hiệu quả, phù hợp với định hướng của Agribank; Kiểm soát tăng trưởng tín dụng theo ngành, lĩnh vực, đối tượng, tuân thủ các hạn mức rủi ro theo quy định, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn; Tiếp tục dành chính sách ưu tiên cho vay phục vụ phát triển khu vực nông nghiệp, nông thôn.
- Triển khai quyết liệt, có hiệu quả các biện pháp xử lý, thu hồi nợ xấu, nợ đã xử lý rủi ro, kiểm soát, xử lý kịp thời nợ xấu mới phát sinh, trích lập DPRR đúng quy định để đảm bảo kết quả tài chính và mục tiêu kiểm soát nợ xấu giai đoạn 2026 - 2030. Trong năm 2026 thu nợ xử lý rủi ro tối thiểu 15.000 tỷ đồng.
- Phát triển, đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ có tính cạnh tranh cao, gắn với chuyển đổi số, gia tăng tiện ích, trải nghiệm và không ngừng nâng cao mức độ hài lòng của khách hàng với phương châm “lấy khách hàng làm trung tâm”, lấy “khoa học công nghệ, đổi mới, sáng tạo” làm động lực phát triển, hướng tới mục tiêu ngân hàng số; phấn đấu đến cuối năm 2030, tỷ trọng doanh thu từ kênh số đạt trên 60%, tối thiểu 70% các nghiệp vụ cho phép khách hàng thực hiện hoàn toàn trên nền tảng số.
- Nâng cao năng lực tài chính, tăng trưởng lợi nhuận ổn định, đảm bảo tiền lương, thu nhập của người lao động; đa dạng các nguồn thu nhập trên cơ sở phân tích hoạt động dịch vụ; tăng cường thu hồi lãi tồn đọng, nợ đã xử lý rủi ro,... Kiểm soát chặt chẽ chi phí theo quy định, đảm bảo tiết kiệm, phòng, chống lãng phí.

### Nguồn vốn và nguồn lực

Để thực hiện hiệu quả định hướng và kế hoạch kinh doanh, Agribank chỉ đạo triển khai đồng bộ, toàn diện các giải pháp, trong đó tập trung vào 11 giải pháp trọng tâm, bao gồm:



*Handwritten signatures and initials in blue ink.*



- *Điều hành hoạt động kinh doanh linh hoạt, bám sát diễn biến thị trường:* Chủ động xây dựng các kịch bản điều hành và triển khai các giải pháp kinh doanh phù hợp với tình hình kinh tế vĩ mô và thị trường tài chính - tiền tệ, đảm bảo hoàn thành các mục tiêu kế hoạch được giao, đồng thời tiếp tục phát huy vai trò chủ lực trong thực thi chính sách tiền tệ quốc gia.
- *Tăng trưởng tín dụng gắn với nâng cao chất lượng tài sản:* Đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng có chọn lọc, tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên và sản xuất kinh doanh, đặc biệt lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; đồng thời kiểm soát chặt chẽ rủi ro tín dụng, nâng cao chất lượng tài sản và đẩy mạnh xử lý, thu hồi nợ xấu.
- *Tăng cường huy động vốn và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn:* Điều hành linh hoạt chính sách lãi suất, đa dạng hóa sản phẩm huy động vốn, tối ưu cơ cấu nguồn vốn nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và đảm bảo thanh khoản hệ thống.
- *Phát triển hệ sinh thái khách hàng và dịch vụ ngân hàng hiện đại:* Đẩy mạnh phát triển hệ sinh thái khách hàng cá nhân và doanh nghiệp; mở rộng các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng số, thanh toán không dùng tiền mặt và các giải pháp tài chính toàn diện.
- *Đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ:* Tập trung nguồn lực triển khai các dự án công nghệ và chuyển đổi số, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm; lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và số hóa hoạt động kinh doanh làm động lực nâng cao năng suất lao động và năng lực cạnh tranh.
- *Tái cấu trúc tổ chức và mạng lưới hoạt động:* Hoàn thiện mô hình tổ chức từ Trụ sở chính đến chi nhánh; sắp xếp, cơ cấu lại mạng lưới chi nhánh và phòng giao dịch theo hướng tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với nhu cầu phát triển kinh doanh tại từng địa bàn.
- *Hoàn thiện hệ thống thể chế và khung quản trị nội bộ:* Chủ động rà soát, ban hành các quy định nội bộ phù hợp với các quy định pháp luật mới; tiếp tục hoàn thiện thể chế quản trị, tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho hoạt động kinh doanh và đảm bảo tuân thủ.
- *Nâng cao năng lực tài chính và quản trị vốn:* Tăng cường năng lực tài chính đáp ứng các chuẩn mực quản trị rủi ro theo Basel II nâng cao; thực hành tiết kiệm, quản lý hiệu quả tài sản và nguồn lực, phòng chống lãng phí và tiêu cực.
- *Thúc đẩy triển khai ESG, ngân hàng xanh và phát triển bền vững:* Từng bước lồng ghép các yếu tố môi trường, xã hội và quản trị (ESG) vào hoạt động kinh doanh và quản trị; mở rộng tín dụng xanh, phát triển các sản phẩm tài chính bền vững và thúc đẩy các sáng kiến ngân hàng xanh phù hợp với chiến lược phát triển của Agribank.
- *Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao:* Triển khai các giải pháp đồng bộ nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng số và năng suất lao động của cán bộ; đẩy mạnh xây dựng văn hóa học tập số, gắn với việc triển khai hiệu quả chương trình “Bình dân học vụ số” trong toàn hệ thống, qua đó hình thành đội ngũ nhân sự có năng lực thích ứng cao đáp ứng yêu

P

cu

AP

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



cầu chuyển đổi số quốc gia.

- *Nâng cao giá trị thương hiệu và hiệu quả hoạt động đầu tư:* Tái định vị thương hiệu Agribank theo hướng hiện đại; triển khai chiến lược phát triển thương hiệu đến năm 2030; đồng thời xử lý các khoản đầu tư kém hiệu quả, nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty con.

**9. Thông tin về cổ đông lớn, chủ sở hữu công ty, thành viên sở hữu từ 10% vốn điều lệ trở lên**

|                                                           |                                                |
|-----------------------------------------------------------|------------------------------------------------|
| Tên thành viên                                            | NHNN                                           |
| Năm thành lập                                             | 1951                                           |
| Số GCNĐKKD hoặc mã số giao dịch                           | 15/SL                                          |
| Quốc tịch                                                 | Việt Nam                                       |
| Địa chỉ trụ sở chính                                      | 49 Lý Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội.              |
| Vốn điều lệ/Vốn cổ phần                                   | Không có (vì NHNN là cơ quan quản lý Nhà nước) |
| Người đại diện theo pháp luật hoặc tương đương            | Ông Phạm Đức Ân<br>Thống đốc NHNN Việt Nam     |
| Người đại diện theo ủy quyền tại Tổ Chức Đăng ký Niêm yết | Hội đồng thành viên Agribank                   |
| Tỷ lệ vốn điều lệ nắm giữ                                 | 100% vốn điều lệ                               |
| Lợi ích liên quan đối với Agribank                        | Không                                          |

**10. Thông tin về thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng**

**10.1. Hội đồng thành viên**

| Họ và tên                | Chức vụ                            |
|--------------------------|------------------------------------|
| • Ông Tô Huy Vũ          | Chủ tịch HĐQT                      |
| • Ông Phạm Toàn Vượng    | Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc |
| • Ông Trần Văn Dũng      | Thành viên HĐQT                    |
| • Bà Nguyễn Thị Thảo     | Thành viên HĐQT                    |
| • Ông Nguyễn Minh Phương | Thành viên HĐQT                    |
| • Ông Lê Xuân Trung      | Thành viên HĐQT                    |
| • Bà Từ Thị Kim Thanh    | Thành viên HĐQT                    |

*Handwritten signatures and initials in blue ink.*

➤ **Chủ tịch Hội đồng thành viên**

Họ và tên: **Tô Huy Vũ**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 01/6/1980

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Khoa học quản lý.

**Quá trình công tác:**

| Thời gian           | Quá trình công tác                                                           |
|---------------------|------------------------------------------------------------------------------|
| Từ 4/2003 - 9/2003  | Chuyên viên Vụ xuất nhập khẩu, Bộ Thương mại                                 |
| Từ 10/2003 - 6/2011 | Đào tạo tại Pháp                                                             |
| Từ 6/2011 - 6/2012  | Trưởng phòng Marketing, Công ty TNHH một thành viên Vietrans, Bộ Công thương |
| Từ 6/2012 - 01/2013 | Trưởng phòng phân tích và dự báo, Vụ Dự báo Thống kê Tiền tệ, NHNN           |
| Từ 01/2013 - 5/2015 | Phó Vụ trưởng, Vụ Dự báo Thống kê Tiền tệ, NHNN                              |
| Từ 5/2015 - 8/2017  | Vụ trưởng, Vụ Dự báo Thống kê Tiền tệ, NHNN                                  |
| Từ 8/2017 - 4/2025  | Vụ trưởng, Vụ Hợp tác Quốc tế, NHNN                                          |
| Từ 4/2025 – 7/2026  | Chủ tịch Hội đồng thành viên                                                 |
| Từ 8/2026 - nay     | Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Nhân sự Agribank.         |

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Chủ tịch HĐQT Agribank kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Nhân sự Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Agribank: Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên

*Handwritten signatures and initials in blue ink.*



Agribank và các quy định pháp luật có liên quan

➤ **Thành viên Hội đồng thành viên – Tổng Giám đốc Agribank**

Họ và tên: **Phạm Toàn Vượng**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 16/5/1976

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

**Quá trình công tác:**

| Thời gian            | Quá trình công tác                                                                                |
|----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Từ 3/1999 – 5/2000   | Chuyên viên Ban Quan hệ quốc tế Agribank                                                          |
| Từ 6/2000 – 6/2002   | Chuyên viên Ban Thư ký pháp chế Agribank                                                          |
| Từ 7/2002 – 5/2004   | Chuyên viên Công ty quản lý nợ và khai thác tài sản Agribank                                      |
| Từ 6/2004 – 11/2005  | Tổ phó phụ trách Tổ kiểm tra, kiểm toán nội bộ Agribank Chi nhánh Quảng An                        |
| Từ 12/2005 – 4/2006  | Phó phòng phụ trách phòng Nguồn vốn Agribank Chi nhánh Quảng An                                   |
| Từ 5/2006 – 4/2008   | Trưởng phòng Nguồn vốn; Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh Agribank Chi nhánh Quảng An              |
| Từ 5/2008 – 12/2012  | Phó Giám đốc Agribank Chi nhánh Mỹ Đình                                                           |
| Từ 01/2013 – 5/2015  | Giám đốc Agribank Chi nhánh Mỹ Đình                                                               |
| Từ 6/2015 – 8/2015   | Phó Tổng Giám đốc Agribank kiêm Giám đốc Agribank Chi nhánh Mỹ Đình                               |
| Từ 8/2015 – 4/2021   | Phó Tổng Giám đốc Agribank                                                                        |
| Từ 05/2021 – 10/2022 | Phó Tổng Giám đốc Agribank kiêm Trưởng Khối Kiểm tra và giám sát tuân thủ                         |
| Từ 10/2022 – 11/2022 | Phó Tổng Giám đốc phụ trách ban điều hành Agribank kiêm Trưởng Khối Kiểm tra và giám sát tuân thủ |
| Từ 12/2022 – 02/2023 | Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc Agribank kiêm Trưởng Khối Kiểm tra và giám sát tuân thủ           |
| Từ 02/2023 – 02/2025 | Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Agribank                                                       |
| Từ 02/2025 – 05/2026 | Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Agribank<br>Chủ tịch Hiệp hội ngân hàng Việt Nam               |
| Từ 5/2026 - nay      | Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Agribank                                                       |




Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan



| Thời gian            | Quá trình công tác                                                                                                    |
|----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 12/2024              | Agribank                                                                                                              |
| Từ 12/2024 - 04/2025 | Thành viên phụ trách điều hành HĐTV Agribank kiêm Phó Chủ nhiệm Ủy ban Đầu tư Agribank                                |
| Từ 04/2025 -05/2026  | Thành viên HĐTV Agribank kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Chính sách Agribank                                                    |
| Từ 05/2026 - nay     | Thành viên HĐTV Agribank kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Chính sách Agribank; Phó Chủ tịch Hội đồng Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam |

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Thành viên HĐTV Agribank kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Chính sách Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Phó Chủ tịch Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Agribank: Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan.

➤ **Thành viên Hội đồng thành viên.**

Họ và tên: Nguyễn Thị Thảo

Giới tính: Nữ

Ngày sinh: 10/10/1979

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

**Quá trình công tác:**

| Thời gian            | Quá trình công tác                                   |
|----------------------|------------------------------------------------------|
| Từ 10/2001 – 02/2007 | Cán bộ Tín dụng Agribank Chi nhánh Láng Hạ           |
| Từ 02/2007 – 01/2012 | Phó Trưởng phòng Tín dụng Agribank Chi nhánh Láng Hạ |
| Từ 01/2012 - 6/2012  | Trưởng phòng Tín dụng Agribank Chi nhánh Láng Hạ     |





| Thời gian            | Quá trình công tác                                                     |
|----------------------|------------------------------------------------------------------------|
| Từ 6/2012 - 01/2013  | Trưởng phòng Thẩm định Agribank Chi nhánh Láng Hạ                      |
| Từ 01/2013 - 8/2016  | Phó Giám đốc Agribank Chi nhánh Láng Hạ                                |
| Từ 9/2016 - 4/2019   | Giám đốc Agribank Chi nhánh Láng Hạ                                    |
| Từ 04/2019 – 05/2019 | Phó Chủ nhiệm Ủy ban Nhân sự kiêm Giám đốc Agribank Chi nhánh Láng Hạ  |
| Từ 05/2019 – 09/2022 | Phó Chủ nhiệm Ủy ban Nhân sự Agribank                                  |
| Từ 09/2022 – 7/2026  | Thành viên HĐQT Agribank kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Nhân sự Agribank        |
| Từ 8/2026 - nay      | Thành viên HĐQT Agribank kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Quản lý rủi ro Agribank |

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Thành viên HĐQT Agribank kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Quản lý rủi ro Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Agribank: Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan

➤ **Thành viên Hội đồng thành viên**

Họ và tên: **Nguyễn Minh Phương**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 20/11/1968

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

**Quá trình công tác:**





| Thời gian                  | Quá trình công tác                                                                      |
|----------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|
| Từ 10/1988 – 12/1996       | Nhân viên Kế toán Agribank Chi nhánh Tỉnh Vĩnh Phú                                      |
| Từ 01/1997 – 7/1998        | Nhân viên Kế toán Agribank Chi nhánh Tỉnh Phú Thọ                                       |
| Từ 8/1998 – 5/2001         | Chuyên viên Ban Hạch toán kinh doanh Agribank                                           |
| Từ 6/2001 – 10/2002        | Phó Trưởng phòng Tổng hợp Trung tâm thanh toán Agribank                                 |
| Từ 11/2002 – 3/2003        | Trưởng phòng Tổng hợp Trung tâm thanh toán Agribank                                     |
| Từ 4/2003 – 13/8/2003      | Phó Trưởng ban trụ bị thành lập Trung tâm Thẻ Agribank                                  |
| Từ 14/8/2003 - 28/10/2003  | Phó Giám đốc Trung tâm Thẻ Agribank                                                     |
| Từ 29/10/2003 - 12/8/2004  | Phó Giám đốc phụ trách Trung tâm Thẻ Agribank                                           |
| Từ 13/8/2004 - 30/9/2014   | Giám đốc Trung tâm Thẻ Agribank                                                         |
| Từ 01/10/2014 - 21/10/2014 | Phó Tổng Giám đốc Agribank kiêm Giám đốc Trung tâm Thẻ Agribank                         |
| Từ 22/10/2014 - 30/11/2022 | Phó Tổng Giám đốc Agribank                                                              |
| Từ 2015 - 2025             | Phó Tổng Giám đốc Agribank, Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Thanh toán Quốc gia Việt Nam (NAPAS) |
| Từ 10/2018 – 02/2024       | Phó Tổng Giám đốc Agribank kiêm Thành viên Hội đồng quản trị ALCI                       |
| Từ 12/2021 - 9/2022        | Kiểm nhiệm Trưởng ban Tiền tệ - Kho quỹ                                                 |
| Từ 2022 – 2023             | Thành viên HĐQT Agribank; Thành viên HĐQT ALCI                                          |
| Từ 08/2023 – 10/2023       | Thành viên HĐQT Agribank kiêm Thành viên HĐQT ALCI, Chủ nhiệm Ủy ban Đầu tư Agribank    |
| Từ 11/2023 – 02/2024       | Thành viên HĐQT Agribank, Thành viên phụ trách HĐQT ALCI.                               |
| Từ 08/2023 – nay           | Thành viên HĐQT Agribank kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Đầu tư Agribank                          |

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Thành viên HĐQT Agribank kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Đầu tư Agribank  
 Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không  
 Hành vi vi phạm pháp luật: Không





Các khoản nợ đối với Agribank: Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan.

➤ **Thành viên Hội đồng thành viên**

Họ và tên: **Lê Xuân Trung**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 09/12/1970

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

**Quá trình công tác:**

| Thời gian            | Quá trình công tác                                                                                                          |
|----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Từ 3/1994 – 10/1994  | Cán bộ phòng Tín dụng Quốc doanh Trung tâm Điều hành Agribank                                                               |
| Từ 11/1994 – 02/1996 | Cán bộ phòng Dự án lớn, Khối Tín dụng Trung tâm Điều hành Agribank                                                          |
| Từ 3/1996 – 8/1998   | Cán bộ phòng Tín dụng Nông nghiệp, Trung tâm Điều hành Agribank                                                             |
| Từ 9/1998 – 5/2001   | Cán bộ Tín dụng Doanh nghiệp Agribank                                                                                       |
| Từ 5/2001 – 5/2007   | Cán bộ Ban Tín dụng Agribank                                                                                                |
| Từ 6/2007 – 7/2009   | Phó Chánh Văn phòng Trụ sở chính Agribank                                                                                   |
| Từ 7/2009 – 6/2012   | Phó Trưởng ban Chuyên viên Hội đồng Quản trị (sau đổi tên là Ban Thư ký Hội đồng Quản trị, nay là Ban Thư ký HĐQT) Agribank |
| Từ 6/2012 – 01/2014  | Phó Trưởng ban Tín dụng doanh nghiệp (nay là Ban Khách hàng doanh nghiệp) Agribank                                          |
| Từ 01/2014 – 5/2014  | Quyền Trưởng ban Khách hàng doanh nghiệp Agribank                                                                           |
| Từ 6/2014 – 12/2015  | Trưởng ban Khách hàng doanh nghiệp Agribank                                                                                 |
| Từ 01/2016 – 8/2017  | Trưởng ban Khách hàng lớn Agribank                                                                                          |
| Từ 8/2017 – 4/2018   | Phó Tổng Giám đốc Agribank                                                                                                  |

*[Handwritten signatures and initials]*



| Thời gian            | Quá trình công tác                                                                                                                          |
|----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Từ 4/2018 – 5/2021   | Phó Tổng Giám đốc Agribank kiêm Chủ tịch Công ty Quản lý nợ và khai thác tài sản Agribank                                                   |
| Từ 6/2021 – 3/2022   | Phó Tổng Giám đốc Agribank kiêm Chủ tịch Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản Agribank, kiêm Giám đốc Agribank Chi nhánh Tây Hồ |
| Từ 3/2022 - 5/2022   | Phó Tổng Giám đốc Agribank kiêm Chủ tịch Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản Agribank                                          |
| Từ 12/2022 – 06/2023 | Thành viên HĐQT Agribank                                                                                                                    |
| Từ 06/2023 – 01/2025 | Thành viên HĐQT Agribank kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Chính sách Agribank                                                                          |
| Từ 01/2025 - 04/2025 | Thành viên HĐQT Agribank kiêm Chủ nhiệm Ủy ban quản lý rủi ro Agribank                                                                      |
| Từ 04/2025 - nay     | Thành viên HĐQT Agribank                                                                                                                    |

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Thành viên HĐQT Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Agribank: Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan.

➤ **Thành viên Hội đồng thành viên**

Họ và tên: **Từ Thị Kim Thanh**

Giới tính: Nữ

Ngày sinh: 20/11/1972

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế



**Quá trình công tác:**

| Thời gian                | Quá trình công tác                                  |
|--------------------------|-----------------------------------------------------|
| Từ 5/1995 – 10/1998      | Chuyên viên Vụ Quản lý các Tổ chức tín dụng hợp tác |
| Từ 10/1998 – 5/2005      | Chuyên viên Văn phòng NHNN                          |
| Từ 6/2005 – 9/2008       | Phó Trưởng phòng Tổng hợp – Văn phòng NHNN          |
| Từ 9/2008 - 10/2011      | Trưởng phòng Tổng hợp thuộc Văn phòng NHNN          |
| Từ 11/2011 - 11/2022     | Phó Chánh văn phòng NHNN                            |
| Từ ngày 01/12/2022 - nay | Thành viên HĐQT Agribank                            |

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Thành viên HĐQT Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Agribank: Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan.

**10.2. Ban kiểm soát**

| Họ và tên              | Chức vụ                  |
|------------------------|--------------------------|
| • Ông Phạm Đức Tuấn    | Trưởng Ban kiểm soát     |
| • Ông Lê Văn Đề        | Thành viên Ban kiểm soát |
| • Ông Nguyễn Xuân Hùng | Thành viên Ban kiểm soát |
| • Ông Phạm Văn Minh    | Thành viên Ban kiểm soát |
| • Bà Thái Thị An Hoa   | Thành viên Ban kiểm soát |
| • Ông Lê Mạnh Thắng    | Thành viên Ban kiểm soát |
| • Ông Nguyễn Quang Hải | Thành viên Ban kiểm soát |
| • Ông Nguyễn Văn Thành | Thành viên Ban kiểm soát |
| • Ông Đinh Việt Đông   | Thành viên Ban kiểm soát |





➤ **Trưởng Ban kiểm soát**

Họ và tên: **Phạm Đức Tuấn**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 25/7/1969

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

**Quá trình công tác:**

| Thời gian      | Quá trình công tác                                                                                               |
|----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Từ 1992 – 1993 | Cán bộ phòng Quan hệ quốc tế Agribank                                                                            |
| Từ 1993 – 1998 | Cán bộ Sở kinh doanh hối đoái Agribank                                                                           |
| Từ 1999 – 2003 | Trưởng phòng SWIFT Sở giao dịch hối đoái (Sở giao dịch) Agribank                                                 |
| Từ 2004 - 2005 | Trưởng phòng SWIFT Sở Quản lý kinh doanh vốn và ngoại tệ Agribank                                                |
| Từ 2005 – 2007 | Trưởng phòng Ủy ban Quản lý Tài sản Có – Tài sản Nợ Agribank                                                     |
| Từ 2007 – 2008 | Phó Trưởng phòng Nghiên cứu phát triển sản phẩm dịch vụ Agribank                                                 |
| Từ 2008 – 2009 | Phó Trưởng phòng phụ trách phòng Nghiên cứu phát triển sản phẩm dịch vụ Agribank                                 |
| Từ 2009 – 2013 | Trưởng phòng, Trưởng ban Nghiên cứu phát triển sản phẩm dịch vụ Agribank                                         |
| Từ 2013 – 2015 | Trưởng ban Kế hoạch nguồn vốn Agribank                                                                           |
| Năm 2015       | Trưởng ban Định chế tài chính Agribank                                                                           |
| Từ 2015 - 2016 | Trưởng ban Tổ chức Lao động và Tiền lương kiêm Phó Chủ nhiệm Ủy ban Nhân sự Agribank                             |
| Từ 2016 - 2017 | Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng ban Tổ chức Lao động và Tiền lương kiêm Phó Chủ nhiệm Ủy ban Nhân sự Agribank      |
| Từ 2017 – 2020 | Phó Tổng Giám đốc Agribank                                                                                       |
| Từ 2019 - 2024 | Phó Chủ tịch Hiệp hội Thị trường Trái Phiếu Việt Nam (VBMA)                                                      |
| Từ 2020 – 2022 | Phó Tổng Giám đốc Agribank kiêm Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp (ABIC) |



|                      |                                                                        |
|----------------------|------------------------------------------------------------------------|
| Từ 2022 – 08/2023    | Phó Tổng Giám đốc Agribank                                             |
| Từ 08/2023 – 2024    | Thành viên HĐQT Agribank                                               |
| Từ 01/2025 - 04/2025 | Thành viên HĐQT Agribank kiêm Chủ nhiệm Ủy ban chính sách              |
| Từ 04/2025 – 7/2026  | Thành viên HĐQT Agribank kiêm Chủ nhiệm Ủy ban quản lý rủi ro Agribank |
| Từ 08/2026- nay      | Trưởng Ban kiểm soát Agribank                                          |

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Trưởng Ban kiểm soát Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Agribank: Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan.

➤ **Thành viên Ban kiểm soát**

Họ và tên: **Lê Văn Đề**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 12/3/1966

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

**Quá trình công tác:**

| Thời gian           | Quá trình công tác                                                                     |
|---------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|
| Từ 8/1992 – 02/1997 | Chuyên viên Phòng Tiền tệ - Kho quỹ và Quản lý ngoại hối NHNN Chi nhánh tỉnh Lào Cai   |
| Từ 3/1997 – 02/1999 | Chuyên viên phòng Tổng hợp và Quản lý các Tổ chức tín dụng NHNN Chi nhánh tỉnh Lào Cai |
| Từ 3/1999 – 12/2002 | Chuyên viên Thanh tra NHNN Chi nhánh tỉnh Lào Cai                                      |





3012  
N HÀ  
i NGH  
ÁT TI  
G TH  
T NA  
HÀ

2  
C  
C  
H  
IGI  
3 D





|                      |                                                                                       |
|----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| Từ 01/2003 – 01/2006 | Phó Trưởng phòng Tổng hợp và Quản lý các Tổ chức tín dụng NHNN Chi nhánh tỉnh Lào Cai |
| Từ 02/2006 – 9/2008  | Trưởng phòng Tổng hợp và Quản lý các Tổ chức tín dụng NHNN Chi nhánh tỉnh Lào Cai     |
| Từ 10/2008 – 10/2017 | Trưởng phòng Hành chính - Nhân sự NHNN CN tỉnh Lào Cai                                |
| Từ 10/2017 - 8/2022  | Phó giám đốc NHNN Chi nhánh tỉnh Lào Cai                                              |
| Từ 9/2022 - 2/2025   | Phó Vụ trưởng Vụ Kiểm toán nội bộ NHNN                                                |
| Từ 3/2025 – 05/2026  | Thành viên Ban kiểm soát Agribank                                                     |
| 06/2026 – 07/2026    | Thành viên Ban kiểm soát kiêm phụ trách Ban kiểm soát                                 |
| 08/2026 - nay        | Thành viên Ban kiểm soát Agribank                                                     |

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Thành viên Ban Kiểm soát Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Agribank: Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan.

➤ **Thành viên Ban kiểm soát**

Họ và tên: **Nguyễn Xuân Hùng**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 11/10/1974

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

**Quá trình công tác:**

| Thời gian           | Quá trình công tác                                          |
|---------------------|-------------------------------------------------------------|
| Từ 10/1998 – 6/1999 | Cán bộ tín dụng Agribank Chi nhánh huyện Như Xuân Thanh Hóa |
| Từ 6/1999 - 01/2001 | Kiểm tra viên Phòng Kinh doanh Agribank Chi nhánh huyện     |





|                      |                                                                                                 |
|----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                      | Như Xuân Thanh Hóa                                                                              |
| Từ 01/2001 – 6/2003  | Phó Trưởng phòng Tín dụng Agribank Chi nhánh huyện Như Xuân Thanh Hóa                           |
| Từ 6/2003 - 6/2005   | Trưởng phòng Tín dụng Agribank Chi nhánh huyện Như Xuân Thanh Hóa                               |
| Từ 6/2005 – 10/2006  | Phó giám đốc Agribank Chi nhánh huyện Như Xuân Thanh Hóa                                        |
| Từ 10/2006 - 10/2014 | Cán bộ Ban Kiểm tra, kiểm soát nội bộ Agribank                                                  |
| Từ 10/2014 - 9/2015  | Cán bộ Ban thường trực giúp việc Ban Chỉ đạo xử lý nợ Agribank                                  |
| Từ 10/2015 - 7/2017  | Cán bộ Ban Kiểm tra, kiểm soát nội bộ Agribank                                                  |
| Từ 8/2017 - 11/2019  | Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản Agribank                     |
| Từ 11/2019 - 3/2020  | Phó Tổng giám đốc phụ trách điều hành Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản Agribank |
| Từ 3/2020 - 11/2022  | Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản Agribank                         |
| Từ 12/2022 - nay     | Thành viên Ban kiểm soát Agribank                                                               |

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Thành viên Ban Kiểm soát Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Agribank: Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan.

#### ➤ Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên: **Phạm Văn Minh**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 21/5/1974

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế









**Quá trình công tác:**

| Thời gian            | Quá trình công tác                                                                                                                                  |
|----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Từ 12/1995 – 02/1996 | Học nghề tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)                                                                                    |
| Từ 02/1996 – 8/1999  | Nhân viên Phòng Bảo lãnh Hội sở chính BIDV                                                                                                          |
| Từ 8/1999 – 4/2004   | Nhân viên khai thác bảo hiểm Công ty liên doanh Bảo hiểm Việt - Úc                                                                                  |
| Từ 4/2004 – 8/2004   | Nhân viên phòng Tín dụng 3, Ban tín dụng Hội sở chính BIDV                                                                                          |
| Từ 8/2004 – 11/2005  | Nhân viên phòng phát triển sản phẩm, Ban Dịch vụ Hội sở chính BIDV                                                                                  |
| Từ 11/2005 – 01/2016 | Thành viên tổ công tác của BIDV đàm phán mua lại phần góp vốn của Tập đoàn bảo hiểm và tái bảo hiểm QBE trong Công ty Liên doanh Bảo hiểm Việt - Úc |
| Từ 01/2006 – 11/2006 | Trưởng phòng giải quyết khiếu nại Công ty Bảo hiểm BIDV                                                                                             |
| Từ 11/2006 – 9/2009  | Trưởng phòng Quản lý rủi ro Hội sở chính Ngân hàng Liên doanh Việt Nga                                                                              |
| Từ 9/2009 – 10/2015  | Phó Giám đốc Chi nhánh Sở giao dịch Ngân hàng Liên doanh Việt Nga                                                                                   |
| Từ 10/2015 – 8/2016  | Giám đốc Chi nhánh Sở giao dịch Ngân hàng Liên doanh Việt Nga                                                                                       |
| Từ 8/2016 – 8/2018   | Phó Trưởng ban Kế hoạch Nguồn vốn Agribank (nay là Ban Kế hoạch Chiến lược Agribank)                                                                |
| Từ 8/2018 – 10/2019  | Phó Chủ nhiệm Ủy ban Chính sách Agribank                                                                                                            |
| Từ 10/2019 - 6/2020  | Phó Chủ nhiệm Ủy ban Chính sách được trưng tập tham gia lãnh đạo Ban Thư ký Hội đồng thành viên Agribank                                            |
| Từ 6/2020 - 10/2024  | Trưởng ban Thư ký Hội đồng thành viên Agribank                                                                                                      |
| Từ 10/2024 - nay     | Thành viên Ban kiểm soát Agribank                                                                                                                   |

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Thành viên Ban Kiểm soát Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Agribank: Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên





Agribank và các quy định pháp luật có liên quan

➤ **Thành viên Ban kiểm soát**

Họ và tên: **Thái Thị An Hoa**

Giới tính: Nữ

Ngày sinh: 25/12/1972

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Luật

**Quá trình công tác:**

| Thời gian            | Quá trình công tác                                                              |
|----------------------|---------------------------------------------------------------------------------|
| Từ 5/1996 – 11/1999  | Chuyên viên phòng Thanh tra các Tổ chức tín dụng ngoài quốc doanh NHNN          |
| Từ 12/1999 – 02/2001 | Thanh tra viên Phòng Thanh tra các Tổ chức tín dụng ngoài quốc doanh NHNN       |
| Từ 3/2001 – 01/2008  | Thanh tra viên Văn phòng Thanh tra NHNN                                         |
| Từ 02/2008 – 01/2009 | Phó Chánh Văn phòng Thanh tra NHNN                                              |
| Từ 02/2009 – 8/2009  | Phó Trưởng phòng tổng hợp và điều tra thống kê, Vụ Dự báo thống kê tiền tệ NHNN |
| Từ 8/2009 – 02/2012  | Trưởng phòng Tổng hợp và điều tra thống kê, Vụ Dự báo thống kê tiền tệ NHNN     |
| Từ 3/2012 - 11/2015  | Trưởng phòng Tổng hợp Vụ Dự báo, thống kê NHNN                                  |
| Từ 12/2015 - 4/2025  | Phó Vụ trưởng Vụ Dự báo, thống kê NHNN                                          |
| Từ 4/2025 - nay      | Thành viên Ban kiểm soát Agribank                                               |

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Thành viên Ban Kiểm soát Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Agribank: Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-





TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan.

➤ **Thành viên Ban kiểm soát**

Họ và tên: **Lê Mạnh Thắng**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 17/10/1976

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Luật

**Quá trình công tác:**

| Thời gian            | Quá trình công tác                                                                            |
|----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|
| Từ 9/1998 – 01/2002  | Nhân viên, Trưởng nhóm Kiểm toán Công ty Kiểm toán Việt Nam                                   |
| Từ 3/2002 – 6/2003   | Cán bộ phân tích dự án Công ty Dragon Capital – Văn phòng Hà Nội                              |
| Từ 12/2003 – 5/2005  | Chuyên gia Tư vấn tài chính dự án, Công ty Chứng khoán Mekong                                 |
| Từ 12/2005 – 12/2006 | Chuyên gia Tư vấn quản lý dự án, Trung tâm Truyền máu khu vực - Bộ Y tế và Ngân hàng Thế giới |
| Từ 12/2006 – 8/2010  | Chuyên gia Tư vấn, kiểm toán độc lập, Công ty TNHH Tư vấn Chuyên nghiệp                       |
| Từ 8/2010 - 7/2015   | Phó Trưởng Kiểm toán nội bộ, Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam                                |
| Từ 7/2015 - 4/2025   | Trưởng Ban kiểm soát Ngân hàng thương mại TNHH MTV Dầu Khí Toàn Cầu                           |
| Từ 4/2025 - nay      | Thành viên Ban kiểm soát Agribank                                                             |

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Thành viên Ban Kiểm soát Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Agribank: Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt





368617  
GẤM HÀ  
ING NGI  
PHÁT T  
ÔNG TH  
VIỆT NA  
HÀ

3.G.P  
C  
CH  
AN  
ÔNG

Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan

➤ **Thành viên Ban kiểm soát**

Họ và tên: **Nguyễn Quang Hải**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 16/8/1972

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

**Quá trình công tác:**

| Thời gian            | Quá trình công tác                                                                                              |
|----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Từ 7/1994 - 7/1996   | Chuyên viên (tập sự), Vụ Tín dụng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam                                                  |
| Từ 7/1996 - 8/1997   | Chuyên viên, Vụ Tín dụng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam                                                           |
| Từ 8/1997 - 02/2004  | Chuyên viên, Văn phòng Thống đốc, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam                                                   |
| Từ 02/2004 - 12/2004 | Phó Trưởng phòng Tổ chức tín dụng cổ phần nông thôn, Vụ Các ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam              |
| Từ 12/2004 - 7/2009  | Phó Trưởng phòng Quản lý các ngân hàng, Vụ Các ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam                           |
| Từ 8/2009 - 6/2013   | Trưởng phòng Hành chính, quản trị, Văn phòng, Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam |
| Từ 6/2013 - 23/2025  | Phó Chánh Văn phòng, Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam                          |
| Từ 3/2025 - 7/2025   | Trưởng phòng Kế hoạch, tổng hợp, Thanh tra Ngân hàng Nhà nước                                                   |
| Từ 7/2025 - nay      | Thành viên Ban kiểm soát Agribank                                                                               |

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Thành viên Ban Kiểm soát Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Agribank: Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-



NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan

➤ **Thành viên Ban kiểm soát**

Họ và tên: **Nguyễn Văn Thành**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 24/10/1976

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

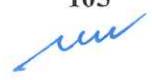
**Quá trình công tác:**

| Thời gian            | Quá trình công tác                                                                                                  |
|----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Từ 01/1998 - 10/2002 | Cán bộ tín dụng Agribank Chi nhánh huyện Phổ Yên Thái Nguyên                                                        |
| Từ 11/2002 - 8/2004  | Trưởng phòng Tín dụng Agribank Chi nhánh thành phố Sông Công Thái Nguyên                                            |
| Từ 9/2004 - 01/2008  | Phó giám đốc Agribank Chi nhánh thành phố Sông Công Thái Nguyên                                                     |
| Từ 02/2008 - 2/2011  | Phó giám đốc Agribank Chi nhánh huyện Định Hóa Thái Nguyên                                                          |
| Từ 3/2011 - 5/2011   | Quyền Giám đốc Agribank Chi nhánh thành phố Sông Công Thái Nguyên                                                   |
| Từ 6/2011 - 5/2014   | Giám đốc Agribank Chi nhánh thành phố Sông Công Thái Nguyên                                                         |
| Từ 5/2014 - 9/2017   | Phó giám đốc Agribank Chi nhánh tỉnh Thái Nguyên                                                                    |
| Từ 9/2017 - 5/2018   | Phó trưởng ban Trù bị Trung tâm xử lý nợ xấu khu vực phía Bắc, Phó giám đốc Trung tâm xử lý nợ xấu khu vực phía Bắc |
| Từ 6/2018 - 12/2020  | Giám đốc Agribank Chi nhánh tỉnh Thái Nguyên                                                                        |
| Từ 01/2021 - 3/2023  | Trưởng ban Kiểm tra, giám sát nội bộ                                                                                |
| Từ 3/2023 - 8/2025   | Trưởng ban Kiểm tra, giám sát nội bộ kiêm Phó Trưởng Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Agribank                       |
| Từ 8/2025 - nay      | Thành viên Ban kiểm soát Agribank                                                                                   |

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank:

Thành viên Ban Kiểm soát Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không


Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Agribank: Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan

➤ **Thành viên Ban kiểm soát**

Họ và tên: **Đinh Việt Đông**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 04/09/1978

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

**Quá trình công tác:**

| Thời gian            | Quá trình công tác                                                                                                       |
|----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Từ 11/2002 - 12/2004 | Cán bộ Thanh toán quốc tế - Phòng Thanh toán quốc tế Agribank Chi nhánh Hà Nội                                           |
| Từ 12/2004 - 7/2005  | Phó Trưởng phòng Thanh toán quốc tế Agribank Chi nhánh Hà Nội                                                            |
| Từ 8/2005 - 3/2008   | Phó Trưởng phòng Kinh doanh ngoại tệ và Thanh toán quốc tế (sau là phòng Kinh doanh ngoại hối) Agribank Chi nhánh Hà Nội |
| Từ 3/2008 - 7/2009   | Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh Agribank Chi nhánh Tam Trinh                                                            |
| Từ 8/2009 - 12/2012  | Cán bộ Ban Tổ chức cán bộ Agribank                                                                                       |
| Từ 01/2013 - 12/2014 | Phó Trưởng ban Tổ chức cán bộ (nay là Ban Tổ chức Lao động tiền lương) Agribank                                          |
| Từ 01/2015 - 5/2020  | Chủ tịch HĐQT Công ty Bảo hiểm Agribank                                                                                  |
| Từ 6/2020 - 8/2025   | Giám đốc Agribank Chi nhánh Hà Nội                                                                                       |
| Từ 8/2025 - nay      | Thành viên Ban kiểm soát Agribank                                                                                        |

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank:

Thành viên Ban Kiểm soát Agribank







Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không  
 Hành vi vi phạm pháp luật: Không  
 Các khoản nợ đối với Agribank: Không  
 Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan.

### 10.3. Ban Điều hành

| Họ và tên                  | Chức vụ           |
|----------------------------|-------------------|
| • Ông Phạm Toàn Vượng      | Tổng Giám đốc     |
| • Ông Vương Hồng Lĩnh      | Phó Tổng Giám đốc |
| • Ông Hoàng Minh Ngọc      | Phó Tổng Giám đốc |
| • Ông Lê Hồng Phúc         | Phó Tổng Giám đốc |
| • Bà Phùng Thị Bình        | Phó Tổng Giám đốc |
| • Ông Nguyễn Quang Hùng    | Phó Tổng Giám đốc |
| • Ông Đoàn Ngọc Lưu        | Phó Tổng Giám đốc |
| • Ông Đỗ Đức Thành         | Phó Tổng Giám đốc |
| • Ông Phạm Chí Thành       | Phó Tổng Giám đốc |
| • Ông Lê Văn Xuất          | Phó Tổng Giám đốc |
| • Ông Phùng Văn Hưng Quang | Kế toán trưởng    |

#### ➤ Tổng Giám đốc

Họ và tên: **Phạm Toàn Vượng**

Đã trình bày tại Khoản 10.1 Mục IV.

#### ➤ Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên: **Vương Hồng Lĩnh**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 05/05/1973

Quốc tịch: Việt Nam





68617  
 iAN H  
 JG NG  
 HÁT T  
 NG TH  
 IỆT N  
 HÀ

107  
 N

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng

**Quá trình công tác:**

| Thời gian            | Quá trình công tác                                                                           |
|----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|
| Từ 10/2002 – 02/2004 | Cán bộ tín dụng Agribank Chi nhánh huyện Krông Buk, tỉnh Đắk Lắk                             |
| Từ 02/2004 – 6/2004  | Kiểm tra viên Phòng Kiểm tra, kiểm toán nội bộ Agribank Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk               |
| Từ 6/2004 - 9/2004   | Cán bộ Phòng tín dụng và Thanh toán Quốc tế Agribank Chi nhánh Tỉnh Đắk Lắk                  |
| Từ 9/2004 - 02/2005  | Cán bộ tín dụng Agribank Chi nhánh Hòa Thuận, tỉnh Đắk Lắk                                   |
| Từ 3/2005 – 3/2006   | Tổ Trưởng tín dụng Agribank Chi nhánh Hòa Thuận, tỉnh Đắk Lắk                                |
| Từ 4/2006 – 8/2008   | Giám đốc chi nhánh Cấp 3 Agribank Chi nhánh EaRaI, EaH'Leo, Đắk Lắk                          |
| Từ 9/2008 – 8/2009   | Giám đốc chi nhánh Loại 3 Agribank Chi nhánh EaRaI, Đắk Lắk                                  |
| Từ 8/2009 – 6/2013   | Giám đốc chi nhánh Loại 3 Agribank Chi nhánh EaKPam, Đắk Lắk                                 |
| Từ 6/2013 – 6/2016   | Giám đốc chi nhánh Loại 3 Agribank Chi nhánh huyện Cư M'Gar, Đắk Lắk                         |
| Từ 6/2016 – 12/2016  | Giám đốc Agribank chi nhánh 6 phụ thuộc Agribank Chi nhánh Hùng Vương, Thành phố Hồ Chí Minh |
| Từ 01/2017 - 5/2017  | Phó Giám đốc Agribank chi nhánh Bắc Đắk Lắk                                                  |
| Từ 6/2017 - 6/2017   | Quyền Giám đốc Agribank Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk                                               |
| Từ 7/2017 - 8/2024   | Giám đốc Agribank Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk                                                     |
| Từ 8/2024 - 11/2024  | Phó Tổng Giám đốc Agribank kiêm Giám đốc Agribank Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk                     |
| Từ 11/2024 - nay     | Phó Tổng Giám đốc Agribank                                                                   |

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Phó Tổng Giám đốc Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Agribank: Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-





NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan

➤ **Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên: **Hoàng Minh Ngọc**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 27/04/1977.

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

**Quá trình công tác:**

| Thời gian                | Quá trình công tác                                                                       |
|--------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|
| Từ 01/2001 – 01/2004     | Cán bộ kế toán Agribank Chi nhánh tỉnh Gia Lai                                           |
| Từ 02/2004 – 5/2005      | Cán bộ tín dụng Agribank Chi nhánh Gia Lâm                                               |
| Từ 6/2005 – 4/2008       | Trưởng phòng giao dịch số 16 Khu Công nghiệp Thăng Long thuộc Agribank Chi nhánh Gia Lâm |
| Từ 5/2008 – 9/2010       | Giám đốc Phòng giao dịch số 16 Agribank Chi nhánh Gia Lâm                                |
| Từ 10/2010 – 4/2013      | Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh Agribank Chi nhánh Gia Lâm                              |
| Từ 5/2013 – 4/2014       | Phó Giám đốc Agribank Chi nhánh Gia Lâm                                                  |
| Từ 5/2014 – 6/2014       | Quyền Giám đốc Agribank Chi nhánh Gia Lâm                                                |
| Từ 23/6/2014 – 14/4/2023 | Giám đốc Agribank Chi nhánh Gia Lâm                                                      |
| Từ 4/2023 – 11/2023      | Phó Tổng Giám đốc Agribank                                                               |
| Từ 11/2023 – 6/2024      | Phó Tổng Giám đốc Agribank kiêm Giám đốc Agribank Chi nhánh Gia Lâm                      |
| Từ 6/2024 – nay          | Phó Tổng Giám đốc Agribank                                                               |

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Phó Tổng Giám đốc Agribank

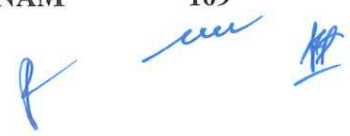
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Agribank: Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-



NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan.

➤ **Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên: **Lê Hồng Phúc**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 02/12/1976.

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản lý kinh tế.

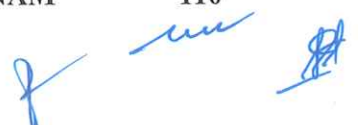
**Quá trình công tác:**

| Thời gian            | Quá trình công tác                                                                    |
|----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| Từ 11/1998 – 10/2001 | Cán bộ tín dụng Agribank Chi nhánh huyện Thanh Miện, Hải Dương                        |
| Từ 10/2001 – 5/2003  | Phó Trưởng phòng Tín dụng Agribank Chi nhánh huyện Thanh Miện, Hải Dương              |
| Từ 5/2003 – 4/2005   | Giám đốc Phòng giao dịch Ngũ Hùng thuộc Agribank Chi nhánh huyện Thanh Miện Hải Dương |
| Từ 4/2005 – 02/2008  | Trưởng phòng Tín dụng Agribank Chi nhánh huyện Thanh Miện, Hải Dương                  |
| Từ 02/2008 – 12/2009 | Phó Giám đốc Agribank Chi nhánh huyện Thanh Miện, Hải Dương                           |
| Từ 12/2009 – 4/2010  | Quyền Giám đốc Agribank Chi nhánh huyện Ninh Giang, Hải Dương                         |
| Từ 4/2010 – 11/2015  | Giám đốc Agribank Chi nhánh huyện Ninh Giang, Hải Dương                               |
| Từ 11/2015 – 7/2016  | Phó Chánh Văn phòng Trụ sở chính Agribank                                             |
| Từ 7/2016 – 10/2017  | Phó Chánh Văn phòng Trụ sở chính Agribank kiêm Trưởng phòng Quản trị                  |
| Từ 10/2017 – 01/2019 | Giám đốc Agribank Chi nhánh Hải Dương II                                              |
| Từ 01/2019 – 4/2023  | Giám đốc Agribank Chi nhánh tỉnh Hải Dương                                            |
| Từ 4/2023 – nay      | Phó Tổng Giám đốc Agribank                                                            |

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank:

Phó Tổng Giám đốc Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không





Hành vi vi phạm pháp luật: Không  
 Các khoản nợ đối với Agribank: Không  
 Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan.

➤ **Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên: **Phùng Thị Bình**

Giới tính: Nữ

Ngày sinh: 08/03/1977.

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế.

**Quá trình công tác:**

| Thời gian            | Quá trình công tác                                                          |
|----------------------|-----------------------------------------------------------------------------|
| Từ 12/1998 – 02/2000 | Nhân viên tín dụng Phòng Kế hoạch kinh doanh Agribank Chi nhánh Nam Sài Gòn |
| Từ 3/2000 – 6/2005   | Nhân viên phòng Tín dụng Agribank Chi nhánh Sở giao dịch                    |
| Từ 6/2005 – 3/2013   | Phó Trưởng phòng Tín dụng Agribank Chi nhánh Sở giao dịch                   |
| Từ 3/2013 – 9/2014   | Trưởng phòng Tín dụng Agribank Chi nhánh Sở giao dịch                       |
| Từ 10/2014 – 01/2016 | Phó Trưởng ban Khách hàng doanh nghiệp Agribank                             |
| Từ 02/2016 – 02/2017 | Phó Trưởng ban Tín dụng Agribank                                            |
| Từ 3/2017 – 9/2019   | Phó Trưởng ban Khách hàng lớn Agribank                                      |
| Từ 10/2019 – 8/2021  | Giám đốc Trung tâm quản lý rủi ro Agribank                                  |
| Từ 8/2021 – 4/2023   | Trưởng ban Thẩm định và phê duyệt tín dụng Agribank                         |
| Từ 4/2023 – nay      | Phó Tổng Giám đốc Agribank                                                  |

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Phó Tổng Giám đốc Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không



86174  
 AN HAN  
 G NGHI  
 TAT TR  
 NG THO  
 ET NAM  
 HA N

108  
 NG  
 ? PI  
 IG M  
 11B  
 A -

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Agribank: Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan

➤ **Phó Tổng Giám đốc**  
Họ và tên: **Nguyễn Quang Hùng**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 18/12/1967

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

**Quá trình công tác:**

| Thời gian            | Quá trình công tác                                                    |
|----------------------|-----------------------------------------------------------------------|
| Từ 10/1987 – 02/1988 | Cán bộ NHNN Chi nhánh huyện Lục Ngạn, tỉnh Hà Bắc                     |
| Từ 3/1988 – 02/1991  | Nhập ngũ tham gia quân đội tại E 445 – Quân khu I                     |
| Từ 3/1991 – 9/1993   | Cán bộ Kế toán Agribank Chi nhánh huyện Quế Võ Hà Bắc                 |
| Từ 10/1993 – 6/1996  | Phó Trưởng phòng Kế toán Agribank Chi nhánh huyện Quế Võ Hà Bắc       |
| Từ 7/1996 – 01/1997  | Trưởng phòng Kế toán Agribank Chi nhánh huyện Quế Võ Hà Bắc           |
| Từ 01/1997 – 02/1997 | Cán bộ Agribank Chi nhánh tỉnh Bắc Ninh                               |
| Từ 3/1997 – 6/2003   | Phó Trưởng phòng Kế toán và Ngân quỹ Agribank Chi nhánh tỉnh Bắc Ninh |
| Từ 7/2003 – 9/2010   | Trưởng phòng Kế toán và Ngân quỹ Agribank Chi nhánh tỉnh Bắc Ninh     |
| Từ 10/2010 – 12/2013 | Phó Giám đốc Agribank Chi nhánh tỉnh Bắc Ninh                         |
| Từ 01/2014 – 8/2022  | Giám đốc Agribank Chi nhánh tỉnh Bắc Ninh                             |
| Từ 9/2022 – 10/2022  | Phó Tổng Giám đốc Agribank kiêm Giám đốc Agribank Chi nhánh Bắc Ninh  |





| Thời gian            | Quá trình công tác                                                                 |
|----------------------|------------------------------------------------------------------------------------|
| Từ 10/2022 – 02/2023 | Phó Tổng Giám đốc Agribank                                                         |
| Từ 02/2023 – 3/2025  | Phó Tổng Giám đốc Agribank kiêm Trưởng Khối Kiểm tra và Giám sát tuân thủ Agribank |
| Từ 3/2025 đến nay    | Phó Tổng Giám đốc Agribank                                                         |

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Phó Tổng Giám đốc Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Agribank: Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan.

➤ **Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên: **Đoàn Ngọc Lưu**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 12/8/1976

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán, Cử nhân Luật

**Quá trình công tác:**

| Thời gian           | Quá trình công tác                                                                                                            |
|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Từ 9/1998 – 4/2004  | Kiểm toán viên, Kiểm toán viên chính - Công ty TNHH kiểm toán Việt Nam VACO (Nay là Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam) |
| Từ 4/2004 – 4/2008  | Giảng viên Khoa kế toán - Học viện Tài chính                                                                                  |
| Từ 5/2008 – 5/2009  | Phó Trưởng Phòng Kiểm tra kiểm soát nội bộ - Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC)                           |
| Từ 6/2009 – 01/2011 | Thành viên Ban kiểm soát PVFC, Phó Trưởng kiểm toán nội bộ -                                                                  |



| Thời gian            | Quá trình công tác                                                                                         |
|----------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                      | Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC)                                                     |
| Từ 01/2011 – 10/2013 | Trưởng kiểm toán nội bộ - Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC)                           |
| Từ 10/2013 – 7/2016  | Trưởng kiểm toán nội bộ PvcomBank                                                                          |
| Từ 7/2016 – 12/2016  | Phó Trưởng kiểm toán nội bộ Ban kiểm soát Agribank                                                         |
| Từ 12/2016 – 6/2017  | Phó Trưởng kiểm toán nội bộ Ban kiểm soát Agribank<br>Tham gia Lãnh đạo Ban Kế hoạch - Nguồn vốn, Agribank |
| Từ 6/2017 – 5/2018   | Giám đốc Agribank Chi nhánh Bắc Nam Định                                                                   |
| Từ 6/2018 – 5/2020   | Trưởng Ban Kế hoạch Nguồn vốn Agribank                                                                     |
| Từ 6/2020 - 02/2022  | Giám đốc Agribank Chi nhánh Thăng Long                                                                     |
| Từ 3/2022 - 01/2024  | Phó Vụ trưởng Vụ kiểm toán nội bộ NHNN                                                                     |
| Từ 02/2024 - 12/2025 | Phó Tổng Giám đốc Agribank                                                                                 |
| Từ 12/2025 - nay     | Phó Tổng Giám đốc Agribank, Ủy viên Ban Thường vụ Hội Hữu nghị Việt - Anh khóa V                           |

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Phó Tổng Giám đốc Agribank  
 Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Ủy viên Ban Thường vụ Hội Hữu nghị Việt - Anh khóa V  
 Hành vi vi phạm pháp luật: Không  
 Các khoản nợ đối với Agribank: Không  
 Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan

➤ **Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên: **Đỗ Đức Thành**

Giới tính: Nam



Ngày sinh: 03/12/1978

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

**Quá trình công tác:**

| Thời gian                 | Quá trình công tác                                                                |
|---------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|
| Từ 11/2001 – 5/2004       | Cán bộ tín dụng, Agribank Chi nhánh tỉnh Hà Tây                                   |
| Từ 6/2004 – 6/2006        | Cán bộ thẩm định, Agribank Chi nhánh tỉnh Hà Tây                                  |
| Từ 7/2006 – 6/2007        | Tổ phó phụ trách Tổ nghiệp vụ Thẻ, Agribank Chi nhánh tỉnh Hà Tây                 |
| Từ 7/2007 – 01/2008       | Tổ phó Tổ nghiệp vụ Thẻ, Agribank Chi nhánh tỉnh Hà Tây                           |
| Từ 02/2008 – 02/2009      | Phó Trưởng phòng Dịch vụ và Marketing, Agribank Chi nhánh Hà Tây                  |
| Từ 3/2009 – 12/2010       | Phó Trưởng phòng Tín dụng, Agribank Chi nhánh Hà Tây                              |
| Từ 01/2011 – 9/2011       | Phó giám đốc Agribank Loại 3 Xuân Mai Hà Tây                                      |
| Từ 10/2011 – 8/2012       | Phó Trưởng phòng Tín dụng, phụ trách bộ phận Thẩm định, Agribank Chi nhánh Hà Tây |
| Từ 9/2012 – 11/2012       | Phó Trưởng phòng phụ trách Phòng Thẩm định, Agribank Chi nhánh Hà Tây             |
| Từ 12/2012 – 4/2014       | Trưởng phòng Thẩm định, Agribank Chi nhánh Hà Tây                                 |
| Từ 5/2014 – 15/8/2017     | Phó giám đốc Agribank Chi nhánh Hà Tây                                            |
| Từ 16/8/2017 - 9/11/2017  | Phó giám đốc phụ trách điều hành Agribank Chi nhánh Hà Tây                        |
| Từ 10/11/2017 - 31/5/2020 | Giám đốc Agribank Chi nhánh Hà Tây                                                |
| Từ 01/6/2020 - 17/10/2024 | Trưởng Ban Tổ chức nhân sự Agribank                                               |
| Từ 18/10/2024 - 31/5/2026 | Phó Tổng Giám đốc Agribank kiêm Trưởng Ban Tổ chức nhân sự Agribank               |
| Từ 01/6/2026 - nay        | Phó Tổng Giám đốc Agribank                                                        |

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank:

Phó Tổng Giám đốc Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

Không

*[Handwritten signatures and initials]*

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Agribank: Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan.

➤ **Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên: **Phạm Chí Thành**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 02/12/1985

Quốc tịch: Việt Nam

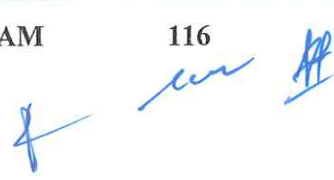
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế

**Quá trình công tác:**

| Thời gian            | Quá trình công tác                                                                        |
|----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|
| Từ 8/2008 - 10/2010  | Kỹ sư xây dựng làm doanh nghiệp tư nhân                                                   |
| Từ 01/2011 - 9/2016  | Nhân viên ban Xây dựng và Quản lý tài sản Agribank (Ban Quản lý đầu tư nội ngành)         |
| Từ 10/2016 - 11/2017 | Phó Trưởng ban Xây dựng và Quản lý tài sản Agribank                                       |
| Từ 11/2017 - 5/2020  | Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Agribank                               |
| Từ 6/2020 - 11/2023  | Chánh Văn phòng Trụ sở chính                                                              |
| Từ 11/2023 - 10/2024 | Chánh Văn phòng Trụ sở chính kiêm Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Trụ sở chính |
| Từ 10/2024 - nay     | Phó Tổng Giám đốc Agribank                                                                |

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Phó Tổng Giám đốc Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không





Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Agribank: Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan.

➤ **Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên: **Lê Văn Xuất**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 05/7/1978

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

**Quá trình công tác:**

| Thời gian            | Quá trình công tác                                                       |
|----------------------|--------------------------------------------------------------------------|
| Từ 9/2003 - 8/2005   | Nhân viên Tín dụng Agribank Chi nhánh huyện Văn Yên Yên Bái              |
| Từ 9/2005 - 9/2011   | Nhân viên Tín dụng Agribank Chi nhánh tỉnh Yên Bái                       |
| Từ 10/2011 - 5/2013  | Phó Trưởng phòng Tín dụng Agribank Chi nhánh tỉnh Yên Bái                |
| Từ 5/2013 - 9/2014   | Trưởng phòng Kiểm tra, giám sát nội bộ Agribank Chi nhánh tỉnh Yên Bái   |
| Từ 10/2014 - 9/2015  | Trưởng phòng Kế hoạch Tổng hợp Agribank Chi nhánh tỉnh Yên Bái           |
| Từ 10/2015 - 11/2015 | Trưởng phòng Tín dụng Agribank Chi nhánh tỉnh Yên Bái                    |
| Từ 11/2015 - 5/2018  | Trưởng phòng Khách hàng Doanh nghiệp Agribank Chi nhánh tỉnh Yên Bái     |
| Từ 6/2018 - 9/2018   | Trung tâm về Ban Khách hàng lớn Agribank                                 |
| Từ 10/2018 - 12/2020 | Phó Trưởng ban Khách hàng lớn Agribank                                   |
| Từ 01/2021 - 7/2026  | Giám đốc Agribank Chi nhánh Sở giao dịch                                 |
| Từ 8/2026 - nay      | Phó Tổng Giám đốc Agribank kiêm Giám đốc Agribank Chi nhánh Sở giao dịch |





Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Phó Tổng Giám đốc Agribank kiêm Giám đốc Agribank Chi nhánh Sở giao dịch

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Agribank: Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan.

### 10.3.1. Kế toán trưởng

Họ và tên: **Phùng Văn Hưng Quang**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 12/02/1965

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

#### Quá trình công tác:

| Thời gian            | Quá trình công tác                                                   |
|----------------------|----------------------------------------------------------------------|
| Từ 11/1988 – 3/1992  | Nhân viên Agribank Chi nhánh Đoàn Hùng, tỉnh Vĩnh Phú                |
| Từ 3/1992 – 02/1993  | Nhân viên phòng Kế toán thanh toán Agribank Chi nhánh tỉnh Vĩnh Phú  |
| Từ 3/1993 – 12/1996  | Phó Trưởng phòng Kế toán thanh toán Agribank Chi nhánh tỉnh Vĩnh Phú |
| Từ 01/1997 – 12/2000 | Trưởng phòng Kế toán Agribank Chi nhánh tỉnh Vĩnh Phúc               |
| Từ 01/2001 – 11/2002 | Trưởng phòng Kế toán Sở giao dịch Agribank                           |
| Từ 12/2002 – 7/2005  | Phó Trưởng ban Tài chính Kế toán Agribank                            |
| Từ 7/2005 – 5/2007   | Phó Trưởng ban Tín dụng doanh nghiệp Nhỏ và vừa Agribank             |





| Thời gian           | Quá trình công tác                                        |
|---------------------|-----------------------------------------------------------|
| Từ 6/2007 – 3/2009  | Trưởng ban Quản lý dự án cổ phần hóa Agribank             |
| Từ 4/2009 – 7/2014  | Trưởng ban Thống kê và dự báo kinh tế Agribank            |
| Từ 8/2014 - 10/2014 | Trưởng ban Tài chính kế toán và ngân quỹ Agribank         |
| Từ 10/2014 - 4/2021 | Kế toán trưởng kiêm Trưởng ban Tài chính kế toán Agribank |
| Từ 4/2021 - nay     | Kế toán trưởng Agribank                                   |

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Kế toán trưởng Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Agribank: Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan

#### 11. Tình hình thanh toán gốc và lãi Trái Phiếu đã phát hành trong 03 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại

Trái Phiếu do Agribank phát hành trong 03 năm liên tục (từ năm 2023 đến năm 2025) và đến thời điểm hiện tại đều đã được Agribank thanh toán đầy đủ và đúng hạn trả gốc và lãi Trái Phiếu, bảo đảm tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật và các điều khoản, điều kiện của các Trái Phiếu.

#### Tình hình thanh toán gốc, lãi Trái Phiếu

Đơn vị: Triệu đồng

| Chỉ tiêu                | Năm 2023   | Năm 2024   | Năm 2025   | 30/06/2026 |
|-------------------------|------------|------------|------------|------------|
| Dư nợ gốc đầu kỳ        | 40.984.877 | 50.928.877 | 54.791.204 | 67.911.204 |
| Phát hành thêm trong kỳ | 10.000.000 | 10.000.000 | 27.470.000 | 0          |
| Trả gốc trong kỳ        | 56.000     | 6.137.673  | 14.350.000 | 0          |
| Dư nợ cuối kỳ           | 50.928.877 | 54.791.204 | 67.911.204 | 67.911.204 |
| Trả lãi trong kỳ        | 3.298.562  | 3.045.569  | 3.167.518  | 539.890    |

58017  
ÂN HÀ  
'G NGH  
HÁT T  
NG TH  
ỆT NA  
HÀ

C.T  
TY  
ÂN  
IOAI  
NK  
.P

(Nguồn: Agribank)

## 12. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của Tổ Chức Đăng ký Niêm yết

### 12.1. Trái Phiếu đã phát hành nhưng chưa đáo hạn

Tính đến 31/07/2026 tổng số dư giá trị Trái Phiếu do Agribank đã phát hành nhưng chưa đáo hạn là 82.584.094,4 triệu đồng (tính theo mệnh giá). Trong đó:

- Trái Phiếu phát hành ra công chúng: 55.021.894,4 triệu đồng, chiếm 66,625% tổng số dư giá trị Trái Phiếu đã phát hành;
- Trái Phiếu phát hành riêng lẻ: 27.562.200 triệu đồng, chiếm 33,375% tổng số dư giá trị Trái Phiếu đã phát hành.

Đối với các Trái Phiếu khác chưa đáo hạn Trái Phiếu trên, Agribank đã và đang thực hiện theo đúng các cam kết và nghĩa vụ của mình đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành Trái Phiếu; bảo đảm thanh toán đầy đủ, chính xác và đúng hạn đối với tiền gốc, lãi Trái Phiếu và các khoản tiền khác liên quan tới Trái Phiếu (nếu có) cho nhà đầu tư theo các điều khoản, điều kiện của Trái Phiếu; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều kiện khác, phù hợp với quy định của pháp luật. Thông tin chi tiết về các Trái phiếu đã phát hành nhưng chưa đáo hạn theo Mục IV.7.

### 12.2. Hình thức thuê và sử dụng đất

Agribank hiện có 2.200 chi nhánh và phòng giao dịch tại 63 tỉnh thành trên cả nước. Địa điểm giao dịch của các chi nhánh/phòng giao dịch là đất thuê hoặc đất được Nhà nước giao sở hữu.

Đối với địa điểm đặt Chi nhánh tại Campuchia, Agribank thực hiện thuê trụ sở để làm việc với thời hạn thuê là 3 năm, tiền thuê được chi nhánh trả 6 tháng/lần.

Trụ sở chính của Agribank đặt tại số 2 Láng Hạ, phường Giảng Võ, TP. Hà Nội và một số địa điểm khác trên địa bàn TP. Hà Nội được sử dụng làm văn phòng làm việc của một số Phòng, Ban là đất thuê trả tiền hàng năm.

Ngoài ra, Agribank còn thuê đất và/hoặc được giao đất để phục vụ nghỉ dưỡng/đào tạo cho cán bộ bao gồm: 15 Nhà nghỉ điều dưỡng; 01 Trung tâm đào tạo; 05 Nhà khách nội bộ kết hợp đào tạo, hội nghị.

Đối với phần đất thuê, Agribank thực hiện thanh toán tiền thuê đất theo quy định tại các Hợp đồng thuê đất và pháp luật có liên quan.

Giá trị quyền sử dụng đất của Agribank tính đến thời điểm 30/06/2026 như sau:

|                        | Quyền sử dụng đất<br>(Triệu đồng) |          |
|------------------------|-----------------------------------|----------|
|                        | Công ty mẹ                        | Hợp nhất |
| <b>Nguyên giá</b>      | 2.143                             | 2.273    |
| <b>Hao mòn lũy kế</b>  | 290                               | 291      |
| <b>Giá trị còn lại</b> | 1.853                             | 1.982    |

*Handwritten signatures and marks at the bottom of the page.*



(Nguồn: BCTC hợp nhất và riêng soát xét giữa niên độ năm 2026)

### 12.3. Những cam kết nhưng chưa thực hiện khác

Các nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và cam kết đưa ra tại thời điểm 30/06/2026 của Agribank như sau:

Đơn vị: tỷ đồng

| Khoản mục<br>Đơn vị: Tỷ đồng              | Hợp nhất   |            |            | Công ty mẹ |            |            |
|-------------------------------------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|
|                                           | 31/12/2024 | 31/12/2025 | 30/06/2026 | 31/12/2024 | 31/12/2025 | 30/06/2026 |
| Bảo lãnh vay vốn                          | 132        | 113        | 106        | 132        | 113        | 106        |
| Cam kết giao dịch hối đoái                | 386.575    | 421.071    | 280.270    | 386.575    | 421.071    | 280.270    |
| - Cam kết mua ngoại tệ                    | 133        | 131        | 217        | 133        | 131        | 217        |
| - Cam kết bán ngoại tệ                    | 544        | 621        | 601        | 544        | 621        | 601        |
| - Cam kết giao dịch hoán đổi              | 385.898    | 420.319    | 279.452    | 385.898    | 420.319    | 279.452    |
| Cam kết trong nghiệp vụ L/C               | 2.837      | 5.234      | 7.508      | 2.837      | 5.234      | 7.508      |
| Bảo lãnh khác                             | 21.867     | 26.770     | 29.907     | 21.870     | 26.774     | 29.910     |
| Cam kết khác                              | 170        | -          | -          | 170        | -          | -          |
| Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được | 19.687     | 15.754     | 15.723     | 19.672     | 15.738     | 15.706     |
| Nợ khó đòi đã xử lý                       | 235.402    | 278.372    | 294.313    | 233.672    | 276.558    | 292.494    |
| Tài sản và chứng từ khác                  | 4.496      | 5.333      | 4.582      | 1.966      | 1.824      | 1.753      |

(Nguồn: BCTC hợp nhất và riêng đã kiểm toán năm 2025 & BCTC soát xét giữa niên độ năm 2026).

### 13. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng, liên quan tới Tổ Chức Đăng ký Niêm yết có thể ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ Chức Đăng ký Niêm yết

Ngoài thông tin về các cam kết chưa thực hiện tại Khoản 12 Mục IV nêu trên, tính đến thời điểm ban hành Bản cáo bạch này, theo đánh giá và tin tưởng tốt nhất của mình, Tổ Chức Đăng ký Niêm yết không có phát sinh nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng nào có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ Chức Đăng ký Niêm yết.

### 14. Thông tin về cam kết của Tổ Chức Đăng ký Niêm yết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự về quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Tổ Chức Đăng ký Niêm yết cam kết rằng Tổ Chức Đăng ký Niêm yết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

## V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

### 1. Kết quả hoạt động kinh doanh

#### 1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Đăng ký Niêm yết trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

##### 1.1.1. Các chỉ tiêu về kết quả hoạt động kinh doanh

##### Kết quả hoạt động kinh doanh (Hợp nhất)

Đơn vị: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu                                                                       | Năm 2024  | Năm 2025  | % tăng/giảm | 6 tháng đầu năm 2026 |
|--------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------|-------------|----------------------|
| Tổng tài sản                                                                   | 2.234.854 | 2.686.598 | 20,214%     | 2.808.965            |
| Vốn chủ sở hữu                                                                 | 124.068   | 131.191   | 5,742%      | 138.190              |
| Thu nhập lãi thuần                                                             | 66.554    | 70.617    | 6,105%      | 38.422               |
| Tổng thu nhập hoạt động                                                        | 86.496    | 97.522    | 12,748%     | 51.195               |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng | 54.233    | 62.978    | 16,126%     | 33.410               |
| Lợi nhuận trước thuế                                                           | 27.575    | 31.170    | 13,039%     | 18.821               |
| Lợi nhuận sau thuế                                                             | 22.067    | 24.955    | 13,087%     | 15.064               |
| Lợi ích của cổ đông không kiểm soát                                            | 132       | 157       | 18,939%     | 101                  |
| Lợi nhuận thuần trong năm                                                      | 21.935    | 24.797    | 13,048%     | 14.963               |
| Tỷ lệ chia lợi nhuận hoặc cổ tức                                               | N/A       | N/A       | N/A         | N/A                  |

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2025 &amp; BCTC hợp nhất soát xét giữa niên độ năm 2026)

##### Kết quả hoạt động kinh doanh (Công ty mẹ)

Đơn vị: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu                | Năm 2024  | Năm 2025  | % tăng/giảm | 6 tháng đầu năm 2026 |
|-------------------------|-----------|-----------|-------------|----------------------|
| Tổng tài sản            | 2.231.961 | 2.682.738 | 20,196%     | 2.803.454            |
| Vốn chủ sở hữu          | 121.466   | 128.209   | 5,552%      | 135.054              |
| Thu nhập lãi thuần      | 66.183    | 70.243    | 6,135%      | 38.207               |
| Tổng thu nhập hoạt động | 85.356    | 96.162    | 12,659%     | 50.386               |

*Handwritten signatures and stamps:*

- Red circular stamp: "NGHỊ ĐỊNH VÀ PHÁP LÍ NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM TP."
- Red circular stamp: "CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ"
- Blue ink signature: "f"
- Blue ink signature: "cu"
- Blue ink signature: "ST"





| Chỉ tiêu                                                                       | Năm 2024 | Năm 2025 | % tăng/giảm | 6 tháng đầu năm 2026 |
|--------------------------------------------------------------------------------|----------|----------|-------------|----------------------|
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng | 53.980   | 62.477   | 15,741%     | 33.079               |
| Lợi nhuận trước thuế                                                           | 27.307   | 30.649   | 12,239%     | 18.494               |
| Lợi nhuận sau thuế                                                             | 21.884   | 24.535   | 12,112%     | 14.804               |

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2025 & BCTC riêng soát xét giữa niên độ năm 2026)

Theo BCTC hợp nhất, tổng tài sản năm 2025 tăng trưởng 20,214% so với năm 2024, đạt 2.686.598 tỷ đồng. Lợi nhuận thuần trong năm 2025 đạt 24.797 tỷ đồng, tăng 2.862 tỷ đồng tương đương 13,052% so với năm 2024.

Kết thúc 06 tháng đầu năm 2026, tổng tài sản hợp nhất của Agribank đạt 2.808.965 tỷ đồng, lợi nhuận thuần đạt 14.963 tỷ đồng.

#### 1.1.2. Các chỉ tiêu khác

##### a) Cơ cấu Thu nhập lãi và các khoản tương tự

##### Thu nhập lãi và các khoản tương tự (Hợp nhất)

Đơn vị: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu                                                | Năm 2024       |              | Năm 2025       |              | 6 tháng đầu năm 2026 |              |
|---------------------------------------------------------|----------------|--------------|----------------|--------------|----------------------|--------------|
|                                                         | Giá trị        | Tỷ trọng (%) | Giá trị        | Tỷ trọng (%) | Giá trị              | Tỷ trọng (%) |
| Thu nhập lãi tiền gửi                                   | 6.334          | 4,516%       | 6.841          | 4,524%       | 5.850                | 6,490%       |
| Thu nhập lãi cho vay khách hàng                         | 126.696        | 90,322%      | 133.991        | 88,619%      | 77.375               | 85,842%      |
| Thu lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán               | 6.916          | 4,930%       | 10.006         | 6,618%       | 6.703                | 7,437%       |
| Thu nhập từ nghiệp vụ cho thuê tài chính                | 0,171          | 0,0001%      | 0,164          | 0,0001%      | 0,041                | 0,00005%     |
| Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh                               | 324            | 0,231%       | 357            | 0,236%       | 185                  | 0,205%       |
| Thu khác từ hoạt động tín dụng                          | 1              | 0,001%       | 4              | 0,003%       | 23                   | 0,026%       |
| <b>Tổng thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự</b> | <b>140.271</b> | <b>100%</b>  | <b>151.199</b> | <b>100</b>   | <b>90.136</b>        | <b>100%</b>  |

*[Handwritten signature]*

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2025 & BCTC hợp nhất soát xét giữa niên độ năm 2026)

**Thu nhập lãi và các khoản tương tự (Công ty mẹ)**

Đơn vị: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu                                                | Năm 2024       |              | Năm 2025       |              | 6 tháng đầu năm 2026 |              |
|---------------------------------------------------------|----------------|--------------|----------------|--------------|----------------------|--------------|
|                                                         | Giá trị        | Tỷ trọng (%) | Giá trị        | Tỷ trọng (%) | Giá trị              | Tỷ trọng (%) |
| Thu nhập lãi tiền gửi                                   | 6.283          | 4,486%       | 6.784          | 4,494%       | 5.849                | 6,502%       |
| Thu nhập lãi cho vay khách hàng                         | 126.530        | 90,337%      | 133.795        | 88,638%      | 77.261               | 85,889%      |
| Thu lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán               | 6.916          | 4,938%       | 10.006         | 6,629%       | 6.636                | 7,377%       |
| Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh                               | 325            | 0,232%       | 357            | 0,237%       | 185                  | 0,206%       |
| Thu khác từ hoạt động tín dụng                          | 10             | 0,007%       | 4              | 0,003%       | 23                   | 0,026%       |
| <b>Tổng thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự</b> | <b>140.064</b> | <b>100%</b>  | <b>150.946</b> | <b>100%</b>  | <b>89.954</b>        | <b>100%</b>  |

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2025 & BCTC riêng soát xét giữa niên độ năm 2026)

**b) Cơ cấu Tổng thu nhập hoạt động**

**Tổng thu nhập hoạt động (Hợp nhất)**

Đơn vị: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu                                            | Năm 2024 |              | Năm 2025 |              | 6 tháng đầu năm 2026 |              |
|-----------------------------------------------------|----------|--------------|----------|--------------|----------------------|--------------|
|                                                     | Giá trị  | Tỷ trọng (%) | Giá trị  | Tỷ trọng (%) | Giá trị              | Tỷ trọng (%) |
| Thu nhập lãi thuần                                  | 66.554   | 76,945%      | 70.617   | 72,411%      | 38.422               | 75,050%      |
| Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ                      | 5.026    | 5,811%       | 5.746    | 5,892%       | 3.379                | 6,600%       |
| Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh vàng và ngoại hối | 4.538    | 5,246%       | 4.728    | 4,848%       | 2.707                | 5,288%       |
| Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh         | 15       | 0,017%       | 6        | 0,006%       | 20                   | 0,039%       |





| Chỉ tiêu                                   | Năm 2024      |              | Năm 2025      |              | 6 tháng đầu năm 2026 |              |
|--------------------------------------------|---------------|--------------|---------------|--------------|----------------------|--------------|
|                                            | Giá trị       | Tỷ trọng (%) | Giá trị       | Tỷ trọng (%) | Giá trị              | Tỷ trọng (%) |
| Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư | (93)          | (0,108%)     | 158           | 0,162%       | 2                    | 0,004%       |
| Lãi thuần từ hoạt động khác                | 10.454        | 12,086%      | 16.183        | 16,594%      | 6.623                | 12,937%      |
| Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần           | 2             | 0,002%       | 85            | 0,087%       | 42                   | 0,082%       |
| <b>Tổng cộng</b>                           | <b>86.496</b> | <b>100%</b>  | <b>97.523</b> | <b>100%</b>  | <b>51.195</b>        | <b>100%</b>  |

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2025 & BCTC hợp nhất soát xét giữa niên độ năm 2026)

**Tổng thu nhập hoạt động (Công ty mẹ)**

Đơn vị: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu                                            | Năm 2024      |              | Năm 2025      |              | 6 tháng đầu năm 2026 |              |
|-----------------------------------------------------|---------------|--------------|---------------|--------------|----------------------|--------------|
|                                                     | Giá trị       | Tỷ trọng (%) | Giá trị       | Tỷ trọng (%) | Giá trị              | Tỷ trọng (%) |
| Thu nhập lãi thuần                                  | 66.183        | 77,539%      | 70.243        | 73,046%      | 38.207               | 75,829%      |
| Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ                      | 4.224         | 4,949%       | 4.804         | 4,995%       | 2.847                | 5,650%       |
| Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh vàng và ngoại hối | 4.538         | 5,317%       | 4.728         | 4,917%       | 2.707                | 5,373%       |
| Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh         | -             | -            | -             | -            | -                    | -            |
| Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư          | (134)         | (0,157%)     | 170           | 0,177%       | -                    | -            |
| Lãi thuần từ hoạt động khác                         | 10.342        | 12,116%      | 16.133        | 16,777%      | 6.581                | 13,061%      |
| Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần                    | 202           | 0,237%       | 84            | 0,087%       | 44                   | 0,087%       |
| <b>Tổng cộng</b>                                    | <b>85.356</b> | <b>100%</b>  | <b>96.162</b> | <b>100%</b>  | <b>50.386</b>        | <b>100%</b>  |

*[Handwritten signatures and initials]*



(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2025 & BCTC riêng soát xét giữa niên độ năm 2026)

c) Cơ cấu Chi phí hoạt động

Chi phí hoạt động (Hợp nhất)

Đơn vị: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu                                                               | Năm 2024      |              | Năm 2025      |              | 6 tháng đầu năm 2026 |              |
|------------------------------------------------------------------------|---------------|--------------|---------------|--------------|----------------------|--------------|
|                                                                        | Giá trị       | Tỷ trọng (%) | Giá trị       | Tỷ trọng (%) | Giá trị              | Tỷ trọng (%) |
| Chi phí nộp thuế và các khoản phí, lệ phí                              | 229           | 0,710%       | 125           | 0,362%       | 56                   | 0,315%       |
| Chi phí cho nhân viên                                                  | 18.581        | 57,592%      | 20.354        | 58,922%      | 11.236               | 63,180%      |
| Chi về tài sản                                                         | 4.316         | 13,378%      | 4.541         | 13,146%      | 1.915                | 10,768%      |
| Chi cho hoạt động quản lý công vụ                                      | 5.758         | 17,847%      | 5.966         | 17,271%      | 2.772                | 15,587%      |
| Chi nộp bảo hiểm bảo toàn tiền gửi của khách hàng                      | 2.332         | 7,228%       | 2.500         | 7,237%       | 1.339                | 7,529%       |
| Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng khác | 37            | 0,115%       | (6)           | (0,017%)     | -                    | -            |
| Chi phí hoạt động khác                                                 | 1.010         | 3,131%       | 1.064         | 3,080%       | 466                  | 2,620%       |
| <b>Tổng cộng</b>                                                       | <b>32.263</b> | <b>100%</b>  | <b>34.544</b> | <b>100%</b>  | <b>17.784</b>        | <b>100%</b>  |

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2025 & BCTC hợp nhất soát xét giữa niên độ năm 2026)

Chi phí hoạt động (Công ty mẹ)

Đơn vị: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu                              | Năm 2024 |              | Năm 2025 |              | 6 tháng đầu năm 2026 |              |
|---------------------------------------|----------|--------------|----------|--------------|----------------------|--------------|
|                                       | Giá trị  | Tỷ trọng (%) | Giá trị  | Tỷ trọng (%) | Giá trị              | Tỷ trọng (%) |
| Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí | 184      | 0,586%       | 86       | 0,255%       | 38                   | 0,220%       |
| Chi phí cho nhân viên                 | 18.199   | 58,003%      | 19.945   | 59,212%      | 10.990               | 63,508%      |
| Chi về tài sản                        | 4.250    | 13,545%      | 4.512    | 13,395%      | 1.851                | 10,696%      |

*[Handwritten signatures and marks]*



| Chỉ tiêu                                                               | Năm 2024      |              | Năm 2025      |              | 6 tháng đầu năm 2026 |              |
|------------------------------------------------------------------------|---------------|--------------|---------------|--------------|----------------------|--------------|
|                                                                        | Giá trị       | Tỷ trọng (%) | Giá trị       | Tỷ trọng (%) | Giá trị              | Tỷ trọng (%) |
| Chi cho hoạt động quản lý công vụ                                      | 5.357         | 17,074%      | 5.575         | 16,551%      | 2.620                | 15,140%      |
| Chi nộp bảo hiểm bảo toàn tiền gửi của khách hàng                      | 2.327         | 7,416%       | 2.505         | 7,437%       | 1.339                | 7,738%       |
| Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bằng khác | 49            | 0,156%       | (3)           | (0,009)      | -                    | -            |
| Chi phí hoạt động khác                                                 | 1.010         | 3,219%       | 1.064         | 3,159%       | 467                  | 2,699%       |
| <b>Tổng cộng</b>                                                       | <b>31.376</b> | <b>100%</b>  | <b>33.684</b> | <b>100%</b>  | <b>17.305</b>        | <b>100%</b>  |

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2025 & BCTC riêng soát xét giữa niên độ năm 2026)

**d) Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu**

**Báo cáo thay đổi Vốn chủ sở hữu (Hợp nhất)**

Đơn vị: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu                        | 31/12/2024 |              | 31/12/2025 |              | 30/06/2026 |              |
|---------------------------------|------------|--------------|------------|--------------|------------|--------------|
|                                 | Giá trị    | Tỷ trọng (%) | Giá trị    | Tỷ trọng (%) | Giá trị    | Tỷ trọng (%) |
| Vốn của TCTD                    | 52.217     | 42,087%      | 52.464     | 39,991%      | 52.464     | 37,965%      |
| - Vốn điều lệ                   | 51.639     | 41,622%      | 51.639     | 39,362%      | 51.639     | 37,368%      |
| - Vốn đầu tư xây dựng cơ bản    | 192        | 0,155%       | 192        | 0,146%       | 192        | 0,139%       |
| - Vốn khác                      | 385        | 0,310%       | 633        | 0,483%       | 633        | 0,458%       |
| Quỹ của TCTD                    | 42.877     | 34,559%      | 59.021     | 44,989%      | 59.021     | 42,710%      |
| Chênh lệch tỷ giá hối đoái      | -          | -            | -          | -            | (16)       | (0,011%)     |
| Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 223        | 0,180%       | 223        | 0,170%       | 223        | 0,161%       |





| Chỉ tiêu                            | 31/12/2024     |              | 31/12/2025     |              | 30/06/2026     |              |
|-------------------------------------|----------------|--------------|----------------|--------------|----------------|--------------|
|                                     | Giá trị        | Tỷ trọng (%) | Giá trị        | Tỷ trọng (%) | Giá trị        | Tỷ trọng (%) |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối   | 27.406         | 22,089%      | 18.002         | 13,722%      | 24.952         | 18,056%      |
| Lợi ích của cổ đông không kiểm soát | 1.345          | 1,084%       | 1.481          | 1,129%       | 1.545          | 1,118%       |
| <b>Tổng cộng</b>                    | <b>124.068</b> | <b>100%</b>  | <b>131.191</b> | <b>100%</b>  | <b>138.190</b> | <b>100%</b>  |

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2025 & BCTC hợp nhất soát xét giữa niên độ năm 2026)

**Báo cáo thay đổi Vốn chủ sở hữu (Công ty mẹ)**

Đơn vị: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu                     | 31/12/2024     |              | 31/12/2025     |              | 30/06/2026     |              |
|------------------------------|----------------|--------------|----------------|--------------|----------------|--------------|
|                              | Giá trị        | Tỷ trọng (%) | Giá trị        | Tỷ trọng (%) | Giá trị        | Tỷ trọng (%) |
| Vốn của TCTD                 | 51.844         | 42,682%      | 51.844         | 40,437%      | 51.844         | 38,388%      |
| - Vốn điều lệ                | 51.639         | 42,513%      | 51.639         | 40,277%      | 51.639         | 38,236%      |
| - Vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 192            | 0,158%       | 192            | 0,150%       | 192            | 0,142%       |
| - Vốn khác                   | 13             | 0,011%       | 13             | 0,010%       | 13             | 0,010%       |
| Quỹ của TCTD                 | 42.401         | 34,908%      | 58.615         | 45,718%      | 58.615         | 43,401%      |
| Chênh lệch tỷ giá hối đoái   | -              | -            | -              | -            | (16)           | (0,011%)     |
| Lợi nhuận chưa phân phối     | 27.220         | 22,410%      | 17.750         | 13,845%      | 24.610         | 18,222%      |
| <b>Tổng cộng</b>             | <b>121.465</b> | <b>100%</b>  | <b>128.209</b> | <b>100%</b>  | <b>135.054</b> | <b>100%</b>  |

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2025 & BCTC riêng soát xét giữa niên độ năm 2026)

**1.1.3. Ý kiến của Tổ Chức Kiểm Toán độc lập đối với kết quả kinh doanh:**

Không có.

**1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Đăng ký Niêm yết**

**1.2.1. Những nhân tố tác động đến tình hình hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Đăng ký Niêm yết trong năm báo cáo**

*[Handwritten signatures]*

4 - C  
ING  
HIỆP  
TRIỂN  
HÔN  
AM  
NỘI

G.P  
C  
CH  
A  
ÔNG





Khép lại nửa đầu năm 2026, nền kinh tế Việt Nam ghi nhận sự phục hồi và bứt tốc vô cùng ấn tượng. Báo cáo của Tổng cục Thống kê cho thấy GDP Quý II/2026 ước đạt mức tăng trưởng khá ở mức 8,39%, qua đó kéo tăng trưởng GDP 6 tháng đầu năm 2026 lên mức 8,18%. Đây là một nền tảng vĩ mô tuyệt vời được thúc đẩy bởi sự phục hồi của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo (tăng 10,23%). Dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào Việt Nam tăng vọt lên mức 34,65 tỷ USD (tăng 61% so với cùng kỳ). Song song đó, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa đạt 549,69 tỷ USD, tăng 27,1% so với cùng kỳ năm trước. Sức hấp thụ vốn của nền kinh tế cũng có sự cải thiện rõ rệt khi tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống đến cuối tháng 6/2026 đạt 7,41%, đưa tổng dư nợ toàn nền kinh tế lên mức 19,93 triệu tỷ đồng.

Tuy nhiên, bức tranh kinh tế không chỉ có gam màu sáng. Áp lực vĩ mô từ môi trường quốc tế vẫn rình rập, thể hiện qua việc lạm phát (CPI bình quân 6 tháng) ước tăng khoảng 4,5%. Sự dai dẳng của lạm phát buộc Ngân hàng Nhà nước phải cân trọng hơn trong điều hành chính sách tiền tệ, ưu tiên hàng đầu vẫn là kiểm soát lạm phát và ổn định vĩ mô. Điều này tạo ra không ít rủi ro và thách thức về chi phí huy động vốn cũng như năng lực quản trị biên lãi thuần (NIM) đối với hệ thống ngân hàng thương mại.

Bước sang nửa cuối năm 2026, thách thức lớn nhất sẽ nằm ở áp lực lạm phát chực chờ và sự cạnh tranh khốc liệt trên thị trường tài chính. Lãi suất ngân hàng cuối năm 2026 được dự báo tiếp tục neo ở mức cao hoặc nhích tăng nhẹ 0,5–1% do áp lực lạm phát, tỷ giá USD/VND và nhu cầu tín dụng tăng nhanh hơn huy động. Xu hướng tăng lãi suất trong 6 tháng cuối năm làm gia tăng chi phí huy động vốn, tạo áp lực thu hẹp biên lãi ròng (NIM). Đồng thời, mặt bằng lãi suất cao làm suy giảm nhu cầu vay vốn, tăng nghĩa vụ tài chính của khách hàng, từ đó tiềm ẩn rủi ro nợ xấu và áp lực trích lập dự phòng rủi ro tín dụng. Dù vậy, mặt bằng chung lãi suất sẽ duy trì ổn định trong tầm kiểm soát nhờ chính sách điều hành linh hoạt của Ngân hàng Nhà nước.

Trong bối cảnh đó, Agribank tiếp tục triển khai hoạt động kinh doanh theo định hướng tăng trưởng an toàn, hiệu quả. Tính đến 30/06/2026 vốn huy động đạt 2.611.671 tỷ đồng, tăng 4,542% so với đầu năm 2025. Dư nợ cho vay nền kinh tế đạt 2.071.389 tỷ đồng, tăng 4,808% % so với đầu năm 2026.

### ***1.2.2. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Đăng ký Niêm yết kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất***

Bước sang năm 2026, kinh tế thế giới được dự báo tiếp tục phục hồi nhưng vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro do biến động địa chính trị, xu hướng bảo hộ thương mại và những thay đổi trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Mặt bằng lãi suất quốc tế được kỳ vọng dần ổn định khi áp lực lạm phát giảm, song môi trường kinh tế toàn cầu vẫn tiềm ẩn nhiều yếu tố bất định, có thể ảnh hưởng đến thương mại, đầu tư và dòng vốn quốc tế. Trong nước, nền kinh tế được kỳ vọng tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực nhờ nền tảng kinh tế vĩ mô ổn định, các chính sách điều hành linh hoạt của Chính phủ và việc triển khai đồng bộ các chương trình phát triển kinh tế - xã hội. Các động lực tăng trưởng quan trọng như đầu tư công, tiêu dùng nội địa, xuất khẩu và thu hút đầu tư nước

4 *cu* *PH*





ngoài tiếp tục được thúc đẩy, đồng thời quá trình chuyển đổi số, phát triển kinh tế xanh và đổi mới sáng tạo được đẩy mạnh nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Chính phủ đặt mục tiêu tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế ở mức cao, gắn với ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát và đảm bảo các cân đối lớn của nền kinh tế cùng với nhiều chính sách đột phá về thể chế, hạ tầng, nhân lực, chuyển đổi số, phát triển kinh tế tư nhân, kinh tế Nhà nước. Trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước cũng dự kiến tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống khoảng 15%, đồng thời tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, phối hợp với chính sách tài khóa nhằm kiểm soát lạm phát, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế và an toàn hệ thống các TCTD.

Bên cạnh các cơ hội, nền kinh tế cũng phải đối mặt với một số thách thức như biến động kinh tế toàn cầu, áp lực lạm phát, rủi ro thị trường tài chính và yêu cầu nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong bối cảnh hội nhập sâu rộng. Theo đánh giá của IMF, dự địa nói lòng chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam còn khá hạn chế. Đồng thời, hệ thống ngân hàng đang đối mặt với áp lực lớn trong việc đáp ứng nhu cầu vốn cho nền kinh tế khi tỷ lệ cho vay so với huy động vốn thị trường 1 ở mức cao, trong khi tăng trưởng tín dụng vẫn phải gắn với yêu cầu kiểm soát rủi ro và đảm bảo chất lượng tài sản. Tuy nhiên, với nền tảng kinh tế vĩ mô ổn định và định hướng phát triển dài hạn rõ ràng, kinh tế Việt Nam được kỳ vọng tiếp tục duy trì triển vọng tăng trưởng tích cực trong năm 2026 và các năm tiếp theo.

Năm 2026 - năm đầu tiên triển khai Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Agribank lần thứ XI, nhiệm kỳ 2025-2030, Agribank đứng trước yêu cầu mới về tăng trưởng, chất lượng và hiệu quả hoạt động trong bối cảnh kinh tế thế giới và trong nước tiếp tục diễn biến phức tạp, tiềm ẩn nhiều rủi ro, thách thức đan xen cơ hội. Trên cơ sở những kết quả nổi bật đạt được trong năm 2025, Agribank đã chủ động ban hành văn bản chỉ đạo triển khai nhiệm vụ kinh doanh những tháng đầu năm 2026, thể hiện quyết tâm chính trị cao, tư duy điều hành linh hoạt, đồng bộ và xuyên suốt từ Trụ sở chính đến các chi nhánh trong toàn hệ thống.

Năm 2026, bám sát định hướng điều hành chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước, Agribank đặt mục tiêu tăng trưởng tín dụng hợp lý, gắn với nâng cao chất lượng tín dụng, hiệu quả sử dụng vốn và kiểm soát rủi ro, qua đó kịp thời cung ứng vốn cho nền kinh tế. Công tác huy động vốn được xác định là nhiệm vụ trọng tâm nhằm đảm bảo cân đối nguồn vốn, an toàn thanh khoản và tạo nền tảng cho tăng trưởng tín dụng bền vững. Đồng thời, Agribank tiếp tục tăng cường kiểm soát, xử lý nợ xấu, nâng cao chất lượng tín dụng thông qua việc giám sát chặt chẽ hoạt động cấp tín dụng, đẩy mạnh thu hồi nợ và chủ động phòng ngừa rủi ro, đảm bảo tỷ lệ nợ xấu trong giới hạn an toàn theo quy định. Bên cạnh đó, Ngân hàng triển khai các định hướng phát triển khách hàng giai đoạn 2026–2030, đẩy mạnh cung ứng sản phẩm, dịch vụ ngân hàng hiện đại, phù hợp với từng phân khúc, hướng tới nâng cao hiệu quả và tính bền vững trong hoạt động kinh doanh. Song song, công tác kiểm tra, giám sát nội bộ tiếp tục được chú trọng, triển khai có trọng tâm, góp phần phòng ngừa rủi ro và nâng cao hiệu quả quản trị toàn hệ thống

## 2. Tình hình tài chính

*[Handwritten signatures and stamps]*



## 2.1. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản trong năm gần nhất

### a) Tình hình các tài sản có khác

Hiện nay, Agribank còn một số các khoản phải thu từ các hoạt động đầu tư, cung cấp dịch vụ bảo hiểm, nộp thừa thuế thu nhập doanh nghiệp..., cụ thể như sau:

#### Các khoản phải thu (Hợp nhất)

Đơn vị: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu                                                   | 31/12/2024    | 31/12/2025    | % tăng/giảm  | 30/06/2026    |
|------------------------------------------------------------|---------------|---------------|--------------|---------------|
| Các khoản phải thu                                         | 7.650         | 7.798         | 1,93%        | 8.126         |
| Các khoản lãi, phí phải thu                                | 12.938        | 13.827        | 6,87%        | 19.240        |
| Tài sản thuế TNDN hoãn lại                                 | 3             | 4             | 60%          | 4             |
| Tài sản Có khác                                            | 2.320         | 1.678         | (27,67%)     | 2.257         |
| Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác | (815)         | (799)         | (1,96%)      | (750)         |
| <b>Tổng cộng</b>                                           | <b>22.096</b> | <b>22.508</b> | <b>1,87%</b> | <b>28.878</b> |

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2025 & BCTC hợp nhất soát xét giữa niên độ năm 2026)

#### Các khoản phải thu (Công ty mẹ)

Đơn vị: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu                                                   | 31/12/2024    | 31/12/2025    | % tăng/giảm   | 30/06/2026    |
|------------------------------------------------------------|---------------|---------------|---------------|---------------|
| Các khoản phải thu                                         | 6.887         | 7.009         | 1,771%        | 7.244         |
| Các khoản lãi, phí phải thu                                | 12.856        | 13.697        | 6,542%        | 19.058        |
| Tài sản có khác                                            | 1.743         | 1.131         | (35,112%)     | 1.701         |
| Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác | (371)         | (358)         | (3,504%)      | (308)         |
| <b>Tổng cộng</b>                                           | <b>21.115</b> | <b>21.479</b> | <b>1,724%</b> | <b>27.695</b> |

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2025 & BCTC riêng soát xét giữa niên độ năm 2026)

### b) Tình hình công nợ

Agribank thực hiện thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản công nợ phải trả và bảo đảm tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Chi tiết tình hình công nợ phải thu và phải trả như sau:

**Công nợ các khoản phải trả (Hợp nhất)**
*Đơn vị: Tỷ đồng*

| Chỉ tiêu                            | 31/12/2024    | 31/12/2025    | % tăng/giảm    | 30/06/2026    |
|-------------------------------------|---------------|---------------|----------------|---------------|
| Các khoản lãi, phí phải trả         | 30.269        | 35.699        | 17,939%        | 41.777        |
| Tài sản thuế TNDN hoãn lại phải trả | 3             | 3             | -              | 3             |
| Các khoản phải trả và công nợ khác  | 15.606        | 21.496        | 37,742%        | 17.325        |
| <b>Tổng cộng</b>                    | <b>45.878</b> | <b>57.198</b> | <b>24,674%</b> | <b>59.105</b> |

*(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2025 & BCTC hợp nhất soát xét giữa niên độ năm 2026)*
**Công nợ các khoản phải trả (Công ty mẹ)**
*Đơn vị: Tỷ đồng*

| Chỉ tiêu                           | 31/12/2024    | 31/12/2025    | % tăng/giảm    | 30/06/2026    |
|------------------------------------|---------------|---------------|----------------|---------------|
| Các khoản lãi, phí phải trả        | 30.100        | 35.572        | 18,179%        | 41.560        |
| Thuế TNDN hoãn lại phải trả        | 4             | 3             | (16,667%)      | 3             |
| Các khoản phải trả và công nợ khác | 12.831        | 18.527        | 44,392%        | 14.195        |
| <b>Tổng cộng</b>                   | <b>42.935</b> | <b>54.102</b> | <b>26,010%</b> | <b>55.758</b> |

*(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2025 & BCTC riêng soát xét giữa niên độ năm 2026)*
**c) Trái Phiếu chưa đáo hạn**

Đến thời điểm hiện tại, tổng dư nợ Trái Phiếu do Agribank đã phát hành nhưng chưa đáo hạn là 82.584.094,4 triệu đồng theo mệnh giá, bao gồm cả Trái Phiếu phát hành riêng lẻ và ra công chúng.

Phần lớn Trái Phiếu đã phát hành của Agribank đều là Trái Phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 theo quy định của NHNN (được gọi là Trái Phiếu tăng vốn).

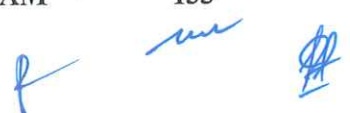
Thông tin chi tiết về các Trái Phiếu chưa đáo hạn của Agribank như sau:

| T<br>T   | Mã Trái Phiếu                             | Ngày phát hành | Kỳ hạn | Mệnh giá (đồng) | Giá trị theo mệnh giá (triệu đồng) | Đặc điểm, loại Trái Phiếu | Lãi suất Trái Phiếu (%/năm) | Điều kiện quan trọng khác                                                   |
|----------|-------------------------------------------|----------------|--------|-----------------|------------------------------------|---------------------------|-----------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|
| <b>I</b> | <b>Trái Phiếu phát hành ra công chúng</b> |                |        |                 |                                    |                           |                             |                                                                             |
| 1.       | Agribank182801                            | 25/12/2018     | 10 năm | 1.000.000       | 3.961.937                          | Trái Phiếu tăng vốn       | LSTC + 1,1%                 | Agribank có quyền mua lại Trái Phiếu trước hạn tại thời điểm tròn 05 năm kể |





| T<br>T                                  | Mã Trái Phiếu   | Ngày phát hành | Kỳ hạn | Mệnh giá (đồng) | Giá trị theo mệnh giá (triệu đồng) | Đặc điểm, loại Trái Phiếu | Lãi suất Trái Phiếu (%/năm)                         | Điều kiện quan trọng khác                                                                     |
|-----------------------------------------|-----------------|----------------|--------|-----------------|------------------------------------|---------------------------|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                         |                 |                |        |                 |                                    |                           |                                                     | từ Ngày Phát Hành                                                                             |
| 2.                                      | Agribank202703  | 24/12/2020     | 07 năm | 1.000.000       | 4.617.921                          | Trái Phiếu tăng vốn       | 05 năm đầu: LSTC + 1,3%<br>02 năm sau: LSTC + 1,5%  | Agribank có quyền mua lại Trái Phiếu trước hạn tại thời điểm tròn 02 năm kể từ Ngày Phát Hành |
| 3.                                      | VBA121033       | 31/12/2021     | 07 năm | 1.000.000       | 1.769.146                          | Trái Phiếu tăng vốn       | 05 năm đầu: LSTC + 1,0%<br>02 năm sau: LSTC + 1,2%  | Agribank có quyền mua lại Trái Phiếu trước hạn tại thời điểm tròn 02 năm kể từ Ngày Phát Hành |
| 4.                                      | VBA123036       | 05/12/2023     | 08 năm | 100.000         | 10.000.000                         | Trái Phiếu tăng vốn       | LSTC + 2,0%                                         | Agribank có quyền mua lại Trái Phiếu trước hạn tại thời điểm tròn 03 năm kể từ Ngày Phát Hành |
| 5.                                      | VBA124019       | 14/08/2024     | 10 năm | 100.000         | 10.000.000                         | Trái Phiếu tăng vốn       | 05 năm đầu: LSTC + 2,0%,<br>05 năm sau: LSTC + 3,0% | Agribank có quyền mua lại Trái Phiếu trước hạn tại thời điểm tròn 05 năm kể từ Ngày Phát Hành |
| 6.                                      | VBA125019       | 29/07/2025     | 10 năm | 100.000         | 10.000.000                         | Trái Phiếu tăng vốn       | 05 năm đầu: LSTC + 1,8%,<br>05 năm sau: LSTC + 3,0% | Agribank có quyền mua lại Trái Phiếu trước hạn tại thời điểm tròn 05 năm kể từ Ngày Phát Hành |
| 7.                                      | VBAC12601       | 31/07/2026     | 10 năm | 100.000         | 14.672.890,4                       | Trái Phiếu tăng vốn       | 05 năm đầu: LSTC + 2,0%,<br>05 năm sau: LSTC + 2,5% | Agribank có quyền mua lại Trái Phiếu trước hạn tại thời điểm tròn 05 năm trước Ngày Đáo Hạn   |
| <b>Tổng cộng</b>                        |                 |                |        |                 | <b>55.021.894,4</b>                |                           |                                                     |                                                                                               |
| <b>II Trái Phiếu phát hành riêng lẻ</b> |                 |                |        |                 |                                    |                           |                                                     |                                                                                               |
| 1.                                      | Agribank2027012 | 24/09/2020     | 07 năm | 1.000.000.000   | 2.000.000                          | Trái Phiếu tăng vốn       | 05 năm đầu: LSTC + 1,3%<br>02 năm sau: LSTC + 1,5%  | Agribank có quyền mua lại Trái Phiếu trước hạn tại thời điểm tròn 02 năm kể từ Ngày Phát Hành |



| T<br>T | Mã Trái Phiếu   | Ngày phát hành | Kỳ hạn | Mệnh giá (đồng) | Giá trị theo mệnh giá (triệu đồng) | Đặc điểm, loại Trái Phiếu | Lãi suất Trái Phiếu (%/năm)                        | Điều kiện quan trọng khác                                                                     |
|--------|-----------------|----------------|--------|-----------------|------------------------------------|---------------------------|----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2.     | Agribank2027021 | 30/10/2020     | 07 năm | 500.000.000     | 76.500                             | Trái Phiếu tăng vốn       | 05 năm đầu: LSTC + 1,3%                            | Agribank có quyền mua lại Trái Phiếu trước hạn tại thời điểm tròn 02 năm kể từ Ngày Phát Hành |
| 3.     | Agribank2027022 | 30/10/2020     | 07 năm | 1.000.000.000   | 387.000                            | Trái Phiếu tăng vốn       | 02 năm sau: LSTC + 1,5%                            |                                                                                               |
| 4.     | Agribank2027041 | 15/12/2020     | 07 năm | 500.000.000     | 117.000                            | Trái Phiếu tăng vốn       | 05 năm đầu: LSTC + 1,3%                            | Agribank có quyền mua lại Trái Phiếu trước hạn tại thời điểm tròn 02 năm kể từ Ngày Phát Hành |
| 5.     | Agribank2027042 | 15/12/2020     | 07 năm | 1.000.000.000   | 630.000                            | Trái Phiếu tăng vốn       | 02 năm sau: LSTC + 1,5%                            |                                                                                               |
| 6.     | VBA12101        | 08/04/2021     | 07 năm | 500.000.000     | 300.000                            | Trái Phiếu tăng vốn       | 05 năm đầu: LSTC + 1,3%                            | Agribank có quyền mua lại Trái Phiếu trước hạn tại thời điểm tròn 02 năm kể từ Ngày Phát Hành |
| 7.     | VBA12102        | 08/04/2021     | 07 năm | 1.000.000.000   | 1.489.000                          | Trái Phiếu tăng vốn       | 02 năm sau: LSTC + 1,5%                            |                                                                                               |
| 8.     | VBA12127        | 30/08/2021     | 10 năm | 100.000.000     | 1.200.000                          | Trái Phiếu tăng vốn       | 05 năm đầu: LSTC + 1,0%<br>05 năm sau: LSTC + 1,2% | Agribank có quyền mua lại Trái Phiếu trước hạn tại thời điểm tròn 05 năm kể từ Ngày Phát Hành |
| 9.     | VBA12103        | 28/10/2021     | 07 năm | 100.000.000     | 1.000.000                          | Trái Phiếu tăng vốn       | 05 năm đầu: LSTC + 1,0%<br>02 năm sau: LSTC + 1,2% | Agribank có quyền mua lại Trái Phiếu trước hạn tại thời điểm tròn 02 năm kể từ Ngày Phát Hành |
| 10.    | VBA12104        | 30/11/2021     | 07 năm | 100.000.000     | 1.057.700                          | Trái Phiếu tăng vốn       | 05 năm đầu: LSTC + 1,1%<br>02 năm sau: LSTC + 1,3% | Agribank có quyền mua lại Trái Phiếu trước hạn tại thời điểm tròn 02 năm kể từ Ngày Phát Hành |
| 11.    | VBA12105        | 22/12/2021     | 07 năm | 100.000.000     | 600.000                            | Trái Phiếu tăng vốn       | 05 năm đầu: LSTC + 1,1%<br>02 năm sau: LSTC + 1,3% | Agribank có quyền mua lại Trái Phiếu trước hạn tại thời điểm tròn 02 năm kể từ Ngày Phát Hành |
| 12.    | VBA12207        | 30/06/2022     | 10 năm | 1.000.000.000   | 200.000                            | Trái Phiếu tăng vốn       | 05 năm đầu: LSTC + 1,3%<br>05 năm sau:             | Agribank có quyền mua lại Trái Phiếu trước hạn tại thời điểm tròn 05 năm kể                   |







| T<br>T | Mã Trái Phiếu | Ngày phát hành | Kỳ hạn | Mệnh giá (đồng) | Giá trị theo mệnh giá (triệu đồng) | Đặc điểm, loại Trái Phiếu                                                                                                 | Lãi suất Trái Phiếu (%/năm)                        | Điều kiện quan trọng khác                                                                     |
|--------|---------------|----------------|--------|-----------------|------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|
|        |               |                |        |                 |                                    |                                                                                                                           | LSTC + 3,8%                                        | từ Ngày Phát Hành                                                                             |
| 13.    | VBA12208      | 10/08/2022     | 10 năm | 1.000.000.000   | 600.000                            | Trái Phiếu tăng vốn                                                                                                       | 05 năm đầu: LSTC + 1,6%<br>05 năm sau: LSTC + 3,8% | Agribank có quyền mua lại Trái Phiếu trước hạn tại thời điểm tròn 05 năm kể từ Ngày Phát Hành |
| 14.    | VBA12209      | 16/09/2022     | 10 năm | 1.000.000.000   | 435.000                            | Trái Phiếu tăng vốn                                                                                                       | 05 năm đầu: LSTC + 1,6%<br>05 năm sau: LSTC + 3,8% | Agribank có quyền mua lại Trái Phiếu trước hạn tại thời điểm tròn 05 năm kể từ Ngày Phát Hành |
| 15.    | VBA12501      | 30/06/2025     | 10 năm | 100.000.000     | 4.700.000                          | Trái Phiếu tăng vốn                                                                                                       | 05 năm đầu: LSTC + 1,8%<br>05 năm sau: LSTC + 3,0% | Agribank có quyền mua lại Trái Phiếu trước hạn tại thời điểm tròn 05 năm trước ngày đáo hạn   |
| 16.    | VBA12502      | 30/06/2025     | 15 năm | 100.000.000     | 250.000                            | Trái Phiếu tăng vốn                                                                                                       | 10 năm đầu: LSTC + 2,0%<br>05 năm sau: LSTC + 3,0% | Agribank có quyền mua lại Trái Phiếu trước hạn tại thời điểm tròn 05 năm trước ngày đáo hạn   |
| 17.    | VBA12503      | 14/07/2025     | 02 năm | 100.000.000     | 7.520.000                          | Trái phiếu không chuyển đổi, không được đảm bảo bằng tài sản, không kèm chứng quyền và không phải nợ thứ cấp của Agribank | 5,2%/năm                                           | Không có                                                                                      |
| 18.    | VBA12505      | 25/12/2025     | 02 năm | 100.000.000     | 5.000.000                          | Trái phiếu không chuyển đổi,                                                                                              | 5,8%/năm                                           | Agribank có quyền mua lại Trái Phiếu trước hạn tại thời điểm tròn 01 năm kể                   |

Handwritten signatures and initials at the bottom right of the page.

| T<br>T           | Mã Trái Phiếu | Ngày phát hành | Kỳ hạn | Mệnh giá (đồng) | Giá trị theo mệnh giá (triệu đồng) | Đặc điểm, loại Trái Phiếu                                                                    | Lãi suất Trái Phiếu (%/năm) | Điều kiện quan trọng khác |
|------------------|---------------|----------------|--------|-----------------|------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|---------------------------|
|                  |               |                |        |                 |                                    | không được đảm bảo bằng tài sản, không kèm chứng quyền và không phải nợ thứ cấp của Agribank |                             | từ Ngày Phát Hành         |
| <b>Tổng cộng</b> |               |                |        |                 | <b>27.562.200</b>                  |                                                                                              |                             |                           |

(Nguồn: Agribank)

Đối với Trái Phiếu chưa đáo hạn nói trên, Agribank đã và đang thực hiện theo đúng các cam kết và nghĩa vụ của mình đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành Trái Phiếu; bảo đảm thanh toán đầy đủ, chính xác và đúng hạn với tiền gốc, lãi Trái Phiếu và các khoản tiền khác liên quan tới Trái Phiếu (nếu có) cho nhà đầu tư theo các điều khoản, điều kiện của Trái Phiếu; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều kiện khác, phù hợp với quy định của pháp luật.

#### d) Các khoản phải nộp theo luật định

Các khoản thuế và nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước theo quy định pháp luật hiện hành đã được Agribank thực hiện kê khai và thanh toán cho các cơ quan thuế đầy đủ và đúng hạn, bảo đảm tuân thủ và phù hợp với quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

Đơn vị: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu            | Số đã nộp trong kỳ |              |                  |
|---------------------|--------------------|--------------|------------------|
|                     | Năm 2024           | Năm 2025     | % tăng/giảm      |
| Thuế GTGT đầu ra    | 717                | 689          | (3,905%)         |
| Thuế TNDN hiện hành | 6.628              | 5.560        | (16,113%)        |
| Các loại thuế khác  | 1.519              | 1.288        | (15,207%)        |
| <b>Tổng cộng</b>    | <b>8.864</b>       | <b>7.537</b> | <b>(14,971%)</b> |

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2025)

#### e) Trích lập các quỹ



Agribank tuân thủ và thực hiện việc trích lập các quỹ theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng. Các quỹ dự trữ được Agribank sử dụng cho các mục đích cụ thể và được trích từ lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng. Tình hình trích lập các quỹ trong 02 năm gần nhất của Agribank:

Đơn vị: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu                                                                                           | Lợi nhuận chưa phân phối (năm 2024) | Lợi nhuận chưa phân phối (năm 2025) |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|
| <b>Số dư đầu năm</b>                                                                               | <b>14.071</b>                       | <b>27.406</b>                       |
| <b>Tăng trong năm</b>                                                                              | <b>21.935</b>                       | <b>24.797</b>                       |
| Lợi nhuận thuần trong năm                                                                          | 21.935                              | 24.797                              |
| Điều chỉnh quỹ trong năm                                                                           | -                                   | -                                   |
| Tăng khác                                                                                          | -                                   | -                                   |
| <b>Giảm trong năm</b>                                                                              | <b>(8.600)</b>                      | <b>(34.202)</b>                     |
| Công ty con tăng vốn điều lệ từ quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và phát hành cổ phiếu để trả cổ tức | -                                   | (172)                               |
| Trích lập các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu                                                             | -                                   | (16.214)                            |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của ngân hàng                                                      | -                                   | (7.966)                             |
| Trích quỹ của các công ty con                                                                      | (4)                                 | -                                   |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi                                                                    | -                                   | -                                   |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi công ty con                                                        | (59)                                | (48)                                |
| Trích quỹ thưởng ban quản lý, điều hành                                                            | (1)                                 | (9)                                 |
| Trích lập các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu công ty con                                                 | -                                   | (6)                                 |
| Thoái vốn công ty con                                                                              | -                                   | -                                   |
| Điều chỉnh theo Kiểm toán Nhà nước                                                                 | -                                   | 150                                 |
| Tạm ứng chuyển lợi nhuận về Ngân sách Nhà nước ("NSNN") trong năm                                  | (7.092)                             | (8.141)                             |
| Chuyển lợi nhuận về Ngân sách Nhà nước ("NSNN") trong năm                                          | -                                   | -                                   |
| Quyết toán khoản tạm chuyển lợi nhuận về NSNN năm trước                                            | (1.411)                             | (1.934)                             |
| Bán cổ phiếu quỹ trong năm của công ty con                                                         | 4                                   | 11                                  |
| Biến động khác                                                                                     | (37)                                | 127                                 |
| <b>Số dư cuối năm</b>                                                                              | <b>27.406</b>                       | <b>18.002</b>                       |

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2025)

**f) Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ Chức Đăng ký Niêm yết kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất**







Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu còn nhiều biến động do bất ổn địa chính trị và biến động thương mại, Việt Nam vẫn là điểm sáng trên “bản đồ” kinh tế thế giới với dự báo tăng trưởng tích cực từ hầu hết các tổ chức quốc tế. Tuy nhiên, khoảng cách giữa kỳ vọng đột phá với mục tiêu tăng trưởng hai con số và các dự báo đang đặt ra những bài toán lớn về cải cách cơ cấu và năng lực thực thi trong năm 2026 cũng như giai đoạn 5 năm 2026-2030... Nền kinh tế Việt Nam bước vào năm 2026, năm đầu của kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030, với những chỉ số vĩ mô tích cực đạt được sau giai đoạn phục hồi 2024-2025. Đây được xem là tiền đề quan trọng cho một chu kỳ tăng trưởng mới với mức tăng trưởng đột phá “hai con số” (trên 10%) để vượt qua bẫy thu nhập trung bình và trở thành nước phát triển, có thu nhập cao vào năm 2045. Các báo cáo đánh giá triển vọng tăng trưởng mới nhất từ các định chế tài chính quốc tế như Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), Ngân hàng Thế giới (WB), Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) và Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) cùng hàng loạt các ngân hàng thương mại quốc tế đều dự báo triển vọng tăng trưởng của Việt Nam trong năm 2026 là khá tích cực.

Trước các biến động của thị trường tài chính – tiền tệ năm 2026, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành Chỉ thị 01/CT-NHNN ngày 09/01/2026 nhằm định hướng điều hành chính sách tiền tệ theo hướng chủ động, linh hoạt, ưu tiên kiểm soát lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô. NHNN sử dụng đồng bộ các công cụ như lãi suất, tỷ giá và tín dụng (định hướng tăng trưởng khoảng 15%) để điều tiết thanh khoản và hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Đồng thời, cơ quan quản lý tăng cường giám sát hệ thống, xử lý nợ xấu và triển khai các giải pháp dài hạn như hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, thúc đẩy chuyển đổi số và ổn định thị trường ngoại hối, qua đó nâng cao khả năng chống chịu của hệ thống ngân hàng trước các biến động.

Trong thời gian qua Agribank đã chủ động duy trì mặt bằng lãi suất cho vay thấp, đồng thời tiếp tục triển khai các chương trình tín dụng ưu đãi theo định hướng của Chính phủ, tập trung vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn và doanh nghiệp nhỏ và vừa. Agribank đã và đang tập trung vào các vùng kinh tế trọng điểm, các khu công nghiệp chế biến xuất khẩu, giúp nâng cao giá trị gia tăng cho nông sản Việt trên bản đồ thế giới.

Agribank đã triển khai ký kết hợp đồng tín dụng tài trợ các dự án quy mô lớn như Dự án Đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 - Vùng Thủ đô Hà Nội (Agribank đóng vai trò ngân hàng đầu mối thu xếp vốn); Dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Sân bay Tiên Lãng - Khu B tại Hải Phòng; Dự án thành phần 1 - Nhà máy điện thuộc Dự án Nhà máy Nhiệt điện LNG Quảng Trạch II;.... Đây đều là những dự án được đánh giá phục vụ cho các lĩnh vực then chốt của nền kinh tế. Các dự án này sẽ góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế vĩ mô, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững. Bên cạnh việc thúc đẩy các nguồn vốn hướng đến phát triển bền vững, Agribank còn ghi dấu ấn với việc kiểm soát nợ xấu và quyết tâm kiểm soát nợ xấu. Trong các chỉ tiêu kinh doanh quan trọng cho năm 2026 vừa được công bố, Agribank đặt mục tiêu kiểm soát tỷ lệ nợ xấu theo Thông tư 31/2024/TT-NHNN dưới 1,5%. Tỷ lệ nợ nhóm 2 dưới 1,5% và tỷ lệ nợ có khả năng mất vốn dưới 1,3%. Agribank duy trì mặt bằng lãi suất cho vay thấp, đồng thời tiếp tục triển khai các chương trình tín dụng ưu đãi theo định hướng của Chính

*f* *cu* *HA*



phủ, tập trung vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn và doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Đến ngày 30/06/2026, các chỉ tiêu kinh doanh trọng yếu của Agribank đạt kết quả tích cực. Tổng dư nợ cho vay nền kinh tế đạt 2.071.389 tỷ đồng. Tỷ lệ nợ xấu kiểm soát ở 1,16% (đảm bảo kế hoạch NHNN giao năm 2026).

## 2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| Chỉ tiêu                                                                                          | Hợp nhất |          |                      | Công ty mẹ |          |                      |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|----------|----------------------|------------|----------|----------------------|
|                                                                                                   | Năm 2024 | Năm 2025 | 6 tháng đầu năm 2026 | Năm 2024   | Năm 2025 | 6 tháng đầu năm 2026 |
| <b>1. Vốn tự có</b>                                                                               |          |          |                      |            |          |                      |
| Vốn điều lệ (tỷ đồng)                                                                             | 51.639   | 51.639   | 51.639               | 51.639     | 51.639   | 51.639               |
| Vốn tự có (tỷ đồng)                                                                               | 173.673  | 183.810  | 190.817              | 171.280    | 180.981  | 187.997              |
| Tỷ lệ an toàn vốn CAR                                                                             | 11,36%   | 10,23%   | 10,22%               | 11,22%     | 10,09%   | 10,09%               |
| <b>2. Chất lượng tài sản</b>                                                                      |          |          |                      |            |          |                      |
| Tỷ lệ nợ quá hạn                                                                                  | 3,38%    | 2,38%    | 2,46%                | 3,38%      | 2,38%    | 2,46%                |
| Tỷ lệ nợ xấu/Dư nợ tín dụng (Dư nợ cho vay khách hàng)                                            | 1,69%    | 1,30%    | 1,28%                | 1,69%      | 1,30%    | 1,28%                |
| (Số dư các khoản cho vay và ứng trước khách hàng + Các khoản cho vay các TCTD khác)/ Tổng tài sản | 77,11%   | 73,58%   | 73,84%               | 77,12%     | 73,58%   | 73,86%               |
| Tài sản có sinh lời/Tổng tài sản có nội bảng                                                      | 97,58%   | 97,87%   | 97,71%               | 97,56%     | 99,24%   | 99,10%               |
| <b>3. Kết quả hoạt động kinh doanh</b>                                                            |          |          |                      |            |          |                      |
| Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân                                                     | 24,57%   | 24,42%   | 13,97%               | 24,91%     | 24,55%   | 14,05%               |
| Thu nhập dịch vụ/Tổng thu nhập                                                                    | 5,83%    | 5,80%    | 5,69%                | 4,54%      | 4,47%    | 4,22%                |
| Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ/Lợi nhuận trước thuế                                           | 5,83%    | 18,43%   | 17,95%               | 15,47%     | 15,68%   | 15,39%               |
| Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản bình quân                                                       | 1,29%    | 1,27%    | 0,68%                | 1,28%      | 1,25%    | 0,67%                |
| Thu nhập lãi cận biên (NIM)                                                                       | 3,15%    | 2,89%    | 1,43%                | 3,14%      | 2,88%    | 1,40%                |
| Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân                                                         | 1,03%    | 1,01%    | 0,55%                | 1,02%      | 1,00%    | 0,54%                |
| Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân                                                       | 19,67%   | 19,55%   | 11,18%               | 19,97%     | 19,65%   | 11,25%               |



| Chỉ tiêu                                                                   | Hợp nhất |          |                      | Công ty mẹ |          |                      |
|----------------------------------------------------------------------------|----------|----------|----------------------|------------|----------|----------------------|
|                                                                            | Năm 2024 | Năm 2025 | 6 tháng đầu năm 2026 | Năm 2024   | Năm 2025 | 6 tháng đầu năm 2026 |
| Thu nhập trên cổ phần (EPS)                                                | N/A      | N/A      | N/A                  | N/A        | N/A      | N/A                  |
| <b>4. Khả năng thanh toán</b>                                              |          |          |                      |            |          |                      |
| Tỷ lệ tài sản có tính thanh khoản cao bình quân/Tổng tài sản bình quân (*) | N/A      | N/A      | N/A                  | 15,80%     | 14,23%   | 15,27%               |
| Tỷ lệ vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn (**)              | N/A      | N/A      | N/A                  | 21,37%     | 22,93%   | 24,25%               |
| Tỷ lệ dư nợ cho vay/Tổng tiền gửi (**)                                     | N/A      | N/A      | N/A                  | 83,45%     | 82,38%   | 83,30%               |

(\*) Chỉ tiêu này được tính toán theo quy định của Thông tư số 52/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 đối với số liệu của năm 2024 và tính toán theo quy định của Thông tư số 21/2025/TT-NHNN ngày 31/7/2025 (có hiệu lực từ ngày 01/11/2025) đối với số liệu từ năm 2025.

(\*\*) Các chỉ tiêu được tính toán theo quy định của Thông tư 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 quy định về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các văn bản sửa đổi, bổ sung. Các chỉ tiêu này chỉ tính toán dựa trên số liệu tài chính riêng, không tính toán dựa trên số liệu tài chính hợp nhất.

(Nguồn: Agribank)

**2.3. Ý kiến của Tổ Chức Kiểm Toán độc lập đối với các chỉ tiêu tài chính: Không có.**

**3. Ý kiến của Tổ Chức Kiểm Toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ Chức Đăng ký Niêm yết**

**3.1. Ý kiến của Tổ Chức Kiểm Toán đối với Báo cáo tài chính năm 2024**

**3.1.1. Báo cáo kiểm toán BCTC hợp nhất năm 2024**

Báo cáo kiểm toán BCTC hợp nhất năm 2024 số tham chiếu 23-02-00175-25-16 ngày 28 tháng 03 năm 2025 của Công ty TNHH KPMG đưa ra ý kiến của kiểm toán viên như sau: “Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.





### 3.1.2. Báo cáo kiểm toán BCTC riêng năm 2024

Báo cáo kiểm toán BCTC riêng năm 2024 số tham chiếu 23-02-00175-25-15 ngày 28 tháng 03 năm 2025 của Công ty TNHH KPMG đưa ra ý kiến của kiểm toán viên như sau: “Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Ngân hàng cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

### 3.2. Ý kiến của Tổ Chức Kiểm Toán đối với Báo cáo tài chính năm 2025

#### 3.2.1. Báo cáo kiểm toán BCTC hợp nhất năm 2025

Báo cáo kiểm toán BCTC hợp nhất năm 2025 số tham chiếu 25-02-00154-26-6 ngày 30 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH KPMG đưa ra ý kiến của kiểm toán viên như sau: “Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

#### 3.2.2. Báo cáo kiểm toán BCTC riêng năm 2025

Báo cáo kiểm toán BCTC riêng năm 2025 số tham chiếu 25-02-00154-26-7 ngày 30 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH KPMG đưa ra ý kiến của kiểm toán viên như sau: “Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Ngân hàng cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

### 3.3. Ý kiến của Tổ Chức Kiểm Toán đối với Báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2026

#### 3.3.1. Báo cáo soát xét BCTC hợp nhất giữa niên độ năm 2026

*[Handwritten signatures and stamps]*



Báo cáo soát xét BCTC hợp nhất giữa niên độ năm 2026 số tham chiếu 11622502/E-69893579-HN/LR ngày 30 tháng 07 năm 2026 của Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam đưa ra ý kiến của kiểm toán viên như sau: “Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Ngân hàng tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, kết quả hoạt động hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Ngân hàng cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ”.

### 3.3.2. Báo cáo soát xét BCTC riêng giữa niên độ năm 2026

Báo cáo soát xét BCTC riêng giữa niên độ năm 2026 số tham chiếu 11622502/E-69893579-RL/LR ngày 30 tháng 07 năm 2026 của Công ty Ernst & Young Việt Nam đưa ra ý kiến của kiểm toán viên như sau: “Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Ngân hàng tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, kết quả hoạt động riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Ngân hàng cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ”.

## 4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận

### 4.1. Các chỉ tiêu kế hoạch

| Chỉ tiêu                                                                                                      | Năm 2026                                                                                       | % tăng/giảm so với 2025 |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|
|                                                                                                               | Kế hoạch                                                                                       |                         |
| Tổng tài sản                                                                                                  | Tăng trưởng phù hợp với tăng trưởng nguồn vốn (bao gồm nguồn vốn thị trường 1 và thị trường 2) |                         |
| Doanh thu                                                                                                     | 183.186 tỷ đồng                                                                                |                         |
| Vốn huy động từ dân cư, tổ chức kinh tế và phát hành giấy tờ có giá (không bao gồm tiền gửi kho bạc nhà nước) | Tăng từ 12% - 15%, điều chỉnh phù hợp với tăng trưởng dư nợ                                    | 12% -15%                |
| Dư nợ cho vay nền kinh tế                                                                                     | Tăng từ 12% - 15%, phù hợp với chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng được NHNN giao                    | 12% -15%                |
| Tỷ lệ nợ xấu theo Thông tư 31/2024/TT-NHNN                                                                    | dưới 1,5%; tỷ lệ nợ nhóm 2: dưới 1,5%; tỷ lệ nợ có khả năng mất vốn: dưới 1,3 %                |                         |

P

*[Signature]*

*[Signature]*



| Chi tiêu                                                                                                       | Năm 2026                                                       | % tăng/giảm so với 2025 |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|-------------------------|
|                                                                                                                | Kế hoạch                                                       |                         |
| Thu dịch vụ (không bao gồm thu ròng kinh doanh ngoại tệ của Trung tâm kinh doanh Vốn và Tiền tệ; thu bảo lãnh) | tối thiểu 9.100 tỷ đồng                                        |                         |
| Thu nợ đã xử lý rủi ro                                                                                         | Tối thiểu 15.000 tỷ đồng                                       |                         |
| Trích lập dự phòng rủi ro                                                                                      | dự kiến 22.000 tỷ đồng – 24.000 tỷ đồng                        |                         |
| Tổng thu nhập                                                                                                  | Tối thiểu 178.500 tỷ đồng                                      |                         |
| Lợi nhuận trước thuế                                                                                           | 32.500 tỷ đồng và không thấp hơn mức lợi nhuận được NHNN giao. |                         |
| Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE):                                                          | tối thiểu 19%.                                                 |                         |
| Nâng cao thu nhập người lao động                                                                               | phù hợp với quy định của pháp luật, NHNN                       |                         |
| Các tỷ lệ an toàn hoạt động                                                                                    | đảm bảo theo quy định                                          |                         |

*Nguồn: Nghị quyết số 01/NQ-HĐTV ngày 12/01/2026 của HĐTV Agribank về chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu năm 2026 và Văn bản số 2559/NHNN-TCKT ngày 02/4/2026 của Ngân hàng Nhà nước về giao chỉ tiêu kinh doanh định hướng năm 2026 Agribank.*

#### 4.2. Các giải pháp chủ yếu

Để thực hiện hiệu quả định hướng và kế hoạch kinh doanh, Agribank chỉ đạo triển khai đồng bộ, toàn diện các giải pháp, trong đó tập trung vào 11 giải pháp trọng tâm, bao gồm:

- Điều hành hoạt động kinh doanh linh hoạt, bám sát diễn biến thị trường:* Chủ động xây dựng các kịch bản điều hành và triển khai các giải pháp kinh doanh phù hợp với tình hình kinh tế vĩ mô và thị trường tài chính - tiền tệ, đảm bảo hoàn thành các mục tiêu kế hoạch được giao, đồng thời tiếp tục phát huy vai trò chủ lực trong thực thi chính sách tiền tệ quốc gia.
- Tăng trưởng tín dụng gắn với nâng cao chất lượng tài sản:* Đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng có chọn lọc, tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên và sản xuất kinh doanh, đặc biệt lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; đồng thời kiểm soát chặt chẽ rủi ro tín dụng, nâng cao chất lượng tài sản và đẩy mạnh xử lý, thu hồi nợ xấu.
- Tăng cường huy động vốn và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn:* Điều hành linh hoạt chính sách lãi suất, đa dạng hóa sản phẩm huy động vốn, tối ưu cơ cấu nguồn vốn nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và đảm bảo thanh khoản hệ thống.
- Phát triển hệ sinh thái khách hàng và dịch vụ ngân hàng hiện đại:* Đẩy mạnh phát triển hệ sinh thái khách hàng cá nhân và doanh nghiệp; mở rộng các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng số, thanh toán không dùng tiền mặt và các giải pháp tài chính toàn diện.
- Đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ:* Tập trung nguồn lực triển khai các dự án công nghệ và chuyển đổi số, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm; lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và số hóa hoạt động kinh doanh làm động lực nâng cao năng suất lao động và năng lực cạnh tranh.

*[Handwritten signatures and marks]*



- f) *Tái cấu trúc tổ chức và mạng lưới hoạt động*: Hoàn thiện mô hình tổ chức từ Trụ sở chính đến chi nhánh; sắp xếp, cơ cấu lại mạng lưới chi nhánh và phòng giao dịch theo hướng tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với nhu cầu phát triển kinh doanh tại từng địa bàn.
- g) *Hoàn thiện hệ thống thể chế và khung quản trị nội bộ*: Chủ động rà soát, ban hành các quy định nội bộ phù hợp với các quy định pháp luật mới; tiếp tục hoàn thiện thể chế quản trị, tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho hoạt động kinh doanh và đảm bảo tuân thủ.
- h) *Nâng cao năng lực tài chính và quản trị vốn*: Tăng cường năng lực tài chính đáp ứng các chuẩn mực quản trị rủi ro theo Basel II nâng cao; thực hành tiết kiệm, quản lý hiệu quả tài sản và nguồn lực, phòng chống lãng phí và tiêu cực.
- i) *Thúc đẩy triển khai ESG, ngân hàng xanh và phát triển bền vững*: Từng bước lồng ghép các yếu tố môi trường, xã hội và quản trị (ESG) vào hoạt động kinh doanh và quản trị; mở rộng tín dụng xanh, phát triển các sản phẩm tài chính bền vững và thúc đẩy các sáng kiến ngân hàng xanh phù hợp với chiến lược phát triển của Agribank.
- j) *Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao*: Triển khai các giải pháp đồng bộ nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng số và năng suất lao động của cán bộ; đẩy mạnh xây dựng văn hóa học tập số, gắn với việc triển khai hiệu quả chương trình “Bình dân học vụ số” trong toàn hệ thống, qua đó hình thành đội ngũ nhân sự có năng lực thích ứng cao đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số quốc gia.
- k) *Nâng cao giá trị thương hiệu và hiệu quả hoạt động đầu tư*: Tái định vị thương hiệu Agribank theo hướng hiện đại; triển khai chiến lược phát triển thương hiệu đến năm 2030; đồng thời xử lý các khoản đầu tư kém hiệu quả, nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty con và chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho lộ trình cổ phần hóa.

Đến 30/6/2026, dư nợ cho vay nền kinh tế đạt 2.068.033 tỷ đồng, tăng 94.466 tỷ đồng (+4,8%) so với đầu năm, đạt 45% kế hoạch do NHNN giao (NHNN giao 10,66%).

Cùng kỳ năm trước, dư nợ 06 tháng đầu năm 2025 tăng trưởng 7,56%, tăng tuyệt đối 130.136 tỷ đồng. So với cùng kỳ năm trước, tín dụng năm 2026 tăng trưởng thấp hơn 2,76 điểm phần trăm, số tuyệt đối thấp hơn 35.670 tỷ đồng.

Cho vay NNNT tiếp tục tăng trưởng ổn định với dư nợ đạt 1.338.811 tỷ đồng, chiếm khoảng 64,7% dư nợ nền kinh tế.

Do đặc điểm tín dụng của ngành ngân hàng có xu hướng tăng cao vào nửa cuối năm cùng với những dấu hiệu phục hồi tích cực của nền kinh tế khi tiếp tục giữ được đà tăng trưởng trong 6 tháng đầu năm, Agribank tin tưởng rằng có thể hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 đã đặt ra.

#### 4.3. Đánh giá của Tổ Chức Tư Vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2026 của Tổ Chức Đăng ký Niêm yết

Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận của Tổ Chức Đăng ký Niêm yết được dựa trên cơ sở các dự báo về kinh tế vĩ mô, ngành ngân hàng nói chung và các dự báo về rủi ro tiềm ẩn, cũng như thực trạng và triển vọng kinh doanh của Tổ Chức Đăng ký Niêm yết nói riêng. Trên cơ sở các

*[Handwritten signatures and initials]*





kết quả tích cực đã đạt được, hoạt động kinh doanh có lãi trong nhiều năm qua, cũng như tình hình tài chính khả quan hiện nay của Tổ Chức Đăng ký Niêm yết, Tổ Chức Tư Vấn nhận thấy khả năng đạt được kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2026 của Agribank là có tính khả thi, nếu không gặp phải những rủi ro bất khả kháng và phát sinh các biến động lớn có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến tình hình kinh tế vĩ mô, chu kỳ tăng trưởng và HĐKD của ngành ngân hàng.

Tổ Chức Đăng ký Niêm yết dự kiến sử dụng nguồn thu được từ phát hành Trái Phiếu ra công chúng, nguồn vốn tích lũy của Agribank, nguồn vốn huy động khác, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và tiềm lực tài chính của Agribank sau khi trừ đi các khoản phải nộp cho các cơ quan thuế, nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước, các khoản thanh toán đến hạn và chi phí hoạt động của Tổ Chức Đăng ký Niêm yết, bảo đảm đủ để thanh toán lãi và gốc của Trái Phiếu đăng ký niêm yết.

Trên cơ sở những thông tin đã thu thập được và sau khi nghiên cứu, phân tích, đánh giá một cách cẩn trọng và hợp lý về thực trạng hoạt động kinh doanh của Agribank – một Ngân hàng có vị thế và uy tín hàng đầu tại Việt Nam, Tổ Chức Tư Vấn cho rằng các chiến lược kinh doanh, kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và khả năng thanh toán gốc và lãi Trái Phiếu của Agribank có thể thực hiện được và có tính khả thi, ngoại trừ trường hợp xuất hiện những biến động bất lợi, bất thường và bất khả kháng làm ảnh hưởng tới kết quả và hiệu quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

Chúng tôi xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét của chúng tôi được đưa ra dưới góc độ của một tổ chức tư vấn tài chính doanh nghiệp, căn cứ vào các thông tin chúng tôi đã thu thập và cách tính toán trên lý thuyết về lĩnh vực tài chính. Những nhận xét đánh giá của chúng tôi không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán, cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo của Ngân hàng. Do vậy, các đánh giá và nhận xét này chỉ mang tính tham khảo, các nhà đầu tư tiềm năng cần tự mình cân nhắc một cách cẩn trọng trước khi có quyết định đầu tư vào Trái Phiếu của Agribank.

f

mu

HT

NG  
HIỆP  
RIỂN  
ÔN  
M  
VỢ

PH  
VÀ  
N

## VI. TRÁI PHIẾU ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

### 1. Tên Trái Phiếu

Trái phiếu Agribank phát hành ra công chúng năm 2026.

### 2. Mã trái phiếu

Mã trái phiếu là: VBAC12601.

### 3. Loại Trái Phiếu

Là Trái Phiếu không chuyển đổi, không được đảm bảo bằng tài sản của Agribank, không kèm chứng quyền, thỏa mãn các điều kiện để được tính vào vốn cấp 2 theo các quy định hiện hành của pháp luật.

### 4. Mệnh giá

Mệnh giá Trái Phiếu là: **100.000 VNĐ/Trái Phiếu** (Một trăm nghìn đồng/1 Trái Phiếu).

### 5. Tổng số lượng Trái Phiếu đăng ký niêm yết

Tổng số lượng Trái Phiếu đăng ký niêm yết là **146.728.904 Trái Phiếu** (Một trăm bốn mươi sáu triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn chín trăm linh tư Trái Phiếu)

### 6. Tổng giá trị Trái Phiếu đăng ký niêm yết theo mệnh giá

Tổng giá trị Trái Phiếu đăng ký niêm yết theo mệnh giá là **14.672.890.400.000 VNĐ** (Mười bốn nghìn sáu trăm bảy mươi hai tỷ tám trăm chín mươi triệu bốn trăm nghìn đồng).

### 7. Kỳ hạn Trái Phiếu

Kỳ hạn Trái Phiếu là **10 năm (Mười năm)** (ngày đáo hạn là ngày tròn 10 năm kể từ Ngày Phát Hành).

### 8. Ngày phát hành

Ngày phát hành là: 31/07/2026.

### 9. Ngày đáo hạn trái phiếu

Ngày đáo hạn là: 31/07/2036.

### 10. Lãi suất

Lãi suất của Trái phiếu Agribank phát hành ra công chúng năm 2026 ("Lãi Suất") là lãi suất thả nổi, được xác định theo công thức sau:

$$\text{Lãi Suất Trái Phiếu} = \text{LSTC} + \text{Biên độ}$$

Trong đó:

- Biên độ: 2,0%/năm
- Nếu Agribank không mua lại vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại, biên độ = 2,5%/năm áp dụng trong 05 năm cuối





- **LSTC:** là lãi suất tham chiếu dùng để xác định lãi suất cho mỗi kỳ tính lãi bằng bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND, kỳ hạn 12 tháng, trả lãi cuối kỳ (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của bốn (04) NHTM Việt Nam bao gồm: BIDV, Vietinbank, Agribank và Vietcombank (mỗi ngân hàng này được gọi là “**Ngân Hàng Tham Chiếu**”) tại Ngày Xác Định Lãi Suất. Để làm rõ, lãi suất trái phiếu, nếu không phải là số nguyên, sẽ được làm tròn đến hai chữ số ở phần thập phân. **Việc xác định Lãi Suất Tham Chiếu theo các quy định sau:**
  - Trường hợp một hoặc một số (nhưng không phải tất cả) trang thông tin điện tử chính thức của bất kỳ Ngân Hàng Tham Chiếu nào không hoạt động hoặc Ngân Hàng Tham Chiếu không công bố hoặc không có lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, kỳ hạn 12 tháng (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) tại Ngày Xác Định Lãi Suất, thì Lãi Suất Tham Chiếu sẽ là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, kỳ hạn 12 tháng (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của (các) Ngân Hàng Tham Chiếu còn lại tại Ngày Xác Định Lãi Suất đó. Khi đó, Tổ Chức Đăng ký Niêm yết hoặc tổ chức được Tổ Chức Đăng ký Niêm yết ủy quyền sẽ in bằng chứng để chứng minh việc trang thông tin điện tử chính thức của các Ngân Hàng Tham Chiếu không hoạt động/không công bố lãi suất nêu trên.
  - Trường hợp trang thông tin điện tử chính thức của cả 04 Ngân hàng Tham Chiếu đều không hoạt động hoặc không công bố lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, kỳ hạn 12 tháng (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) tại Ngày Xác Định Lãi Suất, thì Lãi Suất Tham Chiếu sẽ là mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, kỳ hạn 12 tháng (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) tại Ngày Xác Định Lãi Suất được Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch cung cấp cho Tổ Chức Đăng ký Niêm yết hoặc tổ chức được Tổ Chức Đăng ký Niêm yết ủy quyền bằng văn bản. Khi đó, Tổ Chức Đăng ký Niêm yết hoặc tổ chức được Tổ Chức Đăng ký Niêm yết ủy quyền sẽ in bằng chứng để chứng minh việc trang thông tin điện tử chính thức của các Ngân Hàng Tham Chiếu không hoạt động/không công bố lãi suất nêu trên;
  - Trường hợp Tổ Chức Đăng ký Niêm yết hoặc tổ chức được Tổ Chức Đăng ký Niêm yết ủy quyền không lấy được lãi suất mà lý do không phải xuất phát từ phía Ngân Hàng Tham Chiếu thì Tổ Chức Đăng ký Niêm yết hoặc tổ chức được Tổ Chức Đăng ký Niêm yết ủy quyền có trách nhiệm thay thế bằng cách lấy xác nhận lãi suất tại Ngày Xác Định Lãi Suất bằng văn bản từ các Ngân Hàng Tham Chiếu tương ứng: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Chi nhánh TP Hà Nội), Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Sở Giao dịch 1), Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Sở giao dịch), Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Chi nhánh Sở Giao dịch);
  - Mức lãi suất của kỳ hạn tương đương chỉ được áp dụng khi Ngân Hàng Tham Chiếu

*[Handwritten signatures and initials]*



không công bố mức lãi suất cho kỳ hạn 12 tháng đáp ứng được điều kiện nêu trên. Mức lãi suất của kỳ hạn tương đương là mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam của kỳ hạn tính bằng ngày gần với kỳ hạn 12 tháng nhất. Trường hợp tại Ngày Xác Định Lãi Suất, có 02 (hai) mức lãi suất tương đương thì áp dụng mức lãi suất tương đương của kỳ hạn ngắn hơn;

- Tổ chức được Tổ Chức Đăng ký Niêm yết ủy quyền xác định lãi suất sẽ gửi thông báo kết quả xác định Lãi suất cho Tổ Chức Đăng ký Niêm yết và Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu (nếu có) đồng thời thông báo trên trang thông tin điện tử của tổ chức được Tổ Chức Đăng ký Niêm yết ủy quyền theo phương thức quy định trong Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu ít nhất 02 (hai) Ngày Làm Việc trước ngày đầu tiên của Kỳ Tính Lãi;
- Những Người Sở Hữu Trái Phiếu đồng ý rằng kết quả xác định Lãi Suất của tổ chức được Tổ Chức Đăng ký Niêm yết ủy quyền sẽ được áp dụng đối với toàn bộ Trái Phiếu trừ khi có sai sót về số học một cách rõ ràng.
- **“Ngày Xác Định Lãi Suất”**: là ngày Agribank ban hành Thông báo chào bán trái phiếu ra công chúng đối với kỳ tính lãi đầu tiên và Ngày Làm Việc thứ 7 (bảy) trước Ngày Bắt Đầu Tính Lãi của mỗi Kỳ Tính Lãi.
- Nếu tại Ngày Xác Định Lãi suất của bất kỳ Kỳ Tính Lãi nào mà có quy định của pháp luật về mức lãi suất trần và quy định đó có hiệu lực bắt buộc đối với Trái Phiếu khi xác định lãi suất như vậy thì Lãi Suất áp dụng cho Kỳ Tính Lãi đó là mức lãi suất được xác định theo công thức trên (nếu mức lãi suất áp dụng theo công thức này chưa vượt quá mức trần lãi suất do pháp luật quy định), hoặc là mức lãi suất trần đó (nếu mức lãi suất được xác định theo công thức trên vượt quá mức trần lãi suất do pháp luật quy định).

## 11. Kỳ hạn trả lãi, trả gốc

### 11.1. Kỳ tính lãi và Kỳ thanh toán lãi

- **“Kỳ Tính Lãi/Kỳ Xác Định Lãi Suất”**: định kỳ 01 năm/lần kể từ và bao gồm Ngày Bắt Đầu Tính Lãi của Kỳ Tính Lãi đó, cho đến, nhưng không bao gồm Ngày Bắt Đầu Tính Lãi của Kỳ Tính Lãi liền sau hoặc cho đến và không bao gồm Ngày Đáo Hạn hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại hoặc ngày đến hạn khác đối với Kỳ Tính Lãi cuối cùng của Trái Phiếu theo Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu.
- **“Ngày Bắt Đầu Tính Lãi”**: là Ngày Phát Hành đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên hoặc ngày tròn năm kể từ Ngày Phát Hành đối với Kỳ Tính Lãi tiếp theo.
- **“Kỳ Thanh Toán Lãi”**: Tiền lãi Trái Phiếu được trả sau, định kỳ 01 (một) năm trả một lần vào **“Ngày Thanh Toán Lãi”** là mỗi ngày tròn năm kể từ Ngày Phát Hành, riêng tiền lãi

*R*

*am*

*ht*

18017  
ÂN HÀ  
G NGH  
HÁT T  
NG TH  
ỆT NA  
HÀ

2:1  
CÔ  
CÔ  
HÚN  
AGF  
G Đ





cho Kỳ Thanh Toán Lãi cuối cùng của Trái Phiếu sẽ được thanh toán cùng với tiền gốc Trái Phiếu vào ngày đáo hạn. Nếu Trái Phiếu được Tổ Chức Đăng ký Niêm yết mua lại vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại thì Ngày Thanh Toán Lãi kỳ cuối cùng của Trái Phiếu và tiền lãi của kỳ đó sẽ được thanh toán cùng với tiền gốc Trái Phiếu vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại.

## 11.2. Tiền lãi

- (a) Trong trường hợp tiền lãi Trái Phiếu được hưởng tròn Kỳ Thanh Toán Lãi thì tiền lãi được tính như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Tiền lãi được hưởng cho} \\ \text{một thời hạn tròn Kỳ} \\ \text{Thanh Toán Lãi} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng giá trị Trái Phiếu} \\ \text{theo Mệnh giá} \\ \text{Trái Phiếu Năm Giữ} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Lãi suất Trái Phiếu áp dụng trong Kỳ} \\ \text{Thanh Toán Lãi đó} \end{array}$$

- (b) Trong trường hợp tiền lãi Trái Phiếu được hưởng cho một thời hạn không tròn Kỳ Thanh Toán Lãi (dưới 01 (một) năm), tiền lãi được tính như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Tiền lãi được hưởng cho} \\ \text{một thời gian không tròn} \\ \text{Kỳ Thanh Toán Lãi (dưới} \\ \text{01 (một) năm)} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng giá trị} \\ \text{Trái Phiếu theo} \\ \text{Mệnh giá Trái} \\ \text{Phiếu Năm Giữ} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Lãi Suất áp} \\ \text{dụng trong Kỳ} \\ \text{Thanh Toán} \\ \text{Lãi đó} \end{array} \times \frac{\begin{array}{l} \text{Số ngày thực tế nắm giữ Trái} \\ \text{Phiếu} \\ \text{trong Kỳ Thanh Toán Lãi} \end{array}}{365 \text{ ngày}}$$

- (c) Nếu khoản tiền gốc của Trái Phiếu không được thanh toán đầy đủ hoặc bị từ chối thanh toán mà không phù hợp với các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu, khoản tiền gốc Trái Phiếu bị chậm thanh toán sẽ tiếp tục được hưởng lãi, theo Lãi Suất áp dụng tại Kỳ Tính Lãi mà Tổ Chức Đăng ký Niêm yết phải thanh toán khoản tiền gốc của Trái Phiếu đó, tính trên cơ sở một năm có 365 ngày, kể từ Ngày Đáo Hạn, hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại hoặc ngày đến hạn khác phù hợp với quy định của pháp luật và Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu.
- (d) Nếu khoản tiền lãi của Trái Phiếu không được thanh toán đầy đủ hoặc bị từ chối thanh toán (ngoại trừ trường hợp quy định tại Khoản 11.3 Mục VI dưới đây) không phù hợp với các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu, khoản tiền lãi Trái Phiếu chậm trả sẽ tiếp tục được hưởng lãi, theo mức Lãi Suất của Kỳ Tính Lãi phát sinh khoản lãi không được thanh toán đầy đủ hoặc bị từ chối thanh toán đó, tính trên cơ sở một năm có 365 ngày, kể từ ngày phát sinh việc trả lãi không đầy đủ hoặc bị từ chối thanh toán đó cho đến nhưng không bao gồm ngày số tiền lãi đó được thanh toán đầy đủ cho Người Sở Hữu Trái Phiếu.
- (e) Lãi phát sinh từ việc tiền gốc và/hoặc tiền lãi của Trái Phiếu bị giữ lại hoặc từ chối thanh toán theo quy định tại Khoản 11.2(c), (d) Mục VI nêu trên sẽ do bên gây ra lỗi (tùy từng trường hợp là Tổ Chức Đăng ký Niêm yết và/hoặc tổ chức khác được Tổ Chức Đăng ký Niêm yết ủy quyền) chịu trách nhiệm chi trả trực tiếp cho Người Sở Hữu Trái Phiếu. Người Sở Hữu Trái Phiếu có trách nhiệm phối hợp ngay lập tức với Tổ Chức Đăng ký Niêm yết và/hoặc tổ chức khác được Tổ Chức Đăng ký Niêm yết ủy quyền để rà soát và đưa ra biện

*[Handwritten signatures and stamps]*



pháp xử lý khắc phục tình trạng đó.

- (f) Trong trường hợp đến Ngày Thanh Toán Lãi và/hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại và/hoặc Ngày Đáo Hạn mà Người Sở Hữu Trái Phiếu không nhận được tiền thanh toán lãi và/hoặc gốc Trái Phiếu mà không phải do lỗi của Tổ Chức Đăng ký Niêm yết và/hoặc tổ chức khác được Tổ Chức Đăng ký Niêm yết ủy quyền, thì số tiền thanh toán lãi, gốc Trái Phiếu đó sẽ được Tổ Chức Đăng ký Niêm yết hoặc tổ chức khác được Tổ Chức Đăng ký Niêm yết ủy quyền giữ hộ và không được hưởng lãi. Trong trường hợp này, chậm nhất vào Ngày Làm Việc kế tiếp tổ chức khác được Tổ Chức Đăng ký Niêm yết ủy quyền làm đầu mối phối hợp với Tổ Chức Đăng ký Niêm yết và Người Sở Hữu Trái Phiếu để thống nhất các biện pháp xử lý.
- (g) Trường hợp Trái Phiếu chưa lưu ký tại VSDC, phí chuyển khoản thanh toán tiền lãi/gốc Trái Phiếu sẽ do Tổ Chức Đăng ký Niêm yết chịu trong trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu mở tài khoản thanh toán tiền lãi/gốc tại Tổ Chức Đăng ký Niêm yết. Phí chuyển khoản thanh toán tiền lãi/gốc Trái Phiếu sẽ do Người Sở Hữu Trái Phiếu chịu trong trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu mở tài khoản thanh toán tiền lãi/ gốc tại Tổ chức Tín dụng khác và được khấu trừ vào số tiền Người Sở Hữu Trái Phiếu được nhận trước khi chuyển khoản. Trường hợp Trái Phiếu đã lưu ký tại VSDC, việc thanh toán tiền gốc/lãi Trái Phiếu được thực hiện theo quy định của VSDC.

### 11.3. Ngày thanh toán tiền lãi

Tổ Chức Đăng ký Niêm yết được quyền ngừng thanh toán tiền lãi Trái Phiếu khi đến hạn và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc thanh toán lãi làm cho kết quả kinh doanh trong năm tài chính có khoản lãi đến hạn đó của Tổ Chức Đăng ký Niêm yết bị lỗ ("**Số Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh Toán**"). Việc Tổ Chức Đăng ký Niêm yết chậm trả lãi theo quy định tại câu trên sẽ không bị coi là vi phạm bất kỳ quy định nào của các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu cho bất kỳ mục đích nào. Kỳ Tính Lãi mà Tổ Chức Đăng ký Niêm yết tạm ngừng thanh toán tiền lãi là "**Kỳ Tạm Ngừng**" thanh toán tiền lãi đó.

Số Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh Toán sẽ không được nhập vào gốc Trái Phiếu và sẽ được hưởng lãi suất kể từ và bao gồm ngày tạm ngừng trả lãi cho đến và không bao gồm ngày thanh toán thực tế cho Người Sở Hữu Trái Phiếu (là ngày Tổ Chức Đăng ký Niêm yết thanh toán cho Người Sở Hữu Trái Phiếu Số Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh Toán và lãi phát sinh tính trên Số Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh Toán).

Lãi suất áp dụng cho Số Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh Toán là Lãi suất của Kỳ Tạm Ngừng Thanh Toán đó (mức lãi suất này không thay đổi trong suốt giai đoạn tạm ngừng thanh toán tiền lãi), tính trên cơ sở một năm có 365 (ba trăm sáu mươi lăm) ngày.

### 11.4. Kỳ hạn trả gốc

- Nếu không được mua lại trước hạn, các Trái Phiếu sẽ được hoàn trả tiền gốc bằng mệnh giá vào Ngày Đáo Hạn.

*[Handwritten signatures and stamps]*



- Nếu Trái Phiếu được mua lại trước hạn theo các quy định tại Bản Cáo Bạch này thì tiền gốc Trái Phiếu sẽ được hoàn trả vào ngày thực hiện mua lại tương ứng.

### 11.5. Thanh toán vào Ngày Làm Việc

Trường hợp Ngày Thanh Toán Lãi và/hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại và/hoặc Ngày Đáo Hạn không phải là Ngày Làm Việc thì việc thanh toán lãi và/hoặc gốc Trái Phiếu sẽ được thực hiện vào Ngày Làm Việc tiếp theo ngay sau ngày đó. Để tránh hiểu lầm, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được hưởng lãi liên quan đến việc thanh toán chậm do ngày đến hạn thanh toán không phải là Ngày Làm Việc.

### 12. Xếp hạng tín nhiệm

Không có.

### 13. Quyền và nghĩa vụ của người sở hữu Trái Phiếu

Trừ trường hợp Pháp luật có quy định khác, mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu được ghi tên trong Sổ Đăng Ký do Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký quản lý (trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC) hoặc trong danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu được quản lý tập trung tại VSDC (sau khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC) sẽ được coi là chủ sở hữu duy nhất của Trái Phiếu đó về mọi phương diện và có quyền nhận tất cả các khoản tiền thanh toán, thông báo, báo cáo và được hưởng các quyền khác của Người Sở Hữu Trái Phiếu liên quan đến Trái Phiếu đó.

#### 13.1. Quyền sở hữu và được cấp Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu

(a) Trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC:

- Tổ Chức Đăng ký Niêm yết đã chỉ định Công ty Cổ phần Chứng khoán Agribank ("**Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký**") lập và duy trì sổ đăng ký ("**Sổ Đăng Ký**") ghi tên của những Người Sở Hữu Trái Phiếu theo Hợp Đồng Tư Vấn Phát Hành, Tư Vấn Niêm Yết, Đại Lý Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký Trái phiếu Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam phát hành ra công chúng năm 2026 (sau đây gọi là "**Hợp Đồng Tư Vấn Phát Hành, Tư Vấn Niêm Yết, Đại Lý Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký**")
- Mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký thay mặt và theo ủy quyền của Tổ Chức Đăng ký Niêm yết cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu Trái Phiếu ("**Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu**") theo quy định tại Hợp Đồng Tư Vấn Phát Hành, Tư Vấn Niêm Yết, Đại Lý Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký Mỗi Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được đánh số riêng biệt để nhận biết và sẽ được ghi trong Sổ Đăng Ký.
- Quyền sở hữu đối với Trái Phiếu chỉ được chuyển giao sau khi các bên hoàn thành các thủ tục chuyển nhượng mà Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký quy định và hoàn tất việc đăng ký thông tin về Bên nhận chuyển nhượng trong Sổ Đăng Ký. Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký đảm bảo chuyển giao cho Bên nhận chuyển nhượng một Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu mới ghi nhận khoản tiền gốc của Trái Phiếu được nhận chuyển nhượng, xác nhận tên và



quyền sở hữu của Bên nhận chuyển nhượng Trái Phiếu được đăng ký trong Sổ Đăng Ký trong vòng 07 (bảy) Ngày Làm Việc kể từ ngày Người Sở Hữu Trái Phiếu và Bên nhận chuyển nhượng nộp đầy đủ hồ sơ về việc chuyển nhượng đó.

- Để tránh nhầm lẫn, Bên nhận chuyển nhượng sẽ trở thành Người Sở Hữu Trái Phiếu đối với Trái Phiếu được nhận chuyển nhượng ngay khi: (i) Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký nhận được đầy đủ hồ sơ về việc chuyển nhượng và các loại phí, thuế liên quan từ Bên nhận chuyển nhượng và Bên chuyển nhượng; (ii) Quyền sở hữu của Bên nhận chuyển nhượng đối với Trái Phiếu đó được ghi nhận trong Sổ Đăng Ký, không phụ thuộc vào việc Bên nhận chuyển nhượng đã được cấp Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu hay chưa.
- Các chi phí hành chính liên quan đến chuyển nhượng Trái Phiếu sẽ do Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký ấn định trong từng thời kỳ và áp dụng khi thực hiện việc chuyển nhượng Trái Phiếu, phù hợp với pháp luật Việt Nam và thực tiễn thị trường, và phải được các bên có liên quan thanh toán cho Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký trước khi thực hiện việc chuyển nhượng Trái Phiếu.
- Việc cấp lại Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu khi bị mất, cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác hoặc bị rách, nhòe; việc thay đổi thông tin của Người Sở Hữu Trái Phiếu được thực hiện theo quy định của Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký.

**(b) Sau khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC:**

- Trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu đã thực hiện lưu ký Trái Phiếu tại VSDC: Việc quản lý, lưu giữ thông tin Người Sở Hữu Trái Phiếu và các giao dịch liên quan đến Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu được thực hiện thông qua VSDC và tuân thủ theo quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của VSDC và SGDC (khi Trái Phiếu được niêm yết).
- Trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu chưa lưu ký tại VSDC: Để thực hiện các giao dịch liên quan đến Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu phải thực hiện lưu ký Trái Phiếu theo quy định của VSDC và pháp luật Việt Nam. Việc cấp lại Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu và thay đổi thông tin cho những Trái Phiếu chưa lưu ký tại VSDC sẽ thực hiện theo quy định của Tổ Chức Đăng ký Niêm yết hoặc tổ chức được Tổ Chức Đăng ký Niêm yết ủy quyền thực hiện.

**13.2. Quyền hưởng lãi và các khoản thanh toán khác**

Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được Tổ Chức Đăng ký Niêm yết thanh toán đầy đủ gốc, lãi và các khoản tiền khác theo Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu đối với Trái Phiếu do mình sở hữu theo các quy định dưới đây:

**(a) Trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC:**

- Vào Ngày Thanh Toán Lãi và/hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại và/hoặc Ngày Đáo Hạn và/hoặc ngày đến hạn khác, những Người Sở Hữu Trái Phiếu có tên trong Sổ Đăng Ký của Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký tại Ngày Chốt Danh Sách sẽ được Tổ Chức Đăng ký Niêm

*[Handwritten signatures and marks]*





yết hoặc tổ chức được Tổ Chức Đăng ký Niêm yết ủy quyền thanh toán các khoản gốc, lãi và các khoản tiền khác (nếu có) bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng đã đăng ký của Người Sở Hữu Trái Phiếu.

- Kể từ Ngày Chốt Danh Sách cho tới Ngày Thanh Toán Lãi và/hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại và/hoặc Ngày Đáo Hạn và/hoặc ngày đến hạn khác, Người Sở Hữu Trái Phiếu không được yêu cầu Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu và bất kỳ khoản thanh toán tiền gốc hoặc tiền lãi nào liên quan đến Trái Phiếu.

(b) Sau khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC:

- Vào Ngày Thanh Toán Lãi và/hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại và/hoặc Ngày Đáo Hạn và/hoặc ngày đến hạn khác, những Người Sở Hữu Trái Phiếu có tên trong danh sách những Người Sở Hữu Trái Phiếu của VSDC tại Ngày Chốt Danh Sách sẽ được thanh toán các khoản tiền gốc, lãi và các khoản tiền khác (nếu có) theo các quy định sau đây:
  - + Với các Trái Phiếu đã được lưu ký tại VSDC: việc thanh toán gốc, lãi và các khoản tiền khác (nếu có) liên quan đến Trái Phiếu sẽ được thực hiện theo quy định của VSDC và các quy định pháp luật có liên quan.
  - + Với các Trái Phiếu chưa được lưu ký tại VSDC: việc thanh toán gốc, lãi và các khoản tiền khác (nếu có) liên quan đến Trái Phiếu sẽ được Tổ Chức Phát Hành hoặc tổ chức được Tổ Chức Đăng ký Niêm yết ủy quyền chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng đã đăng ký của Người Sở Hữu Trái Phiếu.
- Việc thông báo về Ngày Chốt Danh Sách Người Sở Hữu Trái Phiếu được hưởng quyền thanh toán sẽ được công bố theo quy định của pháp luật về chứng khoán và VSDC.

### 13.3. Quyền giao dịch Trái Phiếu

- (a) Người Sở Hữu Trái Phiếu được tự do Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu đối với toàn bộ Trái Phiếu của mình và sử dụng Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm, cầm cố, chiết khấu, mua bán có kỳ hạn hoặc tham gia các giao dịch dân sự, thương mại khác phù hợp với quy định của pháp luật.
- (b) Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể cầm cố Trái Phiếu tại Tổ Chức Đăng ký Niêm yết và các tổ chức tín dụng khác theo quy định của pháp luật hiện hành và quy định của tổ chức tín dụng đó.
- (c) Không ảnh hưởng đến quy định tại Khoản 13.3(b) Mục VI nêu trên, Tổ Chức Đăng ký Niêm yết không nhận chiết khấu Trái Phiếu hoặc mua bán có kỳ hạn Trái Phiếu hoặc tham gia các giao dịch khác với Người Sở Hữu Trái Phiếu liên quan đến Trái Phiếu mà có hiệu lực như một giao dịch mua lại trước hạn Trái Phiếu của Tổ Chức Đăng ký Niêm yết, trừ trường hợp mua lại trước hạn quy định tại Khoản 15 Mục VI.
- (d) Trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC, việc giao dịch Trái Phiếu được thực hiện tại Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký.

*[Handwritten signatures and stamps]*



- (e) Sau khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC, việc giao dịch Trái Phiếu sẽ thực hiện theo các quy định của VSDC, các quy định của pháp luật có liên quan khác.
- (f) Nhằm mục đích đăng ký Trái Phiếu tại VSDC của Tổ Chức Đăng ký Niêm yết, việc Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu sẽ bị tạm ngừng trong một khoảng thời gian nhất định kể từ Ngày Chốt Danh Sách cho đến ngày giao dịch đầu tiên của Trái Phiếu theo thông báo của HNX.

#### 13.4. Quyền biểu quyết

Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền biểu quyết (tại Hội nghị hoặc trong đợt lấy ý kiến bằng văn bản của Người Sở Hữu Trái Phiếu) về các vấn đề liên quan đến Trái Phiếu đòi hỏi Tổ Chức Đăng ký Niêm yết hoặc Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu phải xin chấp thuận của Người Sở Hữu Trái Phiếu như quy định tại Khoản 14 Mục VI.

#### 13.5. Quyền nhận thông tin

Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền nhận thông báo mà Tổ Chức Đăng ký Niêm yết, Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký hoặc Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu gửi cho tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Khoản 23 Mục VI dưới đây.

#### 13.6. Quyền có tổ chức đại diện

Vì mục đích đăng ký và lưu ký tập trung Trái Phiếu, Tổ Chức Đăng ký Niêm yết đã chỉ định công ty Cổ phần chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội làm Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu nhằm giám sát việc Tổ Chức Đăng ký Niêm yết tuân thủ nghĩa vụ theo các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu và bảo vệ quyền lợi của Người Sở hữu Trái Phiếu.

Mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu bằng việc mua và sở hữu Trái Phiếu, có tên trong Sổ Đăng Ký Trái Phiếu hoặc nhận chuyển nhượng hoặc nhận chuyển giao quyền sở hữu Trái Phiếu dưới bất kỳ hình thức nào, sẽ công nhận và đồng ý không hủy ngang việc chỉ định công ty Cổ phần chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội làm Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu và theo quy định của Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu.

#### 13.7. Quyền khi xảy ra sự kiện vi phạm của Tổ Chức Đăng ký Niêm yết

Khi xảy ra bất kỳ sự kiện nào dưới đây gọi là một “Sự Kiện Vi Phạm”:

- (a) *Không thanh toán*: Nếu Tổ Chức Đăng ký Niêm yết không thanh toán tiền gốc và/hoặc tiền lãi của Trái Phiếu, và vi phạm đó vẫn chưa được khắc phục trong thời gian 10 (mười) Ngày Làm Việc (trừ trường hợp Tổ Chức Đăng ký Niêm yết được phép thực hiện quyền Ngừng Thanh Toán Tiền Lãi theo quy định tại Khoản 11.3 Mục VI).
- (b) *Mất khả năng thanh toán*: Tổ Chức Đăng ký Niêm yết bị mất khả năng thanh toán hoặc lâm vào tình trạng khác làm phát sinh quyền yêu cầu mở thủ tục phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản và tình trạng này không chấm dứt hoặc chưa được khắc phục trong thời hạn

*[Handwritten signatures and stamps]*





30 (ba mươi) Ngày Làm Việc.

Thì Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền thực hiện bất kỳ quyền nào dưới đây:

- (a) Quyền khởi kiện đến tòa án có thẩm quyền của Việt Nam yêu cầu Tổ Chức Đăng ký Niêm yết tuân thủ nghĩa vụ thanh toán (chỉ áp dụng đối với Sự Kiện Vi Phạm “*Không thanh toán*”) nêu trên; hoặc
- (b) Quyền yêu cầu tòa án có thẩm quyền của Việt Nam mở thủ tục phá sản đối với Tổ Chức Đăng ký Niêm yết (nếu pháp luật về phá sản có liên quan cho phép).

Ngoài ra, nếu có một lệnh của tòa án được đưa ra hoặc một nghị quyết của cấp có thẩm quyền được thông qua về việc phá sản hoặc giải thể đối với Tổ Chức Đăng ký Niêm yết (bất kể là có một Sự Kiện Vi Phạm đã xảy ra và đang tiếp diễn hay không, và lệnh hoặc nghị quyết đó không được thu hồi/hủy bỏ trong thời gian 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc kể từ ngày được đưa ra, thì bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào cũng có thể gửi một thông báo bằng văn bản, được coi là có hiệu lực vào ngày nhận thông báo, cho Tổ Chức Đăng ký Niêm yết và tuyên bố Trái Phiếu mình đang nắm giữ đến hạn và phải thanh toán ngay lập tức mà không phải thực hiện thêm bất cứ thủ tục nào nữa. Trong trường hợp này, Trái Phiếu được coi là sẽ đến hạn ngay lập tức cùng với tiền lãi lũy kế (nếu có) được tính cho đến ngày hoàn trả theo công thức tại Khoản 11.2 Mục VI.

### 13.8. Nghĩa vụ

Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ nộp thuế phát sinh từ các khoản thu nhập liên quan đến Trái Phiếu. Ngoài ra, trong thời gian sở hữu Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu phải tuân thủ các quy định của Tổ Chức Đăng ký Niêm yết, các quy định tại Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu, quy định tại Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký, quy định của VSDC (trường hợp Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC), SGDCK (trường hợp Trái Phiếu được niêm yết), các văn kiện Trái Phiếu khác (nếu có) và các quy định của pháp luật hiện hành liên quan.

### 13.9. Các quyền, lợi ích và nghĩa vụ khác

Người Sở Hữu Trái Phiếu cũng có các quyền, lợi ích và nghĩa vụ khác theo quy định tại Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu này, quy định của Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu và các văn kiện Trái Phiếu khác (nếu có).

### 13.10. Trường hợp thay đổi quyền của người sở hữu trái phiếu

Trường hợp phát sinh thay đổi quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu đã quy định tại Các Điều Khoản và Điều Kiện Trái Phiếu, các phát sinh thay đổi chỉ có hiệu lực sau khi có quyết định của Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Khoản 14 Mục VI hoặc theo yêu cầu bắt buộc của pháp luật.

### 14. Đại diện người sở hữu Trái Phiếu

*[Handwritten signature]*

*[Handwritten signature]*

*[Handwritten signature]*

16068  
NGÂN  
NÔNG  
PHÁT  
NÔNG  
VIỆT  
TP. H

18 -  
IG T  
PHÁ  
KH  
BAI  
- T

#### 14.1. Tên Đại diện người sở hữu Trái Phiếu

##### CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Địa chỉ : Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội, Số 41 Ngô Quyền, Phường Cửa Nam, Hà Nội

Số điện thoại : (84) 24 38181888

Số fax : (84) 24.38181688

#### 14.2. Chỉ định Đại diện người sở hữu Trái Phiếu

Tổ Chức Đăng ký Niêm yết chỉ định Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội làm Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện các công việc và trách nhiệm theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (“Nghị định 155/2020/NĐ-CP”). Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội đồng ý làm Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo chỉ định của Tổ Chức Đăng ký Niêm yết tại Hợp Đồng Đại diện người sở hữu Trái Phiếu.

Tổ Chức Đăng ký Niêm yết đảm bảo rằng, theo các Văn Kiện Trái Phiếu, mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu, bằng việc mua và sở hữu Trái Phiếu, có tên trong Sổ Đăng Ký Trái Phiếu hoặc nhận chuyển nhượng hoặc nhận chuyển giao quyền sở hữu Trái Phiếu dưới bất kỳ hình thức nào (sau thời điểm hoàn tất phát hành Trái Phiếu), sẽ công nhận và đồng ý không hủy ngang (i) việc chỉ định Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội làm Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo các quy định tại nội dung trên và (ii) các điều khoản và điều kiện khác của Hợp Đồng Đại diện người sở hữu Trái Phiếu.

Trong thời gian Hợp Đồng Đại diện người sở hữu Trái Phiếu có hiệu lực, sẽ chỉ có duy nhất một Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu được chỉ định đối với Trái Phiếu. Quyền hạn và trách nhiệm của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Hợp Đồng Đại diện người sở hữu Trái Phiếu sẽ có hiệu lực kể từ khi Tổ Chức Đăng ký Niêm yết hoàn thành việc phát hành Trái Phiếu cho đến khi đáo hạn Trái Phiếu và/hoặc không còn bất kỳ Trái Phiếu nào được lưu hành.

Việc lựa chọn một pháp nhân kế vị để thực hiện các nghĩa vụ của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu trong Hợp Đồng Đại diện người sở hữu Trái Phiếu (“Đại Diện Thay Thế”) được thực hiện theo quy định tại Hợp Đồng Đại diện người sở hữu Trái Phiếu.

#### 14.3. Trách nhiệm cơ bản của người Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo Hợp đồng Số: 01/2026/HĐĐDNSHTP/AGRIBANK-SHS ngày 27 tháng 05 năm 2026 với Tổ Chức Đăng ký Niêm yết

- Giám sát việc tuân thủ và thực hiện các cam kết của Tổ Chức Đăng ký Niêm yết trong hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu và các Văn Kiện Trái Phiếu;
- Làm trung gian liên lạc giữa Người Sở Hữu Trái Phiếu với Tổ Chức Đăng ký Niêm yết và/hoặc các tổ chức có liên quan khác;





- (c) Thông báo cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán trong thời hạn 05 (năm) Ngày Làm Việc kể từ ngày Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu gửi cho Tổ Chức Đăng ký Niêm yết văn bản thông báo và bằng chứng về hành vi vi phạm trong trường hợp phát hiện Tổ Chức Đăng ký Niêm yết có hành vi vi phạm ảnh hưởng đến quyền lợi của Người Sở Hữu Trái Phiếu nhưng không nhận được văn bản giải thích thỏa đáng của Tổ Chức Đăng ký Niêm yết về phát hiện vi phạm đó;
- (d) Thực hiện trách nhiệm của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu trong trường hợp Tổ Chức Đăng ký Niêm yết mua lại trái phiếu trước hạn theo quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu (nếu có);
- (e) Gửi cho Tổ Chức Đăng ký Niêm yết Thông báo về lãi suất của kỳ tính lãi/gốc trái phiếu kèm bản thông báo lãi suất của các ngân hàng liên quan;
- (f) Triệu tập và tổ chức Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc lấy ý kiến Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Phụ lục I của Hợp đồng đại diện người sở hữu trái phiếu khi có yêu cầu hợp lệ của Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc Tổ Chức Đăng ký Niêm yết theo Các Điều Khoản Trái Phiếu;
- (g) Nhận và thông báo cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu về nội dung của các thông báo, tài liệu hoặc các thư từ trao đổi bằng văn bản khác liên quan đến Trái Phiếu mà Tổ Chức Đăng ký Niêm yết yêu cầu Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu gửi cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu;
- (h) Nhận và gửi cho Tổ Chức Đăng ký Niêm yết trong vòng 02 (hai) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được các thông báo, tài liệu hoặc thư từ trao đổi bằng văn bản khác liên quan đến Trái Phiếu mà bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào gửi cho Tổ Chức Đăng ký Niêm yết thông qua Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo các Văn Khoản Trái Phiếu;
- (i) Thông báo và yêu cầu Tổ Chức Đăng ký Niêm yết thực hiện các Quyết định/Nghị quyết của Người Sở Hữu Trái Phiếu liên quan đến Trái Phiếu trong phạm vi các Quyết định/Nghị quyết đó được đưa ra phù hợp với các Văn Khoản Trái Phiếu và quy định của pháp luật hiện hành;
- (j) Hỗ trợ cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu sao chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến Trái Phiếu (kể cả các Văn Khoản Trái Phiếu) mà (i) Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu có trách nhiệm lưu giữ và (ii) Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền tiếp cận theo Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu và các Văn Khoản Trái Phiếu;
- (k) Các công việc và nhiệm vụ khác của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định của pháp luật và/hoặc các Văn Khoản Trái Phiếu.

## 15. Việc mua lại Trái Phiếu trước hạn

### 15.1. Mua lại Trái Phiếu trước hạn vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại

NG  
IẾP  
HIỂN  
IN  
A  
Đ

15/01/2018

P

Đ



- (a) Trên cơ sở đảm bảo tuân thủ và phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan (trừ khi việc hoàn trả gốc Trái Phiếu phải thực hiện theo quy định tại Khoản 12.7 Mục VI), Tổ Chức Đăng ký Niêm yết có quyền mua lại trước hạn 100% khối lượng Trái Phiếu đã phát hành tại thời điểm tròn 05 (năm) năm trước Ngày Đáo Hạn trên cơ sở đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan, giá mua lại bằng mệnh giá của Trái Phiếu.
- (b) Trong trường hợp Tổ Chức Đăng ký Niêm yết mua lại Trái Phiếu trước hạn vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại, Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ bán lại Trái Phiếu theo thông báo mua lại của Tổ Chức Đăng ký Niêm yết với giá bán lại bằng mệnh giá.
- (c) Trường hợp các quy định pháp luật hiện hành không quy định khác, Tổ Chức Đăng ký Niêm yết sẽ thông báo cho Người Sở Hữu Trái Phiếu về việc thực hiện quyền mua lại tối thiểu 15 (mười lăm) ngày trước Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại.

### 15.2. Mua lại Trái Phiếu theo thỏa thuận

Không ảnh hưởng đến Khoản 14.1 Mục VI nêu trên, trên cơ sở đảm bảo tuân thủ và phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan, Tổ Chức Đăng ký Niêm yết có thể đề nghị mua lại Trái Phiếu vào bất kỳ lúc nào bằng bất kỳ phương thức nào và với bất cứ giá nào phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền quyết định có bán Trái Phiếu của mình cho Tổ Chức Đăng ký Niêm yết hay không. Việc chào mua lại Trái Phiếu được thực hiện công khai đối với tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu.

### 16. Phương pháp tính giá

Giá của Trái Phiếu là giá trị hiện tại của những dòng tiền trong tương lai dự tính thu được từ Trái Phiếu, được chiết khấu về thời điểm hiện tại với tỷ lệ lợi tức yêu cầu thích hợp của mỗi Nhà Đầu tư.

Công thức tổng quát tính giá Trái Phiếu trả lãi định kỳ như sau:

$$PV = \sum_{i=1}^n \frac{CF_i}{(1+k)^i} + \frac{FV}{(1+k)^n}$$

Trong đó: PV: là Giá của Trái Phiếu

FV: là mệnh giá (gốc) của Trái Phiếu

CF<sub>i</sub>: là lãi của Trái Phiếu nhận kỳ trả lãi thứ i

n: là số kỳ trả lãi còn lại của Trái Phiếu

k: là mức sinh lời kỳ vọng đối với lợi suất Trái Phiếu

Việc xác định giá Trái Phiếu có thể khác nhau giữa các Nhà Đầu Tư do lợi suất yêu cầu khác nhau, áp dụng các thông lệ thị trường (market convention) khác nhau trong tính toán và khả năng tiếp cận các thông tin thị trường khác.

Ví dụ minh họa: Giả sử một Trái Phiếu có mệnh giá 100.000 đồng, thời gian đáo hạn là 08 năm, lãi suất Trái Phiếu là 10%/năm, kỳ trả lãi 01 năm/lần và Nhà Đầu tư yêu cầu mức lợi suất 9%/năm. Khi đó, giá của Trái Phiếu được xác định như sau:

*[Handwritten signatures and marks]*



$$PV = \frac{10.000}{(1+9\%)^1} + \frac{10.000}{(1+9\%)^2} + \frac{10.000}{(1+9\%)^3} + \frac{10.000}{(1+9\%)^4} + \frac{10.000}{(1+9\%)^5} + \frac{10.000}{(1+9\%)^6} + \frac{10.000}{(1+9\%)^7} + \frac{110.000}{(1+9\%)^8}$$

Theo đó,  $PV = 105.346$  đồng.

### 17. Phương pháp tính lợi suất khi đáo hạn

Lợi suất đáo hạn – YTM (Yield To Maturity) là đại lượng đo lường lợi suất (tỷ suất lợi nhuận) mà nhà đầu tư nhận được từ Trái Phiếu từ khi mua và nắm giữ Trái Phiếu đến khi đáo hạn. Nói cách khác, YTM là mức lợi suất làm cho giá trị hiện tại của các dòng tiền mà nhà đầu tư nhận được từ Trái Phiếu bằng với giá trị đầu tư ban đầu (giá mua/giá trị thị trường của Trái Phiếu).

Để xác định YTM, nhà đầu tư có thể áp dụng công thức tương tự công thức định giá Trái Phiếu được trình bày tại mục trên đây:

$$PV = \sum_{i=1}^n \frac{CF_i}{(1+k)^i} + \frac{FV}{(1+k)^n}$$

Ví dụ minh họa: Giả sử một Trái Phiếu mệnh giá 100.000 đồng, thời gian đáo hạn là 08 năm, lãi suất Trái Phiếu 10%/năm, kỳ trả lãi 01 năm/lần, hiện đang được bán với giá 103.000 đồng. Lợi suất Trái Phiếu khi đáo hạn sẽ được tính như sau:

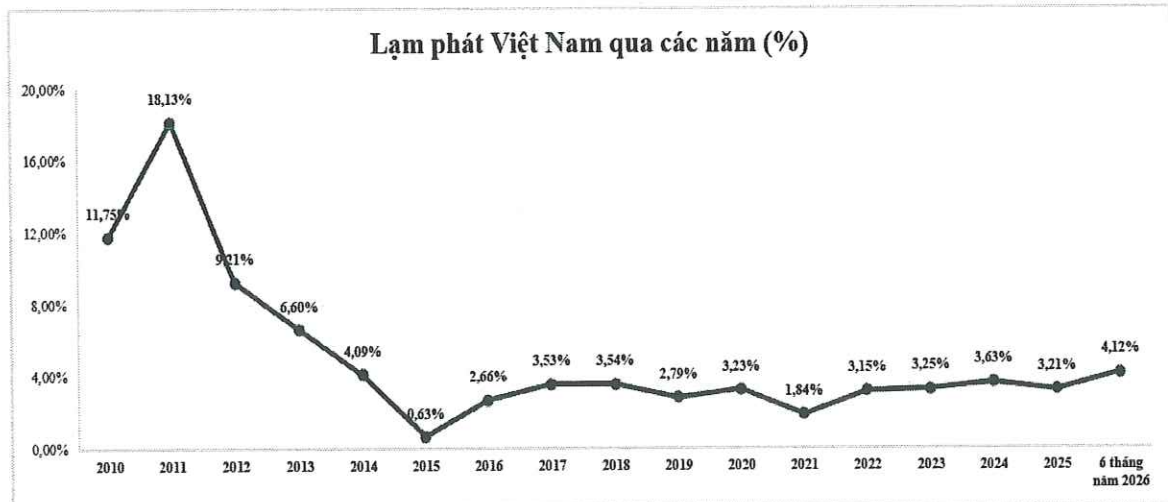
$$103.000 = \frac{10.000}{(1+k)^1} + \frac{10.000}{(1+k)^2} + \frac{10.000}{(1+k)^3} + \frac{10.000}{(1+k)^4} + \frac{10.000}{(1+k)^5} + \frac{10.000}{(1+k)^6} + \frac{10.000}{(1+k)^7} + \frac{110.000}{(1+k)^8}$$

Áp dụng phương pháp nội suy:  $k = 9,6\%$ . Do đó  $YTM = 9,6\%/năm$ .

### 18. Đánh giá tác động của tình hình lạm phát đối với trái phiếu niêm yết

Năm 2025, Việt Nam tiếp tục duy trì thành công mục tiêu kiểm soát lạm phát trong bối cảnh kinh tế thế giới còn nhiều biến động. Bình quân năm 2025, lạm phát cơ bản tăng 3,21% so với năm trước, thấp hơn mức tăng 3,31% của CPI bình quân chung, nguyên nhân chủ yếu do giá lương thực, thực phẩm, điện sinh hoạt, giá dịch vụ y tế, dịch vụ giáo dục là yếu tố tác động làm tăng CPI nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính lạm phát cơ bản. Đây là năm thứ 11 liên tiếp Việt Nam duy trì được mức lạm phát trung bình dưới 4%, góp phần đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô, tạo nền tảng vững chắc cho tăng trưởng kinh tế bền vững, củng cố niềm tin của người dân, doanh nghiệp và nhà đầu tư nước ngoài vào đồng nội tệ và môi trường kinh doanh tại Việt Nam. Thành công trong kiểm soát lạm phát là kết quả của sự phối hợp đồng bộ giữa chính sách tiền tệ, chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác, giữa các bộ, ngành quản lý kinh tế ở Trung ương và các địa phương trong công tác quản lý, điều hành giá, đảm bảo cân đối cung, cầu và lưu thông các mặt hàng trên thị trường và sự phản ứng chủ động, linh hoạt, kịp thời của các cơ quan chức năng trước những diễn biến mới từ thị trường quốc tế và nội địa. Theo Tổng Cục Thống kê, bình quân 6 tháng đầu năm 2026, lạm phát cơ bản tăng 4,12% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn mức tăng 4,38% của CPI bình quân chung, do giá xăng dầu, gas và thực phẩm biến động mạnh làm CPI chung tăng, trong khi các yếu tố này được loại trừ trong danh mục tính lạm phát cơ bản.





(Nguồn: Tổng Cục thống kê)

Trên cơ sở mục tiêu lạm phát năm 2026 khoảng 4,5%, đồng thời tổng hợp thông tin của các bộ, ngành về dự báo xu hướng giá các mặt hàng quan trọng thiết yếu và các yếu tố chính dự kiến tác động đến lạm phát năm 2026, phân tích một số yếu tố gây áp lực và giúp giảm áp lực lên mặt bằng giá năm 2026, Bộ Tài chính cập nhật 3 kịch bản lạm phát năm 2026. Mức tăng CPI tương ứng với 3 kịch bản là khoảng 3,6%; 4,1% và 4,6%. Năm 2026, lạm phát Việt Nam chịu tác động đan xen từ cả yếu tố quốc tế và trong nước trong bối cảnh nền kinh tế phải đồng thời theo đuổi mục tiêu tăng trưởng cao và giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô. Có nhiều yếu tố có thể tạo áp lực lạm phát trong năm 2026, bao gồm diễn biến khó lường của giá năng lượng và hàng hóa cơ bản trên thị trường thế giới do các xung đột địa chính trị kéo dài, nguy cơ gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu, chi phí vận tải và logistics duy trì ở mức cao, cùng với xu hướng gia tăng các biện pháp bảo hộ thương mại và điều chỉnh chính sách thuế quan giữa các nền kinh tế lớn. Bên cạnh đó, biến động tỷ giá, nguy cơ lạm phát nhập khẩu, ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và các hiện tượng thời tiết cực đoan đến nguồn cung lương thực, thực phẩm và nguyên vật liệu cũng có thể làm gia tăng áp lực lên mặt bằng giá trong nước. Ngoài các yếu tố từ bên ngoài, việc Việt Nam tiếp tục triển khai các chính sách thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đẩy mạnh đầu tư công và mở rộng tín dụng nhằm hỗ trợ hoạt động sản xuất, kinh doanh có thể làm tổng cầu tăng, qua đó tạo áp lực nhất định đối với lạm phát. Tuy nhiên, với kinh nghiệm điều hành của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước trong những năm gần đây, cùng việc phối hợp đồng bộ giữa chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa, lạm phát năm 2026 được kỳ vọng vẫn sẽ được kiểm soát trong phạm vi mục tiêu, góp phần duy trì ổn định kinh tế vĩ mô và tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động của doanh nghiệp.

#### 19. Cam kết về bảo đảm

Không có, vì Trái Phiếu đăng ký niêm yết của Tổ Chức Đăng ký Niêm yết là Trái Phiếu không

*[Handwritten signatures and initials]*





có tài sản bảo đảm.

## 20. Thông tin về các cam kết

(a) Cam kết thực hiện nghĩa vụ của Tổ Chức Đăng ký Niêm yết đối với những Người Sở Hữu Trái Phiếu về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của những Người Sở Hữu Trái Phiếu

- Có mức vốn điều lệ đã góp tại thời điểm đăng ký niêm yết trên 30 tỷ đồng, tính theo giá trị ghi trên sổ kế toán;
- Hoạt động kinh doanh của năm liền trước năm đăng ký niêm yết có lãi, đồng thời không có lỗ lũy kế tính đến năm đăng ký niêm yết; không có các khoản nợ phải trả quá hạn trên 01 năm;
- Có phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt phát hành được HĐQT của Tổ Chức Đăng ký Niêm yết thông qua;
- Cam kết thực hiện nghĩa vụ của Tổ Chức Đăng ký Niêm yết đối với Nhà đầu tư/Người Sở Hữu Trái Phiếu về điều kiện phát hành, thanh toán, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà đầu tư/Người Sở Hữu Trái Phiếu và các điều kiện khác;
- Có công ty chứng khoán tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán và niêm yết Trái phiếu ra công chúng;
- Có đại diện người sở hữu trái phiếu theo quy định pháp luật hiện hành
- Tổ Chức Đăng ký Niêm yết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích;
- Có tài khoản phong tỏa nhận tiền mua Trái Phiếu của các đợt phát hành, phù hợp với quy định của pháp luật.

(b) Cam kết về thực hiện niêm yết Trái Phiếu tại SGDCK

- Tổ Chức Đăng ký Niêm yết có văn bản cam kết của Chủ tịch HĐQT về việc triển khai niêm yết Trái Phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán sau khi kết thúc đợt chào bán ra công chúng.
- Cam kết việc hoàn thiện hồ sơ đăng ký niêm yết trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo đúng các quy định pháp luật hiện hành.
- Có công ty chứng khoán tư vấn hồ sơ niêm yết trái phiếu theo đúng quy định của pháp luật.

(c) Cam kết khác liên quan đến đợt phát hành

Ngoài các cam kết nêu trên, Agribank cam kết thực hiện nghĩa vụ của mình đối với Người Sở Hữu Trái Phiếu/Nhà đầu tư về các điều kiện khác như sau:

- Sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành Trái Phiếu ra công chúng theo đúng mục đích và theo Phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt phát hành đã nêu tại Bản Cáo Bạch;
- Tuân thủ nghĩa vụ về công bố thông tin của Tổ Chức Đăng ký Niêm yết theo quy định của pháp luật;

4 = C  
ANG  
HIỆP  
TRIỆU  
HON  
AM  
NỘI

C.T.  
TY  
IÂN  
HOÀI  
ANK  
T.P.V

P am B



- Cam kết thực hiện nghĩa vụ và điều kiện khác theo quy định Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu được thể hiện trong Bản Cáo Bạch.

## 21. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 21/12/2020 và Điều lệ của Agribank không giới hạn về tỷ lệ sở hữu Trái Phiếu đối với nhà đầu tư nước ngoài. Tuy nhiên, tùy thuộc vào tình hình thị trường, điều kiện kinh tế xã hội của Việt Nam trong tương lai, NHNN hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác có thể ban hành quy định về giới hạn tỷ lệ sở hữu Trái Phiếu đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài, và khi đó có thể ảnh hưởng tới việc chuyển nhượng Trái Phiếu từ nhà đầu tư trong nước cho nhà đầu tư nước ngoài

## 22. Các loại thuế liên quan

Các loại thuế liên quan đến Trái Phiếu được xác định dựa trên các quy định Pháp luật có hiệu lực tại thời điểm phát sinh các giao dịch liên quan đến Trái Phiếu. Những nội dung tóm tắt dưới đây là những phân tích dựa trên các quy định Pháp luật có hiệu lực tại Ngày Phát Hành, không phải là những phân tích có tính toàn diện về các điểm cần lưu ý về thuế có thể ảnh hưởng tới quyết định mua, sở hữu hoặc bán Trái Phiếu và không nhằm mục đích giải quyết các vấn đề về thuế đối với tất cả các nhà đầu tư. Một số nhà đầu tư phải tuân theo các quy định riêng. Vì vậy, các nhà đầu tư Trái Phiếu nên tham khảo ý kiến của các chuyên gia về thuế và các loại thuế có liên quan đến việc sở hữu và chuyển nhượng Trái Phiếu áp dụng riêng đối với từng trường hợp cụ thể.

### 22.1. Thuế thu nhập cá nhân

*(a) Đối với thu nhập nhận được từ lãi Trái Phiếu do các tổ chức trong nước phát hành*

Căn cứ Luật Thuế thu nhập cá nhân số 109/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 09/2026/QH16 và Nghị định số 253/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập cá nhân, thu nhập từ lãi Trái Phiếu do các tổ chức trong nước phát hành thuộc diện thu nhập từ đầu tư vốn. Theo đó, cá nhân nhận thu nhập từ lãi Trái Phiếu phải nộp thuế thu nhập cá nhân với thuế suất 5% trên số tiền lãi nhận được, áp dụng đối với cả cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú

Căn cứ Điều 12 và Điều 22 Văn bản hợp nhất Luật thuế thu nhập cá nhân số 112/VBHB-VPQH ngày 20/05/2026 của Văn phòng Quốc hội, Thu nhập từ lãi Trái Phiếu là thu nhập từ đầu tư vốn, nhà đầu tư cá nhân nắm giữ sẽ chịu mức thuế suất 5% (năm phần trăm) trên số tiền lãi nhận được, áp dụng đối với cả cá nhân cư trú tại Việt Nam và cá nhân không cư trú tại Việt Nam.

*(b) Đối với thu nhập từ chuyển nhượng Trái Phiếu*

Căn cứ Luật Thuế thu nhập cá nhân số 109/2025/QH15 ngày 10/12/2025, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 09/2026/QH16, và Nghị định số 253/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập cá nhân, đối với hoạt động chuyển nhượng chứng khoán, cá nhân phải nộp thuế thu nhập cá nhân với mức thuế 0,1% trên giá chuyển nhượng từng lần. Mức thuế này được áp dụng đối với cả cá nhân cư trú và cá nhân

*[Handwritten signatures and stamps]*





không cư trú theo quy định của pháp luật hiện hành.

(c) Đối với thu nhập từ nhận thừa kế, cho tặng Trái Phiếu

Căn cứ Luật Thuế thu nhập cá nhân số 109/2025/QH15 ngày 10/12/2025 và Nghị định số 253/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập cá nhân, thu nhập từ nhận thừa kế, quà tặng là Trái Phiếu thuộc diện chịu thuế thu nhập cá nhân. Theo đó, cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú nhận thừa kế, quà tặng là Trái Phiếu phải nộp thuế thu nhập cá nhân với thuế suất 10% trên thu nhập tính thuế theo quy định của pháp luật hiện hành.

Căn cứ Điều 18 và Điều 26 Văn bản hợp nhất Luật thuế thu nhập cá nhân số 112/VBHN-VPQH ngày 20/05/2026 của Văn phòng Quốc hội; Căn cứ Thông tư số 87/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Luật thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 253/2026/NĐ-CP của Chính phủ; Căn cứ Điều 61 Nghị định số 253/2026/NĐ-CP ngày 30/06/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập cá nhân; và Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết Luật Quản lý thuế và Nghị định số 252/2026/NĐ-CP của Chính phủ; thu nhập từ nhận thừa kế, cho tặng Trái Phiếu vượt trên 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) chịu mức thuế suất 10% (mười phần trăm) thu nhập tính thuế áp dụng đối với cả cá nhân cư trú tại Việt Nam và cá nhân không cư trú tại Việt Nam.

## 22.2. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp Việt Nam (gồm các doanh nghiệp và tổ chức kinh doanh được thành lập và hoạt động tại Việt Nam), theo quy định tại Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14/06/2025 và các văn bản hướng dẫn, thu nhập từ lãi Trái Phiếu và thu nhập từ chuyển nhượng Trái Phiếu được coi là thu nhập chịu thuế khác của doanh nghiệp và được cộng gộp với thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp để xác định thuế thu nhập doanh nghiệp chung cho doanh nghiệp theo mức thuế suất cụ thể được áp dụng cho doanh nghiệp đó.

Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp nước ngoài (gồm các doanh nghiệp và tổ chức được thành lập theo pháp luật nước ngoài, còn được gọi là nhà thầu nước ngoài hay nhà thầu phụ nước ngoài) thì theo quy định tại Văn bản hợp nhất Luật thuế thu nhập cá nhân số 112/VBHN-VPQH ngày 20/05/2026:

- (a) Doanh nghiệp nước ngoài có thu nhập từ lãi Trái Phiếu sẽ phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 5% (năm phần trăm) trên lãi nhận được.
- (b) Thu nhập từ chuyển nhượng Trái Phiếu của doanh nghiệp nước ngoài sẽ phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 0,1% (không phải một phần trăm) trên tổng giá trị Trái Phiếu bán ra.

## 22.3. Thuế Giá trị gia tăng

Hiện tại, lãi Trái Phiếu và thu nhập từ chuyển nhượng Trái Phiếu không là đối tượng chịu thuế

*[Handwritten signatures and stamps]*



Giá trị gia tăng. Trong trường hợp thuế Giá trị gia tăng được áp dụng đối với việc chuyển nhượng Trái Phiếu theo luật Việt Nam sau Ngày Phát Hành, Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ phải nộp thuế Giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật.

#### 22.4. Khấu trừ Thuế Thu Nhập Cá Nhân

- (a) Trường hợp Trái Phiếu chưa được đăng ký tại VSDC: Tổ Chức Đăng ký Niêm yết sẽ khấu trừ, giữ lại và nộp thuế thu nhập cá nhân đối với tiền lãi Trái Phiếu trước khi thanh toán cho Người Sở Hữu Trái Phiếu. Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký sẽ khấu trừ, giữ lại, kê khai và nộp thuế, phí và lệ phí tính trên giá trị chuyển nhượng cho Người Sở Hữu Trái Phiếu.
- (b) Trường hợp Trái Phiếu đã được đăng ký tập trung tại VSDC: Việc khấu trừ thuế thu nhập cá nhân sẽ theo quy định của pháp luật hiện hành và quy định của VSDC.

#### 23. Thông báo, địa chỉ đăng ký

Mọi thông báo gửi cho Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được coi là được gửi hợp lệ bằng cách công bố trên website của bên gửi, VSDC hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán, hoặc giao trực tiếp tận tay, hoặc gửi chuyển phát qua tổ chức cung cấp dịch vụ chuyển phát, hoặc gửi qua fax/quá đường thư điện tử (đối với Người Sở Hữu Trái Phiếu là tổ chức) đến địa chỉ và/hoặc số fax quy định tại Sổ Đăng Ký, hoặc dữ liệu tương tự được quản lý bởi VSDC (tùy trường hợp áp dụng) tại thời điểm gửi thông báo.

86172  
IN HÀ  
NGH  
IÁT TI  
IG TH  
T NA  
HÀ

3.P  
C  
C  
CHU  
AC  
NG

4 *[signature]* *[signature]*





## VII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

### 1. Tổ Chức Kiểm Toán báo cáo tài chính

#### CÔNG TY TNHH KPMG

Địa chỉ : Tầng 46, Tòa nhà Keangnam 72, E6 Phạm Hùng, phường Yên Hòa, Hà Nội  
Số điện thoại : 024. 3946 1600  
Số fax : 024. 3946 1601

#### CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Địa chỉ : Số 2, Đường Hải Triều, Phường Sài Gòn, TP Hồ Chí Minh.  
Số điện thoại : 028 3824 5252

### 2. Tổ Chức Tư Vấn Niêm Yết

#### CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AGRIBANK

Địa chỉ : Tầng 5, Tòa nhà Green Diamond, số 93 Láng Hạ, phường Đống Đa, thành phố Hà Nội.  
Số điện thoại : 024. 6276 2666  
Số fax : 024. 6276 5666

### 3. Đại diện người sở hữu trái phiếu

#### CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Địa chỉ : Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội, Số 41 Ngô Quyền, phường Cửa Nam, Hà Nội  
Số điện thoại : (84) 24 38181888  
Số fax : (84) 24.38181688

## VIII. PHỤ LỤC

*[Handwritten signatures and stamps]*

NG  
IỆP  
RIỂN  
ĐN  
M  
I

108  
ÔNG  
Ô PH  
ING K  
RIBA  
ĐA -



1. Phụ lục 1: Sổ đăng ký người sở hữu trái phiếu của tổ chức đăng ký niêm yết được lập trong thời hạn 01 tháng trước thời điểm nộp hồ sơ đăng ký niêm yết
2. Phụ lục 2: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100686174 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26/02/2004, cấp thay đổi lần thứ 15 ngày 11/01/2024 & Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại số 24/GP-NHNN ngày 26/5/2021 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp; Quyết định số 1756/QĐ-QLGS2 ngày 25/7/2025 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và Quyết định số 83/QĐ-QLGS2 ngày 30/06/2026 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.
3. Phụ lục 3:
  - Nghị quyết số 77/NQ-HĐTV ngày 15/05/2026 họp Hội đồng thành viên lần thứ 9 năm 2026 Phần về phương án phát hành trái phiếu ra công chúng năm 2026.
  - Nghị quyết số 96/NQ-HĐTV ngày 08/06/2026 của Hội đồng thành viên về triển khai Phương án phát hành Trái phiếu Agribank phát hành ra công chúng năm 2026.
4. Phụ lục 4: Điều lệ tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam số 1200/ĐL-HĐTV/PC ngày 10/10/2024 của Hội đồng thành viên.
5. Phụ lục 5: Báo cáo tài chính kiểm toán (riêng và hợp nhất) năm 2024, 2025 và Báo cáo tài chính (riêng và hợp nhất) soát xét giữa niên độ năm 2026.



*[Handwritten signatures and initials]*





**IX. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT, TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT**

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2026

**ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN**



**TÔ HUY VŨ**



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

*[Handwritten signature of Phạm Toàn Vương]*

**PHẠM TOÀN VƯƠNG**

*[Handwritten signature of Phùng Văn Hưng Quang]*

**PHÙNG VĂN HƯNG QUANG**

**ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AGRIBANK  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**BÙI ĐỨC THẮNG**

